

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 81-CV/VPTU ngày 28/10/2015 và Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp thường kỳ tháng 10 và tháng 11/2017; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ngân hàng tên), cụ thể như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGÂN HÀNG TÊN

Trong những năm qua, cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh, số lượng đường, phố và công trình công cộng được quy hoạch, đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều, nhất là trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Tuy nhiên, việc lấy tên danh nhân để đặt cho các tuyến đường, tuyến phố và công trình công cộng ở một số địa phương còn chưa đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ; chưa gắn với ý nghĩa lịch sử, công trạng của danh nhân, nhất là những danh nhân người Thanh Hóa; chưa tạo sự thống nhất, khoa học trong công tác đặt và đổi tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, góp phần phục vụ công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

Để chấn chỉnh tình trạng nêu trên và thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao lòng tự hào về quê hương Thanh Hóa của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; việc xây dựng ban hành Ngân hàng tên, tạo thành một quỹ tên chung, thống nhất, để các địa phương khai thác, phục vụ cho việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn các đô thị theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) là việc làm cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

B. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGÂN HÀNG TÊN

- Ngày 29/6/2016, UBND tỉnh đã tổ chức kiện toàn Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; đồng thời ban hành Kế hoạch số 101/KH-HĐTV ngày 04/7/2016 tổ chức triển khai đồng loạt trên 27 huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử, Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa- tiến hành thu thập dữ liệu xây dựng Ngân hàng tên, gửi về Hội đồng tư vấn cấp tỉnh.

- Trên cơ sở nguồn tư liệu của các huyện, thị xã, thành phố; các sở ban, ngành cấp tỉnh; các tài liệu lịch sử (Nhân vật Chí tập 4; Những Chiến sĩ cách mạng trung

kiên tỉnh Thanh Hóa tập 1, 2; Văn quan võ tướng Thanh Hóa) và các nguồn tư liệu chính sử khác; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn cấp tỉnh) đã tập hợp thành dữ liệu Ngân hàng tên. Hội đồng tư vấn đã họp, thẩm định, thống nhất nội dung và tổ chức xin ý kiến của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Hội khoa học lịch sử, Hội Văn học nghệ thuật, Hội phụ nữ, ý kiến phản biện của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa và cơ quan có liên quan và chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến góp ý và phản biện của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ngày 26/12/2016, Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo, giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh rà soát, cập nhật bổ sung tất cả danh sách danh nhân người Thanh Hóa có đóng góp cho tỉnh cho đất nước, danh nhân là người địa phương khác có đóng góp cho quê hương Thanh Hóa. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành triển khai, thực hiện, tổ chức hội nghị tập huấn, hướng dẫn tới các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị về nội dung trên; đồng thời thành lập tổ tư vấn gồm các tiến sỹ, nhà nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử, văn hóa tiến hành rà soát, biên tập bổ sung và hoàn thiện dự thảo Ngân hàng tên theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy; tổ chức xin ý kiến của Hội Khoa học lịch sử, Hội Văn học nghệ thuật, ý kiến phản biện của Liên hiệp các hội Khoa học tỉnh Thanh Hóa, hoàn thiện Ngân hàng tên.

- Ngày 28/6/2017, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã Công văn số 109/BCS-UBND báo cáo Thường trực Tỉnh ủy kết quả hoàn chỉnh Ngân hàng tên. Ngày 13/7/2017, Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo tại Văn bản số 1998-CV/VPTU, giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức xin ý kiến các đồng chí nguyên Thường trực Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Trên cơ sở ý kiến của các đồng chí nguyên Thường trực Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố) nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Ngân hàng tên.

- Ngày 25/9/2017, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có Văn bản số 1120-CV/BTGTU về việc đồng ý với dự thảo Ngân hàng tên (đã chỉnh sửa, bổ sung) và đề nghị Thường trực Tỉnh ủy cho phép Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình dự thảo Ngân hàng tên tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2017.

- Ngày 25/10/2017, tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xem xét dự thảo Ngân hàng tên, thống nhất giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tổ chức xin ý kiến lần hai các đồng chí nguyên Thường trực Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh, nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách văn - xã; các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về lịch sử, văn hóa về Ngân hàng tên; trên cơ sở đó hoàn thiện trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 4, khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý (lần 2) của các đồng chí đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh và các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về lịch sử - văn hóa nêu trên; Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo Ngân hàng tên, đồng thời giao Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Ngày 23/11/2017, tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất thông qua Ngân hàng tên.

- UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về Ngân hàng tên, trình HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4 xem xét, quyết nghị.

C. NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGÂN HÀNG TÊN

I. Tên gọi: Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

II. Phạm vi điều chỉnh: Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên phục vụ cho công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

III. Nội dung

1. Mục tiêu

1.1. Xây dựng Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị ngày cao trên địa bàn tỉnh; góp phần quản lý đô thị một cách khoa học, tạo điều kiện thuận lợi trong mọi hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh - quốc phòng của cộng đồng dân cư trong đô thị toàn tỉnh.

1.2. Xác lập và thống nhất quan điểm, nguyên tắc chung về sử dụng dữ liệu Ngân hàng tên để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn đô thị của tỉnh Thanh Hóa;

1.3. Thông qua xây dựng Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng nhằm tôn vinh các danh nhân, anh hùng dân tộc tiêu biểu, các sự kiện lịch sử ở Thanh Hóa... nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, nâng cao tình yêu và lòng tự hào với quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết hữu nghị quốc tế.

1.4. Thể hiện rõ những nét đặc trưng độc đáo mang tính truyền thống của vùng đất xứ Thanh địa linh nhân kiệt, đồng thời góp phần tạo nên diện mạo mới cho các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc

2.1. Nguyên tắc lựa chọn: Việc lựa chọn tên đưa vào Ngân hàng tên căn cứ theo 05 tiêu chí quy định tại Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ, bao gồm:

2.1.1. Đối với địa danh: Tên một địa điểm, vùng đất nổi tiếng, có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc tỉnh Thanh Hóa; địa danh đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt với Thanh Hóa.

2.1.2. *Đối với Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu:* Những từ biểu thị khát khao ước vọng của nhân dân về tương lai của đất nước, chi phối sâu sắc đến quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của tỉnh, của đất nước như: Độc lập, tự do, dân chủ, hòa bình, thống nhất, chiến thắng...

2.1.3. *Đối với di tích lịch sử - văn hoá:* Bao gồm những di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt trở lên; những danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu, nổi tiếng của của tỉnh Thanh Hóa được nhân dân trong và ngoài tỉnh biết đến, có thể sử dụng để đặt tên.

2.1.4. *Đối với phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử:* là những phong trào, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia, của tỉnh Thanh Hóa.

2.1.5. *Đối với các danh nhân:*

a) *Danh nhân đất nước*

- Là những người nổi tiếng, có đức, có tài, có sự nghiệp nổi bật; những người từng giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước qua các thời kỳ, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; những danh nhân trên phải có lý lịch rõ ràng và được ghi chép lại trong sử sách, được nhân dân truyền tụng, thờ cúng.

- Người có công lớn trong hoạt động văn hóa-nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc; những nhà văn hóa, tư tưởng có đóng góp lớn đối với văn hiến dân tộc; tác giả văn học, nghệ thuật, nghệ nhân văn hóa dân gian nổi tiếng; các Anh hùng liệt sĩ, các chiến sĩ cách mạng có cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, được nhân dân thừa nhận.

- Các danh nhân văn hóa thế giới, bao gồm những người có công lao và ảnh hưởng to lớn đối với Việt Nam.

- Những vị vua, chúa có công lao đức độ, có đóng góp nhiều cho đất nước.

- Những tướng lĩnh, quan lại qua các thời kỳ có công trạng và đóng góp cho đất nước.

- Những người quê Thanh Hóa đạt giải thưởng Hồ Chí Minh trên lĩnh vực văn học nghệ thuật,... giáo sư, tiến sĩ đạt danh hiệu viện sĩ thông tấn trên lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật; những người có những phát minh, sáng chế được Nhà nước và nhân dân thừa nhận, có tầm ảnh hưởng toàn quốc.

b) *Danh nhân, nhân vật lịch sử được suy tôn tại Thanh Hóa*

* *Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa.*

Những nhân vật lịch sử văn hóa là người ngoài tỉnh, có công trạng và tầm ảnh hưởng chưa đạt đến tầm danh nhân đất nước, song có mối liên hệ trực tiếp với Thanh Hóa, tham gia chỉ đạo phong trào cách mạng ở Thanh Hóa, từng giữ các chức vụ quan trọng ở Thanh Hóa, hoặc đến Thanh Hóa sinh sống, lập nghiệp ở Thanh Hóa, có đóng góp trực tiếp cho Thanh Hóa, được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

* *Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa*

Là người có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước, cống hiến lớn đối với tỉnh, phạm vi ảnh hưởng chưa đạt tới tầm

quốc gia, chỉ có tầm ảnh hưởng ở phạm vi tỉnh; người có công lớn trong việc khai hoang, mở đất, lập làng, các vị tổ nghề, nhân thần, thiên thần của địa phương được nhân dân truyền tụng, thờ cúng, có ảnh hưởng lớn trong đời sống văn hóa tinh thần (phúc thần, thành hoàng, thủy tổ...) được nhân dân kính trọng; Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa qua các thời kỳ có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa, đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước qua các thời kỳ.

** Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ,*

** Anh hùng lao động;*

** Bà mẹ Việt Nam Anh hùng có 04 con là liệt sĩ; bà mẹ Việt Nam Anh hùng có 03 con ruột và 01 con dâu, con rể là liệt sĩ; bà mẹ Việt Nam Anh hùng có chồng và 03 con là liệt sĩ.*

2.2. Nguyên tắc đưa tên gọi vào Ngân hàng tên

2.2.1. Về lý lịch:

- Có hồ sơ tiểu sử rõ ràng và đã được khẳng định trong các tài liệu lịch sử cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh.

- Được lập đền thờ, hoặc đã được dùng đặt tên tại các đô thị trên địa bàn các tỉnh, thành trong nước.

- Danh nhân có nhiều tên gọi khác nhau thì chọn tên thông dụng, được nhiều người biết đến để đưa vào Ngân hàng tên.

- Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đưa vào Ngân hàng tên.

- Những danh nhân, địa danh, sự kiện, phong trào cách mạng, di tích đã được các địa phương trong tỉnh dùng đặt tên đường, phố và công trình công cộng, được hỏi cố tư liệu về địa phương khác có thể sử dụng.

- Những tên danh nhân các địa phương đã dùng đặt song đang còn có những ý kiến khác nhau vẫn đưa vào cơ sở dữ liệu (do đã đặt) và được xem xét cụ thể từng nhân vật trong quy trình đặt tên mới (có sử dụng hay không sử dụng để đặt tên mới, hoặc phải đổi tên do không phù hợp...).

2.2.2. Về nguyên tắc sắp xếp:

- Khi sắp xếp tên sẽ có những tên gọi trùng nhau, như tên địa danh trùng với tên phong trào cách mạng, hoặc trùng với di tích lịch sử đã được xếp hạng, ví dụ: Ba Đình - vừa là tên một vùng đất nổi tiếng, tiêu biểu (địa danh), vừa tên một phong trào, sự kiện lịch sử (khởi nghĩa Ba Đình), vừa là tên di tích cấp quốc gia được xếp hạng (Căn cứ chống Pháp Ba Đình) thì chỉ cần lựa chọn tên đó xuất hiện một lần: Đã đưa phần địa danh, không đưa phần phong trào cách mạng hoặc phần di tích.

Tuy nhiên, để từng mục được logic, phản ánh được một cách có hệ thống về sự kiện tiêu biểu, địa danh lịch sử tiêu biểu, sâu chuỗi được những vấn đề nổi bật của phần đó, thống nhất nguyên tắc vẫn để tên đó xuất hiện ở các phần song không trích yếu lý lịch mà chỉ ghi chú. Ví dụ Ba Đình, đã có lý lịch đầy đủ ở phần địa danh tiêu biểu, sang phần phong trào cách mạng, di tích nổi tiếng chỉ cần ghi chú (tên này đã xuất hiện tại phần địa danh).

- Thứ tự danh mục tên được sắp xếp theo vần A, B, C... đối với phần tên danh nhân; phần địa danh, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, sự kiện, danh từ tiêu biểu, phong trào cách mạng sắp xếp theo vần A, B, C đối với tiếng đứng đầu.

2.3. Về nguyên tắc ghi tóm tắt trích yếu lý lịch:

- Đối với tên địa danh, sự kiện và phong trào cách mạng, di tích lịch sử tóm tắt theo nguyên tắc sau: Tên (địa danh, sự kiện, phong trào cách mạng, di tích), địa điểm, khái quát về địa danh, sự kiện, phong trào cách mạng.

- Đối với tên danh nhân tóm tắt theo nguyên tắc sau: Tên danh nhân, năm sinh, năm mất (nếu có đầy đủ), chức vụ cao nhất, công trạng nổi bật.

3. Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm:

3.1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước, của tỉnh Thanh Hóa; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa: 371;

3.2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội: 09;

3.3. Tên di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa: 22;

3.4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia và Thanh Hóa: 37;

3.5. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử tiêu biểu (sau đây gọi chung là danh nhân): 773, trong đó:

a) Danh nhân đất nước: 442;

b) Danh nhân, nhân vật lịch sử được suy tôn tại Thanh Hóa: 331, trong đó:

+ Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa: 23;

+ Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa: 276;

+ Anh hùng lực lượng vũ trang là liệt sĩ: 18;

+ Anh hùng lao động: 07;

+ Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07;

Tổng cộng Ngân hàng tên: 1.212.

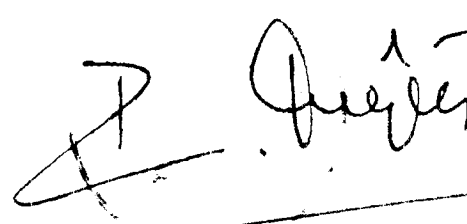
(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các ban: VH-XH,
Pháp chế, HĐND tỉnh;
 - Các sở: VH-TT&DL, Tư pháp;
 - Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VX (2).
- CV452d/2017/N160b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Số: /2017/NQ-HĐND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

Dự thảo:

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số /TTr - UBND ngày tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng 11 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội tỉnh Thanh Hóa và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước, của tỉnh Thanh Hóa; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa: 371;
2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội: 9;
3. Tên di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa: 22;
4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia và Thanh Hóa: 37;

5. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử tiêu biểu (sau đây gọi chung là danh nhân): 773, trong đó:

a. Danh nhân đất nước: 442

b. Danh nhân, nhân vật lịch sử có công trạng nổi bật được suy tôn tại Thanh Hóa: 331, trong đó:

+ Danh nhân, nhân vật lịch sử là người ngoài tỉnh có đóng góp cho Thanh Hóa, được suy tôn tại Thanh Hóa: 23;

+ Danh nhân, nhân vật lịch sử Thanh Hóa: 276;

+ Anh hùng lực lượng vũ trang là liệt sĩ: 18;

+ Anh hùng lao động: 07;

+ Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07;

Tổng cộng Ngân hàng tên: 1.212.

(Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày tháng.....năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP, CVHĐ.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

PHỤ LỤC
DỮ LIỆU NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

I. TÊN ĐỊA DANH NỔI TIẾNG, CÓ Ý NGHĨA VÀ CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU VỀ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐẤT NƯỚC, CỦA TỈNH THANH HÓA; ĐỊA DANH ĐÃ QUEN DÙNG TỪ XA XƯA, ĐÃ ĂN SÂU VÀO TIỀM THỨC CỦA NHÂN DÂN; TÊN ĐỊA PHƯƠNG KẾT NGHĨA VỚI TỈNH THANH HÓA

(Tổng số: 1.212 tên, trong đó 455 tên đã đặt)

1. Tên địa danh nổi tiếng của đất nước

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba Đình	<p>Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đây là cụm cứ điểm chống Pháp của nghĩa quân Cần Vương, nằm ở phía Tây Bắc huyện Nga Sơn, gồm 3 làng Mỹ Khê, Mậu Thịnh, Thượng Thọ, mỗi làng có một ngôi đình. Ba Đình nằm giữa cánh đồng chiêm trũng và hai con sông: sông Hoạt và sông Chính Đại, biệt lập với khu dân cư lân cận, nhất là vào mùa mưa.</p> <p>Địa thế Ba Đình rất thuận lợi cho việc xây dựng một pháo đài vững chắc. Căn cứ Ba Đình được xây dựng từ tháng 5 năm 1886. Quân Pháp đã mở nhiều cuộc tấn công lớn vào Ba Đình nhưng đều thất bại. Mãi đến ngày 21 tháng 7 năm 1887, sau khi nghĩa quân rút khỏi Ba Đình để bảo toàn lực lượng, cụm cứ điểm này mới bị thực dân Pháp phá hủy, xóa tên ba làng trên bản đồ.</p>	Ba Đình	Đ, CTCC
2.	Cổ Loa	<p>Thành cổ do An Dương Vương xây dựng (khoảng năm 257 TCN) ở xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Thành rộng hơn ngàn trượng, uốn hình xoắn ốc, nên còn có tên gọi là Thành Ốc. Thành Cổ Loa bao gồm ba vòng thành khép kín, thường được gọi là thành Nội, thành Trung và thành Ngoại. Ngoài ba vòng thành và hệ thống hào nước, khoảng giữa các vòng thành và phía ngoài thành Ngoại có đắp nhiều đoạn lũy và ụ đất làm những “Công sự” phòng vệ. Tất cả các bộ phận của thành Cổ Loa tập hợp thành một công trình kiến trúc thống nhất mang tính chất quân sự đậm nét và đặc sắc.</p> <p>Cổ Loa là kinh thành của nước Âu Lạc, tiêu biểu cho sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa của người Việt Nam</p>	Cổ Loa	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		khi đó. Đồng thời là một kiến trúc quân sự kiên cố, độc đáo, thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa quân thủy và quân bộ, tấn công và phòng thủ hợp lý dựa trên địa hình tự nhiên. Năm 2013, thành Cổ loa được công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt.		
3.	Hoàng Sa	Hoàng Sa: Là quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông cách thành phố Đà Nẵng khoảng 50 hải lý. Tại đây, đã thành lập huyện đảo tháng 12 năm 1982 trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngày 23/1/1997 trực thuộc thành phố Đà Nẵng. Năm 2008, UBND huyện đảo Hoàng Sa được thành lập, có trụ sở tạm đóng ở thành phố Đà Nẵng.	Hoàng Sa	
4.	Lam Sơn	Lam Sơn - nay thuộc xã Xuân Lam và thị trấn Lam Sơn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là địa danh ghi lại chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc ta ở thế kỷ 15, đến nay vẫn còn soi rọi ánh sáng rực rỡ cho bước đường của nhân dân Thanh Hóa nói riêng và đất nước nói chung. Lam Sơn là đất tổ của nhà Lê, là nơi Lê Lợi dấy quân khởi nghĩa giành lại độc lập dân tộc từ tay nhà Minh.	Lam Sơn	Đ, P, CTCC
5.	Nam Kỳ khởi nghĩa	Nam Kỳ: Là vùng đất phía Nam của Việt Nam, được khai phá khoảng trên 300 năm nay. Địa hình ở đây chia thành hai khu vực rõ rệt: Miền Đông và Miền Tây. Đến cuối thế kỷ XVIII, phần lớn người Việt đã định cư ở vùng đất này và đến ngày nay, Nam Kỳ (Nam Bộ) là vựa lúa lớn nhất của cả nước. Đêm 22 rạng 23/11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp và Phát xít Nhật với khí thế mạnh mẽ và quy mô lớn. Do điều kiện chuẩn bị chưa chín muồi, khởi nghĩa Nam Kỳ đã bị dập tắt.	Nam Kỳ khởi nghĩa	
6.	Pác Bó	Pác Bó - là một khu Di tích lịch sử Cách mạng Quốc gia đặc biệt, thuộc bản Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ngày 8 tháng 2 năm 1941, khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và làm việc ở đây và đặt tên dòng suối trước cửa hang Cốc Pó là "suối Lênin" và ngọn núi có hang này là "núi Các Mác". Trong chiến tranh Biên Giới Việt -Trung năm 1979, quân Trung Quốc đã cho nổ mìn phá hoại hang Cốc Pó. Ngày nay, hang Cốc Pó được khôi phục một phần để phục vụ khách	Pác Bó	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		tham quan du lịch.		
7.	Trường Sa	Trường Sa: Là quần đảo ở biển Đông Việt Nam, các triều đại phong kiến Việt Nam gọi là Bãi Cát Dài, người Pháp đặt tên là Spratly. Quần đảo gồm hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ, chiếm một vùng rộng lớn 160 000 - 180 000 km ² , thuộc tỉnh Khánh Hòa.	Trường Sa	
8.	Việt Bắc	Việt Bắc: Là căn cứ địa vùng chiến khu gồm 6 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên) trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954). Việt Bắc được gọi một cách văn hoa là Thủ đô kháng chiến, bởi đây là nơi trú đóng của cơ quan đầu não Đảng Cộng sản Việt Nam thời trước khi khởi nghĩa năm 1945, và là nơi trú đóng của cơ quan đầu não chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Việt Bắc còn là tên gọi một tập thơ của nhà thơ Tố Hữu sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.	Việt Bắc	Đ, P

Tổng số: 08 tên, 03 tên đã dùng

2. Tên địa danh lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bến Phà Ghép	Phà Ghép - Bến phà qua sông Yên, nằm trên Quốc Lộ 1A qua địa phận 2 xã Quảng Trung (Quảng Xương) phía Bắc và Hải Châu (Tĩnh Gia) phía Nam. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nếu ở phía Bắc có Đò Lèn là nơi chia lửa thì ở phía Nam có bến Phà Ghép. Bến phà Ghép là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt nhất, dai dẳng nhất của máy bay tàu chiến Mỹ. Song dưới sự bảo vệ của lực lượng phòng không, không quân, dân quân tự vệ hai đầu bến phà, nên trong suốt những năm chiến tranh phá hoại ác liệt, phà Ghép vẫn làm tốt nhiệm vụ chở xe, chở hàng qua sông, giữ vững mạch máu giao thông suốt.	Ghép	
2.	Chiến khu Đa Ngọc	Đa Ngọc thuộc tổng Khoái Lạc, huyện Yên Định (nay là địa bàn 3 xã Yên Giang, Yên Tâm, Yên Phú, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Với điều kiện tự	Đa Ngọc	

		nhiên khá thuận lợi. Năm 1941, được chọn làm căn cứ, địa điểm tập kết lực lượng tự vệ ở 3 phủ huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Yên Định trước khi lên chiến khu Ngọc Trạo. Bị thực dân Pháp phát hiện và tiến đánh bất ngờ, gây tổn thất cho lực lượng. Song trận chiến đấu ở Đa Ngọc là trận chiến đấu đầu tiên của lực lượng vũ trang Cách mạng Thanh Hóa chống lại lực lượng phản Cách mạng có trang bị vũ khí.		
3.	Chiến khu Ngọc Trạo	Làng Ngọc Trạo thuộc tổng Trạc Nhật (nay là xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành). Với vị trí địa lý khá thuận lợi “địa lợi - nhân hòa”, “tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ” nên được chọn là căn cứ địa Cách mạng ở phía Đông Bắc của tỉnh. Chiến khu Ngọc Trạo được thành lập tháng 7 năm 1941. Nơi đây đã diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa đội du kích Ngọc Trạo và 500 tên binh lính địch do tên Fleuto Chánh cầm Hà Nội chỉ huy. Việc thành lập chiến khu Ngọc Trạo đã thể hiện bước phát triển mới của phong trào Cách mạng ở Thanh Hóa.	Ngọc Trạo	CTCC
4.	Di chỉ khảo cổ học Đa Bút	Đa Bút - Di chỉ khảo cổ học nằm về phía Nam núi Mông Cù, làng Đa Bút (nay thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc) - nơi đầu tiên phát hiện ra di chỉ khảo cổ học thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới. Nghiên cứu các di vật tại Đa Bút các nhà khảo cổ học đã chứng minh đây là địa điểm đánh dấu sự chuyển cư chinh phục đồng bằng ven biển của người nguyên thủy Thanh Hóa từ vùng núi xuống đồng bằng, phát triển nghề đánh cá, khai thác hải sản và bắt đầu phát triển nghề chăn nuôi, nông nghiệp, làm nên một nền văn hóa mới: Văn hóa Đa Bút.	Đa Bút	
5.	Di chỉ khảo cổ học Quỳ Chử	Quỳ Chử - Tên của di chỉ khảo cổ học nằm trên gò đất Đồng Cáo, làng Quỳ Chử, xã Hoằng Quỳ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện năm 1961. Tổ chức khai quật vào những năm 1976, 1978, 1979 trên diện tích 1.500 m ² , tầng văn hóa dày 1,2m – 1,4m có hai lớp. Hiện vật tìm thấy ở Quỳ Chử gồm đồ đồng thuộc các loại hình như rìu, giáo, dao, găm; rìu đá có vai và hàng vạn mảnh gốm. Quỳ Chử thuộc giai đoạn văn hóa Đông Sơn sớm. Tại đây còn tìm thấy nhiều ngôi mộ và hài cốt người cổ, đặc biệt là mộ vò với	Quỳ Chử	

		nhiều khuyết tai, vòng tay bằng đá rất đẹp.		
6.	Di chỉ khảo cổ học Đông Sơn	Đông Sơn - Di chỉ khảo cổ học phân bố khu sườn núi, ven sông và khu cuối làng Đông Sơn, thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa - được phát hiện vào năm 1924, tính đến nay đã có hơn 10 lần khai quật và nghiên cứu lớn nhỏ. Di chỉ Đông Sơn được khái quát thành văn hóa khảo cổ học Đông Sơn, đại diện cho toàn bộ những di chỉ có khung niên đại tương ứng và đặc trưng tương ứng. Với việc phát hiện di chỉ khảo cổ học Đông Sơn đã góp phần cùng với các khoa học liên ngành khẳng định thời Hùng Vương dựng nước và đưa buổi bình minh của lịch sử dân tộc vào chính sử.	Đông Sơn	Đ, CTCC
7.	Di chỉ khảo cổ học Hoa Lộc	Hoa Lộc - Di chỉ khảo cổ học ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Cuối năm 1973, tại xã Hoa Lộc đã phát hiện được di chỉ đầu tiên và điển hình cho nền văn hóa này. Các di chỉ văn hóa Hoa Lộc phân bố trên các cồn cát cao chạy dài ven biển Bắc Thanh Hóa, từ huyện Hậu Lộc đến huyện Nga Sơn. Văn hóa Hoa Lộc xuất hiện cách đây khoảng từ 4.000 năm đến 5000 năm trước. Tại đây đã tìm thấy nhiều cuốc đá, bôn đá, hàng vạn mảnh gốm có hoa văn trổ lỗ và khắc vạch, đặc biệt là có 23 chiếc bàn đập hoa văn là sáng chế của tộc đạo của cư dân Hoa Lộc.	Hoa Lộc	
8.	Đò Lèn	Đò Lèn là địa danh thuộc huyện Hà Trung. Nguyên xưa là bến đò trên đường Thiên lý, đoạn qua sông Lèn. Tại đây, có một cây cầu cho xe lừa và ô tô, bắc qua sông Lèn, nên trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, khu vực Đò Lèn và khu vực Hàm Rồng, được chọn là những điểm đánh đầu tiên, ngày 3-4/4/1965. Đò Lèn là nơi "địa đầu sóng gió" xứ Thanh nên phải chịu sự tàn phá rất ác liệt của máy bay Mỹ. Chỉ trong hai ngày 3 và 4 tháng tư năm 1965, trận mở đầu trong kế hoạch "Sấm rền" của không quân Mỹ đánh phá cầu Hàm Rồng, cầu Đò Lèn quân và dân ta đã cảnh giác, mưu trí, dũng cảm phối hợp chiến đấu bắn tan xác 47 máy bay Mỹ (trong đó, 12 chiếc trên đất Đò Lèn, Hà Trung).	Đò Lèn	P

9.	Hạc Thành	Hạc Thành - Tên chữ của thành phố Thanh Hóa, vào đầu thế kỷ XIX (1804), hồi lý sở còn là thành đắp đất ở xã Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Hạc Thành	Đ
10.	Làng Biện Thượng	Làng Biện Thượng thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa - đây là nơi phát tích dòng họ Trịnh, có Phủ Trịnh - hành dinh của Trịnh Kiểm và Nghè Vệt - thờ 12 đời chúa Trịnh.	Biện Thượng	
11.	Làng Gia Miêu	Gia Miêu - Làng ở xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, quê Nguyễn Kim, tổ nhà Nguyễn, thân phụ Nguyễn Hoàng (1524 - 1613). Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Quảng, mở đầu cho vương triều Nguyễn sau này. Đây là nơi phát tích của vương Triều Nguyễn và trở thành mảnh đất Quý hương thờ tổ tiên dòng họ Nguyễn.	Gia Miêu	
12.	Làng Hàm Hạ	Làng Hàm Hạ (huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) là địa danh lịch sử của tỉnh Thanh Hóa. Đây là nơi thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên tại Thanh Hóa - Chi bộ Hàm Hạ được thành lập ngày 25/6/1930.	Hàm Hạ	
13.	Làng Mã Cao	Mã Cao là một làng nhỏ, nằm cạnh bờ sông Cầu Chày thuộc xã Đa Ngọc, tổng Khoái Lạc, huyện Yên Định (nay thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Nơi đây đã được những người lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp hồi cuối thế kỷ XIX chọn làm nơi xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp, hỗ trợ cho căn cứ Ba Đình. Sau khi Ba Đình thất thủ, thực dân Pháp đã huy động lực lượng tiến đánh Mã Cao, nghĩa quân đã đánh trả quyết liệt, làm cho chúng thiệt hại nặng nề. Sau những trận chiến đấu quyết liệt, nghĩa quân chia thành hai bộ phận tiếp tục kháng Pháp ở vùng Bá Thước, miền Tây Nghệ An,...	Mã Cao	
14.	Làng Như Áng	Như Áng - Tên làng ở xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc.	Như Áng	
15.	Làng Yên Trường	Làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (29/7/1930). Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh là một bước ngoặt lịch sử quan trọng, là nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào đấu tranh Cách mạng đánh đổ chế độ thực dân và	Yên Trường	

		phong kiến, giành chính quyền ở Thanh Hóa năm 1945, đồng thời giành nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập hiện nay.		
16.	Núi Hùng Lĩnh	Hùng Lĩnh - Núi ở xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thuộc phía Bắc sông Mã và làng Bồng Trung. Nơi đây vào năm 1886, được Tổng Duy Tân xây dựng căn cứ chống Pháp và đã gây cho địch nhiều tổn thất. Đến năm 1892, Ông rút quân về vùng Bá Thước, sau đó bị giặc bắt và giết hại.	Hùng Lĩnh	
17.	Núi Triệu Tường	Triệu Tường là tên một dãy núi có tên là núi Triệu Tường (còn gọi là núi Thiên Tôn) thuộc địa bàn xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quê hương của nhà Nguyễn. Dãy núi Triệu Tường đã được liệt kê vào hàng danh sơn của nước ta, được ghi chép trong quốc sử và được khắc trên Anh đĩnh của hệ thống Cửu đĩnh ở Thái miếu, Kinh Thành Huế. Đây là nơi hợp táng Ông Bà Nguyễn Kim (tức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế - thân sinh và thân mẫu của chúa Tiên Nguyễn Hoàng).	Triệu Tường	
18.	Nghi Sơn	Nghi Sơn - Tên gọi một xã đảo của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Địa danh Nghi Sơn hiện nay gắn liền với tên gọi Khu kinh tế Nghi Sơn - khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; khu kinh tế động lực có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và Bắc miền Trung.	Nghi Sơn	
19.	Sân bay quân sự Sao Vàng	Sao Vàng - Một trong những thị trấn của huyện Thọ Xuân. Ngày 8 tháng 3 năm 1967, thị trấn Nông trường Sao Vàng được thành lập và từ tháng 8 năm 1999 chuyển thành thị trấn Sao Vàng. Tại đây, có cảng hàng không Thọ Xuân hay sân bay Thọ Xuân, tên cũ là Sân bay Sao Vàng, là một sân bay hỗn hợp quân sự - dân dụng. Năm 1965, do yêu cầu mở rộng mặt trận trên không của Trung đoàn Không Quân 923 vào Nam Khu Bốn, sân bay quân sự Sao Vàng ra đời tại huyện Thọ Xuân nằm ở trung tâm Tỉnh Thanh Hóa.	Sao Vàng	
20.	Thành Tây Giai	Tây Giai - Tên làng cổ ở xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, là một trong 4 làng được Hồ Quý Ly chọn xây	Tây Giai	

		Thành đá, Kinh đô của nước Đại Ngu. Làng Tây Giai ở ngay cạnh thành nên cũng được lấy tên để đặt cho thành đá - Thành Tây Giai.		
--	--	---	--	--

Tổng số: 20 tên trong đó 04 tên đã đặt

3. Địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân các địa phương trong tỉnh

3.1. Bá Thước

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cành Nàng	Cành Nàng (tiếng Mường) là thị trấn huyện lỵ của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Thị trấn Cành Nàng được thành lập năm 1994 trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Lâm Sa.	Cành Nàng	
2.	Cổ Lũng	Cổ Lũng - Tên xã của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ đầu tiên của khởi nghĩa Lê Duy Mật thời Hậu Lê. Cổ Lũng còn là quê hương của võ tướng Hà Thọ Lộc đời Lê Anh Tông từng lập nhiều công trạng. Đồn và sân bay Cổ Lũng thời Pháp thuộc đã được xếp hạng là Di tích lịch sử cấp tỉnh.	Cổ Lũng	
3.	Điền Lư	Điền Lư - tên tổng ở huyện ở Bá Thước. Trước vốn có tên là tổng Kim Lư, năm 1862 kiêng đồng âm tên húy của Triệu tổ Nguyễn Kim, đổi thành Điền Lư.	Điền Lư	
4.	Đô Lung	Đô Lung - Tên vùng đất huyện Bá Thước thời kỳ Bắc thuộc.	Đô Lung	
5.	Đồng Tâm	Đồng Tâm, tên địa danh thuộc xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, địa danh nằm trên tuyến Quốc lộ 217 đi Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo và tuyến Quốc lộ 15 đi các tỉnh: Hoà Bình, Sơn La, là địa điểm thuận tiện về giao thông đi lại, nơi giao thương buôn bán từ thời xưa.	Đồng Tâm	
6.	La Hán	La Hán- tên bản, tên cây cầu bắc qua sông Mã, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nổi tiếng thời xa xưa	La Hán	
7.	Lỗi Giang	Lỗi Giang tên vùng đất Bá Thước thời Trần. Tên sông Chu thời phong kiến đoạn chảy qua địa phận các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc.	Lỗi Giang	
8.	Quan Gia	Quan Gia - Tên của vùng đất Bá Thước, Quan Hóa thời Lê	Quan Gia	

Tổng số: 08 tên

3.2 Thị xã Bim Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cầm La	Cầm La - tên Làng cổ, làng gốc của thị xã Bim Sơn; là địa danh nơi Đặng Quang luyện tập, chiêu mộ binh sỹ đánh thắng quân Minh trận Bô Cô (Nam Định). Nơi thờ tướng quân Đặng Quang; Cầm La còn là quê hương của Từ Thức nổi tiếng với môi tình đẹp cùng Giáng Hương.	Cầm La	
2.	Chín Giếng	Chín Giếng - Đây là tên một ngôi đền thuộc khu 5, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa vốn nổi tiếng linh thiêng và là nơi có phong cảnh hữu tình. Đền Chín Giếng (còn gọi là Đền Cô Chín) là nơi thờ Cửu Thiên Huyền Nữ - con gái thứ chín của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đền Chín Giếng cách đền Sòng Sơn 1km về phía Đông, thuộc Trang Cổ Đàm, Phú Dương, Phú Tổng Sơn, Thanh Hóa, nay là phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa. Được khởi dựng cùng thời với Đền Sòng Sơn. Đền đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.	Chín Giếng	
3.	Cổ Đàm	Cổ Đàm - Làng cổ, làng gốc của thị xã Bim Sơn	Cổ Đàm	
4.	Đèo Ba Dội	<p>Đèo Ba Dội là tên Nôm của đèo Tam Điệp, chỉ con đường Thiên lý cổ thời phong kiến từ Thăng Long vào Nam, đi qua 3 đoạn đèo giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa.</p> <p>Ở đây có một tổ hợp đèo trên núi Tam Điệp, một dãy núi nằm giữa Ninh Bình và Thanh Hóa, chạy ra biển theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có 03 ngọn.</p> <p>Thời phong kiến, con đường Thiên lý, hay có nơi còn gọi là đường "dịch trạm", đường Cái Quan, đường "triều chính" chạy xuyên qua đèo Tam Điệp. Quốc lộ 1A ngày nay qua Tam Điệp, có đoạn không trùng với đường Thiên lý cổ, mà vượt qua núi Tam Điệp ở Dốc Xây, ranh giới giữa Ninh Bình và Thanh Hóa.</p> <p>Đoạn đường này do người Pháp mở từ đền Dâu (thành phố Tam Điệp, Ninh Bình) đến đền</p>	Đèo Ba Dội	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Sòng (thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa) vào đầu thế kỷ 20 để "nấn" thẳng đường Thiên lý, tránh phải đi qua đèo Tam Điệp cỏ cheo leo.		
5.	Làng Gạo	<p>Làng Gạo tên nôm là Điền Đoài, nay thuộc xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn. Theo các cụ cao niên kể lại: Xa xưa, đồng đất ở đây chỉ cày cấy được một vụ, sau được quan Thượng trụ quốc công Trần Cao Sơn, quê Nghệ An (thời Hậu Trần) cho dân đào một con mương dẫn nước từ khe Phượng về tưới tiêu cho hàng chục mẫu ruộng của làng Điền Đoài và Điền Đông, từ đó dân làng làm ruộng 2 vụ, lúa gạo no đủ.</p> <p>Tương truyền khi Quang Trung tập kết quân ở đây thấy vùng đất màu mỡ, dân cư đông đúc, cuộc sống sung túc, nhân dân lại cung cấp nhiều thóc gạo cho nghĩa quân, nên Quang Trung mới gọi là làng Gạo. Làng gạo không chỉ là nơi chứa quân lương, mà còn là nơi luyện tập, khao quân của của quân Tây Sơn.</p>	Làng Gạo	
6.	Đền Sòng Sơn	<p>Đây là tên một ngôi đền Đền Sòng Sơn trước đây gọi là đền Sùng Trân thuộc địa giới làng Cổ Đàm, xã Hà Dương, huyện Hà Trung, phủ Tống Sơn.</p> <p>Nay Đền Sòng Sơn thuộc phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn. Đây là ngôi đền linh thiêng và nổi tiếng của Thanh Hóa, nơi thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh. Đền được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia.</p>	Sòng Sơn	

Tổng số: 06 tên

3.3. Cẩm Thủy

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Diệu Sơn	Diệu Sơn - Tên núi nằm ở xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy. Núi giống hình con cóc đang "chồm" xuống sông Mã.	Diệu Sơn	
2.	Đa Cẩm	Đa Cẩm - Tên huyện Cẩm Thủy thời Lê sơ (Lê Nhân Tông 1442-1459).	Đa Cẩm	
3.	Lạc Thủy	Lạc Thủy - Tên huyện Cẩm Thủy thời thuộc	Lạc Thủy	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Minh và Lê sơ (Lê Thái Tổ 1428-1433, Lê Thái Tông 1433-1442,...).		

Tổng số: 03 tên

3.4. Đông Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bồ Đức	Bồ Đức - Tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Bồ Đức	
2.	Bôn	Bôn - Tên địa danh nổi tiếng thuộc huyện Đông Sơn, cách Rừng Thông 3km về phía Đông. Bôn là thị tứ, xưa đây là một trạm dừng chân quan trọng trong chặng đường từ thị xã Thanh Hóa đến các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa.	Bôn	
3.	Đông Anh	Đông Anh: Tên xã thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Được biết đến với những làn điệu dân ca, dân vũ nổi tiếng như bài <i>Đi cấy</i> và tổ khúc <i>Múa đèn</i> .	Đông Anh	
4.	Đông Dương	Đông Dương - Tên gọi của vùng đất Đông Sơn thời Tùy - Đường	Đông Dương	
5.	Đông Phố	Đông Phố (Đông Pho) - Là ly sở của quận Cửu Chân thời Tùy. Từ thời nhà Nguyễn đến trước Cách mạng tháng Tám, thuộc tổng Thạch Khê. Hiện nay thuộc địa phận xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn.	Đông Phố	
6.	Đông Xuân	Đông Xuân - Tên đơn vị hành chính xã trước khi được sát nhập vào thị trấn Rừng Thông.	Đông Xuân	
7.	Hoàng Nghiêu	Hoàng Nghiêu: Là căn cứ kháng chiến chống quân Minh xâm lược. Những thành lũy, bãi tập, thung chừa Hang Lon,...là những Di tích chứng minh sự kiện lịch sử trọng đại của cuộc khởi nghĩa của nhân dân vùng Nam Thanh Hóa, Bắc Nghệ An trong những năm 1416 đến 1421 do Nguyễn Chích lãnh đạo chống lại quân Minh xâm lược.	Hoàng Nghiêu	
8.	Phủ Cốc	Phủ Cốc - Tên làng cổ của huyện Đông Sơn trước năm 1889. Ngày 22/7/1889, theo Đạo dụ của vua Thành Thái làng Đức Thọ Vạn thuộc tổng Bồ Đức được tách ra để thành lập thị xã Thanh Hóa.	Phủ Cốc	
9.	Phượng Lĩnh	Phượng Lĩnh - Là tên xưa kia của núi Rừng Thông, nơi Bác Hồ chọn dừng chân, nói chuyện với	Phượng Lĩnh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đặt
		cán bộ và nhân dân tỉnh Thanh trong lần đầu tiên Người vào thăm Thanh Hóa vào ngày 20/2/1947. Tại Rừng Thông, Bác dạy cán bộ Thanh Hóa về đạo đức của người cán bộ Cách mạng, về đường lối Cách mạng của Đảng và chủ trương kháng chiến của Đảng.		
10.	Quảng Chiếu	Quảng Chiếu - Tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Quảng Chiếu	
11.	Rừng Thông	Rừng Thông - Thuộc thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa. Là nơi đón Bác Hồ lần đầu tiên vào thăm Thanh Hóa vào ngày 20/2/1947. Lịch sử ghi rằng: Bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp của toàn dân tộc. Để củng cố lực lượng, củng cố hậu phương cho cuộc kháng chiến, Bác Hồ đã chọn Rừng Thông làm nơi gặp gỡ và làm việc với cán bộ lãnh đạo của tỉnh Thanh Hóa. Tại Rừng Thông, Bác dạy cán bộ Thanh Hóa về đạo đức của người cán bộ Cách mạng, về đường lối Cách mạng của Đảng và chủ trương kháng chiến của Đảng.	Rừng Thông	
12.	Thạch Khê	Thạch Khê - Tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Thạch Khê	
13.	Thanh Khê	Thanh Khê - Tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Thanh Khê	
14.	Trường Xuân	Trường Xuân - Tên gọi của kinh đô xưa: Kinh đô Trường Xuân thuộc địa phận hai xã Đông Ninh và Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 618 Lê Ngọc là Thái thú quận Cửu Chân đã phát động nhân dân chống lại Nhà Đường. Lê Ngọc tự xưng là Hoàng Đế, xây dựng kinh đô ở đây.	Trường Xuân	
15.	Tuân Hóa	Tuân Hóa - Tên tổng của huyện Đông Sơn trước năm 1945.	Tuân Hóa	
16.	Vạn Lộc	Vạn Lộc - Là tên gọi cô, đã từng được đặt cho tên của làng, tên núi, tên sông nổi tiếng của huyện Đông Sơn xưa. Từ "Lộc" bao hàm ý nghĩa may mắn, phúc tốt lành và thịnh vượng. "Vạn lộc" là biểu tượng cho tài lộc dồi dào; mang những ý nghĩa sâu sắc, là nét đẹp văn hóa của con người Việt Nam.	Vạn Lộc	

Tổng số: 16 tên

3.5. Huyện Hà Trung

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bái Sơn	Bái Sơn - Tên làng thuộc xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930 -1945. Làng có căn cứ chiến khu Hòa Ninh Thanh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.	Bái Sơn	
2.	Cồn Cổ Ngựa	Cồn Cổ Ngựa - Là di chỉ khảo cổ học ở xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Di tích Cồn Cổ Ngựa là 1 trong hơn 10 Di tích thuộc văn hoá Đa Bút, một nền văn hoá được xác định thuộc Trung kỳ thời đại đồ Đá mới Việt Nam, có niên đại khoảng 6000 - 5.500 BP.	Cồn Cổ Ngựa	
3.	Dư Phát	Dư Phát - Tên đơn vị hành chính thời thuộc Hán, trong đó có miền đất Hà Trung	Dư Phát	
4.	Động Bồng	Động Bồng - Tên làng thuộc xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, nhân dân địa phương đã tìm thấy nhiều hiện vật bằng đá, gốm, bằng đồng. Điều đó đã chứng minh vùng đất có người sinh sống từ lâu đời. Làng còn có đình làng Động Bồng được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XVIII, đình thờ hai thành hoàng làng là Tô Hiến Thành và Tống Quốc công.	Động Bồng	
5.	Kiến Sơ	Kiến Sơ - Tên đơn vị hành chính thời Tam Quốc - Lương Tấn - Nam Bắc Triều, trong đó có vùng đất Hà Trung	Kiến Sơ	
6.	Kim Liên	Kim Liên: Gắn tên của một ngôi chùa	Kim Liên	P
7.	Ly Cung	Ly Cung là tên một Di tích thời Trần - Hồ, nơi Hồ Quý Ly cho rời cung điện từ Thăng Long vào xây dựng thuộc địa phận xã Hà Đông, Hà Trung, đây là Di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp Quốc gia.	Ly Cung	
8.	Nhật Nam	Nhật Nam - Tên đơn vị hành chính thời Tùy - Đường, trong đó có miền đất Hà Trung	Nhật Nam	
9.	Phường Châu	Gắn với địa điểm buôn bán ngày xưa	Phường Châu	P
10.	Thiên Tôn	Thiên Tôn - Tên núi thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, còn có tên gọi khác gọi là núi Am, núi Triệu Tường. Sách Đại Nam nhất	Thiên Tôn	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn có chép: Ở cách huyện Tống Sơn 25 dặm về phía Tây Bắc.</p> <p>Trong núi có lăng Triệu Tường. Mạch núi bắt đầu từ huyện Thạch Thành như chuỗi ngọc kéo xuống, nổi lên 12 ngọn liền nhau, cỏ cây xanh tốt trông như gấm vóc. Ở phía Đông Bắc có núi từ Tam Điệp đến núi Thần Phù chạy dài bên tả. Ở phía Tây có núi Điều Doanh, Trạch Lâm và Trang Chử chạy vòng ở phía hữu. Nước khe rồng xuống Tống Giang, lượn vòng ở đằng trước... liệt vào danh sơn; chép trong điển thờ.</p>		
11.	Tống Giang	Tống Giang - Tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung thời Trần trở về trước, đến thời thuộc Minh vẫn thế.	Tống Giang	
12.	Tống Sơn	Tống Sơn - Tên đơn vị hành chính huyện Hà Trung từ thời Lê.	Tống Sơn	
13.	Vỹ Liệt	Vỹ Liệt - Tên làng thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Làng có các sự kiện tiêu biểu thời kỳ Cần Vương và phong trào Cách mạng thời kỳ từ 1930 -1945.	Vỹ Liệt	

Tổng số: 13 tên, trong đó 2 tên đã đặt

3.6. Hậu Lộc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chi Nê	<p>Làng Chi Nê, xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa là một địa danh từ lâu đã nổi tiếng với đặc sản rượu Chi Nê.</p> <p>Ngôi làng này có truyền thống nấu rượu lâu đời, từ thời phong kiến đến thời Pháp thuộc đây là nơi chuyên cung cấp rượu cho các quan lại trong triều và các sỹ quan cao cấp của quân đội Pháp.</p>	Chi Nê	
2.	Duy Tinh	Duy Tinh - tên địa danh cổ thuộc xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trước đây từng là Lý sở (hay trấn lý) trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Thanh thời Lý – Trần. Làng có ngôi chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh từ thời Lý và được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia.	Duy Tinh	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
3.	Diêm Phố	Diêm Phố - Địa danh ở Hậu Lộc - làng có nghề đánh cá nổi tiếng từ xa xưa, có truyền thống làm nghề đánh cá biển và chế biến hải sản lâu đời với nhiều đặc sản nổi tiếng: Chim, thu, mực.	Diêm Phố	
4.	Hanh Cù	<p>Làng Hanh Cù nay thuộc xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945. Đây là mảnh đất có gia đình Mẹ Tom - nơi nuôi giấu cán bộ Cách mạng trong thời kỳ 1930- 1945.</p> <p>Sau khi chiến khu du kích Ngọc Trạo (huyện Thạch Thành) thất bại. Năm 1942, Tỉnh ủy lâm thời Thanh Hóa chuyển về Nga Sơn cùng cố tổ chức và in báo “Đuổi giặc nước”.</p> <p>Thấy có báo của Việt Minh, bọn mật thám và quan lại truy lùng ráo riết. Tình thế nguy cấp, phải chuyển sang Hậu Lộc tiếp tục hoạt động, ngôi nhà ba gian lợp bằng mái rơm trên cồn cát hoang vắng của gia đình mẹ Tom làng Hanh Cù được chọn làm căn cứ. Nhà mẹ Tom trở thành cơ quan Tỉnh ủy lâm thời, mỗi thành viên trong gia đình đều là chiến sĩ.</p> <p>Lúc bấy giờ, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời là đồng chí Lê Tất Đắc, sau đó là Tổ Hữu, ở nhà mẹ Tom còn có các đồng chí Trịnh Ngọc Diệt, Hoàng Tiên Trinh, Hoàng Xung Phong, Đặng Văn Hỷ... Tại đây, cán bộ của ta cùng cố tổ chức, xây dựng cơ sở móc nối liên lạc, tiếp tục ra báo “Đuổi giặc nước” in bằng li-tô (khắc lên đá sau đó in ra giấy) và truyền đơn, biểu ngữ.</p> <p>Địa danh Hanh Cù được nhắc đến trong bài Thơ Mẹ Tom của Tổ Hữu, nó trở thành địa danh nổi tiếng mà nhân dân cả nước biết tới.</p>	Hanh Cù	
5.	Hòn Nẹ	Đảo Nẹ diện tích 17,81 ha. Trên Đảo Nẹ có lực lượng vũ trang đóng quân. Trên đảo Nẹ có đền thờ vị thần Nẹ Sơn tôn thần (còn gọi là đức vua Thông Thủy) đã được xếp hạng là Di tích cấp Tỉnh.	Nẹ Sơn	
6.	Phong Lộc	Phong Lộc - Tên huyện thời Nguyễn. Đầu triều Nguyễn, năm Gia Long thứ 2 (1803) kiêng chữ	Phong Lộc	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thuần (tên húy của chúa Nguyễn Phúc Thuận) đổi là huyện Phong Lộc.		
7.	Phú Điền	Đình Phú Điền là một Di tích Kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt thuộc Khu Di tích Bà Triệu.	Phú Điền	
8.	Tát Tác	Tát Tác - Tên làng thuộc xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, có nghề rèn truyền thống và nổi tiếng với các thế hệ rèn tài ba, sản xuất ra nhiều hàng sắt có chất lượng cao. Năm 1925, của thế kỷ XX Tát Tác có đến 200 lò rèn. Hàng năm, làng mở hội vào ngày Mồng 6 đến ngày 10 tháng Giêng.	Tát Tác	
9.	Thông Bình	Thông Bình - Tên huyện từ thời Trần Hồ về trước.	Thông Bình	
10.	Thông Ninh	Thông Ninh-Tên huyện Hậu Lộc thời kỳ thuộc Minh.	Thông Ninh	
11.	Thuần Hựu	Thuần Hựu -Tên huyện Hậu Lộc đầu thời Lê.	Thuần Hựu	
12.	Thuần Lộc	Thuần Lộc - Tên huyện dưới thời Lê Trung hưng. Do kiêng húy Chân tông Duy Hựu, nên đổi là huyện Thuần Lộc.	Thuần Lộc	

Tổng số : 12 tên

3.7. Hoằng Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Băng Sơn	Băng Sơn - Tên núi ở xã Hoằng Sơn, huyện Hoằng Hóa. Tương truyền vào thời Lý là nơi thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu ném đao. Sau khi đánh Chiêm Thành, vua muốn thưởng cho Lê Phụng Hiểu. Ngài không muốn nhận tước, mà chỉ xin vua đứng trên núi Băng Sơn ném đao, đao đi xa đến đâu lấy làm đất lập nghiệp đến đấy. Sử kể lại rằng đao đi xa đến hơn mười dặm. Từ đó, người vùng Thanh Hóa gọi ruộng thưởng công là ruộng thác đao. Hiện nay dưới chân núi có đền thờ Ông.	Băng Sơn	
2.	Bút Sơn	Thị trấn Bút Sơn nằm bên quốc lộ 10, cách thị	Bút Sơn	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		trần thị trấn Tào Xuyên (trên quốc lộ 1A) khoảng 7km. Thị trấn Bút Sơn được thành lập ngày 14/9/1989 trên cơ sở một phần diện tích và dân số của các xã Hoàng Phúc, Hoàng Đức, Hoàng Đạo và Hoàng Vinh.		
3.	Cổ Đăng	Cổ Đăng - Tên vùng đất Hoảng Hóa thời Lý, trấn	Cổ Đăng	
4.	Cổ Hoảng	Giáp Cổ Hoảng là tên vùng đất Hoảng Hóa thời Đinh, Lê, Lý.	Cổ Hoảng	
5.	Cổ Linh	Cổ Linh là tên của huyện Hoảng Hóa thời Hồ.	Cổ Linh	
6.	Côn Ba Cây	Côn Ba Cây - Thuộc xã Hoảng Thắng, huyện Hoảng Hóa, gắn với sự kiện lịch sử giai đoạn 1930 - 1945. Tại đây, ngày 24/7/1945 Ban cán sự Việt Minh huyện tổ chức mít tinh lớn và tuyên cáo tội ác của Chính quyền tay sai bán nước, biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của tự vệ và quần chúng Cách mạng Hoảng Hóa, giành chính quyền về tay nhân dân.	Côn Ba Cây	
7.	Côn Mã Nhón	Côn Mã Nhón - Thôn Đăng Trung, Hoảng Đạo, Hoảng Hóa. Tại đây vào ngày 24/7/1945 lực lượng tự vệ phục kích đã bắt sống tri phủ Phạm Trọng Bào và toàn bộ lính Bảo an trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.	Côn Mã Nhón	
8.	Hoảng Bột	Hoảng Bột - Tên làng cổ thuộc xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa. Đây là làng có truyền thống học hành khoa cử tiêu biểu trong tỉnh. Nhiều người đỗ đạt và làm quan. Đặc biệt có đình Làng Quảng hay còn gọi là Bảng môn Đình thờ thành hoàng làng là Nguyễn Tuyên.	Hoảng Bột	
9.	Lạch Trường	Lạch Trường - Theo sách "Đất nước Việt Nam qua các đời" của Đào Duy Anh thì sông Lạch Trường ngày nay là dòng chính của sông Mã xưa kia. Các sách Sử và Địa chí cũ gọi Ngu Giang là khúc sông từ Ngã Ba Tuần qua Cầu Tào dọc theo các xã Hoảng Cát, Hoảng Xuyên, Hoảng Đạt, Hoảng Hà xuống Lạch Trường. Là cửa khẩu quan trọng của Thanh Hóa thời đầu Công nguyên. Nơi diễn ra	Lạch Trường	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		những sự kiện tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đặc biệt là chiến công của Hải quân Việt Nam ngày 05/08/1964.		
10.	Phú Khê	Phú Khê là tên một ngôi đình (đình Phú Khê) thuộc làng Phú Khê xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, đây là Di tích lịch sử Văn hóa đã được xếp hạng cấp Quốc gia.	Phú Khê	
11.	Trì Trọng	Trì Trọng - Tên làng thuộc xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, nơi có đền Mã Cương, thờ Lê Phụng Hiểu, một danh tướng thời Lý. Tương truyền rừng Trúc ở đây – Trúc Cương – là bó củi tre mà Ông vút xuống từ thuở còn hàn vi, rồi mọc thành rừng trúc. Sau khi Ông qua đời, nhân dân xây dựng đền thờ Ông, hàng năm mở hội vào đầu năm mới, nhiều hoạt động phong phú.	Trì Trọng	

Tổng số: 11 tên

3.8. Lang Chánh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Châu Lang	Châu Lang - Là tên của huyện Lang Chánh thời phong kiến (phủ Châu Lang)	Châu Lang	
2.	Pù Rinh	Pù Rinh là tên một ngọn núi ở xã Giao Thiện, Giao An, Trí Nang. Nơi nghĩa quân Lam Sơn đóng quân. Tên gốc của khu vực núi non này là Bù Rinh (Bù có nghĩa là giữ, Rinh có nghĩa là rinh rập), sau này nhân dân gọi chệch đi là Pù Rinh.	Pù Rinh	
3.	Núi Chí Linh	Chí Linh- Tên núi, một căn cứ của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn Thế kỷ XV, tiếng địa phương gọi là Pù Rinh thuộc huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Núi có độ cao 1291m rất hiểm trở, được coi là một sơn địa bất khả xâm phạm của nghĩa quân Lam Sơn. Nơi ấy có cửa núi gắn liền với tích “Lê Lai liều mình cứu chúa”.	Chí Linh	
4.	Lương Ngọc	Lương Ngọc - Là tên của huyện Lang Chánh trước khi chia tách.	Lương Ngọc	

Tổng số: 04 tên

3.9. Mường Lát.

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Quan Da	Quan Da: Là tên Châu của Mường Lát ngày xưa (Châu Quan Da).	Quan Da	
2.	Lục Canh	Lục Canh: Là tên Tổng ngày xưa, trong đó có 4 Mường: Mường Lát, Mường Lý, Mường Ai và Mường Chiêu	Lục Canh	
3.	Thanh Đô	Thanh Đô: Là tên Phủ của huyện Mường Lát xưa, phủ Thanh Đô thuộc Nam Minh Mệnh thứ 10 năm 1839.	Thanh Đô	
4.	Sài Khao	Sài Khao: Một đại danh nổi tiếng thuộc huyện Mường Lát	Sài Khao	

Tổng số: 04 tên

3.10. Nga Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Hung Long	Hung Long - Tên gọi của một con sông được đào từ tháng 4/1962 huyện Nga Sơn. Là một công trình thủy lợi lớn của tỉnh lúc bấy giờ.	Hung Long	Đ
2.	Mậu Tài	Mậu Tài - Tên tiểu khu I Thị trấn Nga Sơn. Thành lập năm 1989. Sau khi thành lập Thị trấn, làng Mậu Tài tên cổ của xã Nga Mỹ được tách ra sau khi thành lập thị trấn	Mậu Tài	Đ
3.	Từ Thức	Động Từ Thức còn gọi là Động Bích Đào, là một hệ thống hang động núi đá vôi với nhiều nhũ đá được gắn liền với truyền thuyết Từ Thức gặp tiên. Động nằm trên địa bàn xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Từ Thức	Đ
4.	Yên Hạnh	Yên Hạnh: Một làng thuộc xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn. Đây là một trong những làng cổ của huyện Nga Sơn, được lập từ thời thời Tiền Lê (Thế kỷ X) do Mai Hoa khai phá. Theo lời kể lại, làng có từ Yên (An) đứng đầu là để ghi nhớ Mai An Tiêm - người có công trong việc trồng được giống dưa quý và là Ông tổ họ Mai huyện Nga Sơn.	Yên Hạnh	Đ
5.	Yên Ninh	Yên Ninh - Làng Yên Ninh - xã Nga Yên. Là tên gọi làng cổ của Xã Nga Yên	Yên Ninh	Đ

Tổng số: 05 tên trong đó 05 tên đã đặt

3.11. Ngọc Lặc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
1.	Bàn Bù	Bàn Bù thuộc làng Ngán xã Ngọc Khê, Ngọc Lặc, đây là địa danh gắn liền với giai đoạn lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Vào thời gian tháng 11/1420, khi giặc Minh tấn công lên phía Tây Thanh Hóa và sang nước bạn Lào, Lê Lợi đã cử các tướng gồm, Nguyễn Lý, Phạm Vấn và Lý Triện chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn phục kích tại khu vực Bàn Bù đánh tan cuộc tấn công của giặc Minh.	Bàn Bù	
2.	Bắc Sơn	Bắc Sơn là địa danh thuộc xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc, nơi đây thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Ngọc Lặc, tiền thân của Đảng bộ huyện Ngọc Lặc ngày nay (chi bộ Bắc Sơn).	Bắc Sơn	
3.	Đồi Tô	Đồi Tô là một địa danh trong truyền thuyết sử Thi Đẻ đất Đẻ nước, thuộc làng Lú Khoen, xã Quang Trung. Theo truyền thuyết, Đồi Tô là nơi Bà Dạ Dàn dạy cho con người biết trồng dâu nuôi tằm, quay tơ dệt vải.	Đồi Tô	
4.	Núi Sắt	Núi Sắt - Tên núi ở xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc. Năm 1418 sau trận phục kích đánh quân Minh ở Nga Thủy (Cầm Thủy) nhưng do quân Minh quá đông và mạnh, Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn rút về Nga Lạc (đất Ngọc Lặc), giặc Minh đuổi theo ráo riết, đến một làng Mường, giặc Minh bắt vợ chồng một gia đình người Mường tra khảo bắt chỉ đường của nghĩa quân Lam Sơn rút chạy, vợ chồng họ biết đường rút chạy của nghĩa quân Lam Sơn nhưng quyết không khai và tự thiêu để bảo vệ nghĩa quân Lam Sơn. Sau chiến thắng giặc Minh, Lê Lợi đặt tên cho địa danh này là làng Sắt, núi Sắt để ghi nhớ công ơn, tấm lòng sắt son của hai vợ chồng họ.	Núi Sắt	
5.	Phố Công	Phố Công: Tên một con phố của huyện Ngọc Lặc	Phố Công	
6.	Phố Châu	Phố Châu: Là tên một thủ phủ cũ của huyện Ngọc Lặc	Phố Châu	P
7.	Phù Hương	Phù Hương - Tên một dãy núi thuộc xã Phúc	Phù Hương	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
		Thịnh, huyện Ngọc Lặc, gắn liền với giai đoạn lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1418, Lê Lợi đã chọn địa điểm tại núi Phù Hương làm căn cứ để luyện quân, cất giữ vũ khí, lương thực của nghĩa quân Lam Sơn.		
8.	Phúc Thành	Phúc Thành thuộc xã Ngọc Sơn, Ngọc Lặc, đây là địa điểm Cách mạng. Nơi đây lực lượng khởi nghĩa Cách mạng huyện Ngọc Lặc tập trung và giành chính quyền tại Châu Đường, làng Mèn, xã Minh Sơn.	Phúc Thành	
9.	Rồng Trỏ	Rồng Trỏ - Tên ngọn núi thuộc xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc. Gắn liền với sự tích: Khi con rồng bị thương nó chạy xuyên qua dãy núi tạo thành lỗ thủng hình tròn, có đường kính rộng 20m và dân gian đặt cho tên núi là núi Rồng Trỏ.	Rồng Trỏ	
10.	Voi Quỳ	Voi Quỳ là địa danh thuộc xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, đây là khu vực được Lê Lợi chọn làm tuyến đường bí mật để vận chuyển vũ khí, quân lương, tăng cường viện trợ cho nghĩa quân Lam Sơn trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	Voi Quỳ	

Tổng số: 10 tên trong đó 1 tên đã đặt

3.12. Như Thanh

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba Cồn	Ba Cồn - Tên khu căn cứ Cách mạng Ba Cồn thuộc xã Yên Lạc, huyện Như Thanh. Năm 1941 là Trung tâm chỉ huy căn cứ Cách mạng khởi nghĩa chống thực dân Pháp.	Ba Cồn	
2.	Bến Sung	Bến Sung - Tên gọi của huyện lỵ Như Thanh - thị trấn Bến Sung được thành lập năm 2002, trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã Hải Vân và Hải Long.	Bến Sung	
3.	Hải Vân	Hải Vân - Tên xã của huyện Như Thanh. Là địa danh nơi có Lò cao kháng chiến Hải Vân, là nơi luyện gang chế tạo ra súng Bazoka, chảo, nồi quân dụng, quả tạ để phục vụ cho kháng chiến chống Pháp.	Hải Vân	
4.	Khe rồng	Khe rồng - Thuộc thị trấn Bến Sung, huyện Như	Khe rồng	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thanh. Tên gọi thân quen có từ thế kỷ XIX, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân địa phương.		
5.	Na Sơn	Na Sơn - tên một Di tích thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Thanh Hóa, thuộc xã Xuân Du, huyện Như Thanh. Na Sơn còn có tên gọi là Na Sơn Động Phủ hay đền Phủ Na nằm bên dưới chân núi Nưa (nơi danh tướng Triệu Thị Trinh dấy binh đánh tan quân Đông Ngô xâm lược). Đây là nơi có phong cảnh hữu tình, có khe suối, có rừng thông hàng chục năm tuổi, có căn cứ địa Cách mạng trong những năm kháng chiến...Đền Phủ Na thờ Tản Viên, mẹ Âu Cơ và Chúa Cửa Rừng (chúa Thượng Ngàn).	Na Sơn	
6.	Phúc Toàn	Phúc Toàn - Khu căn cứ Đồi Phúc Toàn thuộc xã Xuân Phúc. Nơi diễn ra sự kiện nhân dân đã treo cờ chống lại phát xít Nhật năm 1942.	Phúc Toàn	

Tổng số: 06 tên

3.13. Như Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bãi Trành	Bãi Trành - Tên nông trường được thành lập năm 1961, là khu vực bỏ hoang giữa hai xã Quảng Dạ và Bình Lương huyện Như Xuân giao cho nông trường Sao Vàng khai phá để phát triển chăn nuôi. Đến năm 1969, thị trấn Nông trường Bãi Trành được thành lập từ nông trường Bãi Trành. Đến năm năm 2004, thị trấn Nông trường Bãi Trành bị giải thể để thành lập xã Bãi Trành, xã Xuân Hòa và một số nhân khẩu về xã Xuân Bình.	Bãi Trành	
2.	Đồng Ót	Đồng Ót - Khu An toàn khu Đồng Ót, xã Yên Cát (nay là xã Hóa Quý). Đây còn là nơi thành lập Đảng bộ huyện Như Xuân. Vào ngày 25-8-1949, được sự thống nhất của Tỉnh ủy, Khu ủy và Ban cán sự miền Tây, một sự kiện chính trị quan trọng đối với nhân dân các dân tộc huyện Như Xuân đã diễn ra. Đồng chí Lê Đình Sắn, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Ban miền Tây đã trực tiếp chỉ đạo Đại hội thành	Đồng Ót	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>lập Đảng bộ huyện Như Xuân tại doanh trại của An toàn khu Đồng Ót, xã Yên Cát (nay là xã Hóa Quý) với 40 Đảng viên, sinh hoạt ở 5 chi bộ.</p> <p>Sự ra đời của đảng bộ là kết quả của quá trình vận động Cách mạng và phong trào Cách mạng huyện nhà, là kết quả tất yếu khách quan của cuộc vận động Cách mạng trên địa bàn huyện kéo dài 19 năm (từ năm 1930 - 1949). Từ đây, nhân dân các dân tộc huyện Như Xuân đã có Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.</p>		
3.	Gò Ái	Gò Ái thuộc thôn Thắng Sơn, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân. Tại đây ngày 31/5/1950, đã diễn ra Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ huyện Như Xuân. Đại hội bầu BCH Đảng bộ gồm 9 đồng chí: Đồng chí Nguyễn Trọng Thản được bầu làm Bí thư Huyện ủy.	Gò Ái	

Tổng số: 03 tên

3.14. Nông Công

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chuối	Chuối - Là thị trấn huyện lỵ của huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Thị trấn Chuối (Thị trấn Nông Công) được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích và dân số của các xã Vạn Thiện, Vạn Hòa và Minh Thọ. Thị trấn Chuối có diện tích 1,20 km ² . Theo Tổng điều tra dân số năm 1999, thị trấn Nông Công có số dân 3.632 người.	Chuối	
2.	Đông Hòa	Đông Hòa - Tên một Tiểu khu (khu phố) thuộc thị trấn Nông Công (tương đương một thôn của xã). Được hình thành từ năm 1991 do UBND thị trấn Nông Công đặt.	Đông Hòa	P
3.	Hợp Nhất	Hợp Nhất - Tên một Tiểu khu thuộc thị trấn Nông Công (tương đương một thôn của xã) được hình thành từ năm 1991 và trở thành tên gọi quen thuộc đến nay. Sau ngày hòa bình được lập lại trên Miền Bắc, cư dân các nơi trong và ngoài tỉnh về đây sinh sống và hình thành tên gọi từ trước khi thành lập thị trấn Nông Công.	Hợp Nhất	P

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
4.	Minh Tân	Minh Tân - Tên một tiểu khu thuộc thị trấn Nông Cống. Hình thành tên gọi từ khi thị trấn Nông Cống được thành lập từ trước năm 1991. Là tên gọi quen thuộc trong nhân dân sau khi thành lập thị trấn Nông Cống.	Minh Tân	P
5.	Nam Giang	Nam Giang - Tên một vùng đất nằm ở phía bờ Nam sông Yên (sông Chuối) được đặt tên năm 1991 sau khi thành lập thị trấn Nông Cống.	Nam Giang	Đ
6.	Nam Tiến	Nam Tiến - Tên một đoạn đường dài 500m từ ngã ba Chuối đến Núi Nhén, qua tiểu khu Nam Tiến và tiểu khu Xuân Hòa, đây là điểm khởi đầu của tuyến đường Quốc lộ 15B (nay là tỉnh lộ 505) nơi Bộ đội ta hành quân và vận chuyển lương thực, vũ khí vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ.	Nam Tiến	Đ
7.	Xuân Hòa	Xuân Hòa - Tên một tiểu khu thuộc thị trấn Nông Công. Được hình thành từ năm 1991 sau khi thị trấn Nông Cống được thành lập. Là khu dân cư có từ trước khi thành lập thị trấn Nông Cống (trước đây thuộc làng Cộng Hòa xã Vạn Thiện).	Xuân Hòa	P
8.	Yên Mỹ	Yên Mỹ - Tên một nông trường trên địa bàn huyện Nông Cống. Ngày 8/3/1967, thị trấn nông trường Yên Mỹ thành lập. Ngày 9/1/2004, giải thể thị trấn nông trường Yên Mỹ để thành lập xã Yên Mỹ.	Yên Mỹ	

Tổng số: 08 tên trong đó 06 tên đã đặt

3.15. Quan Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Co Phường	Co Phường - Là địa danh thuộc Bản Sại xã Phú Lệ. Nơi đây có hang Co Phường - là kho trạm quân lương cũng là nơi trú quân của bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nơi đây vào ngày 02/4/1953, máy bay Pháp ném bom xuống khu vực Hang Co Phường, Tiểu đội dân công 13 người xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa đang trú ẩn trong hang bị bom đánh sập làm 11 người hy	Co Phường	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		sinh, một người bị thương nặng sau đó đã hy sinh. Một người đã ra khỏi hang trước khi bom rơi nên còn sống sót. Những người hy sinh, đa số đều đang còn ở độ tuổi thanh xuân và chưa lập gia đình.		
2.	Đỉnh Hìn Phăng	Đỉnh Hìn Phăng - Tên dãy núi ở xã Tam Chung, huyện Quan Hóa. Đỉnh cao trên 1000m. Đỉnh Hốc cao 1.418m.	Hìn Phăng	
3.	Hồi Xuân	Hồi Xuân là một xã thuộc huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Xã Hồi Xuân có diện tích 69,1 km ² , dân số năm 1999 là 3212 người, mật độ dân số đạt 46 người/km ² .	Hồi Xuân	
4.	Lục Canh	Lục Canh - Tên tổng của châu Quan Hóa trước, từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tổng Lục Canh đổi thành xã Tam Chung, năm 1963 xã Tam Chung, tách ra thành 3 xã: Trung Lý, Tam Chung và Phù Nhi, đến năm 1984 xã Tam Chung lại chia tách thành 2 xã: Tam Chung và Tén Tản (Quan Sơn).	Lục Canh	
5.	Lũng Mu	Lũng Mu - Địa danh thuộc xã Hồi Xuân - Là một hang động ở gần đỉnh núi, trong hang còn nhiều mảnh quan tài bằng thân cây khoét rỗng hình thuyền được xếp theo từng lớp. Đây là hình thức táng treo (động táng) của người xưa hiện chưa rõ được đưa lên bằng cách nào. Di tích được xếp hạng cấp tỉnh năm 2006.	Lũng Mu	
6.	Mường Ca Da	Mường Ca Da: Tên một Mường lớn của huyện Quan Hóa, gồm 6 xã: Hồi Xuân, Nam Xuân, Phú Nghiêm, Thị trấn, Xuân Phú, Thanh Xuân. Mường Ca Da cùng với Mường Khoòng, Mường Đèng, Mường Chiềng Ván là một trong bốn Mường tiêu biểu cho không gian văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa.	Mường Ca Da	
7.	Pha Pu Luông	Pha Pu Luông - Tên một ngọn núi, núi Pha Pu Luông - giáp Phú Lệ, Trung Thành, Hòa Bình. Đây là điểm quan trọng trong kháng chiến chống giặc Pháp, địch đã từng đổ bộ về đây đóng đồn để cắt liên hệ Liên khu 4 với Tây Bắc và giữ vững phòng thủ	Pha Pu Luông	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Sông Mã...		
8.	Pha U Hò	Pha U Hò - Tên một ngọn núi- Núi Pha U Hò, thuộc Bản En, Bản Páng xã Phú Thanh, nơi đây Dân quân xã Phú Lệ (cũ) xây dựng trận địa bắn máy bay Mỹ, và đã bắn rơi 01 chiếc F105 (năm 1964), góp phần khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh	Pha U Hò	
9.	Phan Thanh	Phan Thanh thuộc thị trấn Quan Hóa. Là địa danh người thầy giáo quê Quảng Ngãi có công dạy chữ cho đồng bào trong khu vực xã Hồi Xuân	Phan Thanh	
10.	Phú Lệ	Phú Lệ cùng với Phú Thanh, Phú Sơn là nơi có phong trào Cách mạng tiêu biểu, được Đảng, Nhà nước phong tặng "Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.	Phú Lệ	
11.	Suối Sia	Suối Sia- Tên một cây cầu bắc qua suối Sia thuộc xã Vạn Mai, Mai Châu, Hòa Bình. Là nơi lưu giữ những chiến công mà nhân dân các dân tộc sống trên địa bàn của hai tỉnh: Thanh Hóa và Hòa Bình đã chiến đấu bảo vệ cây cầu - nơi giao thương quan trọng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.	Suối Sia	
12.	Vạn Mai	Vạn Mai - Thuộc xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu. Là địa danh ranh giới giữa huyện Quan Hóa và Mai Châu - Hòa Bình. Là nơi giao lưu văn hóa, kinh tế xã hội của nhân dân trong thời chiến cũng như thời bình.	Vạn Mai	

Tổng số: 12 tên

3.16. Quan Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
1.	Bò Cúng	Bò Cúng - Tên một hang động ở bản Chanh, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn (Thanh Hóa) có vẻ đẹp hoang sơ và kỳ vĩ với những "lâu đài" thạch nhũ và cảnh quan hùng vĩ làm say đắm lòng người. Hang được Ông Lương Văn Thương - người bản Chanh, trong một lần đi săn phát hiện (năm 1984).	Bò Cúng	
2.	Mường Xia	Mường Xia - Tên một Lễ hội ở xã Sơn Thủy,	Mường Xia	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị	Đã đặt
		<p>huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lễ hội được tổ chức ngày 19-20/2 Âm lịch hàng năm. Lễ hội Mừng Xía là lễ hội tín ngưỡng, tâm linh gắn với việc thờ phụng người có công với đất nước như Tư Mã Hai Đào.</p> <p>Đó chính là nơi gửi Vía nơi hòn đá Vía và nét văn hóa nhân văn trong phong tục cúng tế tại 5 điểm trên địa bàn Mừng Xía, mỗi điểm cúng đều gắn với truyền thuyết về Tư Mã Hai Đào. Lễ Hội Mừng Xía mới được phục dựng lại năm 2010 nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tộc người Thái vùng biên giới Quan Sơn, động Bo Cúng.</p>		
3.	Na Mèo	Na Mèo tên một cửa khẩu quốc tế Việt Nam - Lào nằm trên địa phận vùng đất bản Na Mèo, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Na Mèo	
4.	Quan Da	Quan Da - Tên huyện của huyện Quan Sơn và Quan Hóa từ thời Lê đến năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) đổi thành châu Quan Hóa. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đổi thành huyện Quan Hóa.	Quan Da	
5.	Quang Chiêu	Quang Chiêu - Tên tổng của châu Quan Hóa trước năm 1945, nay là địa bàn xã Quang Chiêu, huyện Quan Sơn.	Quang Chiêu	
6.	Suối Sim	Suối Sim - Tên con suối ở huyện Quan Sơn bắt nguồn từ Lào, qua Mừng Chanh, Quang Chiêu, Tén Tẩn và đổ vào sông Mã.	Suối Sim	
7.	Sông Luồng	Sông Luồng - Tên một con sông nằm trên địa bàn huyện Quan Sơn, là nhánh đầu nguồn của sông Mã, chảy theo hướng Tây - Đông.	Sông Luồng	

Tổng số: 07 tên

3.17. Quảng Xương

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Đa Lộc	Đa Lộc - Là xã thuộc tổng Thủ Hộ từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh. Nay là phần đất của hai làng: Phúc Tài và Lộc Thành thuộc xã thuộc xã Quảng Lợi.	Đa Lộc	
2.	Đắc Thọ	Đắc Thọ là tên gọi chung của hai làng Đắc Thọ	Đắc Thọ	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		và Tân Thượng từ đầu thế kỷ XIX đến thời Đồng Khánh 1885-1889. Đến năm 1948, tách thành 2 thôn Đắc Thọ và Tân Thượng.		
3.	Lưu Vệ	Lưu Vệ - Thị trấn thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Lưu Vệ	
4.	Môi	Môi - Tên một Ngã Ba nằm trên Quốc lộ 47 từ thành phố Thanh Hóa đi Sầm Sơn. Là địa danh có từ xa xưa, thời pháp thuộc là nơi giao nhau trọng yếu của trục đường bộ từ tỉnh lỵ Thanh Hóa đi Sầm Sơn và huyện lỵ Quảng Xương. Nay địa danh này thuộc thành phố Thanh Hóa.	Môi	
5.	Phà Ghép	Phà Ghép - Nơi diễn ra những sự kiện tiêu biểu thời kỳ chống Mỹ, cứu nước	Phà Ghép	
6.	Thượng Đình	Thượng Đình - Tên làng thuộc xã Quảng Định, Quảng Xương, có nghề truyền thống trồng và sản xuất thuốc Lào ngon, nổi tiếng khắp vùng.	Thượng Đình	

Tổng số: 06 tên

3.18. Thạch Thành

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	đã đặt
1.	Cổ Tế	Cổ Tế - Tên bến phà (cũng là tên một làng cổ - Làng Cổ Tế) nằm trên Quốc lộ 12B (nay là Quốc lộ 45). Trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968) bến phà đã được Trung đội trực chiến xã Thạch Long, cùng nhân dân đã bắn hạ máy bay Mỹ, bảo vệ vững chắc bến phà và huyết mạch giao thông Bắc - Nam, chi viện cho tiền tuyến lớn. Từ những chiến công này, lực lượng vũ trang và nhân dân xã Thạch Long được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ.	Cổ Tế	
2.	Đại Định	Đại Định - Tên gọi một làng cổ thuộc Trang Bến Vàng thời phong kiến, nay là một phần của xã Thạch Định. Theo quy hoạch đã được duyệt, đến năm 2030 là một phần của thị trấn Kim Tân.	Đại Định	
3.	Kim Tân	Kim Tân - Tên thị trấn của huyện Thạch Thành	Kim Tân	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	đã đặt
		<p>được thành lập năm 1990, trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã Thành Kim và Thành Hưng.</p> <p>Kim Tân còn gắn liền với một loại cây đặc sản nổi tiếng của huyện Thạch Thành được dùng để tiến vua, đó là mía tím Kim Tân.</p>		
4.	Mường Đủ	Mường Đủ - Tên gọi một Mường gốc trong các Mường của huyện Thạch Thành, nay thuộc xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành.	Mường Đủ	
5.	Mỹ Tân	Mỹ Tân - Tên gọi một làng cổ thuộc xã Thành Kim, được tách ra để thành lập thị trấn Kim Tân (1990). Nay địa phận thuộc khu phố 2, thị trấn Kim Tân.	Mỹ Tân	
6.	Phố Cát	<p>Phố Cát - Nơi có đền Sòng nổi tiếng với truyền thuyết Thánh mẫu Liễu Hạnh giáng trần.</p> <p>Phố Cát cũng là đầu mối giao thông từ xưa của Thanh Hóa đi Ninh Bình và các tỉnh Tây - Bắc nước ta.</p>	Phố Cát	
7.	Phú Sơn	Phú Sơn - Tên làng thuộc xã Thành Kim, năm 1990 được chia tách để thành lập thị trấn Kim Tân. Nay thuộc khu phố 4, thị trấn Kim Tân.	Phú Sơn	
8.	Sông Bưởi	Sông Bưởi - Tên gọi một con sông lớn chảy dài qua huyện Thạch Thành từ xã Thạch Lâm xuống Thạch Long, chia các xã trên địa bàn huyện thành 02 vùng bắt đầu từ chữ “Thạch” và chữ “Thành”.	Sông Bưởi	
9.	Trường Cát	Trường Cát - Tên gọi của một làng cổ từ xa xưa, sau được gọi tên cho một Tổng lớn của Thạch Thành gọi là Tổng Trường Cát, nay là một phần của Khu phố 6, thị trấn Kim Tân.	Trường Cát	

Tổng số: 09 tên

3.19. Thành phố Sầm Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Bình Tân	Bình Tân - Tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945	Bình Tân	
2	Cô Tiên	Đã có trích yếu lý lịch ở mục: Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa	Cô Tiên	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
3	Cung Thượng	Cung Thượng - Tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Kinh Thượng.	Cung Thượng	
4	Độc Cước	Độc Cước là tên một ngôi đền thuộc địa phận thành phố Sầm Sơn, đây là Di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia.	Độc Cước	
5	Giặc Thượng	Giặc Thượng - Tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945.	Giặc Thượng	
6	Kính Thượng	Kính Thượng - Tên tổng của vùng đất Sầm Sơn trước năm 1945, trước đó tên tổng là Giặc Thượng.	Kính Thượng	
7	Lạch Hới	Lạch Hới thuộc phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn- Đây là địa danh lịch sử Cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, điểm tập kết đón đồng bào, cán bộ chiến sĩ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ.	Lạch Hới	
8	Lương Niệm	Lương Niệm - Tên xã của một trong những xã thôn của tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương và là tên xã của vùng đất Sầm Sơn sau năm 1945.	Lương Niệm	
9	Nam Sông Mã	Sông Mã là một con sông của Việt Nam và Lào có chiều dài 512 km, trong đó phần trên lãnh thổ Việt Nam dài 410 km và phần trên lãnh thổ Lào dài 102 km. Thanh Hóa là địa phận Sông Mã chạy qua theo hướng Tây Bắc - Đông Nam chảy qua các huyện phía Bắc của tỉnh, hội lưu với sông Chu rồi đổ ra vịnh Bắc Bộ theo 2 nhánh sông (nhánh phía Nam vẫn gọi là sông Mã, nhánh phía Bắc gọi là sông Lèn) ở Lạch Hới (cửa Hới). Nam Sông Mã địa danh chỉ phần đất nằm phía Nam của bờ Sông Mã, hiện ở đây có con đường chạy qua phía này nên gọi là đường Nam Sông Mã.	Nam Sông Mã	Đ
10	Khanh Tiến	Khanh Tiến: Tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Khanh Tiến	Đ
11	Tiến Lợi	Tiến Lợi: Tên gọi có từ xa xưa ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Tiến Lợi	Đ
12	Thành Thắng	Thành Thắng: Tên gọi từ xa xưa của nhân dân ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Thành Thắng	Đ

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
13	Thu Hào	Thu Hào: Tên gọi từ xa xưa của nhân dân ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.	Thu Hào	Đ
14	Triều Thanh	Triều Thanh - Tên xã của Sầm Sơn trước năm 1945.	Triều Thanh	
15	Trường Lệ	<p>Trường Lệ - Tên một làng của thuộc vùng đất Sầm Sơn trước thế kỷ XX, khi Sầm Sơn chưa xuất hiện trên bản đồ địa lý Việt Nam. Làng này là nơi có dãy núi Gầm án ngữ phía Nam vùng đất mà ngư dân quen gọi là Mũi Gầm, sau đổi thành núi Sầm (Sầm Sơn), địa danh này còn gọi là núi Trường Lệ, làng ở chân núi này gọi là làng Núi (Sầm Thôn) hay làng Trường Lệ.</p> <p>Tên Trường Lệ có nghĩa là núi “dài” và “đẹp”. Người dân Sầm Sơn có câu ca về núi Trường Lệ: Sầm Sơn phong cảnh hữu tình, Hòn Kèo cao nhất, hòn Ngành thứ hai. Thứ ba hòn núi Phù Thai, Thứ tư Cỏ Giải nằm ngoài Đầu Voi.</p> <p>Đây là những hòn núi được tạo hóa sắp xếp, hòn thấp, hòn cao tạo thành dãy Trường Lệ, đẹp như bức tranh sơn thủy hữu tình. Có nhiều truyền thuyết về dãy núi tôn vẻ đẹp tuyệt vời cho vùng Sầm Sơn này.</p>	Trường Lệ	Đ
16	Vinh Sơn	Vinh Sơn - tên phố, vốn là xóm Sơn thuộc xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, nay là phố Vinh Sơn thuộc phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn - Nơi Bác Hồ từng về thăm và kéo lưới đánh cá với ngư dân ngày 18/7/1960.	Vinh Sơn	

Tổng số: 16 tên trong đó 6 tên đã đặt

3.20. Thành phố Thanh Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Biên	An Biên - tên làng cổ, vùng đất cổ của Thành phố Thanh Hóa.	An Biên	Đ
2.	Ái Sơn	Ái Sơn - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	Ái Sơn	Đ
3.	Bào Ngoại	Bào Ngoại - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Làng có 4 xóm: Đông, Tây, Nam, Bắc.	Bào Ngoại	Đ

4.	Bào Nội	Bào Nội - Tên làng Việt cổ, nay có 2/3 diện tích làng Bào Nội thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.	Bào Nội	Đ
5.	Bến Ngự	Bến Ngự nằm trên sông Lò Chum thuộc phường Trường Thi ngày nay. Bến Ngự gắn với việc các vua nhà Nguyễn như: Minh Mệnh, Thành Thái, Khải Định... mỗi lần về thăm quê tổ Triệu Tường (Hà Trung - Thanh Hóa) đi thuyền rồng từ sông Mã rẽ vào sông Lò Chum đến bến này thì dừng lại, lên kiệu vào hành cung trấn thành Thanh Hóa.	Bến Ngự	P
6.	Bến Than	Bến Than - Nơi Công ty Than thị xã Thanh Hóa tập kết than chở từ Quảng Ninh về cung cấp chất đốt vật liệu xây dựng thời kì 1975 - 1990.	Bến Than	
7.	Bồ Vệ	Bồ Vệ - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Bồ Vệ	Đ
8.	Cánh Tiên	Cánh Tiên - Tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng, nay gọi là đồi Quyết Thắng.	Cánh Tiên	Đ
9.	Cắm Bào Nội	Cắm Bào Nội - Tên làng cổ của huyện Đông Sơn trước năm 1889 nay thuộc Thành phố Thanh Hóa.	Cắm Bào	Đ
10.	Chùa Đại Bi	Chùa Đại Bi ở thôn Mật Sơn xã Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, do vua Lê Huyền Tông (1663 - 1671) tên húy là Duy Vũ (1654 - 1671) con thứ hai của Lê Thần Tông lập lên để thờ cha và các vị Thánh Mẫu. Chùa làm toàn lối cổ. Trước chùa có gác chuông hai tầng. Tầng trên treo một quả chuông bị bão gió lốc rất lớn làm đổ, được khôi phục năm Thiên Trị thứ ba (1844).	Đại Bi	Đ
11.	Chùa Hội Quán	Chùa Hội Quán - Thời thuộc Pháp là Hoa thương hội quán. Người Việt Nam thấy có bệ thờ tượng nên đọc chệch ra là Chùa Hội quán. Nơi đây vào ngày song thất 7/7/1939 đã diễn ra cuộc diễn thuyết kêu gọi ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật cả về tinh thần và vật chất. Thực dân Pháp đã bắt Ông Bùi Đạt người chủ trì diễn thuyết.	Hội Quán	Đ
12.	Chùa Quảng Hóa	Chùa có từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX	Quảng Hóa	P
13.	Chùa Tăng Phúc	Ngôi chùa trên địa bàn phường Đông Cương	Tăng Phúc	Đ

14.	Cốc Hạ	Cốc Hạ - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Làng có 3 xóm: Một, Hai, Ba.	Cốc Hạ	Đ
15.	Cột Cờ	Cột Cờ - Chũ Nho là kỳ đài, dịch ra quốc ngữ là Cột cờ. Kỳ đài Trấn thành thời nhà Nguyễn được quy định: "Mặt sau rộng 3 trượng 2 thước, bên tả hữu đều rộng 2 trượng 7 thước cao 6 thước. Cột cờ đoạn dưới 3 trượng 2 thước, 5 tấc; đoạn trên 2 trượng 3 thước, trừ chỗ giáp nhau là 5 thước, 5 tấc, tất cả còn lại là 5 trượng". Vị trí cột cờ xưa, nay là giữa đường Hạc Thành, trước cửa sở Tài nguyên Môi trường	Cột Cờ	P
16.	Cửa Hậu	Cửa Hậu nằm ở phía Bắc trấn thành Thanh Hóa.	Cửa Hậu	P
17.	Cửa Hữu	Cửa Hữu nằm ở phía Tây trấn thành Thanh Hóa.	Cửa Hữu	P
18.	Cửa Tả	Cửa Tả nằm ở Đông trấn thành Thanh Hóa.	Cửa Tả	P
19.	Cửa Tiên	Cửa Tiên nằm ở phía Nam trấn thành Thanh Hóa.	Cửa Tiên	P
20.	Dốc Ga	Dốc Ga - Tên trước ngày chống Mỹ cứu nước, ga Thanh Hóa ở đầu đường Triệu Quốc Đạt. Sau đại thắng Mùa Xuân 1975 khôi phục và mở rộng nhà ga về phía Bắc, ga Thanh Hóa chuyển về đầu đường Phan Chu Trinh, chặn lại con đường đi từ nội thành lên Rừng Thông vượt qua đường sắt có tên gọi quen thuộc là Dốc Ga, từ ngày đặt đường sắt đi qua Thanh Hóa đầu TK XX.	Dốc Ga	P
21.	Dương Xá	Làng Dương Xá, xã Thiệu Dương, nay thuộc thành phố Thanh Hóa - Nơi lưu giữ Dấu tích thành Tư Phố, sau đó là thành Dương Xá - đô thị cổ của Thanh Hóa.	Dương Xá	
22.	Đại Khôi	Đại Khôi - Là tên làng từ thế kỷ XIX. Xa xưa có tên là Đại Côi	Đại Khôi	Đ
23.	Đàn xã Tắc	Đàn xã Tắc - Là một trong các loại đàn tế cổ, được các vị Vua cho lập để tế Xã thần (Thần Đất) và Tắc thần (tức Thần Nông) - hai vị thần của nền văn minh lúa nước. Từ xa xưa, không chỉ đối với người dân, mà ngay cả các vương triều, kinh đô Việt Nam, đàn Xã Tắc có vị trí vô cùng thiêng liêng. Năm 1824, vua Minh Mệnh cho lập đàn xã tắc ở Thanh Hóa.	Đàn xã Tắc	P
24.	Đình giáp Đông	Đình giáp Đông - Tên ngôi đình của làng Đức Thọ Vạn - thờ tổ sư nghề gốm, sinh hoạt chung của làng. Đình được xây dựng ở trung tâm của làng, gần kênh nhà Lê và gắn với nhiều nghi lễ cổ truyền của một làng	Giáp Đông	

		<p>nghề chuyên sản xuất chum vại, nếu sành, tiêu biểu nhất là lễ Tra lò. Theo quy định của làng khi chưa làm lễ này thì không nhà nào được tra lửa vào lò nhà mình. Sau khi làm lễ tra lò xong, làng tổ chức các trò chơi dân gian, như đánh xúc sắc, đồ bài, tối đốt cây bông,... ngoài ra có năm còn tổ chức diễn chèo để nhân dân thưởng thức.</p>		
25.	Đình Hương	<p>Đình Hương - Tên làng cổ được chia tách từ làng Đình Hương, nay thuộc xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa.</p>	Đình Hương	Đ
26.	Đình Hòa	<p>Đình Hòa: Là tên làng hiện nay, trước kia là Đình Hương (quen gọi là Đình Hương) "<i>Qua chiêng thì mới sang Giàng/Qua quán Đông Thổ đến làng Đình Hương/ Anh đi theo chúa Tây Sơn/</i>" (ca dao cổ). Trên đường thiên lý từ Nam ra Bắc, nếu xuất phát từ cửa Đông Nam Trấn thành (quen gọi Cửa Tả), khách bộ hành "<i>đến điểm Đình Hương, ở đây có quán tạm, khách đi đường có thể nghỉ chân</i>"</p>	Đình Hòa	Đ
27.	Đoan Hùng	<p>Đoan Hùng - Vùng đất của hợp tác xã Mạnh trúc Doan Hùng đã làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tính mạng tài sản của xã viên, đảm bảo con em xã viên được học tập trưởng thành ở nơi sơ tán. Đại thắng Mùa Xuân năm 1975, HTX hoàn thành nhiệm vụ giải thể.</p>	Đoan Hùng	
28.	Đồng Cuốn	<p>Đồng Cuốn: Tên gọi thể hiện một tập quán canh tác đồng ruộng lần lượt từ xa đến gần</p>	Đồng Cuốn	Đ
29.	Đồi C4	<p>Đồi C4 là một khúc của núi Rồng, nằm sát đầu rồng. Trước yêu cầu của chiến tranh, Đại đội 4 pháo cao xạ 57milimet về đóng trên đồi 54 (C4) bắn máy bay Mỹ. Trong những năm chiến tranh phá hoại, đồi C4 luôn là nỗi kinh hoàng của phi công Mỹ khi bắn phá cầu Hàm Rồng. Đồi C4 có tên từ đó. Hiện nay đồi C4 là một trong những Di tích của khu du lịch văn hóa Hàm Rồng.</p>	Đồi C4	Đ
30.	Đồi C5	<p>Đồi C5- Vốn là đồi không tên, từ khi đại đội 5 (E228) đến trấn giữ để bắn máy bay trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bảo vệ cầu Hàm Rồng, nhân dân thường gọi là đồi C5. Trong trận đánh tháng 4 năm 1972, máy bay B52 của Mỹ đã dội bom vào đồi làm cho một đại đội pháo cao xạ hi sinh gần hết.</p>	Đồi C5	Đ

31.	Đồi Quyết Thắng	Đồi Quyết Thắng -Trước kia có tên là núi Cánh Tiên. Trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trên đỉnh núi có bố trí một trận địa phòng không để bảo vệ cầu Hàm Rồng, từ trên cao lưới lửa phòng không giăng đầy trời, khiến những “Thần Sấm, Con Ma” của Mỹ bị cháy tan xác. Do đó núi Cánh Tiên được gọi thành Đồi Quyết Thắng. Hai chữ Quyết Thắng được đắp trên sườn đồi hiện vẫn còn	Quyết Thắng	Đ
32.	Đông Hương	Đông Hương là một phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Đông Hương	P
33.	Đồng Khoai	Đồng Khoai: Tuy đã có đủ nước nông giang cho cấy lúa nhưng vào vụ Đông Xuân cánh đồng này cao hơn, pha cát nhiều hơn, còn khoai lang trồng tốt thu hoạch nhiều chất lượng ngon hơn	Đồng Khoai	Đ
34.	Đông Khối	Đông Khối - Di chỉ khảo cổ học tại thôn Đông Khối, xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa. Phát hiện năm 1960, thám sát, khai quật năm 1960, 1975, 2006. Hiện vật thu được gồm có hàng trăm phế vật và phác vật từ rìu tứ giác, đục mũi nhọn và hàng ngàn mảnh tước. Ngoài ra, còn hàng ngàn mảnh gốm; là công xưởng chế tác đồ đá có niên đại thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	Đông Khối	Đ
35.	Đông Lân	Đông Lân - Tên ấp của Giáp Đông Phố, trấn lỵ Thanh Hóa (Hội đầu thế kỷ XIX).	Đông Lân	P
36.	Đông Phát	Đông Phát: Khu dân cư thu nhập thấp được xây dựng vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI.	Đông Phát	Đ
37.	Đông Quang	Đông Quang - Ban đầu là dân làng Đông Sơn chuyển ra ở hẳn trong kháng chiến chống Pháp để thuận tiện canh tác ruộng đồng. Từ ngày thành lập khu công nghiệp Hàm Rồng đến nay dân đến ở đây đông vui.	Đông Quang	Đ
38.	Đông Tác	Đông Tác - Tên Làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	Đông Tác	Đ
39.	Đông Thổ	Đông Thổ - Là tên cổ xưa của làng. Thành ngữ "Đông Thổ cứng đầu" nói lên tính cách của người làng từ xa xưa chống lại bọn quan lại phong kiến, hương lý cường hào áp bức dân chúng.	Đông Thổ	Đ
40.	Đông Lễ	Đông Lễ - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	Đông Lễ	Đ
41.	Đông Lục	Đông Lục - Địa điểm HTX mũ Đông Lục quy tụ về	Đông Lục	

		sau đại thắng Mùa Xuân năm 1975. HTX Đồng Lạc được thành lập trong phong trào cải tạo tiểu thủ công nghiệp 1959-1960, hoạt động sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho xã hội thời kỳ 1960-1975. Thời chống Mỹ cứu nước để đảm bảo sản xuất, thu nhập cho xã viên, bảo đảm an toàn tính mạng xã hội và con em được học tập trưởng thành ở nơi sơ tán. Năm 1986 hoàn thành nhiệm vụ đã giải thể HTX.		
42.	Đồng Minh	Đồng Minh - HTX dệt chiếu cói trong thời gian chống Mỹ, cứu nước đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động có thu nhập, thực hiện sơ tán phòng tránh đảm bảo an toàn cho xã viên và con em họ. Hòa bình lập lại, HTX chuyển hướng sang sản xuất mài xẻ đá. HTX đã hoàn thành vai trò của mình và giải thể vào những năm đầu của thời kỳ đổi mới.	Đồng Minh	
43.	Giáp Bắc	Giáp Bắc - Còn có tên khác là Giáp Tân Mỹ - một trong bốn giáp của làng Đức Thọ Vạn, là giáp đi đầu trong cải lương hương tục làng xã, bỏ bớt các tục lệ lạc hậu như bỏ lệ xôi cân gà lượt,... giảm bớt gánh nặng cho dân nghèo.	Giáp Bắc	
44.	Hạc Oa	Hạc Oa: Là tên làng từ thế kỷ XIX	Hạc Oa	Đ
45.	Hàng Đồng	Hàng Đồng - Tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa, gắn với việc người làng Nôm, Hưng Yên đầu thế kỷ XX đã vào Thanh Hóa sinh sống và đem theo nghề buôn bán đồ đồng, nên mới gọi là hàng đồng.	Hàng Đồng	P
46.	Hàng Gạo	Hàng Gạo - Tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa chuyên bán gạo.	Hàng Gạo	
47.	Hàng Hương	Hàng Hương - Tên phố cũ ở thành phố Thanh Hóa chuyên sản xuất và bán hương. Tại làng Quán giò có đền thờ Ông tổ nghề làm hương họ Nguyễn - Nguyễn Phúc Nguyên, người Nam Định.	Hàng Hương	
48.	Hàng Nan	Hàng Nan - Tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa chuyên kinh doanh đồ đan lát.	Hàng Nan	
49.	Hàng Sứ	Hàng Sứ - tên phố cũ của thành phố Thanh Hóa chuyên kinh doanh mặt hàng gốm sứ.	Hàng Sứ	
50.	Hàng Than	Hàng Than - Tên phố cũ ở thành phố Thanh Hóa, chuyên kinh doanh mặt hàng than, dân cư của tuyến phố chuyên dùng than để nấu.	Hàng Than	P
51.	Hậu Thành	Hậu Thành - Tên ấp của Giáp Nam, trấn ly Thanh	Hậu Thành	

		Hóa (Hồi đầu thế kỷ XIX).		
52.	Hoàng Long	Tên gọi của xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa nay thuộc tp Thanh Hóa, tên Hoàng Long còn được dùng đặt cho một cây cầu trên địa bàn tp Thanh Hóa từ năm 1996, cầu Hoàng Long.	Hoàng Long	CTCC
53.	Hợp Tiến	Hợp Tiến - Vùng đất HTX tôn thiếc Hợp Tiến, nơi đây tập hợp thợ thủ công tôn thiếc toàn thị xã và đào tạo nghề trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, bảo đảm việc làm, cung cấp hàng tiêu dùng cho xã hội, con em được học tập thành người nơi sơ tán. HTX được nhà nước thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba về thành tích sản xuất, xây dựng HTX.	Hợp Tiến	
54.	Kiều Đại	Kiều Đại - Tên làng thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Kiều Đại	Đ
55.	Kỳ Lân	Kỳ lân sơn tức Núi Mật là tên một quả núi thuộc làng Mật, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Kỳ Lân	Đ
56.	Lai Thành	Lai Thành - Có từ thời vua Lê Thế Tông (1573 – 1599) nơi đây gọi là “ <i>thôn Quốc Thích thuộc xã Đông Hương huyện Đông Sơn, là làng ngoại của nhà vua, vì Bà cung tần thứ hai của vua là Lê Thị Ngọc Loan, người con gái của Làng</i> ”. (Hoàng Việt Nhất thống dư địa chí). Đến thời Nguyễn mới đổi gọi là Lai Thành	Lai Thành	Đ
57.	Lễ Môn	Lễ Môn - Ban đầu có tên là Lễ Xá. Từ điển từ Hán Việt ghi “Xá có nghĩa là nhà, cũng có nghĩa là ấp, làng”. Sau mới đổi tên là Lễ Môn, khẳng định vị trí “Cửa dòng Sông Lễ”. Lễ Môn là quê hương Tiến sĩ Đỗ Huy Cự.	Lễ Môn	Đ
58.	Lò Bát	Lò Bát - Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do có chiến tranh nên nguồn hàng gốm sứ từ ngoài Bắc vào Thanh Hóa khó khăn, nên trên cơ sở chất đất, Ông Vũ Văn Bản làm nghề gốm sứ từ Bát Tràng vào Thanh Hóa phối hợp với Ông Nguyễn Văn Khang, Ông Trịnh Hữu Ích,... mở Lò Bát tại núi Hàm Rồng. Năm 1951, lô sản phẩm đầu tiên ra đời đã phần nào đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Năm 1959 - 1960, thực hiện công tư hợp danh, tại đây lò bát Tân Giang ra đời và hoạt động trong thời gian dài rồi giải thể.	Lò Bát	

59.	Lò Chum	<p>Lò Chum - Là địa danh thuộc phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa. Đây là phần đất bờ Bắc của làng Đức Thọ Vạn chuyên sản xuất chum, vại,..</p> <p>Theo sử sách cho biết, vào khoảng năm 1835, đời vua Minh Mạng thứ 16, sau khi đào xong kênh nối với sông Nhà Lê từ cầu Cốc đến dòng sông Mã. Sau thông thủy, một số cư dân chuyên làm nghề góm vào buôn bán ở trên sông. Sau khi thấy thế đất đẹp, có thể phát triển ngành nghề, nên cư dân vạn chài đã lên vùng đất Đức Thọ Vạn sinh sống và lập làng.</p>	Lò Chum	P
60.	Long Quang	<p>Long Quang - Tên động nằm trên núi Rồng là nơi danh thắng đã làm say đắm nhiều tao nhân mặc khách. Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và nhiều thi sĩ khác đã có thơ lưu lại trên động Long Quang. Trên động có hai cửa hai bên, hình như hai mắt rồng, mà thường gọi là Long nhãn.</p>	Long Quang	Đ
61.	Lăng Viên	<p>Nghĩa địa của phường Phú Sơn được tôn vinh lên là Khu lăng mộ</p>	Lăng Viên	Đ
62.	Mắt Rồng	<p>Mắt Rồng là tên một hang động ở thành phố Thanh Hóa (hang Mắt Rồng), đây là Di tích lịch sử Cách mạng được xếp hạng cấp Quốc gia.</p>	Mắt Rồng	
63.	Mật Đa	<p>Chùa Mật Đa được xây dựng từ lâu đời, hiện nay nằm trên phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Mật Đa Tự không chỉ là một ngôi chùa đẹp linh thiêng trong tâm nguyện của nhân dân mà còn là một Di tích lịch sử, có công trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, góp phần làm nên chiến thắng Hàm Rồng- Nam Ngạn (ngày 3-4/4/1965).</p> <p>Chùa Mật Đa chỉ nằm cách cầu Hàm Rồng khoảng chừng 2 km theo đường chim bay nên đã trở thành địa điểm cứu chữa thương binh quan trọng của trận địa bảo vệ cầu Hàm Rồng.</p> <p>Năm 1989, chùa được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.</p>	Mật Đa	
64.	Mật Sơn	<p>Mật Sơn - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Tại phường Đông Vệ còn có núi Mật Sơn và chùa Mật Sơn.</p>	Mật Sơn	Đ
65.	Nam Kỳ 40	<p>Nam Kỳ 40- Là tập đoàn sản xuất cơ khí của cán bộ quân dân chính Nam Bộ tập kết ra Bắc sau chiến thắng</p>	Nam Kỳ 40	

		<p>Điện Biên Phủ theo Hiệp định Giơnevơ.</p> <p>Hai mươi năm (1955-1975) sống ở vùng đất này anh chị em đã đóng góp, công sức xây dựng kinh tế, đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt là thành tích phục vụ chiến đấu, sửa chữa vũ khí, khí tài quân sự của bộ đội thủy quân chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.</p>		
66.	Nam Sơn	<p>Nam Sơn: Vốn xưa là xóm Tân Nam của làng Đông Tác. Khi xây dựng khu chung cư Bắc Cầu Sông điều chỉnh nhập về xóm Thống Sơn phường Nam Ngạn. Đặt tên đường Nam Sơn để ghi nhớ một thời là Tân Nam - Thống Sơn.</p>	Nam Sơn	P
67.	Núi Đọ	<p>Núi Đọ: Núi Đọ nằm bên hữu ngạn sông Chu, thuộc thành phố Thanh Hóa và huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.</p> <p>Cuối năm 1960, Núi Đọ được các nhà khảo cổ học trong và ngoài nước phát hiện, nghiên cứu và chứng minh rằng: Nơi đây đã tồn tại một nền văn hóa sơ kỳ thời đại đá cũ. Núi Đọ còn được gọi là Qui Sơn, được ngợi ca là "Linh Quy Hí Thủy" (Rùa thiêng uống nước) là thắng cảnh trong Bàn A thập cảnh.</p>	Núi Đọ	
68.	Ngọc Mai	<p>Ngọc Mai: Tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của TP Thanh Hóa</p>	Ngọc Mai	Đ
69.	Ngọc Nữ	<p>Ngọc Nữ: Một ngọn núi nhỏ ở phía Nam núi Mật Sơn có hình dáng giống người con gái đẹp nên gọi là núi Ngọc Nữ</p>	Ngọc Nữ	Đ
70.	Nguyệt Viên	<p>Nguyệt Viên - Tên làng cổ thuộc xã Hoằng Quang, quê hương của Ngô Cao Lãng thế kỷ XIX. Ông là tác giả của bộ Lịch triều tạp kỷ, một cuốn sách có nhiều tư liệu quý về lịch sử biên niên.</p>	Nguyệt Viên	CTC C
71.	Nhà Bàng	<p>Nhà Bàng - Nơi chính quyền Nam triều có yết các văn bản quản lý Nhà nước cho dân biết.</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là trụ sở UBND Cách mạng lâm thời thôn Tiền Môn, nay là trung tâm đường Hạc Thành.</p>	Nhà Bàng	
72.	Nhà Thờ	<p>Nhà Thờ - Nơi đây là Nhà thờ đạo Thiên Chúa địa phận Thanh Hóa xây dựng năm 1937.</p>	Nhà Thờ	P
73.	Phú Chung	<p>Phú Chung: Một sự ghép nối chặt chẽ với tên phường Phú Sơn</p>	Phú Chung	Đ
74.	Phú Thọ	<p>Phú Thọ (Nơi đặt huyện lỵ Đông Sơn thời Nguyễn)</p>	Phú Thọ	P

		độc lập)		
75.	Phú Liên	Phú Liên - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phú Liên	P
76.	Phú Quý	Phú Quý - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phú Quý	P
77.	Phú Thứ	Phú Thứ- Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phú Thứ	P
78.	Phú Thượng	Phú Thượng: Một sự ghép nối chặt chẽ với tên phường Phú Sơn	Phú Thượng	Đ
79.	Phú Vinh	Phú Vinh - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phú Vinh	P
80.	Phù Lưu	Phù Lưu - Tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa.	Phù Lưu	Đ
81.	Phượng Hoàng	Phượng Hoàng - Tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng	Phượng Hoàng	Đ
82.	Quán Giò	Làng Quán Giò được thành lập vào cuối thế kỷ XVII. Theo sự tích của tổ sư nghề làm hương cho biết: Nguyễn Phúc Nguyên, người xứ kinh Bắc vào Thanh Hóa theo thầy học đạo đã đạt được chức pháp sư, lập quán để tu tiên và Ông đã có và truyền nghề làm hương cho nhân dân nơi đây. Đến nay, nghề làm hương vẫn được duy trì và phát triển. Sau khi Ông mất nhân dân lập đền thờ hàng năm hương khói và phong Ông làm Tổ sư nghề làm hương. Các khu phố Bà Triệu 1, 2, 3 (Trường Thi) hiện nay là thuộc làng Quán Giò. Quán Giò ra đời và hoạt động cùng với sự phát triển của thành phố, hình thành nên các phố chuyên buôn bán các mặt hàng dân dụng.	Quán Giò	
83.	Quang Vinh	Quang Vinh - Tên hợp tác xã vận tải ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1959, xã viên có lúc lên tới 120 người. Hợp tác xã làm nghề vận chuyển hành khách bằng xe ngựa và đóng mới xe bò, xe ngựa. Hợp tác xã đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.	Quang Vinh	
84.	Quảng Xá	Quảng Xá - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Làng có 3 làng nay là xóm Dưới, xóm Lẽ, xóm Ngõ.	Quảng Xá	Đ
85.	Sơn Vạn	Sơn Vạn - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường	Sơn Vạn	

		Đông Hải, thành phố Thanh Hóa		
86.	Tạnh Xá	Tạnh Xá - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Làng có 4 xóm: Xóm Giữa, xóm Ngoài, xóm Trong, xóm Dưới.	Tạnh Xá	Đ
87.	Tân An	Tân An - Là tên xóm ven đô mà người dân thị xã nhập cư không đủ tiền xây dựng nhà ngói ở nội thành thì buộc đến ở Tân An theo lệnh ngày 10/6/1938, của công sứ Lagreze (La-gờ-re-dơ).	Tân An	Đ
88.	Tân Nam	Tân Nam: Khu nhà tái định cư của các gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng thành phố để xây dựng công trình giao thông, văn hóa, dân sinh.	Tân Nam	P
89.	Tân Thảo	Tân Thảo - Tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của TP Thanh Hóa.	Tân Thảo	P
90.	Tây Ga	Tây Ga: Vị trí phía Tây nhà ga Thanh Hóa	Tây Ga	Đ
91.	Thái Miếu nhà Hậu Lê	Thái Miếu nhà Hậu Lê - Nhân dân thường gọi là Đền Lê, nằm trên đất Bồ Vệ, tổng Bồ Đức, phủ Đông Sơn, nay là làng Kiều Đại, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Kiều Đại là quê hương của Bà Nguyễn Thị Anh vợ vua Lê Thái Tông, mẹ vua Lê Nhân Tông, được phong là Cung hoàng Thái hậu, nhà vua cho xây đền Chiêu Hòa tại đây để thờ phụng. Đền Lê được xây dựng năm Gia Long thứ 4 (1805) trên nền điện Chiêu Hòa. Nơi đây hiện đang lưu thờ 27 vị hoàng đế thời Lê, Hoàng Thái Hậu cùng các vương công nhà Hậu Lê. Năm 1995, Thái miếu nhà Hậu Lê được cấp bằng Di tích lịch sử Văn hoá và Kiến trúc nghệ thuật Quốc gia.	Thái Miếu nhà Hậu Lê	
92.	Thanh Chương	Thanh Chương: Tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của TP Thanh Hóa	Thanh Chương	Đ
93.	Thanh Xuân	Thanh Xuân - Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa chuyên sản xuất nghề nhựa và thêu xuất khẩu được thành lập trong những năm 1969 - 1972.	Thanh Xuân	P
94.	Thành Công	Thành Công - Tên hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập vào năm 1959, khi mới thành lập Hợp tác xã có 13 người đến giữa năm 1960 có 199 xã viên. Hợp tác xã chuyên sản xuất phụ tùng xe đạp, ngoài ra còn đúc lưỡi cày, đóng xe cải tiến, làm cào cỏ 64A. Ngày 11/12/1961, trong dịp về thăm Thanh Hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm hợp	Thành Công	

		tác xã. Tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 (1962) Hợp tác xã Thành Công được tuyên dương là một trong 4 lá cờ đầu. Từ đó hình thành nên <i>phong trào thi đua Cờ Ba Nhất, Gió Đại Phong, Sóng Duyên Hải, Lửa Thành Công, Trống Bắc Lý trên toàn miền Bắc.</i>		
95.	Thắng Lợi	Thắng Lợi - Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa chuyên làm bún và chăn nuôi lợn.	Thắng Lợi	
96.	Thọ Hạc	Thọ Hạc - Tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	Thọ Hạc	Đ
97.	Tịch Điền	Tịch Điền - Là tên một lễ hội khuyến khích dân chúng trồng trọt sản xuất, được bắt đầu từ năm 987 dưới thời vua Lê Đại Hành (980 - 1005). Về sau nhiều triều đại tiếp tục duy trì lễ hội này. Cho đến ngày nay, nhiều thế hệ lãnh đạo đứng đầu Trung ương và địa phương còn thực hiện phong tục này, thể hiện nét đẹp truyền thống văn hóa Việt Nam..	Tịch Điền	P
98.	Tiên Sơn	Tên động (động Tiên Sơn) nằm trên núi Rồng. Động có 3 - 4 tầng, thường được gọi là động 1, động 2, động 3. Ở mỗi động có nét đẹp độc đáo riêng. Các nhũ đá tạo hình tuyệt đẹp gắn với những truyền thuyết như tích Phật, tích Tiên, "Hoa quả sơn", "Hội bàn đào tiên"... Trên từng vách đá, từng ngách hang đâu đâu cũng thấy như trăm ngàn vạn vật đang được nảy nở sinh sôi.	Tiên Sơn	Đ
99.	Tiến Lực	Tiến Lực - Tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1960, (sau đổi là Tiến Thịnh), chuyên sản xuất đồ mộc dân dụng và xe gỗ làm cày bừa, cào cỏ cải tiến, xe cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp.	Tiến Lực	
100.	Tiên Phương	Tiên Phương - Tên hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập trong kháng chiến chống Mỹ, chuyên vận chuyển bằng xe đạp thồ, tham gia vận tải phục vụ tiền tuyến. Về sau hợp tác xã đã mở rộng ngành nghề, bằng việc sản xuất gạch nung phục vụ xây dựng cơ sở vật chất của nhà nước và gia đình.	Tiên Phương	
101.	Trường Thi	Trường Thi - Tên trường thi hương ở Thanh Hóa được lập năm 1807 và tồn tại đến năm 1918. Trước ở thôn Quảng Xá, xã Bồ Vệ, năm Gia Long thứ 11	Trường Thi	Đ, CTCC

		(1812) dời đến chỗ mới (khu vực đường Trường thi ngày nay). Cả nước lúc này có 6 trường thi hương. Năm 1850, vua Tự Đức cho Thanh Hóa được xây dựng trường thi theo quy chuẩn của trường thi tỉnh Thừa Thiên. Từ năm 1807 đến năm 1915, tại trường thi Thanh Hóa đã tổ chức 31 kỳ thi tuyển chọn được 439 Cử nhân. Một trong những dấu tích còn lại của trường thi Thanh Hóa là nhà bia và tấm bia lớn được dựng vào năm 1891 và đã được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử Văn hóa.		
102.	Tư Phố	Thành Tư Phố - Trấn thành Thanh Hóa ngày xưa nay thuộc xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa.	Tư Phố	
103.	Vạn Tiên	Vạn Tiên – Tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập vào năm 1960, chuyên làm đồ da như thắt lưng, ví, quai dép, dây đồng hồ. Trong quá trình sản xuất, hợp tác xã đã có nhiều sáng kiến hay như chế tạo máy xẻ da, tránh vụn nát, tận dụng được nguyên liệu, dùng da rắn để sản xuất,... Về sau tách một bộ phận xã viên sang sản xuất xà phòng.	Vạn Tiên	
104.	Vệ Đà	Vệ Đà- Tên làng cổ của Tp Thanh Hóa	Vệ Đà	Đ
105.	Vệ Yên	Vệ Yên - Tên làng cổ của tp Thanh Hóa	Vệ Yên	Đ
106.	Vĩnh Yên	Vĩnh Yên: Tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của TP Thanh Hóa	Vĩnh Yên	Đ
107.	Vườn Quan	Vườn Quan - Địa danh cổ của làng Nam Ngạn.	Vườn Quan	
108.	Yên Ngựa	Yên Ngựa - Tên chữ nho xưa là Mã Yên Sơn	Yên Ngựa	Đ
109.	Yên Vực	Yên Vực - Tên làng thuộc phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa. Làng Yên Vực nằm bên cầu Hàm Rồng. Trong kháng chiến chống Mỹ, Yên Vực được mệnh danh là “túi bom” - trọng điểm bắn phá ác liệt của kẻ thù. Sau sự kiện máy bay Mỹ ném bom cầu Đò Lèn (Hà Trung), năm 1964, đội Dân quân tự vệ làng Yên Vực với 75 thành viên được ra đời. Họ là những người tình nguyện không đi sơ tán, vừa sản xuất, vừa cùng bộ đội chiến đấu bảo vệ cầu Hàm Rồng- cây cầu huyết mạch nối liền con đường chuyên chở hàng hóa, đạn dược từ hậu phương ra tiền tuyến....	Yên Vực	

Tổng số: 109 tên trong đó 78 tên đã đặt

3.21. Thiệu Hóa

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Hồng Đô	Hồng Đô - Tên làng thuộc xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Làng có nghề thủ công truyền thống từ lâu đời, đó là nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt nhiễu... Nhiều Hồng Đô nổi tiếng khắp cả nước với những bí quyết của làng nghề rất đặc trưng và quý hiếm.	Hồng Đô	
2.	Ngô Xá	Ngô Xá - Tên làng thuộc xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa. Làng có phong trào Cách mạng khá sôi nổi trong những năm 1930 - 1945. Làng có Di tích lịch sử-Cách mạng đó là đình Ngô Xá Hạ.	Ngô Xá	
3.	Mao Xá	Mao Xá - Làng thuộc xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa. Làng có các phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930 - 1945.	Mao Xá	
4.	Lương Giang	Lương Giang - Tên huyện Thiệu Hóa thời Lê	Lương Giang	
5.	Trà Đông	Trà Đông - Tên làng nghề đúc đồng thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Theo truyền thuyết từ thời nhà Lý, dòng họ Vũ đưa nghề đúc đồng về cho làng Chè Đông nên ở làng còn có câu ca “Đất họ Lê - nghề họ Vũ” cũng có thuyết cho rằng nghề đúc đồng ở làng Chè Đông là do Ông Khổng Minh Không truyền nghề (Khổng Minh Không là một nhân vật huyền thoại). Đến thời Tự Đức (1848 - 1883) dân phường đúc đồng Trà Đông lập đền thờ thánh Khổng Minh Không - vị tổ sư nghề đúc đồng. Đây còn là quê hương của các bậc “văn thần - võ tướng” danh tiếng.	Trà Đông	
6.	Thiệu Thiên	Thiệu Thiên - Tên Phủ Thiệu Hóa thời Lê	Thiệu Thiên	
7.	Thị trấn Vạn Hà	Thị trấn Vạn Hà được thành lập năm 2000 trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Thiệu Hưng. Thị trấn Vạn Hà nằm ở trung tâm của huyện Thiệu Hóa, thuộc tả ngạn (bờ Bắc) của sông Chu. Thị trấn Vạn Hà nằm dọc theo quốc lộ 45, điểm nối giữa các thị trấn Vĩnh Lộc, Quán Lào ở phía Bắc với thị trấn Rừng Thông và với thành phố Thanh Hóa ở phía Nam.	Vạn Hà	P

Tổng số: 07 tên trong đó 1 tên đã đặt

3.22.Thọ Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Đông Minh	Đông Minh - Đây là tên nhà máy giấy (1947-1952) của Chính phủ được ra đời tại làng Quần Kênh, xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân nhằm sản xuất giấy bạc, in tiền phục vụ nền tài chính của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Đông Minh	
2.	Làng Thuần Hậu	Làng Thuần Hậu nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945	Thuần Hậu	
3.	Làng Trung Lập	Làng Trung Lập, xã Xuân lập là mảnh đất địa linh nhân kiệt nơi sinh ra Lê Đại Hành Hoàng Đế và nhiều bậc hiền tài khác. Trên địa bàn xã hiện nay có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp tỉnh và Quốc gia.	Trung Lập - Xuân Lập	
4.	Làng Xá Lê	Xá Lê nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân. Làng có các sự kiện và phong trào Cách mạng tiêu biểu thời kỳ 1930-1945.	Xá Lê	
5.	Làng Yên Lược	Làng Yên Lược, xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân là nơi có đặc sản chè tươi (chè xanh) nổi tiếng.	Yên Lược	
6.	Đình Phong Cốc	Đình Phong Cốc là tên một ngôi đình thuộc xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân, đình gắn với các sự kiện Cách mạng của Đảng, đình đã được xếp hạng Di tích lịch sử Cách mạng cấp Quốc gia.	Phong Cốc	
7.	Phố Đầm	Tên một con phố của huyện Thọ Xuân. Nơi giao thương buôn bán qua lại với người nước ngoài (chủ yếu là người Hoa và người Pháp thời Lê Trung hưng).	Phố Đầm	P
8.	Tứ Trụ	<p>Phố Tứ Trụ - là tên địa danh thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân. Nơi đây gắn liền với nghề truyền thống làm và bán bánh gai- Bánh gai làng Mía được đăng ký thương hiệu bánh gai Tứ Trụ trở thành đặc sản, thương hiệu nổi tiếng của cả nước.</p> <p>Thời Lê, trong các dịp cúng giỗ Lê Lợi và Lê Lai ("hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi"), bánh gai Tứ Trụ được chọn để cúng tế. Trước đây, bánh gai Tứ Trụ thường chỉ được làm trong các dịp giỗ tết, đình đám và đặc biệt để cúng tiến trong các ngày lễ tết,</p>	Tứ Trụ	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		ngày hội, ngày giỗ của thành hoàng. Hiện nay, bánh được làm quanh năm để phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng.		

Tổng số: 08 tên trong đó 01 tên đã đặt

3.23. Thường Xuân

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bù Rinh	Bù Rinh - Tên ngọn núi ở huyện Thường Xuân, có độ cao 1.296 m.	Bù Rinh	
2.	Cửa Đật	Cửa Đật - Tên địa danh thuộc huyện Thường Xuân, nơi hội tụ của 3 con sông: Sông Chu, sông Khao, sông Đật. Sông Chu bắt nguồn từ huyện Sầm Tó (Lào) chảy vào đất Việt tới Xuân Khao hợp lưu cùng sông Khao, tới Xuân Mỹ hòa cùng với sông Đật tạo nên phong cảnh núi non, kỳ vĩ, sơn thủy hữu tình.	Cửa Đật	
3.	Luận Khê	Luận Khê - Tên tổng của Châu Thường, nay là huyện Thường Xuân.	Luận Khê	
4.	Nhân Sơn	Nhân Sơn - Tên tổng của Châu Thường, nay là huyện Thường Xuân.	Nhân Sơn	
5.	Trịnh Vạn	Trịnh Vạn - Tên tổng của Châu Thường, nay là huyện Thường Xuân.	Trịnh Vạn	
6.	Xuân Khao	Tên một xã của huyện Thường Xuân hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đật.	Xuân Khao	Đ
7.	Xuân Mỹ	Tên một xã của huyện Thường Xuân hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đật.	Xuân Mỹ	Đ
8.	Xuân Liên	Tên một xã của huyện Thường Xuân hiện đã xóa tên trên bản đồ địa lý do di dân dành diện tích cho lòng Hồ Cửa Đật.	Xuân Liên	Đ

Tổng số: 08 tên trong đó 03 tên đã đặt

3.24. Tĩnh Gia

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Thuận	An Thuận - Tên huyện Tĩnh Gia xưa dưới thời Tùy - Đường	An Thuận	
2.	Công	Công - Thị trấn huyện Tĩnh Gia, địa danh có từ	Công	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		xa xưa, nằm trên trục đường Thiên lý Bắc Nam - rất quan trọng.		
3.	Cổ Bình	Cổ Bình - Tên huyện Tĩnh Gia thời thuộc Minh	Cổ Bình	
4.	Cổ Đông	Cổ Đông là tên xóm của làng Cộng Phú (Làng Còng) thuộc xã Phù Sa, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay thuộc xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia). Đến năm 1984, dân cư sáp nhập để thành Thị trấn Tĩnh Gia. Cổ Đông đã được đặt cho tên đường của thị trấn huyện Tĩnh Gia.	Cổ Đông	Đ
5.	Cư Phong	Cư Phong - Tên huyện Tĩnh Gia ngày xưa thời Hán.	Cư Phong	
6.	Do Xuyên	Do Xuyên - Tên làng, thuộc huyện Tĩnh Gia. Cùng với Ba Làng, đây là vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng của Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Nước mắm Do Xuyên đã được xuất đi các nơi từ rất xưa, đặc biệt từ thời Pháp thuộc; chủ yếu đi các tỉnh phía Bắc.	Do Xuyên	
7.	Đót Tiên	Đót Tiên là tên một ngôi chùa (chùa Đót Tiên) thuộc địa phận xã Hải Thanh, Tĩnh Gia, đây là Di tích lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia.	Đót Tiên	
8.	Khoa Giáp	Khoa Giáp là tên làng cổ đầu Thế kỷ XIX của huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia. Từ năm 1984 một bộ phận dân cư được tách nhập để thành lập Thị trấn	Khoa Giáp	Đ
9.	Lạch Bạng	Lạch Bạng là tên một cửa sông, thuộc địa phận xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, đây là cảng cá lớn, nổi tiếng, là nơi trú ngụ lý tưởng cho thuyền bè tránh bão gió và là nơi neo đậu khá thuận lợi cho ngư dân vào lộng, ra khơi giong buồm, thả lưới.	Lạch Bạng	
10.	Ngọc Sơn	Ngọc Sơn - tên huyện do Vua Lê Thái Tổ đặt thế kỷ XV, nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Ngọc Sơn	
11.	Thường Lạc	Thường Lạc - Tên huyện Tĩnh Gia xưa dưới thời Tam Quốc	Thường Lạc	
12.	Văn Bài	Văn Bài là tên gọi 1 làng thuộc xã Nguyên Bình đầu Thế kỷ XIX. Đến năm 1984, một bộ phận dân cư tách nhập để thành lập thị trấn Tĩnh Gia.	Văn Bài	Đ

Tổng số: 12 tên trong đó 03 tên đã đặt

3.25. Triệu Sơn

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Cổ Định	Cổ Định là làng cổ, nằm trên vùng đất tối cổ từ thời Hùng Vương, khu vực của xã Tân Ninh hiện nay. Tân Ninh được hình thành từ làng cổ mang tên Cổ Định, thuộc tổng Cổ Định, huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia. Làng Cổ Định (Kẻ Nua) vào năm 248 là căn cứ kháng chiến chống quân Đông Ngô của Bà Triệu.	Cổ Định	
2.	Kẻ Nua	Kẻ Nua của dân gian được phiên âm thành chữ Cổ Nua theo cách phiên âm của người Trung Quốc, đây là một làng Việt cổ được hình thành vào các thời đại các Vua Hùng với tên gọi Kẻ Nua.	Kẻ Nua	
3.	Ngàn Nua	Ngàn Nua là tên một dãy núi thuộc huyện Triệu Sơn trước đây thuộc huyện Nông Cống. Theo lịch sử, vào năm 248 Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Ngô đã đến Ngàn Nua lập căn cứ, chiêu mộ quân sĩ. Hiện nay trên đỉnh ngàn Nua có đền Am Tiên là ngọn núi cao nhất trong vùng với độ cao 538m so với mực nước biển.	Ngàn Nua	
4.	Quán Giắt	Quán Giắt - Vôn là một làng Việt Cổ, xuất hiện đầu tiên trong chuỗi các tên gọi của làng xã mang dấu ấn cổ xưa. Quán ở đây không phải là nhà ở của đạo sĩ liên quan đến Đạo giáo mà Quán ở đây được hiểu là quán dịch tức là nhà trạm, là nơi dừng chân của khách bộ hành trên đường Thiên lý Bắc Nam.	Quán Giắt	
5.	Sim	Sim - Địa danh nổi tiếng từ xa xưa, thuộc huyện Triệu Sơn trên trục giao thông chính (thời kỳ kháng chiến chống Pháp) nổi vùng Triệu Sơn và các huyện Tây - Tây Nam Thanh Hóa.	Sim	
6.	Làng Quần Tín	Làng Quần Tín: Thuộc xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, là một địa danh Cách mạng trong kháng chiến. Sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều cơ quan nhà nước và nhân dân Hà Nội phải di tản vào vùng tự do Thanh Hóa, các lớp văn hóa kháng chiến của Liên khu 4 được tổ chức tại làng Quần Tín, Quần Tín đã được chọn và trở thành một "An toàn khu", là cái nôi của Hội Văn nghệ Việt Nam thời chống Pháp.	Quần Tín	

Tổng số: 06 tên

3.26. Vĩnh Lộc

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên đề nghị dùng	Đã đặt
1	Cầm Bào	Cầm Bào - Tên làng thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc. Là một trong những địa phương có phong trào Cách mạng mạnh mẽ, là địa bàn hoạt động của đội du kích Ngọc Trạo.	Cầm Bào	
2	Nam Giao	Nam Giao - Tên một đàn tế thời Hồ (Đàn tế Nam Giao) thuộc huyện Vĩnh Lộc, đây là Di tích khảo cổ học thuộc di văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.	Nam Giao	
3	Phố Giáng	Tên một con phố của huyện Vĩnh Lộc	Phố Giáng	P
4	Phủ Quảng	Phủ Quảng - Tên gọi tắt của Phủ Quảng Hóa được thành lập năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) gồm các huyện Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quảng Địa (sau nhập vào huyện Thạch Thành). Lỵ sở của phủ này ở gần thị trấn Vĩnh Lộc ngày nay, đó là một thành đất chu vi 80 trượng, mở hai cửa, hào rộng hai trượng. Sau năm 1945, phủ này được chia thành các huyện tương ứng trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, địa danh Quảng Hóa không còn tồn tại nữa.	Phủ Quảng	
5	Thổ Phụ	Thổ Phụ - Tên làng thuộc xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc. Làng có phong trào Cách mạng mạnh mẽ thời kỳ 1930 - 1945.	Thổ Phụ	

Tổng số: 05 tên trong đó 01 tên đã đặt

3.27. Yên Định

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	An Định	An Định - Tên huyện thời Đại Việt tự chủ.	An Định	
2.	Bái Châu	Bái Châu - Tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Bái Châu có 16 xã, thôn, trang.	Bái Châu	
3.	Đa Lộc	Đa Lộc - Tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Đa Lộc có 10 xã, thôn, trang.	Đa Lộc	
4.	Đan Nê	Đan Nê - Tên tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Đan Nê có 16 xã, thôn, trang.	Đan Nê	
5.	Định Công	Định Công - Tên xã thuộc huyện Yên Định, tỉnh	Định Công	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thanh Hóa. Trong các năm 1973 và năm 1977 phát hiện di vật văn hóa khảo cổ học Đông Sơn gồm 6 trống đồng. Những năm 1970, Hợp tác xã nông nghiệp Định Công, huyện Yên Định là một điển hình sản xuất nông nghiệp nổi tiếng trong và ngoài tỉnh, được nhiều nơi học tập.		
6.	Đông Lý	Đông Lý - Tên tổng dưới thời Nguyễn, huyện Yên Định chia thành 08 tổng, tổng Đông Lý có 24 xã.	Đông Lý	
7.	Đồng cỏ	<p>Đồng Cỏ là tên một ngôi đền nổi tiếng thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, nơi đây thờ thần Đồng Cỏ hay còn gọi là thần trống đồng, thần đã theo giúp vua Hùng đánh giặc ở Hồ Tồn. Khi thắng trận trở về, Vua Hùng vào đền làm lễ tạ ơn, cho đúc trống đồng và phong cho thần là "Đồng Cỏ Đại Vương".</p> <p>Đền Đồng Cỏ là nơi Lý Phật Mã từng nghỉ chân khi đi đánh Chiêm Thành và được thần Đồng Cỏ báo mộng, theo giúp.</p> <p>Sử sách từng ghi: Năm 1020 khi Thái tử Lý Phật Mã theo lệnh vua cha Lý Thái Tổ đi đánh Chiêm Thành. Khi đến Trường Châu (bờ phải sông Mã, nay thuộc xã Yên Thọ), một đêm, thần Đồng Cỏ báo mộng cho Lý Phật Mã: "Tôi là thần núi Đồng Cỏ, nghe tin thái tử sang đánh phương Nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập chút công nhỏ.". Sau khi thắng trận trở về, Lý Phật Mã qua Trường Châu làm lễ tạ ơn và xin được rước linh vị của thần Đồng Cỏ về Kinh đô thờ phụng để giữ nước hộ dân.</p>	Đồng cỏ	Đ
8.	Hải Quạt	Hải Quạt - Tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Hải Quạt có 11 xã, thôn.	Hải Quạt	
9.	Phố Kiều	Phố Kiều: Thị trấn Kiều (cũ) nay thuộc xã Yên Trường, gọi là Phố Kiều.	Kiều	P
10.	Khoái Lạc	Khoái Lạc - Tên Tổng thuộc huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Khoái Lạc có 9 xã, thôn.	Khoái Lạc	
11.	Làng Ngọc Vực	Làng Ngọc Vực - Tên làng thuộc xã Yên Thịnh, huyện Yên Định. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - đình làng Ngọc Vực.	Ngọc Vực	

STT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Đình được xây dựng từ thế kỷ XVII - là nơi duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống, đấu tranh Cách mạng của quần chúng nhân dân. Trong những năm chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945) đình được gọi là Đình “cứu quốc”.		
12.	Phúc Tĩnh	Phúc Tĩnh - Tên làng thuộc xã Yên Thịnh, huyện Yên Định. Nơi đây có ngôi đình nổi tiếng - đình Phúc Tĩnh được xây dựng năm 1670, thờ Khai quốc công thần thời Lê - là nơi duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống làng. Nơi đã diễn ra các sự kiện lịch sử trọng đại trong giai đoạn 1930 - 1945, là cơ sở cho sự hình thành chiến khu Đa Ngọc (Yên Giang).	Phúc Tĩnh	
13.	Quán Lào	Quán Lào - Thị trấn Quán Lào nằm ở phía Nam của huyện Yên Định. Thị trấn Quán Lào có diện tích 1,47 km ² . Theo Tổng điều tra dân số năm 1999, Thị trấn Quán Lào có số dân 3.160 người. Thị trấn Quán Lào nằm dọc theo quốc lộ 45, điểm nối giữa thị trấn Vĩnh Lộc ở phía Bắc với các thị trấn Vạn Hà, Rừng Thông và với thành phố Thanh Hóa ở phía Nam.	Quán Lào	P
14.	Quan Yên	Quan Yên - Tên một ngọn núi thuộc xã Định Công, huyện Yên Định. Trên núi Quan Yên năm 1978 các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện được những vết tích của con người sơ kì thời đại đồ đá cũ.	Quan Yên	
15.	Quân Ninh	Quân Ninh - Tên huyện Yên Định ngày xưa thời Thuộc Đường.	Quân Ninh	
16.	Quân Yên	Quân Yên - Tên huyện Yên Định thời Tùy	Quân Yên	
17.	Trịnh Xá	Trịnh Xá - Tên tổng của huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Trịnh Xá có 12 xã, thôn, phường.	Trịnh Xá	
18.	Yên Định	Tên Tổng của huyện Yên Định trước năm 1945. Tổng Yên Định có 8 xã, thôn.	Yên Định	

Tổng số: 18 tên trong đó 03 tên đã đặt

4. Tên địa phương kết nghĩa với Thanh Hóa

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Huyện Duy Xuyên (Quảng Nam)	<p>Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Nông Công với huyện Duy Xuyên (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nông Công và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Duy Xuyên thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.</p>	Duy Xuyên	CTCC
2.	Huyện Đại Lộc (Quảng Nam)	<p>Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Tĩnh Gia với huyện Đại Lộc (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tĩnh Gia và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Đại Lộc thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.</p>	Đại Lộc	
3.	Huyện Điện Bàn (Quảng Nam)	<p>Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Hoàng Hóa với huyện Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Hoàng Hóa và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Điện Bàn thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng</p>	Điện Bàn	

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		chủ nghĩa xã hội. Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.		
4.	Huyện Hòa Vang (Đà Nẵng)	<p>Huyện Hòa Vang (nay thuộc TP. Đà Nẵng): Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Quảng Xương với huyện Hòa Vang (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Quảng Xương và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Hòa Vang thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.</p>	Hòa Vang	CTCC
5.	Huyện Quế Sơn (Quảng Nam)	<p>Huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Thọ Xuân với huyện Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức. Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Thọ Xuân và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Quế Sơn thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.</p>	Quế Sơn	Đ
6.	Huyện Tam Kỳ (Quảng Nam)	<p>Huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Triệu Sơn với huyện Tam Kỳ (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Triệu Sơn và đại diện Mặt trận giải phóng</p>	Tam Kỳ	

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		miền Nam huyện Tam Kỳ thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.		
7.	Huyện Thăng Bình (Quảng Nam)	<p>Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa huyện Đông Sơn với huyện Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đông Sơn và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Thăng Bình thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.</p> <p>Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.</p>	Thăng Bình	
8.	Thị xã Hội An (Quảng Nam)	<p>Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa thị xã Thanh Hóa (nay là tp. Thanh Hóa) với thị xã Hội An (nay là tp. Hội An) (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p> <p>Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Thanh Hóa và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam thị xã Hội An thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai thị xã nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mọi quan hệ kết nghĩa giữa hai thành phố đến nay vẫn được duy trì và phát triển.</p>	Hội An	CTCC
9.	Huyện Tiên Phước (Quảng Nam)	<p>Huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam: Ngày 12 tháng 3 năm 1960, sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam được tổ chức trọng thể tại thị xã Thanh Hóa, lễ kết nghĩa giữa hai huyện Nga Sơn với huyện Tiên Phước (tỉnh Quảng Nam) được tổ chức.</p>	Tiên Phước	Đ

STT	Tên địa phương kết nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Tại buổi lễ, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nga Sơn và đại diện Mặt trận giải phóng miền Nam huyện Tiên Phước thay mặt Đảng bộ và nhân dân hai huyện nguyện kề vai sát cánh, chung sức chung lòng chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện đến nay vẫn được duy trì và ngày càng phát triển.		
10.	Tỉnh Hòa Phăn (Lào)	Tỉnh Hòa Phăn, nước CHDCND Lào: Thuộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa (1967). Kể từ khi ký kết cho đến nay, hai tỉnh đã có nhiều hoạt động thiết thực, giao lưu, trao đổi, hợp tác, góp phần thắt chặt tình hữu nghị Việt Nam - Lào; Thanh Hóa - Hòa Phăn.	Hòa Phăn	
11.	Tỉnh Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam: Là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện Nghị quyết 15 của BCH TW Đảng (khóa 2) về việc các tỉnh - thành miền Bắc kết nghĩa với các tỉnh - thành miền Nam, nhằm tạo thành sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc động viên chi viện chiến trường tiến hành cuộc kháng chiến Giải phóng miền Nam - Thống nhất đất nước. Ngày 12/3/1960, tại thị xã Thanh Hóa (TP. Thanh Hóa ngày nay), đoàn đại biểu Quảng Nam do Ông Trần Đình Tri, Tổng thư ký Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (khóa 1) dẫn đầu, cùng đại biểu Ban Thống nhất Trung ương vào Thanh Hóa cùng Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa, trước sự chứng kiến của hàng vạn chiến sĩ - đồng bào tiến hành kết nghĩa anh em thực hiện lời thề Thống nhất Bắc - Nam vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.	Quảng Nam	

Tổng số: 11 tên, 05 tên đã dùng

II. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

STT	Danh từ	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1	Đoàn Kết	Đoàn Kết là truyền thống quý báu của dân tộc. Đầu năm 1951, thời điểm cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta có nhiều diễn biến mới. Phát biểu tại Hội nghị đại biểu Việt Minh - Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công”. Câu nói bất hủ đó đã khái quát một chân lý trong quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh: Đoàn kết là cái gốc làm nên thành công và đại đoàn kết tạo thành sức mạnh dẫn đến đại thành công.	Đoàn Kết	Đ
2	Độc Lập	Độc lập là quyền bất khả xâm phạm của một đất nước, một Quốc gia bởi chính người dân sinh sống ở đó, có nghĩa là có chủ quyền tối cao. Khái niệm “Độc lập” có ý nghĩa tương phản với “Nô dịch” (sự khuất phục). Đây là khát vọng của toàn dân tộc khi đất nước ta còn chìm trong đêm dài nô lệ.	Độc Lập	
3	Giải Phóng	Giải phóng là làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc; là thoát khỏi tình trạng bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng.	Giải Phóng	
4	Hòa Bình	Hòa bình là trạng thái xã hội không có chiến tranh, không dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ giữa các Quốc gia, dân tộc, các nhóm chính trị xã hội. Hòa bình đối lập với chiến tranh.	Hòa Bình	Đ
5	Hồng Đức	Tên một trong hai niên hiệu của vua Lê Thánh Tông và tên một Cổ luật Việt Nam: Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều hình luật).	Hồng Đức	CTCC
6	Thanh Niên	Thanh niên là lực lượng to lớn, là nguồn lực dồi dào, mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước.	Thanh Niên	Đ
7	Thành Công	Thành công: Là sự thắng lợi, thành quả đạt được sau quá trình nỗ lực, cố gắng.	Thành Công	

8	Thông Nhất	Thông nhất: Là mong muốn của toàn dân khi đất nước bị thực dân Pháp chia thành 3 kỳ và khi đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ. Là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối, cả nước cùng đi lên xây dựng CNXH theo con đường Cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn cho toàn dân tộc.	Thông Nhất	CTCC
9	Tự Do	Tự do: Là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động chính trị - xã hội.	Tự Do	

Tổng số: 09 tên, 05 tên đã đặt

III. TÊN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA TỈNH THANH HÓA

(Tổng số: 22 tên trong đó 01 tên đã đặt)

1. Tên Di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ	<p>Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ còn có tên là Tây Giai - Tây Đô, thuộc hai xã Vĩnh Long, Vĩnh Tiên, huyện Vĩnh Lộc. Thành xây năm 1397.</p> <p>Thành nhà Hồ trước đây là Kinh đô của nước Đại Ngu, hiệu là Việt Nam thời nhà Hồ nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, gần quốc lộ 45, cách Hà Nội khoảng 150 km. Thành Nhà Hồ là một trong những di sản văn hóa Thế giới ở Việt Nam, nổi bật với kiến trúc thành lũy độc đáo bằng đá duy nhất còn lại ở Đông Nam Á. Với những giá trị nổi bật toàn cầu, ngày 27/6/2011, Thành nhà Hồ chính thức được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.</p>	Tây Đô	
2.	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Lam Kinh	<p>Di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh là nơi thờ cúng các vị Liệt tổ, Liệt tông, đồng thời đây cũng là sơn lăng để an táng các vua và Hoàng hậu thời Lê sơ sau khi băng hà.</p> <p>Hàng năm vua quan triều đình vẫn thường tổ chức về bái yết sơn lăng với nghi lễ quốc tế trọng thể. Nơi đây, đồng thời cũng là quê hương của Hoàng đế Lê Lợi và các vua của vương triều Hậu Lê.</p> <p>Địa danh Lam Kinh trở thành một vùng đất thiêng, nổi tiếng của đất nước trong nhiều thế kỷ. Khu Di tích được xây dựng vào thế kỷ XV.</p> <p><i>Tên Lam Kinh được dùng đặt tên một ngôi trường THPT Lam Kinh, huyện Thọ Xuân.</i></p>	Lam Kinh	CTCC
3.	Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong	<p>Di tích Quốc gia đặc biệt Hang Con Moong nằm trong dãy núi đá vôi Lai Châu - Ninh Bình, thuộc địa phận bản Mọ xã Thành Yên, huyện Thạch Thành. Năm 1975 di chỉ hang Con Moong được phát hiện và khai quật. Kết quả khai quật với tầng văn hóa dày tới 10m của Hang Con Moong, những dấu vết của người tiền sử vẫn còn hiện hữu nguyên vẹn.</p> <p>Chính nơi đây đã chứng kiến các giai đoạn phát</p>	Con Moong	

STT	Tên Di tích	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		triển liên tục, phong phú của xã hội loài người từ sơ kỳ đồ đá cũ đến thời đại đồ đá mới. Với những giá trị độc đáo, mang tính toàn cầu, Chính phủ đã đồng ý lập hồ sơ đề cử Hang Con Moong là Di sản văn hóa Thế giới.		
4.	Di tích Quốc gia đặc biệt- Khu Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Bà Triệu	<p>Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Di tích kiến trúc nghệ thuật đền Bà Triệu thờ vị nữ anh hùng dân tộc tên là Triệu Thị Trinh, người đã có công đánh đuổi quân xâm lược Đông Ngô (Trung Quốc) vào giữa thế kỷ thứ 3 SCN. Đền nằm trên núi Gai, ngay sát Quốc lộ 1A, đoạn đi qua thôn Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Cách thành phố Thanh Hóa 18 km về phía Bắc và cách Hà Nội 137 km về phía Nam.</p>	Bà Triệu	

Tổng số: 04 tên, trong đó 1 tên đã đặt

2. Tên danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Bãi biển Sầm Sơn	Bãi biển Sầm Sơn là địa danh thuộc thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nơi đây có bãi biển nổi tiếng từ thời Pháp thuộc, là khu nghỉ mát lý tưởng của du khách. Suốt dọc bờ biển từ Lạch Hới tới chân núi Trường Lệ là bãi cát thoải thoải, sóng dịu êm, nước trong xanh, chan hòa trong gió nắng mùa Hè. Đây là trọng điểm du lịch của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.	Sầm Sơn	
2.	Biển Hải Hòa	Biển Hải Hòa thuộc huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, được du khách đánh giá là bãi biển có cát trắng mịn, độ dốc thoải, nước trong, không có phù sa lắng đọng, không có bãi đá ngầm, sóng biển vừa phải, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.	Hải Hòa	
3.	Biển Hải Tiến	Biển Hải Tiến thuộc huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa, đây là bãi biển đẹp, thơ mộng, nguyên sơ, được du khách đánh giá là bãi biển có cát trắng mịn, độ dốc thoải, nước trong, không có bãi đá ngầm, sóng biển vừa phải, được nhiều du khách tới tham quan nghỉ dưỡng.	Hải Tiến	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
4.	Cửa Hà	Cửa Hà nằm ở đoạn sông Mã chảy trên đất Cẩm Thủy qua những thác ghềnh như thác Ngọc, thác Sóng Ngàn đến đất Phong Ý lòng sông mở rộng (trên 200 m) trông như một hồ lớn, nước trong xanh hiền hòa trong mùa khô, cuộn xoáy trong mùa mưa, bờ bên tả là vách núi dựng đứng (cao trên 220 m), đỉnh núi nhấp nhô. Nơi đây tập trung các bè gỗ, luồng nứa rất nhiều để đổ về xuôi; cảnh trên bến dưới thuyền, đông vui nhộn nhịp. Tên Cửa Hà có từ đầu thế kỷ XIX, khi huyện lỵ Cẩm Thủy chuyển từ Cẩm Vân về Phong Ý thuộc địa phận 2 xã Cẩm Sơn và Cẩm Phong. Cửa Hà có vẻ đẹp ngoạn mục của một cửa sông miền xuôi. Cảnh ngoạn mục ấy nằm ngay bên vùng rừng núi hùng vĩ, âm u của miền sơn cước tạo nên vẻ đẹp riêng khiến cho Cửa Hà trở thành một thắng cảnh của xứ Thanh. Sách <i>Dư địa chí</i> của Nguyễn Trãi, <i>Kiến văn tiểu lục</i> của Lê Quý Đôn đã xếp Cửa Hà là danh thắng.	Cửa Hà	
5.	Cửa Thần Phù	Thần Phù là cửa biển cổ nay thuộc xã Nga Thiện, Nga Giáp, Nga An, Nga Điền, Nga Phú, huyện Nga Sơn; Ở đây có núi Thiết Giáp và núi Thần Đầu, có bia chữ Thần chữ Hán được khắc từ thế kỷ XVIII; có nhiều hang động đẹp như Động Bạch Á, Động Từ Thức, Động Lục Động. Nhiều bậc danh sĩ, nhà vua đã ca ngợi cảnh đẹp của vùng non nước này.	Thần Phù	
6.	Đền Cô Tiên - Hòn Trống Mái	Đền Cô Tiên - Hòn Trống Mái trên núi Trường Lệ (Sầm Sơn) là quần thể Di tích danh thắng nổi tiếng của Thanh Hóa, được xếp hạng là Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia.	Cô Tiên	
7.	Động Hồ Công	Động Hồ Công (xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc) nổi tiếng từ xưa. Dưới chân núi có chùa Du Anh (tức chùa Thông - xây dựng năm 1270) và trên lưng chừng núi có động Hồ Công. Động Hồ Công từng được người xưa liệt vào kỳ quan bậc nhất ở phương Nam. Truyền thuyết kể là xưa kia, ở đây có chàng Trịnh Phát Giác được gặp vị tiên là Hồ Công Long,	Hồ Công	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>cho vào ở trong một quả bầu là một thế giới thần tiên, con người cực kỳ sung sướng. Khi Trịnh được về, Hồ Công cho một cái gậy rút, y như chuyện Phí Trường Phòng ở Trung Quốc ngày xưa. Bên đường lên động, trên một phiến đá tự nhiên có khắc dòng chữ: “Thanh kỳ khả ái” (xứ Thanh kỳ lạ đáng yêu).</p> <p>Nhiều văn nhân, danh sĩ đã đề thơ tại đây như: Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nghiễm, Trịnh Sâm, Ngô Thì Sĩ, Lê Thánh Tông ...</p>		
8.	Động Kim Sơn	<p>Động Kim Sơn ở (xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc) là một vùng sơn thủy hữu tình, rộng khoảng 150 ha, trong đó có 80 ha là hồ vục. Vào động, phải đi thuyền luôn qua hang (như cách vào động Phong Nha, Quảng Bình). Phía trong là nhiều động, nhiều khối đá, có hồ rộng, có cả những động lộ thiên, có cầu đá tương truyền là cầu Tiên Bắc. Một ngôi động lớn hơn, được cho là nơi vua Trần đã vào đây ẩn nấp khi đánh quân Nguyên Mông. Đặc biệt, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi đây là công binh xưởng sản xuất vũ khí của quân đội, đồng thời là nơi trú ẩn của nhân dân. Kim Sơn cũng có nhiều bia, có nhiều thơ, văn, đại tự, mỹ tự... đề vịnh được khắc sâu vào vách động.</p>	Kim Sơn	
9.	Động Tiên Sơn	<p>Tiên Sơn là tên một động ở xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, cách động Kim Sơn khoảng 500m theo đường chim bay, đây là thắng cảnh nổi tiếng của Thanh Hóa đã được xếp hạng Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia.</p>	Tiên Sơn	
10.	Hòn Mê	<p>Hòn Mê là tên quần đảo, cũng là tên đảo lớn nhất, thuộc xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đảo Hòn Mê cách đất liền 11 km, gồm 17 đảo lớn nhỏ, diện tích tổng cộng 450 ha, riêng đảo Hòn Mê, còn gọi là Hòn Mê Lớn, có diện tích 420 ha. Ngoài đảo chính là Hòn Mê, còn có các đảo: Hòn Bung, Hòn Cháy, Hòn Ruộc, hai đảo Hòn Diêm, Hòn Miệng, Hòn Buồm, ba đảo Hòn Sỏ, Hòn Sập, Hòn Nếu Trong, Hòn Nếu Ngoài, Hòn Bò, Hòn Vàng, Hòn</p>	Hòn Mê	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Sảnh, Hòn Đót. Hòn Mê là căn cứ quân sự tiêu biểu của Thanh Hóa.		
11.	Hòn Nẹ	Đảo Nẹ diện tích 17,81 ha. Trên Đảo Nẹ có lực lượng vũ trang đóng quân. Trên đảo Nẹ có đền thờ vị thần Nẹ Sơn tôn thần (còn gọi là đức vua Thông Thủy) đã được xếp hạng là Di tích cấp tỉnh.	Hòn Nẹ	
12.	Lũng Nhai	Lũng Nhai thuộc huyện Thường Xuân, là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Nơi đây, vào khoảng tháng 2, tháng 3 năm Bính Thân (1416), đã diễn ra Hội thề Lũng Nhai do Lê Lợi cùng 18 người bạn tổ chức. Hội thề đã làm lễ tế cáo trời đất, kết nghĩa anh em, nguyện hợp sức đánh đuổi ách thống trị của quân Minh. Hội thề là khởi đầu hình thành bộ chỉ huy và lực lượng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau đó hai năm (1418).	Lũng Nhai	
13.	Núi Nhồi	Núi Nhồi tên chữ là núi An Hoạch cách trung tâm thành phố Thanh Hóa khoảng 3km về phía Tây, thuộc địa phận hai xã Đông Hưng và Đông Tân (ngày nay thuộc địa phận thành phố Thanh Hóa). Bao quanh núi Nhồi gồm các núi quần tụ liền nhau, đó là núi Đông (phía Tây), núi Chân Thần (phía Tây Nam), núi Nấp (Quảng Nấp phía Nam), núi Chông Mâm (núi Đình Thượng – phía Bắc). Dưới chân núi là dòng Hương Giang lượn quanh làng xóm đông đúc rồi thông ra sông Mã, tạo nên cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hữu tình. Xưa kia dưới chân núi Đông, đã từng diễn ra cảnh trên bến dưới thuyền, tấp nập kẻ mua người bán các sản phẩm chế tác từ đá núi Nhồi. Đá núi Nhồi đã đi muôn nơi, có mặt ở hầu khắp các công trình kiến trúc, lăng tẩm, đền đài, bia ký, tượng đá. Chất đá ở đây nổi tiếng là quý hiếm, không nơi nào có được. Đó là sản vật quý của mọi người, sắc đá óng ánh như ngọc lan, chất xanh biếc như khói nhạt, tiếng đá vang trong, nổi tiếng tận Trung Hoa. Thời Bắc thuộc, các Thái thú lấy đá núi Nhồi làm khánh chở về Trung Quốc, khánh đá núi Nhồi kêu ngân vang như tiếng chuông.	An Hoạch	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
14.	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu	Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu được thành lập năm 1999, với diện tích 23.249,45 ha thuộc địa phận huyện Quan Hóa và Mường Lát, phía Tây tỉnh Thanh Hóa(cách tp. Thanh Hóa 130 km). Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu là sự kết hợp giữa hệ sinh thái núi đá vôi với hệ sinh thái núi đất và hệ sinh thái rừng độc đáo, với nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Pù Hu có 2 kiểu rừng chính. Rừng thường xanh đất thấp. Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu đã được quy hoạch phát triển du lịch tại Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 20/01/2009, về việc Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phát triển Du lịch Khu bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu, giai đoạn 2008-2015.	Pù Hu	
15.	Khu Sinh thái Pù Luông	Khu Sinh thái Pù Luông, thuộc địa phận hai huyện Quan Hóa và Bá Thước, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông hiện đang lưu giữ những giá trị cảnh quan thiên nhiên phong phú, hệ động thực vật đa dạng, các cánh rừng bất tận, ruộng bậc thang trùng điệp cộng, những người dân Thái, người Mường nơi đây giản dị, mộc mạc ...tất cả sẽ đem lại cho du khách cảm giác như lạc vào một thung lũng cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, là điểm đến hấp dẫn với những ai ưa thích khám phá thiên nhiên...	Pù Luông	
16.	Suối cá thần Cẩm Lương	Suối cá Cẩm Lương (hay còn gọi là Mỏ cá Cẩm Lương, hang cá Cẩm Lương) nằm trong địa phận làng Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, cách huyện lỵ Cẩm Thủy 10 km về phía Tây – Bắc, cách thành phố Thanh Hóa 80 km về phía Tây. Điểm đặc biệt ở đây là có đàn cá sống ở suối với hàng nghìn con lớn, nhỏ khác nhau sinh sống tự nhiên, không bao giờ ra khỏi phạm vi dòng suối. Vì vậy đàn cá được dân bản địa phong là Cá Thần, mọi người không dám đánh bắt ăn thịt. Và cứ thế, cùng với thời gian, đàn cá ngày càng sinh sôi, nảy nở. Suối cá thần Cẩm Lương là sản phẩm độc đáo của thiên nhiên, với cảnh quan tuyệt đẹp.	Cẩm Lương	

STT	Tên danh lam thắng cảnh	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
17.	Thác Ma Hao	Thác Ma Hao thuộc bản Năng Cát, huyện Lang Chánh, đây là thác lớn nhất của sông Cây thuộc huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Đây là địa danh nổi tiếng của tỉnh Thanh Hóa, có thắng cảnh đẹp, tiềm năng phát triển thủy điện và du lịch sinh thái, rừng cây cung cấp nước ngọt và thực phẩm cho đồng bào các dân tộc, có nguồn nước ngầm phong phú, đã được công nhận danh thắng cấp tỉnh.	Ma Hao	
18.	Vườn Quốc gia Bến En	Vườn Quốc gia Bến En là địa danh thuộc huyện Như Thanh. Đây là một vùng rừng núi, sông hồ rộng khoảng hơn 16.000 ha ạn mang vẻ hoang dã với hệ động thực vật đa dạng và phong phú. Có nhiều loại động thực vật quý hiếm như: Voi, Gấu, Hổ, Vọc má trắng, Lim, Lát hoa, Chò chỉ ... có cây Lim xanh đã tồn tại cả ngàn năm tuổi. Bến En còn có hơn 4.000ha mặt hồ với 21 hòn đảo lớn nhỏ tạo nên cảnh quan thiên nhiên vô cùng quyến rũ. Dãy núi đá Hải Vân có nhiều hang động đẹp như hang Ngọc, động suối tiên... lôi cuốn du khách ưa khám phá và mạo hiểm. Đây là khu danh thắng nổi tiếng của tỉnh - là địa chỉ du lịch sinh thái hấp dẫn đối với bất kỳ ai yêu thích vẻ nguyên sơ của tạo hóa.	Bến En	

Tổng số: 18 tên

IV. TÊN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, SỰ KIỆN LỊCH SỬ, CHIẾN THẮNG CHỐNG XÂM LƯỢC CÓ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA QUỐC GIA VÀ THANH HÓA

(Tổng số: 37 tên trong đó 17 tên đã đặt).

1. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia.

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Ba mươi tháng Tư (30/4)	Ba mươi tháng Tư: Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam đã diễn ra gần hai tháng vào Mùa Xuân 1975 với ba chiến dịch lớn là: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ Cách mạng đã tung bay trên nóc Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng trong chiến dịch Hồ Chí Minh và cũng là chiến thắng vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.	Ba mươi tháng Tư	
2.	Cách mạng Tháng Tám	Cách mạng Tháng Tám (ngày 19/8/1945): Là cuộc Cách mạng thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam, đập tan xích xiềng nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế gần một nghìn năm trên đất nước Việt Nam.	Cách mạng Tháng Tám	
3.	Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947	Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947: Là một chiến dịch quân sự do quân đội Pháp thực hiện nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta. Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp". Sau 75 ngày đêm chiến đấu, quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc. Việt Bắc trở thành thủ đô kháng chiến.	Việt Bắc	P
4.	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427)	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang: Sau một loạt thất bại nặng nề của địch, nhà Minh cử viện binh chia làm 2 đạo quân, một đạo quân do Liễu Thăng và một đạo quân do Mộc Thạnh chỉ huy tiến	Chi Lăng	Đ

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>sang Đại Việt. Sau khi Liễu Thăng cầm đầu 10 vạn quân vượt biên giới tiến vào vùng Lạng Sơn, quân ta vừa đánh vừa rút lui để nhử địch vào trận địa mai phục ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn); tại đây toàn bộ đội quân tiên phong của địch bị tiêu diệt gọn; Liễu Thăng bị chém chết bên sườn núi Mã Yên; tàn quân rút về thành Xương Giang nhưng căn cứ này cũng đã bị quân ta chiếm giữ từ 10 ngày trước.</p> <p>Cuối cùng chúng phải đóng quân tại cánh đồng Xương Giang. Tại đây, ngày 3/11/1427 quân địch đã bị quân ta bao vây tiêu diệt gọn (địa bàn Lạng Sơn).</p>		
5.	Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954	<p>Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954: Là trận đánh lớn nhất trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, diễn ra tại lòng chảo Mường Thanh, châu Điện Biên (nay là thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) giữa quân đội Pháp và Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đây là chiến thắng vĩ đại nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 của Việt Nam, góp phần quyết định giải phóng một nửa đất nước (miền Bắc) khỏi ách đô hộ gần 100 năm của thực dân Pháp xâm lược.</p>	Điện Biên Phủ	CTCC
6.	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965)	<p>Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965): Trong hai ngày 03 và 04 tháng 4 năm 1965, là cuộc đối đầu lịch sử của quân và dân ta với sức mạnh của “không lực Hoa Kỳ” mà thắng lợi đã thuộc về nhân dân ta.</p> <p>Quân và dân Thanh Hóa nói chung, quân và dân Hàm Rồng nói riêng đã làm nên một kỳ tích, đó là đã phối hợp chiến đấu chống lại máy bay Mỹ ném bom đánh phá Hàm Rồng và lập nên chiến thắng oanh liệt, với 47 máy bay hiện đại của không lực Hoa Kỳ bị bắn hạ, bắt sống nhiều giặc lái.</p> <p>Chiến thắng Hàm Rồng đã làm nức lòng bạn bè khắp năm châu bốn biển, được Trung ương Đảng và Bác Hồ khen ngợi, nhân dân cả nước ngưỡng mộ, cổ vũ, khâm phục. Chiến thắng Hàm Rồng đã làm phá</p>	Hàm Rồng	CTCC

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		sản âm mưu của địch đánh sập cầu Hàm Rồng, giữ vững tuyến đường chiến lược Bắc - Nam nối liền hậu phương với tiền tuyến. Chưa có một cuộc chiến tranh nào trong lịch sử nước Mỹ, chỉ trong hai ngày mà chúng đã bị thiệt hại cả máy bay và người lái nhiều đến như vậy.		
7.	Chiến thắng Hàm Tử - Tây Kết (kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ 2)	Hàm Tử (cửa Hàm Tử) địa danh lịch sử nổi tiếng, thuộc xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày nay. Tại đây đã diễn ra trận quyết chiến giữa đội quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật với 5 vạn quân Nguyên vào tháng 5/1285, góp phần tiêu diệt và quét sạch 50 vạn quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, giải phóng đất nước.	Hàm Tử	Đ
8.	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789)	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa: Tháng 11 năm 1788, quân Thanh ồ ạt tiến vào nước ta, chiếm được Thăng Long; ngày 22-12-1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, sau khi lên ngôi, Quang Trung đã chỉ huy binh sĩ đánh chiếm các đồn tiêu biểu của địch như Gián Khẩu, Thanh Quyết, Nhật Tảo, Hà Hồi; sau khi thất thủ các đồn trên, địch đã lập tức tăng viện, củng cố đồn Ngọc Hồi - một vị trí then chốt ở mặt Nam Thăng Long. Ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (30-1-1789), đội tượng binh của Quang Trung bất ngờ tiến công và hạ đồn; phối hợp với cánh quân của đô đốc Đặng Tiến Đông tấn công như vũ bão vào đồn Khương Thượng - Đống Đa. Bị bất ngờ, quân giặc đã thua trận (địa bàn: Thăng Long - Hà Nội).	Ngọc Hồi	
9.	Chiến thắng Chương Dương (1285)	Thắng trận Hàm Tử - Tây Kết, Trần Quốc Tuấn mang toàn quân ra Bắc đánh Thoát Hoan để lấy lại Thăng Long. Bằng kế sách ngăn chặn không cho Toa Đô hợp binh với Thoát Hoan, trong khi đó đại quân của Thoát Hoan ở Thăng Long cũng đang trong tình trạng thiếu thốn mọi mặt, các chiến thuyền đều đóng ở Chương Dương. Trần Quang	Chương Dương	Đ

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên ởung	Đã đặt
		<p>Khải cùng Phạm Ngũ Lão và Trần Quốc Toản tấn công quân Nguyên ở Chương Dương; quân giặc bị bất ngờ nên đã tan tác bỏ chạy. Trên đà chiến thắng đó, quân ta tiến vào Thăng Long, quân của Thoát Hoan không chống cự được buộc phải rút khỏi kinh thành Thăng Long (địa bàn: Tại bên Chương Dương (nay thuộc Thường Tín, Hà Nội).</p>		
10.	Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn	<p>Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn: Khi quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, ngày 22/9/1940, quân đội Pháp trên đường thua chạy đã rút lui qua châu Bắc Sơn. Ngày 27/9/1940, Đảng bộ châu Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tước khí giới của quân Pháp, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền Cách mạng. Ngày 3/10/1940, tại rừng Tân Hương chính quyền của ta đã quyết định thành lập đơn vị du kích Bắc Sơn.</p>	Bắc Sơn	Đ
11.	Đại hội Quốc dân Tân Trào	<p>Đại hội Quốc dân Tân Trào: Từ ngày 14/8 đến ngày 15/8 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã ra Nghị quyết gồm 11 phần, Nghị quyết đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 16, 17/8/1945 Đại hội Quốc dân đã được tổ chức ở Tân Trào và thống nhất chủ trương Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.</p>	Tân Trào	
12.	Hai mươi lăm tháng sáu (25/6)	<p>Hai mươi lăm tháng sáu: Ngày 25/6/1930, là sự kiện lịch sử Cách mạng quan trọng đánh dấu bước ngoặt về sự hình thành cơ sở Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Mùa hè năm 1930, đồng chí Lê Công Thanh trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Doãn Chấp dạy học ở Hà Nam, tham gia hoạt động Cách mạng, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam trở về Thanh Hóa xúc tiến việc xây dựng cơ sở Đảng. Ngày 16/8/1930, đồng chí Nguyễn Doãn Chấp đã về Đông Sơn bắt nói với cơ sở Hàm Hạ, tiến hành lựa chọn, bồi dưỡng kết</p>	Hai mươi lăm tháng sáu	

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p> nạp Đảng cho 03 đồng chí: Lê Thế Long, Lê Bá Tùng, Lê Oanh Kiều vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 25/6/1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Doãn Cháp, Hội nghị thành lập Chi bộ Hàm Hạ - Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa diễn ra tại nhà Ông Lê Oanh Kiều (thôn Hàm Hạ, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn), đồng chí Lê Thế Long được bầu làm Bí thư. Từ đây, sự kiện ngày 25/6 trở thành bước ngoặt lịch sử của sự hình thành và phát triển Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.</p>		
13.	Hai mươi sáu tháng ba (26/3)	<p> Hai mươi sáu tháng ba (26/3/1931): Là ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cánh tay đắc lực, đội hậu bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	Hai mươi sáu tháng ba	
14.	Khởi nghĩa Ba Đình	<p> Khởi nghĩa Ba Đình: Tên một cuộc khởi nghĩa do Phạm Bành, Đinh Công Tráng lãnh đạo. Ba Đình (gồm 3 làng: Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh thuộc huyện Nga Sơn, là căn cứ chính của nghĩa quân Cần Vương, được xây dựng thành một cứ điểm vững chắc. Lực lượng ban đầu của nghĩa quân có khoảng 300 người, ngoài người Kinh còn có cả người Thái, người Mường. Quân Pháp đã tổ chức nhiều đợt tiến công quy mô lớn vào căn cứ nhưng đều thất bại, buộc chúng phải chuyển sang kế hoạch vây lấn, làm cạn lương thực của nghĩa quân trước khi ra đòn quyết định. Vào giữa và cuối tháng 1 năm 1887, quân Pháp liên tiếp mở các đợt tiến công quyết định vào căn cứ Ba Đình. Các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã mở đường máu, rút về căn cứ Mã Cao.</p>	Ba Đình	CTCC
15.	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	<p> Khởi nghĩa Bà Triệu: Từ năm 220, Cửu Chân thuộc quyền Cai Trị của Đông Ngô (là một trong 3 nước thời Tam Quốc). Bà Triệu tên là Triệu Thị Trinh, là người có sức khỏe, có chí lớn và giàu mưu trí. Năm 19 tuổi, người con gái đầy khí phách ấy đã</p>	Bà Triệu	Đ

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>cùng anh tập hợp những nghĩa sĩ trên đỉnh núi Nưa (huyện Triệu Sơn), mài gươm, luyện võ, chuẩn bị khởi nghĩa, rồi hội quân với anh em nhà họ Lý ở Bồ Điền (tức Phú Điền, huyện Hậu Lộc) tiến đánh quân Sở Tư Phố.</p> <p>Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan ra Giao Chỉ, vào tận Cửu Đức, Nhật Nam. Thứ sử Châu Giao bị giết, quan lại đô hộ ở Châu Giao hết sức hoảng sợ. Sử Nhà Ngô thừa nhận: Năm 248 “toàn thể Châu Giao náo động”.</p>		
16.	Khởi nghĩa Lam Sơn	<p>Khởi nghĩa Lam Sơn: Tên cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo và kết thúc bằng việc giành lại độc lập cho nước Đại Việt và sự thành lập nhà Hậu Lê.</p> <p>Khởi nghĩa Lam Sơn gồm ba giai đoạn lớn: Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xây dựng và bảo vệ căn cứ địa vùng rừng núi Thanh Hóa (1418 - 1423). Tiến quân vào Nghệ An, mở rộng vùng giải phóng Tân Bình - Thuận Hóa (1424 - 1425). Tổng tấn công ra Bắc, giải phóng hoàn toàn đất nước (1426 - 1427). Cuối cùng, người Minh phải giảng hòa và thoái binh về nước.</p> <p>Chiến tranh kết thúc, Bình Ngô Đại cáo do Nguyễn Trãi nhân danh Lê Lợi soạn thảo được công bố. Đó là bài ca khái hoàn, bản tổng kết chiến tranh, bản Tuyên ngôn độc lập, trong đó, đã khẳng định chủ quyền dân tộc Việt như một Quốc gia lịch sử - văn hoá.</p> <p style="text-align: center;"><i>Nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu Núi sông bờ cõi đã phân Phong tục Bắc, Nam cũng khác</i></p> <p>Ngày 15 tháng Giêng năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi chính thức lên ngôi Hoàng đế (tức Lê Thái Tổ), lập ra triều Lê (Hậu Lê), đặt Quốc hiệu là Đại Việt.</p>	Lam Sơn	CTCC

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
17.	Mồng ba tháng hai (3/2)	Ngày 3/2/1930, là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	Mồng ba tháng hai (3/2)	
18.	Nam Kỳ khởi nghĩa	<p>Nam Kỳ khởi nghĩa: Là cuộc nổi dậy vũ trang chống Pháp - Nhật của người dân miền Nam do Ủy ban Nam Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương và lãnh đạo.</p> <p>Đây là cuộc khởi nghĩa rộng lớn và mạnh mẽ, tuy chưa thành công nhưng đã để lại những bài học quý báu, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần hoàn thiện đường lối chỉ đạo giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.</p>	Nam Kỳ khởi nghĩa	
19.	Ngày hai mươi tháng hai (20/2)	<p>Ngày hai mươi tháng hai (20/2): Cách đây vừa tròn 70 năm, trong những ngày tháng gian khổ ác liệt, khi toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trong buổi nói chuyện với lãnh đạo tỉnh, các đại biểu nhân sỹ trí thức cùng đông đảo nhân dân vào tối 20/2/1947, Bác mong muốn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiêu mẫu.</p> <p>Đây là lần đầu tiên Bác Hồ về thăm Thanh Hóa. Khắc sâu lời dạy của Bác, trong 2 cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đã khắc phục khó khăn, gian khổ, đẩy mạnh lao động sản xuất, tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc, vừa kiên cường chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa tích cực đóng góp sức người sức của, chi viện cho chiến trường, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.</p>	Hai mươi tháng hai (20/2)	
20.	Ngày mười chín tháng Tám (19/8)	<p>Ngày 19/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19/8/1945. Sáng 19/8/1945, hàng chục vạn nhân dân tập trung tại Nhà hát lớn, Hà Nội.</p> <p>Đúng 11 giờ ngày 19/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa</p>	Ngày mười chín tháng Tám	

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>đọc lời kêu gọi khởi nghĩa. Sau đó cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình vũ trang giành chính quyền, quần chúng Cách mạng với sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch.</p> <p>Tối 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội kết thúc hoàn toàn thắng lợi.</p>		
21.	Ngày Quốc khánh (2/9)	Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Mồng hai tháng Chín	
22.	Phong trào Cần Vương do Vua Hàm Nghi phát động	Phong trào Cần Vương: Tháng 7/1885, vua Hàm Nghi khởi nghĩa ở kinh thành Huế và sau đó ban chiếu Cần Vương. Phong trào thu hút được một số quan lại trong triều đình và văn thân, tầng lớp sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi, kéo dài từ tháng 7/1885 đến năm 1896.	Cần Vương	
23.	Phong trào "Đồng Khởi" Bến Tre	<p>Phong trào "Đồng Khởi" Bến Tre: Ngày 17/01/1960, cuộc "đồng khởi" nổ ra ở ba xã "điểm" là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp, rồi nhanh chóng lan tỏa ra toàn tỉnh Bến Tre.</p> <p>Hàng vạn nhân dân đã đồng loạt ào ạt xuống đường, vũ trang giáo mác, truy lùng bọn tề độc ác, đập tan bộ máy cai trị, giải phóng các ấp.</p> <p>Sau đó, phong trào "Đồng khởi" lan rộng ra khắp một vùng rộng lớn ở Nam Bộ; thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự thành lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20/12/1960.</p>	Đồng Khởi	
24.	Phong trào Tây Sơn	<p>Tây Sơn là phong trào khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII và cũng là một triều đại phong kiến Việt Nam từ năm 1771 đến năm 1802.</p> <p>Địa bàn hoạt động từ đất Tây Sơn (Bình Định, Gia Lai, Kom Tum) rồi phát triển khắp cả nước. Thủ</p>	Tây Sơn	Đ

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>lĩnh phong trào là 3 anh em nhà Nguyễn Huệ (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ), quê ở ấp Tây Sơn, huyện Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), tỉnh Bình Định.</p> <p>Do đó phong trào còn được gọi là phong trào Tây Sơn, Nguyễn Huệ là trụ cột của nghĩa quân Tây Sơn; lấy danh nghĩa là “phù Lê diệt Trịnh”, thống nhất đất nước, phong trào có công đánh thắng quân Xiêm xâm lược với các trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đại phá quân Thanh Mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789 giữ yên bờ cõi, tạo cơ sở bước đầu cho thống nhất đất nước về sau.</p>		
25.	Phong trào Xô Viết- Nghệ Tĩnh (1930- 1931)	<p>Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh: Đây là phong trào đấu tranh của lực lượng công nhân và nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh trong năm 1930 - 1931 chống lại thực dân Pháp.</p> <p>Phong trào được mở đầu bằng cuộc biểu tình ngày 1/5/1930, của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy và nông dân thuộc 5 xã ven thành phố Vinh, làm cho bộ máy chính quyền thực dân Pháp và bộ máy chính quyền địa phương của nhà Nguyễn lâm vào tình trạng rối ren (địa bàn: tại Nghệ Tĩnh).</p>	Xô Viết - Nghệ Tĩnh	
26.	Sự kiện Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938)	<p>Sự kiện Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938): Tháng 10 năm 938, Ngô Quyền tiến quân ra Bắc. Kiều Công Tiễn hoảng sợ cầu cứu vua Nam Hán. Cuối tháng 11 năm 938, đoàn thuyền Nam Hán vượt biển Quảng Châu, tiến dần tới cửa sông Bạch Đằng. Theo lệnh Ngô Quyền, quân dân ta đã đóng cọc gỗ đầu bịt sắt nhọn ngang sông Bạch Đằng, nơi hiểm yếu gần cửa biển thành một trận địa ngầm.</p> <p>Quân thủy, bộ của ta mai phục ở phía trong. Khi nước triều xuống, bãi cọc nhô lên, quân ta được lệnh cũng nhất tề xông ra đánh địch. Đội hình địch tan tác, nhiều thuyền bị vỡ, bị đắm, tướng sĩ hoảng loạn, phần</p>	Bạch Đằng	P

STT	Tên phong trào Cách mạng, sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		<p>bị giết, phần chết đuối, phần lớn quân Nam Hán bị tiêu diệt trong đó có cả chủ tướng Hoảng Thao.</p> <p>Trận chiến Bạch Đằng (938) là một trận quyết chiến chiến lược lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, một bước phát triển rực rỡ của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Kết thúc hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ phát triển Quốc gia phong kiến độc lập.</p>		
27.	Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân	<p>Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân: Là cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân năm 1968 của quân Giải phóng miền Nam trên hầu hết lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa.</p> <p>Đây là một sự kiện gây chấn động lớn trên thế giới, có vai trò hết sức to lớn trong chiến tranh Việt Nam; buộc Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán để cuối cùng phải ký kết Hiệp định Paris năm 1973.</p>	Mậu Thân	

Tổng số: 27 tên, 12 tên đã dùng

2. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của Thanh Hóa.

2.1. Các cuộc khởi nghĩa

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Khởi nghĩa Ba Đình	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Ba Đình	Đ, CTCC
2.	Khởi nghĩa Bà Triệu (248)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Bà Triệu	Đ
3.	Khởi nghĩa Chu Đạt (156)	Khởi nghĩa Chu Đạt (156): Năm 156, Chu Đạt người huyện Cư Phong (nay là thôn Phú Hào, xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn) chiêu mộ dân binh vây đánh huyện sở Cư Phong (vùng đất các huyện Nông Cống, Quảng Xương, Tĩnh Gia, Như Xuân, Như	Chu Đạt	Đ

STT	Tên các cuộc khởi nghĩa	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		Thanh thuộc tỉnh Thanh Hóa ngày nay) giết chết huyện Lệnh, giải phóng toàn bộ quận Cửu Chân rồi tấn công quận trị Tư Phố giết chết Thái thú Nghệ Thức nhà Đông Hán. Cuộc khởi nghĩa tập hợp lực lượng có tới 5.000 người, quản trị Cửu Chân được 4 năm từ năm 156 đến năm 160.		
4.	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	<p>Khởi nghĩa Hùng Lĩnh: Tên cuộc khởi nghĩa do Tống Duy Tân lãnh đạo bắt đầu từ năm 1886 đến năm 1892. Căn cứ chính Hùng Lĩnh ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Người đồng chí gần gũi nhất của Ông là Cao Diễn đồng thời là người trực tiếp chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh đã gây cho Pháp nhiều tổn thất, chủ yếu đánh địch khi chúng hành quân, chống càn,... Năm 1892 Tống Duy Tân bị bắt. Cuộc khởi nghĩa tan rã.</p>	Hùng Lĩnh	
5.	Khởi nghĩa Lam Sơn	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Lam Sơn	CTCC
6.	Khởi nghĩa Lê Ngọc (589 - 600)	Lê Ngọc (còn gọi là Lê Cốc) cùng với 4 người con lật đổ quan cai trị của nhà Tùy (Trung Quốc), xưng là hoàng đế, lập Trị sở ở Đông Phố (tức Đông Pho, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn ngày nay), gọi là kinh đô Trường Xuân, tự quản Cửu Chân chống lại nhà Đường cho đến đầu thế kỷ VI. Dân gian thờ cúng cha con Lê Ngọc gọi là năm cậu.	Lê Ngọc	

Tổng số: 6 tên, 04 tên đã dùng

2.2. Phong trào yêu nước, sự kiện Cách mạng tiêu biểu

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
1.	Chiến thắng Hàm Rồng (3-4/4/1965)	Đã đưa vào phần sự kiện của đất nước	Hàm Rồng	CTCC
2.	Hai mươi chín tháng bảy(29/7)	Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	Hai mươi chín tháng bảy (29/7)	

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
3.	Hội Nghị Mao Xá quyết định khởi nghĩa giành Chính quyền (13/8/1945)	<p>Hội Nghị Mao Xá: Ngày 13/8/1945, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã triệu tập Hội nghị mở rộng tại nhà Ông Tô Đình Bảng, làng Mao Xá, huyện Thiệu Hóa (nay là thôn Toán Ty, xã Thiệu Toán) để nhận định tình hình và bàn biện pháp và chuẩn bị sẵn sàng đón lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị họp trong 3 ngày, từ ngày 13 - 15/8.</p> <p>Hội nghị Quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh gồm 7 đồng chí, do đồng chí Lê Tất Đắc làm Trưởng ban; đồng thời quyết định thành lập Ủy ban Nhân dân Lâm thời tỉnh gồm 7 ủy viên, đồng chí Lê Tất Đắc làm Chủ tịch. Hội nghị phân công cán bộ lãnh đạo khởi nghĩa ở các phủ, huyện và chỉ định chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời các phủ huyện. Về phương pháp giành chính quyền: Hội nghị chủ trương tiến hành khởi nghĩa vào đêm 18 rạng ngày 19 tháng 8 năm 1945, sẽ tiến hành ở những nơi có phong trào mạnh, sau đó sẽ tập trung lực lượng hỗ trợ cho những nơi phong trào còn yếu.</p>	Mao Xá	
4.	Khởi Nghĩa Hoằng Hóa (24/7)	<p>Khởi Nghĩa Hoằng Hóa: Phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở Hoằng Hóa phát triển mạnh mẽ. Phát xít Nhật và tay sai luôn tìm cách ngăn cản. Sáng ngày 24/7/1945, phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn phái một đơn vị bảo an binh ở tỉnh kéo về phủ lỵ Hoằng Hoá cùng tri phủ phối hợp kế hoạch khủng bố hai khu vực Đàng Trung (xã Hoằng Đạo) và Liên Châu - Hoá Lộc (xã Hoằng Châu), lưng bắt cán bộ Việt Minh, đánh phá phong trào Cách mạng trong huyện. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Đinh Chương Lân, lực lượng tự vệ và quần chúng nhân dân bố trí phục kích tiêu diệt địch, làm cho địch phải tháo chạy, nhiều tên bị bắt sống.</p> <p>Sau khi bắt được Tri phủ Phạm Trọng Bào, Chi bộ Đảng và Ban cán sự Việt Minh huyện tổ chức mít tinh lớn tại Cồn Ba Cây (xã Hoằng Thắng), tuyên cáo tội ác của chính quyền tay sai phản động, biểu dương tinh thần chiến đấu của tự vệ và quần chúng nhân</p>	Hai mươi bốn tháng bảy (24/7)	

STT	Tên sự kiện	Tóm tắt lý lịch	Tên dùng	Đã đặt
		dân; kêu gọi quân chúng thừa thắng xông lên, tiến lên giành chính quyền. Hoàng Hóa trở thành nơi Khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên của Thanh Hóa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.		

Tổng số: 4 tên, 01 tên đã dùng

V. TÊN ĐẠNH NHÂN

(Tổng số: 773 trong đó 311 đã đặt, 462 tên đề xuất)

1. Danh nhân đất nước (Tổng số: 442 trong đó 268 đã đặt)

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
1.	Hoàng Đình Ái	Thanh Hóa	<p>Hoàng Đình Ái (1527-1607), quê làng Biện Thượng, huyện Vĩnh Phúc nay Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam, có công giúp nhà Lê Trung hưng.</p> <p>Ông là con nhà cậu của Lương Quốc Công Trịnh Kiểm, là người có học thức, thông binh pháp, trong thời gian nhà Lê Trung hưng ở Thanh Hóa chống Mạc, lập nhiều công lớn, được phong Quảng Tây Hầu. Năm 1577, đời Lê Thế Tông Ông được phong Thái Phó. Cũng trong năm này, quân Mạc do Mạc Kính Điển chỉ huy lại vào đánh phá, Ông dự chiến phá tan được ở Cẩm Thủy, Đường Sơn.</p> <p>Năm 1581, tướng Mạc Đôn Nhượng thống lĩnh các đạo quân kéo vào đánh phá, vượt đường biển đến huyện Quảng Xương, đóng quân ở núi Đường Nang. Ông được cử thống lĩnh các tướng đem quân chống giặc. Ông họp các tướng chia làm ba đạo, cùng dẫn quân tiến đánh, còn mình tự đốc đại quân, ra hiệu lệnh tiền quân giáp trận với quân Mạc và thắng lớn. Năm 1599, Lê Kính Tông lên ngôi, Ông được gia phong làm Đồng bình chương sự, cho tham dự việc triều chính. Ông mất năm 1607, thọ 81 tuổi, được truy phong Mậu Nghĩa Công, ban tên thụy là Hậu Đức, cho khắc bia " thần đạo " để ghi công.</p>	
2.	Chu Văn An	Hà Nội	<p>Chu Văn An (1292-1370), quê ở làng Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.</p> <p>Ông là nhà giáo, nhà thơ, hiệu "Tiêu Ẩn", đỗ Thái học sinh song Ông không ra làm quan mà mở trường dạy học bên sông Tô, Ông là thầy giáo nổi tiếng, có nhiều học trò nổi danh như: Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, Ông có tập thơ Tiêu Ẩn thi tập nổi tiếng. Do là thầy giáo giỏi và mẫu mực, Vua mời Ông ra làm Tư</p>	Đ,P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>nghiệp Quốc Tử Giám, trong thời gian làm Tư nghiệp, thấy bọn quan lại vô đạo, Ông dâng sớ xin vua chém 7 tên gian nịnh gọi là “thất trảm sớ”, không được bèn từ quan về ở ẩn và mất ở núi Phụng Hoàng, huyện Chí Linh (Hải Dương), với công lao đóng góp to lớn của Ông cho nền giáo dục thời đó, Vua Trần cho thờ Ông ở Văn Miếu và đình Thanh Liệt.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa, TX. Bim Sơn và một trường ở huyện Nga Sơn.</i></p>	
3.	Lê Văn An	Thanh Hóa	<p>Lê Văn An (? – 1437), quê ở làng Mục Sơn (nay là xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa), là danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Nhập nội Đại Tư mã, Đô đốc Tổng quản thời Lê sơ.</p> <p>Ông tham dự Hội thề Lũng Nhai (1416). Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra (1418) Ông đã chỉ huy quân Thiết Đốt, đánh trên trăm trận lớn nhỏ, rất dày dặn kinh nghiệm trận mạc. Ông đã tham gia một số trận đánh quan trọng như : Trận Khả Lưu, trận Tân Bình - Thuận Hoá (1424); vây hãm và dụ hàng giặc ở thành Nghệ An (1425).</p> <p>Năm 1427, Ông cùng với tướng Lê Lý (tức Nguyễn Lý) được lệnh đem 3 vạn quân hỗ trợ cho tướng Lê Sát ở Chi Lăng - Xương Giang. Ông đã lập công lớn trong trận đánh Xương Giang (11- 1427). Sau ngày toàn thắng, với những công lao nói trên Ông được phong Nhập nội Đại tư mã; Đô đốc Tổng quản dưới thời Lê sơ hàm Suy trung Bảo chính công thần, tước Đình Thượng Hầu.</p> <p>Năm 1434, nhân có biến loạn ở Lạng Sơn, Ông đem quân đi đánh dẹp. Lập công, tuy được thăng chức Nhập nội Đại tư mã, Đô đốc Tổng quản Bắc đạo nhưng vẫn bị chê trách (vì đã bắt bớ tràn lan, không làm yên lòng dân). Năm 1437, Ông mất, được truy tặng Tư Không, ban cho tên thụy là Trung Hiến.</p> <p><i>Tên Ông đã được lấy đặt tên cho phố tại TP. Thanh Hóa. Tên đường ở huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
4.	Đào Duy Anh	Thanh Hóa	<p>Đào Duy Anh (1904-1988), quê ở xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Giáo sư Sử học và Văn hóa học, Ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.</i></p> <p>Đào Duy Anh là nhà bách khoa thư hiện đại, nhà nghiên cứu sử học, văn học, ngôn ngữ học, tác giả nhiều cuốn từ điển (Hán - Việt, Pháp - Việt, Truyện Kiều) và sách nghiên cứu, lý luận có giá trị. Năm 19 tuổi, Ông đậu bằng Thành Chung, sau Ông làm nghề dạy học. Những năm XX của thế kỷ XX, Ông tham gia các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đào Duy Anh là Ủy viên Ban vận động Đại hội Văn hóa toàn quốc năm 1946. Năm 1950 làm Trưởng ban Sử Địa thuộc Hội Văn học Nghệ thuật - Bộ Giáo dục. Năm 1952, Ông về Thanh Hóa giảng dạy trường dự bị Đại học. Sau đó Ông tham gia dạy các trường Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học Tổng hợp, Đại học Quốc gia và làm việc tại Viện Sử học.</p> <p>Đào Duy Anh được xem là một trong những người mở đầu, có công xây dựng nền Khoa học Xã hội nhân văn hiện đại của Việt Nam. Có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực nghiên cứu, Ông là nhà Từ điển học, Ngôn ngữ học, đặt cơ sở cho nền Từ điển học Việt Nam. Không những vậy, Ông còn cùng với các Nhà nho biên dịch hiệu đính chú giải nhiều bộ sách quý giá của Việt Nam. Những cống hiến của Đào Duy Anh cho nền Khoa học Việt Nam đã được vinh danh.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, một ngôi trường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P, CTCC
5.	Nguyễn Thị Anh	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Thị Anh (1422 –1459), quê huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là <i>phi tần của hoàng đế Lê Thái Tông, mẹ đẻ của hoàng đế Lê Nhân Tông.</i></p> <p>Bà là vị Hoàng thái hậu tại vị đầu tiên, và cũng là Hoàng thái hậu duy nhất của triều đại nhà Hậu Lê thực hiện <i>Thùy liêm thánh chính</i>, nhiếp chính việc Quốc gia thay Hoàng đế. Bây giờ, con trai Bà là Lê Nhân</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Tông còn nhỏ tuổi, nên Thái hậu toàn quyền đưa ra quyết định, giải quyết chính sự</p> <p>Bấy giờ, Hoàng đế trẻ tuổi Lê Thái Tông đã lập con của Ái phi Dương Thị Bí là Lê Nghi Dân làm Hoàng thái tử. Dương phi cậy thế, càng lộng loàn, kiêu căng. Lê Thái Tông nín nhịn, giáng làm <i>Chiêu nghi</i>, muốn cho Dương thị sửa chữa. Nhưng Dương thị lại càng hằn học, không kiêng nể gì nữa.</p> <p>Năm Tân Dậu (1441), năm Đại Bảo thứ 2, tháng 3, Lê Thái Tông giáng Chiêu nghi Dương thị làm dân thường. Còn Thái tử Lê Nghi Dân là con của Dương thị, chưa chắc là người khá, giáng xuống làm <i>Lạng Sơn vương</i>, rồi ban chiếu cho thiên hạ biết ngôi Thái tử chưa định. Mùa hạ, ngày 9 tháng 5, Thần phi Nguyễn Thị Anh sinh hạ hoàng tử Lê Bang Cơ (Lê Nhân Tông). Năm Tân Dậu (1441), tháng 11, Lê Thái Tông ra chỉ, lập hoàng tử Lê Bang Cơ làm Hoàng thái tử ngự ở Đông cung khi Lê Bang Cơ mới 1 tuổi. Vì vậy, Nguyễn Thị Anh là mẹ của Lê Nhân Tông thay con làm nhiếp chính việc Quốc gia.</p>	
6.	Chu Bá	Thanh Hóa	<p>Chu Bá (Thế kỷ I), quê Thanh Hóa, là <i>danh tướng khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43)</i>.</p> <p>Ông là một trong hai vị tướng (thủ lĩnh) duy nhất người ở Thanh Hóa được các bộ chính sử của nước ta ghi lại, trong số đông đảo các tầng lớp tham gia khởi nghĩa Hai Bà Trưng những năm đầu công nguyên.</p>	
7.	Tôn Thất Bách	Thừa Thiên Huế	<p>Tôn Thất Bách (1946-2004), quê xã Dương Xuân Thượng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc Triều đình nhà Nguyễn, là <i>Phó giáo sư, chuyên gia đầu ngành về tim mạch của Việt Nam và thế giới</i>.</p> <p>Ông là Phó Giáo sư Y học, Nhà giáo Nhân dân, Viện sĩ Viện hàn lâm ngoại khoa Pháp, Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học New York. Tiến sĩ danh dự Trường Đại học Lille - Pháp, Tiến sĩ danh dự trường Đại học Odessa - Ukraina, thành viên Hội ngoại khoa quốc tế. Ông từng giữ các chức vụ Giám đốc Bệnh viện Hữu</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã Đại
			<p>ngệ Việt - Đức, Hiệu trưởng trường Đại học Y Hà Nội, đại biểu Quốc hội Việt Nam các khoá IX, X và XI, Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội Quốc hội Việt Nam khoá XI.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên cho một con phố tại tp. Sầm Sơn.</i></p>	
8.	Phạm Bành	Thanh Hóa	<p>Phạm Bành (?-1887), quê ở làng Trương Xá, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Án sát</i> thời nhà Nguyễn và là <i>lãnh tụ</i> trong phong trào <i>Cần Vương</i> ở Thanh Hóa.</p> <p>Ông đỗ Cử nhân năm Giáp tý (1864), được bổ dụng làm Đốc học, rồi làm Án sát tỉnh Nghệ An, nổi tiếng thanh liêm và biết quan tâm đến đời sống nhân dân. Hưởng ứng chiếu Cần Vương chống Pháp, Ông đã từ quan về quê nhà cùng bạn mộ quân khởi nghĩa(1886) tại chiêm khu Ba Đình huyện Nga Sơn. Mặc dù tuổi già sức yếu (lúc này Ông đã 60 tuổi) nhưng Phạm Bành luôn có mặt ở trận địa, nơi nguy hiểm nhất để động viên và khích lệ các nghĩa binh chiến đấu.</p> <p>Ba Đình thất thủ, Ông đưa nghĩa quân rút về căn cứ dự phòng ở Mã Cao (Yên Định) ngay đêm 20-2-1887, rồi lánh về quê. Nhưng sau để cứu mẹ già và con là Phạm Tiêu bị giặc bắt làm con tin, Ông đã ra đầu thú và uống thuốc độc tự tử ngay sau khi mẹ và con được thả ngày 18 - 3 năm Đinh Hợi (tức ngày 11 - 4 - 1887) để tỏ rõ khí tiết của mình.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt tên con đường, phố huyện Nga Sơn và TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P
9.	Lý Thiên Bảo	Thái Bình	<p>Lý Thiên Bảo (499?-555), quê Thái Bình, là người <i>khôi phục lại triều Lý Nam Đế</i>, là vua nước <i>Dã Năng</i> (tồn tại phía tây với nhà Tiền Lý) trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông là anh trai Lý Nam Đế, sau thất bại của Lý Bí (546) Triệu Quang Phục lấy Đàm Dạ Trạch (Hung Yên) làm căn cứ xưng Triệu Việt Vương chống giặc. Lý Thiên Bảo dẫn 1 cánh quân lui vào miền Trung, tập hợp nghĩa binh, đánh Đức Châu (Hà Tĩnh), giết Thứ sử Trần</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Văn Giới rồi kéo quân ra vây đánh ở Ái Châu. Hoảng sợ trước sự tan rã của chính quyền đô hộ, Trần Bá Tiên kéo đại quân tiến đánh. Do quá chênh lệch lực lượng, Lý Thiên Bảo rút lên vùng Thượng Du, lấy động Dã Năng (Bàn Đào- Bá Thước nay) làm căn cứ xưng là Đào Lang Vương. Nghĩa quân được nhân dân hết lòng đùm bọc, sau khi mất được nhân dân nhiều nơi ở Bá Thước, Hoàng Hóa lập đền thờ. Năm 555, Thiên Bảo mất, Lý Phật Tử (em họ) lên thay, sử cũ gọi là Hậu Lý Nam Đế.	
10.	Nguyễn Bạc	Ninh Bình	<p>Nguyễn Bạc (Thế kỷ X), quê gốc ở Gia Viễn - Ninh Bình, là thủy tổ họ Nguyễn ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Danh tướng của Đinh Bộ Lĩnh, có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, là Định quốc công thần thời Tiền Lê.</i></p> <p>Ông theo Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp 12 sứ quân từ buổi đầu, thường được cử chỉ huy một đạo quân lớn đánh vào sào huyệt các sứ quân. Nhà Đinh thành lập, Ông được phong Định Quốc Công (971), vị trí như Tể tướng. Theo các gia phả họ Nguyễn và tài liệu "Lược sử họ Nguyễn tại Việt Nam", Ông được tôn là bậc tiền thủy tổ họ Nguyễn chính thống ở Việt Nam. Theo sách "Nguyễn Phúc tộc thế phả", Ông được xem là thủy tổ của dòng họ Nguyễn Phúc sau này lập ra dòng Chúa Nguyễn ở miền Nam năm 1569 dưới thời Nguyễn Hoàng và triều đại Nhà Nguyễn năm 1802 dưới thời Nguyễn Phúc Ánh. Ông được Việt Sử tân biên liệt vào danh sách "Giao Châu thất hùng", tức 7 anh hùng người Giao Châu gồm: Đinh Bộ Lĩnh, Đinh Liễn, Lê Hoàn, Đinh Điền, Nguyễn Bạc, Phạm Hạp và Phạm Cự Lượng.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
11.	Lương Đắc Bằng	Thanh Hóa	<p>Lương Đắc Bằng (1471 – 1521), quê làng Hội Trào, xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thượng thư, kiêm Đông các Đại học sỹ thời Lê sơ.</i></p> <p>Ông đỗ Bằng Nhãn từ năm 1499, làm quan đến</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>Thượng thư bộ Lại, tước Đôn Trung Bá, dưới triều vua Lê Tương Dực. Chức quan này mãi cuối đời mới nhận. Nhưng Ông lại luôn luôn viện cớ, xin nghỉ ở quê nhà để chăm lo dạy học. Ông nổi tiếng do tài học thuở thanh thiếu niên, đã đỗ Bảng nhãn. Sau đó, vua cho gọi các vị tân khoa vào. Bắt làm bài ứng chế đầu đề là Ngũ vương trướng (cái màn của 5 vị thân vương), Lương Đắc Bằng được xếp hạng ưu: Bài hay hơn cả bài của Trạng nguyên. Tiếng tăm của Lương Đắc Bằng còn vang dội nhờ một bài văn khác: Bài hịch kể tội Lê Uy Mục (Ông vua này là một bạo chúa, gây tác hại cho đất nước rất nhiều. Hoàng thân Lê Oanh đã nhờ Lương Đắc Bằng làm hịch dụ các đại thần và dân chúng nổi lên lật đổ Lê Uy Mục).</p> <p><i>Tên Ông được đặt cho một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
12.	Nguyễn Lương Bằng	Hải Dương	<p>Nguyễn Lương Bằng (1904- 1979), quê tỉnh Hải Dương, là một nhà hoạt động Cách mạng và chính khách của Việt Nam, từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Việt Nam (1969-1979).</p> <p>Tháng 12 năm 1925, Ông được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Từ đây Ông và một số thanh niên yêu nước khác theo học lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn hướng dẫn. Tháng 5 năm 1931, Ông bị mật thám bắt giải về giam ở bốt Catina Sài Gòn.</p> <p>Tháng 6 năm 1932, tòa đề hình Hải Dương xử Ông tù chung thân và chuyển về giam ở nhà tù Hỏa Lò Hà Nội. Cuối năm 1932, Ông trốn thoát lên Vĩnh Yên, rồi về Thanh Miện (Hải Dương) hoạt động. Cuối năm 1933, khi đi công tác Bắc Giang, Ông lại bị bắt, bị giam ở Hỏa Lò (đầu 1934). Tháng 5 năm 1935 bị đày lên nhà tù Sơn La. Năm 1943, Đảng bố trí cho Ông vượt ngục về làng Vạn Phúc (Hà Đông) gặp Hoàng Văn Thụ để nhận nhiệm vụ, Ông được Đảng chỉ định làm ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Đảng, phụ trách công tác tài chính và công tác binh vận của Đảng; đồng thời được phân công hoạt động trong Mặt trận Việt Minh giữ chức Chủ nhiệm của Tổng bộ. Chuẩn bị khởi nghĩa, Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh là Chủ tịch; Ban thường trực gồm 5 người, trong đó có Nguyễn Lương Bằng.</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám, Ông từng giữ chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, đại sứ đầu tiên của Việt Nam tại Liên Xô (1952-1956), Tổng Thanh tra chính phủ (1956). Tháng 9 năm 1969 được bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam. Ông là người có tham gia chỉ đạo phong trào Việt Minh ở Thanh Hóa.</p>	
13.	Đỗ Bí	Thanh Hóa	<p>Đỗ Bí (1400 -1460), quê thôn Cung Hoàng (nay là thôn Cung Điền, xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Huyện hầu thời Lê sơ.</p> <p>Tháng 4 năm Mậu Tuất (1418), quân Minh vây đánh, bộ chỉ huy bị vây hãm ở núi Chí Linh hơn 3 tháng trời, Ông luôn đi sát để bảo vệ Lê Lợi. Ông là một vị tướng có tài. Năm 1424, Ông được cử tham gia chỉ huy trận Khả Lưu, chặn đứng cuộc hành quân của giặc, không cho chúng đánh chiếm lại Trà Lân- một vị trí hết sức quan trọng án ngữ mạch giao thông phía Tây Nghệ An.</p> <p>Tháng 9 năm 1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy Lam Sơn quyết định tiến quân ra Bắc, Ông được cử cùng với các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả và Lý Triện chỉ huy đạo quân thứ nhất gồm 3000 quân và một thớt voi, có nhiệm vụ uy hiếp mặt Nam thành Đông Quan. Ông đã vinh dự được chỉ huy trực tiếp hai trận Ninh Kiều và Nhân Mục.</p> <p>Tháng 11 năm 1426, nhà Minh sai Vương Thông đem 5 vạn quân sang cứu nguy, đóng ở Đông Quan hòng làm thay đổi tương quan lực lượng. Mặc dù vậy, Ông và các tướng chỉ huy cũng hạ quyết tâm chủ động đánh giặc, trận phục kích Tốt Động- Chúc Động thắng lợi đã thể hiện điều đó, buộc Vương Thông phải rút về</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>cố thủ trong thành Đông Quan.</p> <p>Năm 1428, sau thắng lợi hoàn toàn, lúc luận công ban thưởng, Ông được ban quốc tính, tước Huyện hầu (là 1 trong số 14 người được ban tước này). Trong suốt 20 năm làm quan trong triều, Ông vẫn luôn liêm khiết và được tín nhiệm.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên con đường huyện Nông Cống.</i></p>	
14.	Bùi Bị	Thanh Hóa	<p>Bùi Bị (khoảng vào Thế kỷ XV), quê ở Hào Lương, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Huyện hầu dưới thời Lê sơ.</p> <p>Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn cùng Lê Lợi giải phóng đất nước. Với ý chí quật cường, lòng dũng cảm yêu nước, Bùi Bị đã tham gia nhiều trận đánh lớn cùng các dũng tướng Lam Sơn, lập nhiều chiến công hiển hách được Lê Lợi trọng dụng và nhân dân ngưỡng mộ tôn vinh. Năm 1428, khi đất nước sạch bóng quân thù, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, xét công phong thưởng, Bùi Bị được ban quốc tính (họ vua) và là một trong mười bốn vị công thần khai quốc được ban tước Hiệp hầu.</p>	
15.	Nguyễn Biểu	Hà Tĩnh	<p>Nguyễn Biểu (?-1413,) quê xã Nội Diên, huyện Chi La, nay là Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là tướng nhà Hậu Trần trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) cuối thời Trần, làm quan đến chức Điện Tiền Thái sử (Ngự Sử). Khi quân nhà Minh xâm lược Đại Ngu, Ông đã phò vua Trùng Quang Đế tổ chức cuộc kháng chiến.</p> <p>Năm 1413, quân Minh đánh vào Nghệ An, Trùng Quang Đế chạy vào Hóa Châu, sai Ông đi sứ giảng hoà, gặp Trương Phụ xin cầu phong, thực hiện kế hoãn binh, kéo dài thời gian để cho Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị xây dựng binh lực. Trương Phụ tiếp sứ thân rất khinh bạc, ngạo mạn, sai quân dọn ra một mâm cỗ chỉ có một cái đầu người luộc chín, ép Nguyễn Biểu ăn để thị oai. Nguyễn Biểu ung dung ngồi vào mâm, nói rằng: "Mấy thuở được ăn thịt người phương Bắc</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>(người Tàu), lấy đũa khoét đôi mắt, chấm muối ăn. Vừa ăn, vừa ngâm bài thơ Cổ đầu người. Trương Phụ cũng phải kính phục, toan tha cho Ông về. Nhân dân miền Nghệ An - Hà Tĩnh lập miếu thờ, suy tôn Ông là Nghĩa vương. Các triều đại sau cũng đều truy phong Ông làm Phúc thần.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa</i></p>	
16.	Nguyễn Bính	Nam Định	<p>Nguyễn Bính (1918-1966), tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở tỉnh Nam Định, là một nhà thơ lãng mạn nổi tiếng của Việt Nam.</p> <p>Ông được coi là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại thị xã Bỉm Sơn và một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P
17.	Nguyễn Thái Bình	Long An	<p>Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972), quê xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.</p> <p>Là một sinh viên phản chiến Việt Nam bị bắn chết tại phi trường Tân Sơn Nhất do âm mưu của CIA vu cho tội khủng bố không chế một chiếc máy bay của Mỹ. Sau cái chết, anh trở thành một biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam vào thập niên 70 của thế kỷ XX.</p>	
18.	Đinh Bò	Thanh Hóa	<p>Đinh Bò (?-1427), quê tại làng Thủy Cối nay thuộc xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thượng tướng quân thời Lê sơ.</p> <p>Ông là em Đinh Lễ, anh Đinh Liệt, là cháu bên ngoại của Lê Lợi. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ buổi đầu. Năm 1418, khi khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Đinh Bò được phân công phụ trách hai đồn điền ở Mỹ Lâm và Mục Sơn để sản xuất lương thực, sau đó Ông được phụ trách đội Thiết Đột (đội quân chuyên dùng vũ khí ngắn để đánh giáp lá cà vì Đinh Bò rất giỏi vật, quyền và xâu mâu), do Đinh Bò chỉ huy rất giỏi phục kích nên đã từng thắng nhiều trận như trận Lạc Thủy (1418); trận Nga Lạc (1419); trận Thi</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Lang (1420). Năm 1424, khi Lê Lợi tiến quân vào Nghệ An, Ông đã lập được nhiều công trong trận hạ đồn Đa Căng, trận Trà Lân, trận Khả Lưu, Hồ Xá, được phong chức Thượng tướng quân, được Lê Lợi trọng dụng bổ sung vào hội đồng mưu lược tối cao, ở lại làm Trấn thủ Tân Bình - Thuận Hóa. Năm 1428 được gia phong tước Uy dũng đại vương, trung đẳng phúc thần và sai lập đền thờ ở Thuận Hóa.	
19.	Phạm Bôi	Thanh Hóa	<p>Phạm Bôi (Thế kỷ XV), quê làng Nguyễn Xá, hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan tới chức Nhập nội kiểm hiệu Thái bảo dưới thời Lê sơ.</p> <p>Năm 1416, Phạm Bôi dự Hội thề Lũng Nhai và là một trong những tướng lĩnh chủ chốt tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu. Ông có nhiều công lớn trong trận đánh Bồ ải, xứ Tân Bình, Thuận Hóa, Chi Lăng. Năm Đinh Tỵ (1437), Phạm Bôi được cử làm Hành quân Tổng quản Đông Đạo, thăng chức Nhập nội kiểm hiệu Thái Bảo. Với vai trò là một võ tướng, Phạm Bôi đã góp phần ổn định đời sống nhân dân trong vùng, dẹp loạn các bè đảng ở địa phương. Sau khi Ông mất, triều Lê Thánh Tông nhớ đến công lao của Ông nên cho con của Phạm Bôi là phạm Dư được mang họ vua và hưởng tập ấm của cha.</p>	Đ
20.	Lê Bôi	Thanh Hóa	<p>Lê Bôi (?-?), người làng Nguyễn Xá, huyện Lương Giang, nay thuộc Thanh Hóa, là danh tướng thời Lê, là một trong số 19 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <p>Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu, là người phò tá Lê Lợi, giúp Lê Lợi trong nhiều trận đánh quan trọng.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên con đường ở huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ
21.	Triệu Bôn	Thanh Hóa	<p>Triệu Bôn (1938-2003), tên thật là Lê Văn Bửu, quê Kim Bôi, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà văn, nhà báo, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Ông tham gia quân đội từ trong kháng chiến chống Pháp, từng là chiến sĩ trực tiếp cầm súng chiến đấu. Ông đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm Vinh khoa Toán và làm giáo viên trong quân đội. Do có năng khiếu văn học, báo chí, Ông được điều về làm phóng viên báo Quân khu Việt Bắc. Từ những năm 1970 trở đi, Ông vào mặt trận Đường 9 - Khe Sanh rồi mặt trận B2, làm biên tập viên Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng. Khi thống nhất đất nước, Ông trở về Hà Nội, làm Trưởng ban biên tập văn xuôi của Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Mấy năm sau, Ông chuyển ngành, làm Trưởng ban biên tập báo Người Hà Nội, Tổng biên tập Tạp chí Du lịch Việt Nam.</p> <p>Ông là giáo viên Toán song có nhiều đóng góp cho nền văn học nước nhà. Năm 1965 Ông có tập sách đầu tay Việt Bắc thắng Mỹ.</p> <p>Ông là cây bút bền bỉ và thành công ở nhiều thể loại truyện ngắn, ký sự và tiểu thuyết, Ông đã sáng tác trên 30 đầu sách, tiêu biểu như " Việt Bắc thắng Mỹ", "Đường chân trời", "Lửa Than", "Rừng lá đỏ"... Ông là nhà văn biết vượt lên gian khổ, vượt lên số phận và gắn bó cống hiến trọn đời cho sự nghiệp văn học nước nhà. Ông được giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.</p>	
22.	Mạc Thị Bưởi	Hải Dương	<p>Mạc Thị Bưởi (1927-1951), quê xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, là một trong những người được chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam ngay trong đợt phong tặng đầu tiên vào năm 1955.</p> <p>Thực dân Pháp về đóng chốt ở làng, Bà đã bám trụ hoạt động phụ nữ, tham gia du kích, xây dựng cơ sở kháng chiến, vận động nhân dân chống đi phu, bắt lính, chống nộp thuế cho địch, một lần làm nhiệm vụ dẫn dân công vận chuyển lương thực phục vụ chiến dịch, Bà bị bắt, không một lời khai và đã trung kiên hy sinh. Bà được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>trang nhân dân và Huân chương Quân công hạng II năm 1955.</p> <p><i>Tên Bà được đặt tên một con phố tại Tp. Sầm Sơn.</i></p>	
23.	Tạ Quang Bửu	Nghệ An	<p>Tạ Quang Bửu (1910-1986), quê ở tỉnh Nghệ An, là giáo sư, nhà khoa học Việt Nam, người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự Việt Nam, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VI (1946-1981).</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	Đ, P
24.	Lương Văn Can	Hà Nội	<p>Lương Văn Can (1854-1927) hay Lương Ngọc Can, tự Hiếu Liêm và Ôn Như, hiệu Sơn Lão, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội).</p> <p>Ông là một nhà hoạt động Cách mạng Việt Nam, là một trong số người sáng lập ra trường Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907. Năm 1914, Pháp viện có kết án Ông 10 năm biệt xứ sang Phnôm Pênh, đến 1921 đã phải thả. Sau đó Ông lại tiếp tục mở trường Ôn Như, vừa dạy học vừa soạn tác.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bỉm Sơn.</i></p>	Đ
25.	Nguyễn Đức Cảnh	Thái Bình	<p>Nguyễn Đức Cảnh (1908-1932), quê làng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, là một nhà hoạt động Cách mạng Việt Nam, là Bí thư đầu tiên của Thành ủy Hải Phòng và là Tổng biên tập đầu tiên của báo Lao động, đổ thành chung ở Nam Định.</p> <p>Năm 1926 ra dạy học ở phố Bạch Mai, Hà Nội và làm thợ sắp chữ cho Nhà in Lê Văn Tân, giác ngộ Cách mạng, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Năm 1927 sang huấn luyện ở Quảng Châu, về nước cùng Chi bộ Hàm Long thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng ở 312 Khâm Thiên (6-1930). Đại biểu chính thức của Hội nghị thành lập Đảng (1930), Thường vụ</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Xứ ủy Trung Kỳ. Tháng 4-1931 bị bắt ở Vinh, Pháp giam Ông tại Hỏa Lò, tòa đề hình xử Ông án tử hình. Ngày 31-7-1932, Ông bị xử tử tại nhà lao Hải Phòng. Tên Ông còn được đặt cho một giải thưởng mang tên "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh".</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại Tp. Sầm Sơn, tên một con đường ở TX. Bim Sơn.</i></p>	
26.	Nguyễn Hữu Cảnh	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hữu Cảnh (1650 – 1700), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, Thanh Hóa, là <i>Cai cơ, Thống suất thời chúa Nguyễn</i>.</p> <p>Nguyễn Hữu Cảnh còn gọi là Nguyễn Hữu Kính là con thứ của Nguyễn Hữu Dật (Danh tướng của chúa Nguyễn ở Đàng Trong). Xuất thân là dòng dõi con nhà tướng, Nguyễn Hữu Cảnh từ nhỏ đã chuyên tâm luyện tập võ nghệ. Nhờ tài năng Ông nhanh chóng lập được nhiều chiến công và được chúa Nguyễn Phúc Tần tin dùng, phong cho chức Cai Cơ khi còn rất trẻ.</p> <p>Năm 1692, Ông làm Tổng binh đánh dẹp cuộc nổi dậy của Bà Tranh và lập trấn Thuận Thành (thuộc Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay), sau đó lại dẹp cuộc nổi dậy của A Ban câu kết với ốc Nha Thát. Nhờ đó Ông được cử làm trấn thủ dinh Bình Khang (vùng Khánh Hoà-Bình Thuận).</p> <p>Năm 1698, Ông được chúa Nguyễn cử làm Thống suất chương cơ kinh lược vùng Gia Định (đồng bằng sông Cửu Long). Hơn một năm sau, Ông đã tổ chức được các đơn vị hành chính, xây dựng chính quyền các dinh, huyện, xã và chiêu tập dân nghèo khai hoang định cư lập làng xóm.</p> <p>Sau khi Ông mất, chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp trấn công thần, đặc tiến Chương cơ dinh Tráng hoàn hầu (Vĩnh An Hầu), nhân dân khắp nơi lập đền thờ Ông như Cù Lao Phố (Biên Hòa), Nam Vang (Campuchia), Quảng Bình, Quảng Nam, Cần Thơ, An Giang, tp. Hồ Chí Minh...</p>	
27.	Nam Cao	Hà Nam	<p>Nam Cao (1917 -1951), tên thật là Trần Hữu Trí (có nguồn ghi là Trần Hữu Trí), quê làng Đại Hoàng,</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam), là một nhà văn hiện thực lớn (trước Cách mạng), một nhà báo kháng chiến (sau Cách mạng), một trong những nhà văn tiêu biểu nhất thế kỷ 20 của Việt Nam.</p> <p>Ông có nhiều đóng góp quan trọng đối với việc hoàn thiện phong cách truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX. Ông tham gia Văn hoá cứu quốc và gia nhập Việt Minh năm 1941, đi Nam tiến 1946 rồi lên chiến khu Việt Bắc. Hy sinh trên đường vào công tác ở vùng địch hậu khu III năm 1951. Tác giả nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng: Chí Phèo, Sống mòn, Đôi mắt, Chuyện biên giới... Ông được tôn vinh Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 1996.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	
28.	Nguyễn Cao	Bắc Ninh	<p>Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, hiệu là Trác Hiên, quê ở Cách Bi, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh), là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ XIX.</p> <p>Năm 1873 quân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, Ông cùng với Ngô Quang Huy, Phạm Thận Duật, Trương Quang Đản dẫn quân bao vây tỉnh thành Hà Nội, đánh bật đồn bót của đối phương tại Gia Lâm rồi kéo quân về Siêu Loại đánh dẹp luôn quân phỉ, giữ yên cho dân chúng.</p> <p>Ngày 27 tháng 3 năm 1883 Ông đem quân đánh vào phố Hàng Đậu, Cửa Đông (Hà Nội), sau đó rút quân về phía Bắc sông Hồng. Sau đó, Ông còn đánh với Pháp nhiều trận khác nữa, như ở: Phả Lại, Yên Dũng, Quế Dương, Võ Giàng, Từ Sơn, Thuận Thành...</p> <p>Năm 1884, khi thành Bắc Ninh mất vào tay quân Pháp, Nguyễn Cao rút quân về thành Tỉnh Đạo, cùng với Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy lãnh đạo phong trào Tam tỉnh Nghĩa Đoàn hoạt động trên</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>các địa bàn Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây.</p> <p>Ngày 27 tháng 3 năm 1887, tại một trận đánh ở làng Kim Giang (Hà Tây) Ông bị quân Pháp bắt. Đối phương dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đều bị Nguyễn Cao cự tuyệt. Biết không thể dụ hàng được, ngày 14 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp đã đem Nguyễn Cao ra chém đầu tại vườn Dừa (gần Hồ Gươm, Hà Nội), lúc ấy Ông mới 50 tuổi.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại thị xã Bim Sơn.</i></p>	
29.	Văn Cao	Nam Định	<p>Văn Cao (1923 -1995), tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là một nhạc sĩ huyền thoại của Việt Nam.</p> <p>Ông là tác giả của "Tiến quân ca"- Quốc ca của nước Việt Nam, đồng thời cũng là một trong những gương mặt quan trọng nhất của tân nhạc. Bên cạnh tư cách là một nhạc sĩ, Văn Cao còn là một họa sĩ, nhà thơ với nhiều tác phẩm giá trị. Ông là nhạc sĩ, họa sĩ, thi sĩ, kịch sĩ. Ông có đóng góp trên nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Tác giả của những ca khúc bất hủ: Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Bến Xuân, Suối Mơ; Tiến Quân Ca, Chiến Sĩ Việt Nam, Trường Ca Sông Lô. Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.</p>	
30.	Trần Quý Cáp	Quảng Nam	<p>Trần Quý Cáp (1870-1908), người làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, Quảng Nam.</p> <p>Lúc tuổi trẻ, Ông đã nổi tiếng là một trong sáu học trò lỗi lạc của cụ Đốc học Mã sơn Trần Đình Phong tại trường Thanh Chiêm cùng với Phạm Liệu, Nguyễn Đình Hiến, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Phan Quang.</p> <p>Trần Quý Cáp là một người cầu tiến, Ông cực lực đả kích lối tư chương khoa cử, đề nghị một lối học mới có tinh thần cứu quốc. Năm 1905, Ông cùng với các đồng chí là Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng vào Nam hô hào công cuộc Duy Tân, sáng lập và tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp, sau đó bị bắt giam và vào năm 1908, Ông chịu án chém ngang</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>lung. Hiện nay vẫn còn đền thờ Ông ở thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại Tp. Sầm Sơn.</i></p>	
31.	Trịnh Căn	Thanh Hóa	<p>Trịnh Căn (1633 – 1709), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ tư của dòng họ Trịnh.</p> <p>Trịnh Căn là vị chúa cầm quyền từ tháng 8 năm 1682 đến tháng 5 năm 1709. Ông là vị chúa biết thu phục lòng dân, văn võ bách quan, sử dụng người hiền tài phục cho sự nghiệp đất nước, thực hiện chính sách giảm bớt thuế khóa cho nhân dân.</p> <p>Sau khi Trịnh Căn qua đời, được tôn là Chiêu Tổ Khang Vương, tên thụy Đông Đoan, tôn lăng tại làng Lịch Thượng, huyện Yên Định. Sau di về xóm Nhạn, xã Kim Sơn, huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).</p>	
32.	Đội Cán	Vĩnh Phúc	<p>Đội Cán (1881-1918), còn có tên Trịnh Văn Đạt, quê làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, nay thuộc xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, là một thủ lĩnh trong cuộc binh biến chống chính quyền thực dân Pháp tại Thái Nguyên năm 1917.</p> <p>Ông sinh ra trong gia đình nghèo, năm 1910, Ông đăng lính khổ xanh thay cho anh trai với cái tên là Trịnh Văn Cán, sau thăng dần lên chức đội lính khổ xanh trong cơ binh Pháp đóng ở Thái Nguyên, vì thế Ông được gọi là Đội Cán. Được Lương Ngọc Quyến (bị giam ở đây) giác ngộ, phát động khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30/8/1917; bị Pháp đàn áp rút quân vào rừng Vĩnh Yên, thế cùng lực tận, Ông tự sát, không chịu để giặc bắt.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ
33.	Huy Cận	Hà Tĩnh	<p>Cù Huy Cận (1919- 2005), bút danh Huy Cận, quê làng Ân Phú, huyện Hương Sơn sau đó thuộc huyện Đức Thọ (nay là xã Ân Phú, huyện Vũ Quang) tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>phong trào Thơ mới.</i></p> <p>Cù Huy Cận lúc nhỏ học ở quê, sau vào Huế học Trung học, đậu tú tài Pháp rồi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh nông. Từ năm 1942, Ông tham gia phong trào sinh viên yêu nước và Mặt trận Việt Minh, Huy Cận đã tham dự Quốc dân đại hội ở Tân Trào (tháng 8 năm 1945) và được bầu vào Ủy ban Giải phóng (tức Chính phủ Cách mạng lâm thời sau đó). Tháng 8 năm 1945, Cù Huy Cận là một trong ba thành viên của phái đoàn Chính phủ Lâm thời đi vào kinh đô Huế để tiếp nhận lễ thoái vị của Vua Bảo Đại. Sau Cách mạng tháng Tám, Ông là Bộ trưởng Bộ Canh nông trong Chính phủ Liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu Chính phủ, Bộ trưởng đặc trách Văn hóa Thông tin trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và CHXHCNVN phụ trách các công tác văn hóa và văn nghệ; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Tháng 6 năm 2001, Ông được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ Thế giới.</p>	
34.	La Văn Cầu	Cao Bằng	<p>La Văn Cầu (1932 - ?), quê xã Khâm Thành, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng, là <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.</i></p> <p>Ông gia nhập bộ đội năm 1948, năm 1950 được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp từ năm 1948 – 1952, Ông tham gia chiến đấu 29 trận. Đặc biệt trong trận đèo Bông Lau năm 1949, Ông đã anh dũng bắn chết địch trên xe tăng rồi nhảy lên xe tăng cướp súng địch diệt gọn 10 tên.</p> <p>Trong trận Đông Khê (Chiến dịch Biên giới năm 1950), khi đang chỉ huy tổ bộc phá phá rào, Ông bị thương nát tay phải, Ông đã nhờ đồng đội chặt đứt cánh tay cho khỏi vướng rồi tiếp tục đánh bộc phá mở đường cho đơn vị xung phong. La Văn Cầu được tuyên dương là lá cờ đầu trong phong trào thi đua yêu nước thời kỳ kháng chiến chống Pháp.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
35.	Lê Chân	Quảng Ninh	<p>Lê Chân (?-?), quê làng An Biên, Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), là <i>nữ tướng của Hai Bà Trưng, là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định.</i></p> <p>Tô Định toan lấy Bà làm thiếp nhưng bị cha mẹ Bà cự tuyệt, chính vì thế họ đã bị sát hại. Lê Chân phải bỏ quê theo đường sông xuôi xuống phía Nam, đến vùng An Dương, cửa sông Cẩm, thấy địa hình, đất đai thuận lợi Bà dừng lại lập trại khai phá, Bà là người có công khai khẩn lập nên vùng đất đời sau phát triển thành thành phố Hải Phòng ngày nay.</p> <p><i>Tên Bà đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	Đ, P
36.	Trần Khát Chân	Thanh Hóa	<p>Trần Khát Chân (1370- 1399), quê ở Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa), là <i>Thượng tướng quân thời Trần, có công đánh lui các cuộc tấn công của quân Chiêm Thành vào Đại Việt, giết được vua Chiêm Chế Bồng Nga.</i></p> <p>Cuối thế kỷ XIV, nước Chiêm Thành dựa vào quân đội mạnh đã nhiều lần xâm chiếm Đại Việt. Thượng hoàng Trần Nghệ tông sai Trần Khát Chân- một tướng có mưu trí đem quân chống giặc Chiêm Thành. Năm 1390, khi Chế Bồng Nga cùng tướng là Nguyễn Diêu đem thuyền nhẹ tiến đến sông Luộc để dò xét tình hình, đại quân Chiêm Thành theo sau, với mưu trí tài ba Trần Khát Chân đã ra lệnh cho tất cả hỏa pháo, cung tên tập trung bắn vào thuyền của vua Chế Bồng Nga, Chế Bồng Nga chết ngay trên thuyền, thừa cơ hội đó Ông cho quân tấn công ồ ạt, quân Chiêm bại trận. Chiến công của Trần Khát Chân đã có tác dụng dập tan một đội quân chống xâm lược khá mạnh, đồng thời tránh cho Thăng Long khỏi tại họa bị tàn phá.</p> <p>Sau chiến thắng, Trần Khát Chân được phong làm Long tiệp phụng thân Nội vệ quân tước hầu, chức Thượng tướng quân và được phong Thái ấp riêng ở</p>	Đ, CTC C

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			vùng Kẻ Mơ (Hà Nội). Hiện nay trên địa bàn Thanh Hóa có nhiều đền thờ Ông. <i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn; ngôi trường PTTN huyện Vĩnh Lộc.</i>	
37.	Phan Bội Châu	Nghệ An	Phan Bội Châu (1867-1940), quê làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông vốn tên là Phan Văn San, Ông có hiệu là Hải Thụ, về sau đổi là Sào Nam Đỗ giải nguyên năm 1900, nên thường gọi là Giải San, Ông không ra làm quan, lập hội Duy Tân chống Pháp (1904), tổ chức phong trào Đông Du sau đổi tên hội ra Việt Nam Quang Phục (1912), hoạt động ở Nhật, Xiêm, Trung Quốc, chủ trương làm Cách mạng dân chủ tư sản. Năm 1925 bị bắt đưa về nước, kết án khổ sai chung thân. Cả nước đẩy lên cuộc đấu tranh đòi thả Ông. Pháp buộc ân xá đưa về giam lỏng ở Huế cho đến khi Ông mất. Ông còn là nhà văn, nhà tư tưởng, để lại nhiều tác phẩm như: Hải ngoại huyết thư, Việt Nam vong quốc sử... <i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn, tên một con phố ở TP. Sầm Sơn.</i>	Đ, P
38.	Mạc Đĩnh Chi	Hải Dương	Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) tên tự là Tiết Phu, quê ở Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông thông minh, tài trí từ nhỏ, làm quan thanh liêm qua ba đời vua Trần: Trần Anh Tông, Trần Minh Tông và Trần Hiến Tông, hai lần đi sứ nhà Nguyên mà nhà vẫn thanh đạm, nổi tiếng với bài phú Ngọc tỉnh liên, ví mình như đóa sen trong giếng ngọc. <i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Sầm Sơn và tên một con đường tại TX Bim Sơn.</i>	Đ, P
39.	Trương Chiên	Thanh Hóa	Trương Chiên (?-?), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Ông là một trong 19 người tham gia hội thề Lũng Nhai. Ông là con trưởng của Trương Lôi Thảng 12, năm Ất Tỵ (1424), trong trận Bồ Ải, Trương Chiên cùng các tướng Lê Sát, Lê Lễ, Lê Ván, Lê Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Tông Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Hoạt động
			<p>Văn An làm tướng tiên phong, chém quân Minh không sao kể xiết, thuyền quân Minh vút ngồng ngang, xác chết nghẽn cả sông, khí giới vút đầy rừng, đô đốc Chu Kiệt bị bắt sống, đô ty Hoàng Thành bị chém.</p> <p>Mùa Đông tháng 10, năm Bính Ngọ (1426), Lý Triện, Đỗ Bí sau khi giao tranh với Vương Thông thất lợi, liền đốt cháy doanh trại, lui về giữ nơi hiểm yếu, cho người cầu cứu cánh quân tinh binh cho Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Trương Chiển chỉ huy.</p> <p>Tháng 5 năm Kỷ Dậu (1429), tức năm Thuận Thiên thứ 2, vua Lê Thái Tổ ban biển ngạch công thần cho 93 viên, Trương Chiển được phong tước Đình thượng hầu cùng 14 vị khác, ban quốc tính họ Lê, sử sách thường ghi tên Ông là Lê Chiển.</p>	
40.	Nguyễn Chích	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Chích (1382 – 1448), quê ở xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Đô đốc thời Lê sơ.</p> <p>Năm 1407, khi quân Minh xâm chiếm Thanh Hóa, Ông đã lập căn cứ Hoàng - Nghiêu dựng cờ khởi nghĩa ở quê nhà khi mới 25 tuổi. Khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Ông đã tình nguyện đứng dưới ngọn cờ Lê Lợi, được phong chức Nhập nội Thiếu úy. Trong quá trình tham gia vào nghĩa quân Lam Sơn Nguyễn Chích đã hiến kế giúp nghĩa quân Lam Sơn xây dựng căn cứ ở Nghệ An, giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa và tiến quân ra Bắc giải phóng đất nước. Với chiến lược và mưu kế của mình, Ông và nghĩa quân Lam Sơn đã lập được nhiều chiến công, chiến lược của Nguyễn Chích đã tạo nên bước ngoặt lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Với những chiến công lừng lẫy như vậy, nhiều nhà nghiên cứu đã xếp vị trí và tầm vóc của Nguyễn Chích trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ sau Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Khi dẹp xong giặc Minh, Nguyễn Chích tiếp tục đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước của nhà Lê sơ. Khi Lê Lợi lên ngôi, Ông được phong tước Đình Thượng hầu, ban tặng</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>quốc tính của vua. Sau này được giữ chức Nhập nội đô đốc và khi mất được truy tặng Nhập nội Tư không Bình chương sự, ban tên thụy là Trịnh Vũ.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt cho một con phố của TP Thanh Hóa.</i></p>	
41.	Nguyễn Đình Chiểu	Thừa Thiên Huế	<p>Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), còn có tên Tự Mịch Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai, quê làng Bồ Điền, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là nhà thơ lớn của miền Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ XIX.</p> <p>Ông xuất thân trong gia đình nhà nho. Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu được mẹ nuôi dạy. Năm lên 6, 7 tuổi, Ông theo học với một Ông thầy đồ ở làng. Nguyễn Đình Chiểu sống ở Huế từ 11 tuổi (1833) đến 18 tuổi (1840), thì trở về Gia Định.</p> <p>Năm Quý Mão (1843), Ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định lúc 21 tuổi. Khi ấy, có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho Ông. Năm 1847, Ông ra Huế học để chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849) thì nghe tin mẹ mất (1848), Ông khóc thương mà bị mù, trở về Gia Định chịu tang rồi mở trường dạy học. Pháp chiếm Gia Định, Ông ủng hộ Trương Định, viết nhiều thơ văn cổ vũ nhân dân chống Pháp. Tác giả các truyện Nôm nổi tiếng: Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bìn Sơn.</i></p>	Đ
42.	Trường Chinh	Nam Định	<p>Trường Chinh (1907 -1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, quê xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.</p> <p>Ông được xem như Chủ tịch nước thứ 3 của Việt Nam khi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam từ năm 1981 đến năm 1987 (tương đương với Chủ tịch nước bây giờ).</p> <p>Ngoài ra, Ông đã giữ các chức vụ quan trọng khác trong hệ thống chính trị của Việt Nam như: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt</p>	

STT	Tên dung	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Nam (lần thứ nhất: giai đoạn 1941-1956, lần thứ hai: 1986), Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960-1975) và Chủ tịch Quốc hội (khóa V, VI). Ông còn là một nhà thơ với bút danh Sóng Hồng. Ông được Nhà nước Việt Nam tặng Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương khác.	
43.	Phó Đức Chính	Hung Yên	<p>Phó Đức Chính (1908-1930), quê làng Đa Ngru, huyện Vân Giang, tỉnh Hưng Yên, là một trong những người cùng Nguyễn Thái Học lập Việt Nam Quốc dân Đảng, là lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân Đảng.</p> <p>Trong cuộc khởi nghĩa tháng 2/1930, Ông trực tiếp chỉ huy đánh đồn Thông (Sơn Tây), nhưng không thành. Sau đó bị Pháp đưa ra tòa Đền hình, kết án tử hình. Ông bị xử chém cùng với thủ lĩnh Nguyễn Thái Học và 11 đồng chí tại Yên Bái ngày 17/6/1930.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
44.	Nguyễn Phúc Chu	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Phúc Chu (1675 – 1725), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị chúa thứ sáu của dòng họ Nguyễn, người có công mở cõi đất phương Nam.</p> <p>Ông là con trưởng của Chúa Nguyễn Phúc Thái và vương phi Tống Thị Lĩnh - là vị chúa Nguyễn thứ sáu (ở ngôi từ 1691 đến 1725). Năm 1691, Chúa Nguyễn Phúc Thái qua đời, Nguyễn Phúc Chu nối ngôi cha cầm quyền ở Đàng Trong, Ông có nhiều đổi mới trong đường lối trị nước, thực hiện chính sách nhất quán chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói hay, nạt lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, giảm nhẹ thuế má lao dịch, bớt việc hình ngục, trên các lĩnh vực khác nhau, chúa đều có những chính sách tiên bộ; về văn hóa - giáo dục, Ông để lại nhiều thành tựu: Mở mang việc học, tổ chức thi cử theo quy củ mới, Ông cho thi hương lấy Cử nhân, tú tài, tuyển cả hạng dưới làm hoa văn, nhiều học, Ông là một tác giả lớn của văn học Đàng Trong, sáng tác nhiều thơ văn, hiện vẫn còn lưu truyền.</p> <p>Nguyễn Phúc Chu mất sau 34 năm cầm quyền, được</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đánh giá là vị chúa tài ba, anh minh.	
45.	Phan Huy Chú	Hà Tĩnh	<p>Phan Huy Chú (1782-1840), quê gốc Hà Tĩnh, sinh ở làng Thầy, huyện Yên Sơn (nay là Quốc Oai, tp Hà Nội), là nhà bách khoa, nhà văn hóa nổi tiếng.</p> <p>Ông là con của Phan Huy Ích, tuy ông chỉ đỗ sinh đồ, nhưng có thực tài, hay chữ, mở trường dạy học và soạn sách. Năm 1821, Minh Mạng bổ Ông làm Biên tu trường Quốc tử giám; đi sứ nhà Thanh hai lần (1825 và 1831); Ông là tác giả nhiều sách giá trị: Lịch Triều hiến chương loại chí, Hoàng Việt dư địa chí, Hoa thiều ngâm lục. Ông có công trong nghiên cứu và viết sách về Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
46.	Lưu Nhân Chú	Thái Nguyên	<p>Lưu Nhân Chú (? – 1433), quê tỉnh Thái Nguyên, là một vị tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là một trong 18 người cùng dự hội thề Lũng Nhai.</p> <p>Ông tham gia nhiều trận đánh quân Minh, giải phóng thành Tây Đô. Sau hội thề Đông Quan, Ông được ban theo họ vua là Lê Nhân Chú, phong làm Suy Trung Tán Trị hiệp mưu Dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình Chương quân quốc trọng sự. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông truy tặng Ông làm Thái phó Vinh Quốc Công. Ông có nhiều đóng góp cho sự thành công của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường tại huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ
47.	Võ Chí Công	Quảng Nam	<p>Võ Chí Công (1912-2011), Ông tên thật là Võ Toàn, quê làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Tháng 3 năm 1940, Ông được bầu làm Bí thư. Tháng 10 năm 1941, Ông được cử vào Xứ ủy Trung Kỳ, sau Ông được điều về giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ 2. Sau khi Cách mạng tháng 8, Ông được cử làm Chính trị viên Trung đoàn 93, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ 3. Sau năm</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>1954, Ông được phân công trở lại Khu V, hoạt động bí mật thay vì tập kết ra Bắc, Năm 1960, Ông ra Bắc và là một trong những người ủng hộ chủ trương chuyển hướng đấu tranh và tham gia xây dựng Nghị quyết 15. Tháng 9 năm 1960, Ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy Khu V.</p> <p>Năm 1975, Ông được cử làm Phó ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam. Đến tháng 12 năm 1976, Ông được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, giữ chức Phó Thủ tướng, sau Ông được cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thường trực Ban Bí thư. Từ tháng 4 năm 1987, Ông làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng .</p>	
48.	Âu Cơ		<p>Âu Cơ (?-?) (giống Tiên), Phú Thọ, lấy Lạc Long Quân (giống Rồng), là người khai sáng lịch sử dân tộc ta</p> <p>Vua cha Kinh Dương Vương cho Lạc Long Quân cai quản đất Lạc. Bà Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng nở thành trăm con trai. 50 con theo cha về miền biển, 50 con theo mẹ lên núi. Mẹ Âu Cơ đưa con về Phong Châu, dạy con làm nương rẫy, trồng lúa ven núi, trồng dâu bên sông, đào giếng, dệt vải, ép mật, thổi cơm, làm bánh. Con cả được tôn là Hùng Vương là Ông tổ của dân tộc Lạc Việt.</p>	
49.	Nguyễn Trinh Cơ	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Trinh Cơ (1915- 1985), quê ở Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Giáo sư, Tiến sỹ Y học.</p> <p>Trong kháng chiến chống Pháp là một trong những người có công gây dựng nền Y học trong quân đội. Ông làm Viện trưởng viện phẫu thuật Trung ương. Sau năm 1954, Ông là giáo sư, Hiệu trưởng trường đại học Y khoa Hà Nội, Chủ tịch Hội ngoại khoa Việt Nam. Ông đã góp sức đào tạo nhiều thế hệ thầy thuốc và để lại nhiều công trình khoa học quý giá về Y học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.</p>	
50.	Đặng Trần Côn	Hà Nội	Đặng Trần Côn (1720-1745), quê ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.</p> <p>Ông đỗ Hương công, sau đó làm Huấn đạo trường phủ, rồi tri huyện Thanh Oai, sau thăng chức Ngự sử đài đại phu thời Lê Trung hưng. Ông giỏi thơ phú, là tác giả <i>Chinh phụ ngâm</i> viết bằng chữ Hán sau được dịch sang chữ Nôm.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
51.	Lương Định Cửa	Sóc Trăng	<p>Lương Định Cửa (1918-1975), quê ở xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, là một nhà nông học, nhà tạo giống cây trồng của Việt Nam.</p> <p>Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kyoto và Kyushu, trở thành Tiến sĩ thứ 96 của Nhật Bản. Năm 1954, Ông về Sài Gòn, làm ở Viện Nghiên cứu canh nông, rồi ra chiến khu tập kết ra Bắc. Cả cuộc đời Ông cống hiến cho sự nghiệp lai tạo các loại giống cây trồng, đặt nền móng cho nền khoa học nông nghiệp Việt Nam, làm Viện trưởng Viện cây lương thực và thực phẩm, được phong Anh hùng lao động.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên cho một con đường tại TX. Bim Sơn, tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P
52.	Đội Cung	Hà Tĩnh	<p>Đội Cung (?-1941), tên thật là Trần Công Cung hay Nguyễn Văn Cung, quê huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh, là một thủ lĩnh của cuộc binh biến của một số binh sĩ lính khổ xanh ngày 13 tháng 1 năm 1941 tại Nghệ An.</p> <p>Khi trưởng thành, Ông tham gia lực lượng lính khổ xanh tại Nghệ An và thăng dần lên chức Đội (tương đương Trung sĩ). Khi thực dân Pháp có ý định điều một số đội lính khổ xanh tại Nghệ An sang chiến đấu tại Lào, các binh sĩ tại đây đã hoang man và bất mãn. Ngày 8 tháng 1 năm 1941, Đội Cung được điều động từ Vinh về đồn Chợ Rạng (Thanh Chương, Nghệ An) thay cho viên đồn trưởng người Pháp là Alônggiô. Ông là một thủ lĩnh của cuộc binh biến của một số binh sĩ lính khổ xanh ngày ngày 13 tháng 1 năm 1941 tại Nghệ An, chống lại thực dân Pháp. Đầu năm 1941,</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Ông được điều lên thay Đồn trưởng người Pháp ở đồn Chợ Rạng (Thanh Chương, Nghệ An). Ông làm binh biến chiếm đồn Đô Lương, rồi kéo về đánh thành Vinh nhưng không thành. Ông bị Pháp bắt và xử tử.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt cho 1 con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
53.	Phạm Cuồng	Thanh Hóa	<p>Phạm Cuồng (1367-?), quê ở huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là người có mặt từ buổi đầu Lam Sơn khởi nghĩa.</p> <p>Phạm Cuồng có mặt trên nhiều mặt trận, tham gia nhiều trận đánh ác liệt, xông pha nơi hòn tên mũi đạn không quản thân mình. Khi khởi nghĩa nổ ra (1418) liên tục mấy năm quân Minh tấn công bao vây nhằm tiêu diệt toàn bộ nghĩa quân Lam Sơn. Nghĩa quân cố thủ ở vùng núi Chí Linh không đủ lương thực ăn, Phạm Cuồng đã về quê bán ruộng đất, tài sản, lấy tiền bạc đem vào mua lương thực ứng cứu cho nghĩa quân. Năm 1426, Ông được Lê Lợi phong chức Đồng Tổng quản Quy Hóa trấn trị quân dân sự, Vệ quân trấn Quy Hóa (Quy Hóa khi ấy là vùng đất dọc hữu ngạn sông Hồng gồm đất tỉnh Lào Cai, các huyện Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Bàn thuộc tỉnh Yên Bái, huyện Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay).</p> <p>Là một công thần có công lao với sự nghiệp Lam Sơn khởi nghĩa, phục vụ ba triều Vua Lê (Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông), ở triều vua nào Ông cũng được đánh giá cao và được ban thưởng chức tước, bổng lộc. Tháng 5 năm Kỷ Hợi (1429), Vua Lê Thái Tổ ban biểu ngạch công thần cho 93 người Phạm Cuồng được phong tước Quan Phục hầu, tên Ông xếp ở vị trí thứ nhất trong danh sách những người được ban thưởng này.</p>	
54.	Nguyễn Văn Cừ	Bắc Ninh	<p>Nguyễn Văn Cừ (1912 -1941), quê Bắc Ninh, là hậu duệ đời thứ 17 của Nguyễn Trãi.</p> <p>Tháng 6 năm 1929, Ông được kết nạp vào chi bộ Đông Dương Cộng sản đảng đầu tiên ở Hà Nội. Năm 1930, được cử làm Bí thư đặc khu Hồng Gai - Uông Bí.</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Bị Pháp bắt, kết án khổ sai, đày đi Côn Đảo. Năm 1936, Ông được trả tự do, về hoạt động bí mật ở Hà Nội.</p> <p>Tháng 9/1937, được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ở Hội nghị Học Môn (Gia Định). Năm 1938, Ông được bầu làm Tổng Bí thư khi mới 26 tuổi. Tháng 6/1940, bị Pháp bắt tại Sài Gòn, chúng khép Ông tội tử hình. Ngày 28/8/1941, bản án được thi hành cùng lúc với một số Đảng viên Cộng sản khác tại trường bắn Học Môn.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại, TP. Sầm Sơn. Tên một con đường ở TX. Bim Sơn</i></p>	
55.	Trịnh Cương	Thanh Hóa	<p>Trịnh Cương (1686 – 1729), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ năm của dòng họ Trịnh.</p> <p>Trịnh Cương là người có ý chí, bản lĩnh, năng động và thực sự lo toan đến sự hưng vong của đất nước. Ông là vị chúa có nhiều đóng góp trong việc cải cách đổi mới đất nước như: Phát triển kinh tế - văn hóa, cải cách xã hội, thi cử, chính sách ngoại giao, được người đời sau coi là vị chúa có công “Tôn tri thể giáo, thiên hạ thái bình”. Sau khi Ông mất, triều đình tôn phong là: Ôn Mục Trang Túc, Khoan Du Duy Huệ, Kinh Văn Vi Vũ, Hồng Trình Đại Lược, Thùy Thống Hiếu Đại, Nhân Vương. Miếu hiệu là Hy Tổ Nhân Vương.</p>	
56.	Ngô Thị Ngọc Dao	Thanh Hóa	<p>Ngô Thị Ngọc Dao (1421 – 1496), quê xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Là con gái Ngô Từ, cháu nội Ngô Kinh lấy vua Lê Thái Tông, mẹ vua Lê Thánh Tông. Hoàng Thái Hậu có công lớn trong suốt thời kỳ vua Lê Thánh Tông trị vì. Thái hậu thường xuyên quan tâm, cùng nhà vua chăm lo trị vì đất nước, xử lý mọi việc công minh được nhân dân tôn vinh ngưỡng mộ.</p> <p><i>Tên Bà đã được đặt tên cho 1 con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
57.	Nguyễn Hữu Dật	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hữu Dật (1603 – 1668), quê ở làng Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là võ tướng làm quan tới chức Bô chính dưới thời</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>chùa Nguyễn, có công trong mở rộng phương Nam, nổi tiếng vùng Nam Bộ.</i></p> <p>Nguyễn Hữu Dật là nhân vật trụ cột của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Ông là người có công phò tá nhiều đời chúa Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc nam tiến của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, được phong chức Chiêu Vũ hầu. Ngoài việc cầm quân, xây thành lũy, Ông còn giữ các chức vụ như: Năm 1649, làm cai cơ lãnh lý lục doanh Bồ chính; năm 1661, được thăng chưởng cơ trấn thủ dinh Bồ chính. Đến năm 1664, Ông được thăng đến chức Chưởng Dinh Tiết Chế Đạo Lưu Đồn. Về văn hóa, nghệ thuật, Ông đóng góp xây dựng chùa Cảnh Tiên.</p> <p>Nguyễn Hữu Dật còn là tác giả tập thơ “Hoa văn cáo thị”. Sau khi Ông mất nhà Nguyễn truy tặng là Tán tự Tinh nam Công thân. Đặc tiên phụ quốc Thượng tướng quân can y vệ tả quân Đô đốc phủ chương phủ sự chiêu quận công.</p>	
58.	Hồ Đắc Di	Thừa Thiên Huế	<p>Hồ Đắc Di (1900-1984), sinh ra tại Hà Tĩnh, quê ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam.</p> <p>Trước Cách mạng Tháng Tám, Ông làm hiệu trưởng trường Y kiêm Giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy. Kháng chiến, Ông theo Chính phủ Cù Hồ, cùng giáo sư Tôn Thất Tùng lập trường Đại học Y của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở chiến khu, đào tạo cho toàn quốc nhiều cán bộ y tế giỏi, Ông là vị Hiệu trưởng đầu tiên trường Đại học Y khoa của nước Việt Nam độc lập... Ông là đại biểu Quốc hội nhiều khóa và 38 năm làm Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa. Truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và kỹ thuật năm 1996.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt cho một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
59.	Luu Diễm	Thanh Hóa	<p>Luu Diễm (1211 - ?), quê ở Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, nay thuộc Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Đông các Đại học sĩ</i></p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>thời nhà Trần.</i></p> <p>Là người thông minh, học giỏi, có trí nhớ phi thường, Ông đỗ đệ nhất giáp đệ nhị danh (như học vị Bảng nhãn Khoa Nhâm Thìn (1232), đời Trần Thái Tông lúc 22 tuổi, làm Đông các đại học sĩ.</p>	
60.	Tô Vĩnh Diện	Thanh Hóa	<p>Tô Vĩnh Diện (1924 – 1954), quê thôn Dục Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Cống (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của Việt Nam, anh nổi tiếng với giai thoại hy sinh thân mình để cứu khẩu pháo không bị lẫn xuống vực trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.</i></p> <p>Tô Vĩnh Diện nhập ngũ tháng 7/1949, là Tiểu đội trưởng pháo cao xạ 37 ly thuộc đại đội 827, Tiểu đoàn 394 Trung đoàn 367. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Tô Vĩnh Diện đã lấy thân mình chèn pháo, nhờ đó đơn vị giữ được pháo dừng lại. Tấm gương hy sinh của Tô Vĩnh Diện đã cổ vũ mạnh mẽ toàn đơn vị vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.</p> <p>Ông đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương và danh hiệu cao quý.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên cho phố tại TP. Thanh Hóa và huyện Hà Trung, tên một con đường tại thị xã Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
61.	Trần Quang Diệu	Bình Định	<p>Trần Quang Diệu (?-1802), quê huyện Hoài Ân, Bình Định, là <i>danh tướng Tây Sơn.</i></p> <p>Chồng của nữ tướng Bùi Thị Xuân, có công lớn trong trận đánh tiêu diệt 20 vạn quân Thanh tại Thăng Long; khi Quang Trung mất, làm Thái phó giúp vua Cảnh Thịnh; sau bị Gia Long bắt và hành hình ở Phú Xuân.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa và TP. Sầm Sơn.</i></p>	P
62.	Hoàng Diệu	Quảng Nam	<p>Hoàng Diệu (1832-1882), quê ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Ông đỗ Phó bảng, giữ chức Tổng đốc Hà-Ninh (Hà Nội - Ninh Bình). Thực dân Pháp đánh thành Hà Nội (25/4/1882), Hoàng Diệu chỉ huy cuộc chiến đấu tới</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>cùng. Thấy không đủ sức chiến đấu, Ông thắt cổ tử tiết trên cây táo cạnh Võ Miếu. Tượng đồng của Ông và Nguyễn Tri Phương được đặt tại Cửa Bắc thành Hà Nội để ghi nhớ hai Ông đã hy sinh chống Pháp đánh thành.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn, huyện Hà Trung và một con phố ở TP. Sầm Sơn.</i></p>	
63.	Xuân Diệu	Hà Tĩnh	<p>Ngô Xuân Diệu (1916-1985), bút danh là Xuân Diệu, quê huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam</p> <p>Tham gia phong trào Việt Minh, Hội Văn hóa Cứu quốc, từng giữ các chức vụ: Ủy viên Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Dân gian, năm 1983 được bầu là Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm Nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức; là nhà thơ, nhà văn hóa, nhà lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam nổi tiếng. Ông nổi tiếng từ phong trào Thơ mới với tập Thơ thơ và Gửi hương cho gió. Những bài được yêu thích nhất của Xuân Diệu là thơ tình. Ông từng được Hoài Thanh và Hoài Chân đưa vào cuốn Thi nhân Việt Nam (1942).</p> <p>Xuân Diệu được xem là cây bút tiêu biểu cho thơ ca hiện đại Việt Nam, nhà bình luận văn học xuất sắc. Ông đã xuất bản hàng chục tác phẩm thơ, thơ dịch, nghiên cứu, phê bình văn học; trong đó có những công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt về các nhà thơ cổ điển Việt Nam như: Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương... Ông được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật và nhiều giải thưởng cao quý khác.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ, P
64.	Vừ A Dính	Điện Biên	<p>Vừ A Dính (1934 - 1949), quê huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên).</p> <p>Năm 13 tuổi, Vừ A Dính làm nhiệm vụ canh gác, liên lạc, tiếp tế gạo, muối cho nhân dân bị thực dân Pháp bao vây... Đến năm 1949 anh vừa đủ điều kiện</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			gia nhập bộ đội Việt Minh. Trong 1 lần liên lạc, quân Lê Dương Pháp vây bắt được Vừ A Dính và yêu cầu anh chỉ điểm nơi ở của cán bộ Việt Minh. Vừ A Dính chống lại và bị tra tấn, nhưng lính Pháp và Quốc gia Việt Nam không khai thác được tin tức gì. Vào chiều tối ngày 15-6-1949, quân Pháp đã bắn và treo anh lên cây đào cổ thụ ở Khe Trúc gần đồn Bản Chăn. Anh hy sinh khi chưa tròn 15 tuổi.	
65.	Lê Thiếu Dĩnh	Thanh Hóa	<p>Lê Thiếu Dĩnh (thế kỷ XV), quê ở hương Lão Lạt, huyện Thống Bình, châu Ái, trấn Thanh Đô (nay thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là <i>An phủ sứ</i> và là <i>nhà ngoại giao thời Lê sơ</i>.</p> <p>Lê Thiếu Dĩnh là con thứ của Lê Cảnh Tuân. Khi quân Minh xâm chiếm nước Đại Ngu (thời nhà HỒ), cha và anh Ông là Lê Thái Điền bị bắt về Trung Quốc. Ông cùng với em là Lê Thúc Hiền vào Lam Sơn theo Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh. Năm 1428, Lê Lợi sai đoàn sứ bộ sang trần tình với Minh Tuyên Tông. Sứ bộ gồm: Lê Thiếu Dĩnh, Lê Cảnh Quang, Lê Đức Huy và Đặng Hiếu Lộc mang theo tờ biểu và bản ghi sản vật trong đó có hai tượng người, một bằng vàng và một bằng bạc, đồng thời đem trả cho nhà Minh hai song hồ phù của Liễu Thăng, một quả ấn bạc và danh sách quân Minh bị bắt sẽ trao trả cho về nước. Với những công lao đóng góp trên con đường ngoại giao, vua Lê Thái Tổ đã ban thưởng tặng Lê Thiếu Dĩnh được thăng Thiên tri viện sự, sau thăng lên chức An phủ sứ.</p>	
66.	Trịnh Doanh	Thanh Hóa	<p>Trịnh Doanh (1720 - 1767), quê ở làng Sóc Sơn (nay là xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là <i>vị chúa thứ bảy của dòng họ Trịnh</i>.</p> <p>Trịnh Doanh là con thứ ba của chúa Trịnh Giang. Từ năm 1736, chúa Trịnh Giang đã trao quyền nhiếp chính cho Trịnh Doanh. Năm 1740, Trịnh Doanh chính thức lên thay chúa Trịnh Giang. Ngay khi lên ngôi, Trịnh Doanh đã chấn chỉnh bộ máy cai trị, bãi bỏ việc xây dựng chùa chiền, đường xá của Trịnh Giang,</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>trả lại ruộng đất cho dân cày cấy và dùng nhiều biện pháp khác để nới sức dân. Nhiều sắc chỉ quy định dưới thời Trịnh Cương bị Trịnh Giang bãi bỏ nay được dùng lại. Trịnh Doanh chăm lo việc chính sự, chúa Trịnh Doanh rất coi trọng thực tài, dưới thời trị vì của Trịnh Doanh, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra ở Đàng Ngoài. Chúa Trịnh Doanh nhiều lần tự mình đem quân đi đánh dẹp.</p> <p>Không chỉ là nhà chính trị, nhà quân sự, Trịnh Doanh còn là một nhà thơ. Thơ của Trịnh Doanh thiên về thơ Nôm như "Cần nguyên ngự chế thi tập". Năm 1676, chúa Trịnh Doanh qua đời, ở ngôi chúa được 28 năm (1640 - 1767), được tôn là Nghị tổ ân Vương.</p>	
67.	Nguyễn Du	Hà Tĩnh	<p>Nguyễn Du (1766-1820), Ông tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>Xuất thân trong một gia đình quý tộc. Đậu tú tài, làm chức quan nhỏ thời Lê Mạt. Khi Tây Sơn ra Bắc Hà, Ông lánh về quê vợ ở Thái Bình, rồi về quê nội. Thời Gia Long Ông được bổ trí làm Tri huyện, Tri phủ, phong hàm Cần chánh điện học sĩ, từng đi sứ sang Trung Quốc. Ông là nhà thơ lớn, để lại nhiều thi phẩm Hán- Nôm, trong đó có tác phẩm bất hủ Truyện Kiều. Ông được UNESCO tôn vinh Danh nhân Văn hóa thế giới.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn, TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ. P
68.	Nguyễn Hoàng Dụ	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hoàng Dụ (? – 1518), quê xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam, là An hòa hầu, nắm giữ một vệ binh trong sáu vệ binh điện tiền chuyên đánh dẹp quân phản loạn cuối thời Lê sơ.</p> <p>Nguyễn Hoàng Dụ là con của Nghĩa Quốc công Nguyễn Văn Lang. Ông nổi tiếng là người thông minh, có tài thao lược. Đời vua Lê Trưng Dục Ông được phong tước An hòa hầu nắm giữ một vệ binh trong sáu vệ binh điện tiền chuyên đánh dẹp quân phản loạn cuối thời Lê sơ.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Năm 1516, Trần Cảo nổi loạn. Vua Lê Tương Dực sai Nguyễn Hoàng Dụ đi đánh dẹp, Trần Cảo bỏ chạy lên vùng Kinh Bắc. Đầu năm 1517, theo lời của Trần Chân, Lê Chiêu Tông sai Nguyễn Công Độ đem quân bộ, Mạc Đăng Dung đem quân thủy đuổi Nguyễn Hoàng Dụ chạy vào huyện Thuận Hựu, quân triều đình đào mả cha Hoàng Dụ là Nguyễn Văn Lang chém lấy đầu. Nguyễn Hoàng Dụ lại hội quân chống nhau với quân triều đình, Ông gửi bức thư và một bài thơ cho Mạc Đăng Dung đừng bức bách mình. Mạc Đăng Dung nhận được thư và thơ đó liền đóng quân không đánh.	
69.	Lê Duẩn	Quảng Trị	<p>Lê Duẩn (1907 -1986), tên thật là Lê Văn Nhuận, quê làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, là <i>Bí thư Thứ nhất Trung ương Đảng Lao động Việt Nam Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam</i></p> <p>Năm 1931 Ông giữ chức Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ, bị bắt ở Hải Phòng, giam ở Hoà Lò, Sơn La, Côn Đảo đến 1936. Năm 1940 bị bắt đày đi Côn Đảo, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 Ông ra Hà Nội và được Trung ương Đảng cử trở về lãnh đạo kháng chiến ở Nam Bộ, sau đó Ông giữ chức Bí thư Thứ nhất Trung ương Đảng Lao động Việt Nam từ 1960 đến 1976, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1976 đến 1986. Ông là Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam có tổng thời gian tại vị lâu nhất với trên 25 năm.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt tên một con đường tại huyện Ngọc Lặc.</i></p>	Đ
70.	Nguyễn Công Duẩn	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Công Duẩn(?-?), quê ở làng Gia Miêu Ngoại Trang, nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là <i>danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thái bảo Hoàn công dưới thời Lê sơ.</i></p> <p>Trong khởi nghĩa Lam Sơn, Ông được giao phụ trách hậu cần. Ông có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương. Năm 1427, Nguyễn Công Duẩn cùng với nghĩa quân Lam Sơn đã</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đánh tan quân Mộc Thạnh ở Ai Lê Hoa. Sau chiến thắng quân Minh, Nguyễn Công Duẩn được xem là bậc công thần có công mở nước cùng góp sức khôi phục non sông. Nguyễn Công Duẩn được phong là Thái bảo Hoàng quốc công được ban cấp 470,5 sào ruộng và đất vườn ở Tống Sơn. Sau khi Ông mất, dân Gia Miêu lập đền thờ phong là Thành hoàng của làng.	
71.	Trần Nhật Duật	Nam Định	<p>Trần Nhật Duật (1255 – 1331), quê tỉnh Nam Định. Con thứ sáu vua Trần Thái Tông; có năng khiếu biết nhiều thứ tiếng dân tộc ít người. Hai lần đánh Nguyên - Mông đều làm tướng, nổi danh trong trận Hàm Tử (1285). Giúp vua trị nước, được phong Tả Thánh Thái sư; tác giả nhiều bản nhạc, điệu múa, Ông có vợ người Thanh Hóa, được ban Thái ấp ở vùng Văn Trinh (Thanh Hóa).</p> <p><i>Tên của Ông được dùng đặt cho một con phố của TP Thanh Hóa</i></p>	P
72.	Lê Hoằng Dục	Thanh Hóa	<p>Lê Hoằng Dục (TK XV), quê xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một võ quan triều Lê sơ. Hành trạng của Ông được xác thực bởi Minh thực lục và Đại Việt sử ký toàn thư.</p> <p>Con thứ hai của Lê Văn Linh, một khai quốc công thần nhà Lê. Cũng giống như cha và các anh em trong gia đình, mặc dù theo nghiệp võ nhưng Ông rất ham chuộng văn thơ, hiện nay còn lại 12 thi phẩm <i>Giang Hành nghĩa thành</i> của Ông được chép trong <i>Toàn Việt thi lục</i>. Lê Hoằng Dục làm quan trải hai triều Nhân Tông và Thánh Tông, được thăng tới chức Lễ bộ Thượng thư, hàm Thái bảo và tước Quận công. Vào những năm Hồng Đức, do mếm tài nên đức hoàng thượng đã biệt phái Ông tiếp đãi sứ thần Đại Minh. Đời Lê Thánh Tông, Ông vì có tài mà được cử tiếp sứ giả nhà Minh. Sau được thăng Thượng thư Bộ Lễ. Tác phẩm còn lại là 12 bài thơ “Giang Hành nghĩa thành” trong “Toàn Việt Thi lục”.</p>	
73.	Đặng Dung	Quảng Trị	<p>Đặng Dung (?-1414), quê Hóa Châu, Quảng Trị. Là con Đặng Tất. Ông làm tướng cuối đời Trần,</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>tham gia các trận Hàm Tử, Yên Mô, Chí Linh năm 1413. Năm sau, Ông và vua Trùng Quang bị quân Minh bắt. Trên đường giải về Yên Kinh, cả hai đã nhảy xuống sông tự tử.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
74.	Văn Tiến Dũng	Hà Nội	<p>Văn Tiến Dũng (1917- 2002), quê Hà Nội, là <i>Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam</i>.</p> <p>Ông từng là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam (1953-1978), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1980-1986), Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (1984-1986), một trong những tướng lĩnh danh tiếng của Việt Nam, người chỉ huy trực tiếp chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.</p>	
75.	Trần Khánh Dư	Hải Dương	<p>Trần Khánh Dư (?- 1339), quê ở Chí Linh, Hải Dương, là <i>một chính khách, nhà quân sự Đại Việt dưới thời Trần</i>.</p> <p>Ông được vua Trần Thánh Tông nhận làm con nuôi. Quân Nguyên- Mông sang xâm lược, Ông được dự Hội nghị Bình Than (1282). Ông nổi bật với việc giữ chức Phó đô tướng quân trong trong kháng chiến chống Nguyên lần 2 và 3, tiêu diệt đoàn thuyền lương quân Nguyên ở Vân Đồn năm 1288, tham gia chinh phục Chiêm Thành năm 1312 nhưng bị sử sách phê phán vì tính tham lam, thô bỉ thể hiện qua câu nói "<i>Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ?</i>".</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn, TP Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P
76.	Nguyễn Đôn Dữ	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Đôn Dữ (?-?), quê làng Thọ Vực, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, <i>thi đỗ giải nguyên, là nhân vật yêu nước, tham gia phong trào Đông Du</i>.</p> <p>Xuất thân từ một gia đình khoa bảng yêu nước (thân sinh là Nguyễn Đôn Tiết, một Phó bảng nổi tiếng trong phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa), Nguyễn Đôn Dữ đã sớm thừa hưởng trí thông minh, truyền</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>thông hiểu học, tinh thần và chí khí yêu nước của cha, anh. Nguyễn Đôn Dự đã học hành tấn tới và thi đậu Giải nguyên (đỗ đầu kỳ thi Hương ở Thanh Hóa).</p> <p>Ông không theo con đường cử nghiệp mà theo con đường cứu nước, tham gia đội ngũ sĩ phu yêu nước và tiến bộ đầu thế kỷ XX. Ông tham gia phong trào Đông Du, theo Phan Bội Châu song khi chuẩn bị xuất dương sang Nhật thì bị Pháp bắt, đày đi Lao Bảo và mất tại đó.</p> <p>Nguyễn Đôn Dự là một nhân vật yêu nước theo khuynh hướng Cách mạng dân chủ tư sản trong phong trào yêu nước ở tỉnh Thanh và ở Việt Nam nói chung vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.</p>	
77.	Đô Dương	Thanh Hóa	<p>Đô Dương (?-?), quê ở Thanh Hóa.</p> <p>Ngay từ đầu khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Ông tập hợp dân binh ở vùng dọc theo sông Mã của các huyện: Thiệu Hóa, Đông Sơn, Vĩnh Lộc ra hội quân với Hai Bà Trưng. Khi căn cứ Cẩm Khê bị vỡ, Hai Bà hi sinh, Ông cùng Chu Bá tổ chức lực lượng còn lại của nghĩa quân vừa đánh địch, vừa lui về Cửu Chân để tiếp tục kháng chiến. Chiếm được Giao Chỉ, Mã Viện biết được nghĩa quân rút về Cửu Chân. Tháng 12/43, bèn cho đại binh theo hai đường thủy, bộ kéo vào đàn áp, chém giết, bắt bỏ hơn 500 người. Đô Dương bị giặc bắt.</p> <p>Mùa Xuân năm 44, sau trận quyết chiến tại núi Trịnh (Hà Trung) để bảo vệ Tư Phố (làng Giàng, Thiệu Dương), nghĩa quân của Chu Bá cũng thất bại trước đội quân thiện chiến áp đảo của quân giặc, bèn rút lui về rừng sâu phía Tây Thanh Hóa (Cửu Chân) dần tan rã.</p>	
78.	Đình Chương Dương	Thanh Hóa	<p>Đình Chương Dương (1885-1972), quê ở làng Y Bích, nay thuộc xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa, là <i>Lão thành Cách mạng, Đại biểu Quốc hội khóa I, cố vấn Chính phủ ở Trung bộ.</i></p> <p>Xuất thân trong một gia đình nông dân yêu nước và hiếu học, Ông tham gia Cách mạng từ khi còn trẻ, hưởng ứng phong trào Đông Du do nhà yêu nước Phan Bội Châu chủ trì bí mật tìm đường sang Trung Quốc</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>hoạt động Cách mạng. Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng 10 Nga, suốt 10 năm từ 1919 - 1923 Đinh Chương Dương đã tích cực liên lạc, bắt mối với các tổ chức và Cách mạng trong nước và nước ngoài.</p> <p>Đến giữa năm 1924, Ông bố trí đưa một số thanh niên yêu nước tiến bộ của Thanh Hóa sang Quảng Châu, Trung Quốc tham gia Tâm Tâm Xã. Tháng 6/1925 Nguyễn Ái Quốc từ Châu Âu về Trung Quốc hoạt động đã tập hợp 1 số thanh niên tiến bộ trong tổ chức Tâm Tâm Xã để thành lập hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Đinh Chương Dương gia nhập tổ chức mới năm 1927, nhận nhiệm vụ đưa đón thanh niên, học sinh sang Quảng Châu và từ Quảng Châu về nước. Ông đã bị thực dân Pháp và phong kiến tay sai bắt tù đày nhiều lần đánh đập gây tàn tật. Năm 1943, trong khi hoạt động ở Trung Quốc Ông đã gặp Nguyễn Ái Quốc ở Liễu Châu. Sau Cách mạng tháng Tám 1945 Ông là đại biểu khóa I.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa</i></p>	
79.	HỒ DZÉNH	Thanh Hóa	<p>HỒ DZÉNH (1916- 1991), quê ở làng Đông Bích, xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là một nhà thơ của Việt Nam.</p> <p>Ông học Trung học, dạy tư, làm thơ, viết báo từ năm 1931 tại Hà Nội. Năm 1953 Ông vào Sài Gòn làm báo, năm 1954 trở về Hà Nội tiếp tục viết báo, làm thơ. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam ngay từ buổi đầu thành lập (1957). Ông là một nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam. Ông được biết nhiều nhất qua tập thơ Quê ngoại với một giọng thơ nhẹ nhàng, siêu thoát phảng phất hương vị thơ cổ Trung Hoa. Ngoài ra Hồ Dzếnh còn là một nhà văn với nhiều tác phẩm, tiêu biểu là tập truyện ngắn Chân trời cũ (1942), Thạch Lam đề tựa, Cô gái Bình Xuyên, tập thơ Hoa Xuân Đất Việt (1946), vở kịch Người nữ cứu thương Trung Hoa... Hồ Dzếnh</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.	
80.	Tản Đà	Hà Nội	<p>Tản Đà (1889 - 1939), tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, quê Sơn Tây nay thuộc Hà Nội, là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam.</p> <p>Trong văn đàn Việt Nam đầu thế kỷ XX, Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng, vừa độc đáo, vừa dồi dào năng lực sáng tác. Ông là một cây bút phóng khoáng, xông xáo trên nhiều lĩnh vực. Đi khắp miền đất nước, Ông đã để lại nhiều tác phẩm với nhiều thể loại. Ông đã từng làm chủ bút tạp chí Hữu Thanh, An Nam tạp chí. Ngoài sáng tác thơ, Tản Đà còn giỏi trong việc dịch thơ Đường thành thơ lục bát và được biết đến như một người dịch thơ Đường ra ngôn ngữ Việt hay nhất. Với những dòng thơ lãng mạn và ý tưởng ngộ nghĩnh, đậm cá tính, Ông được đánh giá là người chuẩn bị cho sự ra đời của thơ mới trong nền văn học Việt Nam, là “gạch nối giữa hai thời kỳ văn học cổ điển và hiện đại”.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
81.	Trần Nguyên Đán	Nam Định	<p>Trần Nguyên Đán (1326- 1390), tên hiệu của Ông là Băng Hồ, quê Nam Định, là <i>Danh thần nhà Trần.</i></p> <p>Trần Nguyên Đán là là tôn thất nhà Trần, dòng dõi Chiêu Minh vương Trần Quang Khải. Làm quan tới Tư đồ dưới thời các vua Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông và Trần Phế Đế, tước Chương Túc quốc thượng hầu. Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời. Đời vua Trần Dụ Tông (1341- 1369), Ông được phong chức Ngự sử đài (chuyên việc can gián). Năm 1371, Ông được phong chức Tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu.</p> <p>Về thơ ca Ông có tập thơ tên là Băng Hồ, hiện nay còn 51 bài chép trong "Toàn Việt thi lục" Cùng với Đặng Lộ, Ông là một trong những người đặt nền móng sơ khai cho ngành Thiên văn học ở Việt Nam.</p> <p>Ông đã soạn ra cuốn “Bách thể thông kĩ thư”</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>trong đó ghi chép các nhật nguyệt thực và chuyển động của 5 hành tinh (Thủy, Kim, Hỏa, Mộc, Thổ) từ thời Hồng Bàng đến thời Lý, Trần.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
82.	Bé Văn Đàn	Cao Bằng	<p>Bé Văn Đàn (1931-1953), là người dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh (nay là xã Triệu Ấu), huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng, là <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của Quân đội nhân dân Việt Nam.</i></p> <p>Bé Văn Đàn xuất thân trong một gia đình nghèo có truyền thống Cách mạng. Lớn lên, Ông tham gia hoạt động du kích. Tháng 1 năm 1948, Ông xung phong vào bộ đội và tham gia nhiều chiến dịch, luôn nêu cao tinh thần dũng cảm, tích cực vượt qua mọi khó khăn ác liệt, kiên quyết chấp hành mọi chỉ thị mệnh lệnh nghiêm túc, chính xác kịp thời, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.</p> <p>Trong cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh đang ở giai đoạn quyết liệt, cam go, trong tình thế hết sức khẩn trương, Bé Văn Đàn không ngần ngại chạy lại cầm 2 chân khẩu trung liên đặt lên vai mình và hô đồng đội bắn. Đồng đội còn do dự thì Bé Văn Đàn đã nói: "<i>Kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi!</i>".</p> <p>Trong lúc lấy thân mình làm giá súng, Bé Văn Đàn bị hai vết thương nữa và hy sinh, hai tay vẫn còn ghi chặt súng trên vai mình. Hình ảnh "<i>Bé Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng</i>" trở thành một trong những tấm gương tiêu biểu trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Bé Văn Đàn lúc hy sinh là tiểu đội phó, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 31/8/1955, Bé Văn Đàn được Quốc hội nước Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Huân chương quân công hạng Nhì.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa và TP. Sầm Sơn.</i></p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
83.	Lê Quang Đạo	Bắc Ninh	<p>Lê Quang Đạo (1921-1999), tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, quê Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh, là một chính khách của Việt Nam, nguyên Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam (1987-1992).</p> <p>Ông cũng từng là một tướng lĩnh Quân đội Nhân dân Việt Nam, cấp bậc Trung tướng. Ông vào Đảng Cộng sản năm 1940, giữ chức Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, tham gia Tổng khởi nghĩa ở Bắc Giang, Phó chủ nhiệm chiến dịch Điện Biên Phủ, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chính ủy chiến dịch Đường 09, Bí thư- Chính ủy mặt trận giải phóng Quảng Trị.</p> <p>Ông được phong quân hàm Trung tướng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam (1987-1992). Trong cuộc đời hoạt động Cách mạng của mình Ông có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc, Ông được tặng Huân chương Hồ Chí Minh, truy tặng Huân chương Sao Vàng (2001).</p>	
84.	Trần Hưng Đạo	Nam Định	<p>Trần Hưng Đạo (? - 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo đại Vương, quê tỉnh Nam Định, là danh tướng, một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một nhà chính trị, nhà văn cũng như là Tư lệnh tối cao chỉ huy quân đội toàn quốc của Đại Việt thời nhà Trần.</p> <p>Tham gia ba cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông (thế kỷ XIII). Trong kháng chiến Ông là người tổ chức các kế hoạch tác chiến, trực tiếp chỉ đạo các trận chiến đấu lớn có tính chất quyết chiến chiến lược, nổi tiếng nhất là trận Bạch Đằng oanh liệt (9 - 4 - 1288). Ông là tác giả của các tác phẩm: <i>Hịch tướng sĩ; Binh thư yếu lược; Vạn kiếp tông bí truyền thư</i>. Trong cuộc kháng chiến lần thứ 2, Trần Hưng Đạo và vua tôi nhà Trần đã lui về Thanh Hóa để bảo toàn, củng cố lực lượng, chuẩn bị phản công và lãnh đạo quân dân Thanh Hóa kháng chiến. Ở xã Hà Dương, huyện Hà Trung có đền thờ Trần Hưng Đạo.</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<i>Tên Ông được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn.</i>	
85.	Cao Đáp	Thanh Hóa	<p>Cao Đáp (cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV), quê xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Là người có tài, trí dũng hơn người, tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ trong khởi nghĩa Lam Sơn như trận Lạc Thủy, Mường Một, Mường Chánh, Bồ Ải, Châu Trà Lĩnh lập nhiều chiến công được Lê Lợi xếp hàng thứ nhất trong những người có công theo vua từ thời ở Lũng Nhai, được phong thưởng Ngân Thanh vinh lộc đại phu bổng thánh vệ đại tướng quân được ban quốc tính.</p>	
86.	Chu Đạt	Thanh Hóa	<p>Chu Đạt (91 - 160), là người ở Cư Phong (nay thuộc làng Phú Hào, Thọ Phú, Triệu Sơn, Thanh Hóa). <i>Là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa tại Cửu Chân thời Bắc thuộc chống ách thống trị nhà Đông Hán.</i></p> <p>Sau khi đàn áp được cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, nhà Hán tăng cường áp bức bóc lột người Việt. Năm 157, Chu Đạt đứng lên kêu gọi nhân dân nổi dậy giết viên huyện lệnh Cư Phong. Nghĩa quân ngày càng lớn mạnh, Ông cho đánh huyện Cửu Chân và giết thái thú Nghê Thức, giải phóng huyện Cửu Chân. Triều đình nhà Hán cho quân từ Giao Chỉ vào đàn áp. Ông lui quân về Nhật Nam (nay là vùng Bình Trị Thiên). Tại đây nghĩa quân tiếp tục lớn mạnh do được sự ủng hộ của nhân dân. Nhà Hán cử thứ sử Hạ Phương sang đàn áp. Năm 160 nghĩa quân hoàn toàn thất bại, Ông bị chết.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt tên con đường huyện Tĩnh Gia.</i></p>	Đ
87.	Hoàng Bật Đạt	Thanh Hóa	<p>Hoàng Bật Đạt (? - 1887), quê ở làng Bộ Đầu, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, <i>là lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.</i></p> <p>Hưởng ứng phong trào Cần Vương, Hoàng Bật Đạt cùng Đinh Công Tráng và Phạm Bành lập Chiến khu Ba Đình bảo vệ cửa ngõ, yết hầu ở miền Trung làm bàn đạp tấn công thành phố ở đồng bằng để chống Pháp. Năm 1886, các lãnh tụ khởi nghĩa ở Thanh Hóa</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>đã họp tại đình làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc để bàn kế hoạch chống Pháp trong toàn tỉnh. Hội nghị đã thống nhất giao cho Hoàng Bật Đạt, Phạm Bành, Đinh Công Tráng cùng một số tướng lĩnh khác làm lãnh tụ.</p> <p>Năm 1887, sau khi Ba Đình thất thủ, Ông tạm lánh về quê và tìm đường sang Trung Quốc định mua vũ khí và chiêu mộ quân lính để kháng chiến lâu dài. Tuy nhiên một thuộc hạ đã phản bội nên Ông bị bắt. Pháp bắt giam Ông ở nhà lao Thanh Hóa và tra khảo, Ông không khai, giặc đã giết Ông, lấy đầu cắm vào ngọn sào đưa về quê để uy hiếp tinh thần dân chúng. Ông là một trong ba vị chỉ huy cao nhất trong quá trình xây dựng và chiến đấu ở căn cứ Ba Đình. Ông đã hy sinh cả cuộc đời cho độc lập dân tộc. Sau khi Ông mất dân làng Thuần Lộc đưa về an táng tại quê nhà.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên cho đường ở huyện Nga Sơn, tên phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
88.	Triệu Quốc Đạt	Thanh Hóa	<p>Triệu Quốc Đạt (?-?), quê Thanh Hóa, là một <i>huyền lệnh, hào trưởng-thủ lĩnh vùng đất thuộc Cửu Chân (Thanh Hóa), anh ruột của Triệu Thị Trinh (hay Bà Triệu).</i></p> <p>Khi Bà Triệu còn nhỏ được Ông nuôi nấng do cha mẹ mất sớm. Năm 246, Ông tụ binh khởi nghĩa chống lại nhà Đông Ngô bấy giờ đang đô hộ Việt Nam. Không khuất phục dưới ách thống trị của giặc Ngô, Triệu Quốc Đạt đã cùng em gái (Bà Triệu) dấy binh khởi nghĩa ở vùng núi Nưa (thuộc các huyện Nông Cống, Triệu Sơn ngày nay). Về sau Ông bị tử trận, quân của Ông tôn Bà Triệu lên làm thủ lĩnh, chủ tướng của cuộc khởi nghĩa năm 248 chống lại quân Ngô. Cuộc khởi nghĩa thất bại khi thứ sử Giao Châu là Lục Dận đem quân sang đánh.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên cho phố tại TP. Thanh Hóa. Tên đường ở huyện Nông Cống.</i></p>	Đ, P
89.	Mai Hắc Đế	Hà Tĩnh	<p>Mai Hắc Đế (? – 722), tên thật là Mai Thúc Loan, quê Hà Tĩnh, là vị vua người Việt thời Bắc thuộc, anh hùng dân tộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>lại sự chiếm đóng của nhà Đường ở Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ VIII.</i></p> <p>Mai Hắc Đế là người tập hợp những người dân phải đi phu cho chính quyền đô hộ nhà Đường, khởi nghĩa giải phóng thành Tống Bình, lên ngôi vua, xưng là Mai Hắc Đế, đóng đô ở thành Vạn An trên núi Vệ Sơn. Năm 722, quân nhà Đường sang đàn áp, Ông thế yếu phải lui về Rú Đụn (Nam Đàn) rồi mất tại đó.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn.</i></p>	
90.	Lý Nam Đế	Thái Bình	<p>Lý Nam Đế (503 – 548), còn gọi là Lý Bôn, quê Thái Bình, là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lý và nước Vạn Xuân.</p> <p>Lý Nam Đế là con của Lý Toàn và bà Lê Thị Oánh (người Ái Châu - Thanh Hóa). Năm 542 Ông đứng lên khởi nghĩa đánh đuổi quân thống trị nhà Lương, lên ngôi vua năm 544 (là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lý và nước Vạn Xuân) xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên sử gọi là nhà Tiền Lý. Năm sau, quân Lương sang đánh, Ông chống không lại, lánh vào động Khuất Lão (Tam Nông - Phú Thọ ngày nay) rồi mất.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn</i></p>	Đ
91.	Đoàn Thị Điểm	Hung Yên	<p>Đoàn Thị Điểm (1705-1748), hiệu “<i>Hồng Hà nữ sĩ</i>”, quê ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên, là <i>nữ sĩ Việt Nam thời Lê Trung hưng.</i></p> <p>Từ nhỏ đã hay chữ, từng lên Thăng Long dạy cung nữ trong phủ Chúa. Bà là tác giả tập Truyền kỳ tân phả (chữ Hán) và tác giả của truyện thơ Chinh phụ ngâm - được Bà dịch từ nguyên bản Chinh phụ ngâm khúc (viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn). Bà còn viết tập Nữ trung tòng phận gồm 1401 câu thơ và bài Bộ bộ thiêm -Thu từ (tức Bộ bộ thiêm- Bài hát mùa thu).</p> <p>Ngoài ra còn có một số bài thơ văn khác của Bà (gồm chữ Hán, chữ Nôm) được chép trong tập Hồng</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Hà phu nhân di văn của Tiến sĩ Nguyễn Kiều mới được phát hiện gần đây. Bà là người được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài văn trong những nữ sĩ danh tiếng nhất, bên cạnh là Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan và Srong Nguyệt Ánh.</p> <p><i>Tên Bà đã được đặt tên một con đường TX. Bim Sơn, tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
92.	Cao Bá Điền	Thanh Hóa	<p>Cao Bá Điền (1848 - 1896), hay Cao Điền, Cao Điền, quê ở làng Trinh Sơn (nay thuộc xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là Đè đốc thời nhà Nguyễn, là công sự đặc lực của Tổng Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) hưởng ứng chiếu Cần Vương.</p> <p>Ông là một võ quan nhà Nguyễn và là một công sự đặc lực của Tổng Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887-1892) chống Pháp ở cuối thế kỷ 19 tại Việt Nam. Đầu năm 1887, đông đảo quân Pháp kéo đến đàn áp dữ dội phong trào Cần Vương ở tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Ba Đình và căn cứ Mã Cao nối tiếp nhau thất thủ... Trước tình thế hiểm nguy, Cao Điền và Tổng Duy Tân bèn mang quân chạy lên Hùng Lĩnh, lập nên một trung tâm kháng chiến mới. Tuy nhiên, nghĩa quân Hùng Lĩnh chỉ mở được vài trận tập kích, thì bị thiếu tá Térillon dẫn quân đến vây đánh gắt. Sau khi bàn bạc, Cao Điền, Đốc Ngữ và Tổng Duy Tân cùng hợp quân đi tấn công quân Pháp ở Niên Kỳ (nay thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>Sau đó, Tổng Duy Tân về ẩn náu ở hang Niên Kỳ, còn Cao Điền cùng một số thuộc hạ quyết chí theo thì đóng trên một ngọn đồi gần bên. Ngày 3 tháng 10, một toán quân Pháp khác gồm 30 người đi vây bắt Cao Điền. Hai bên đụng độ ác liệt. Nghĩa quân bị bắt 2, chết 6, nhưng Cao Điền đã kịp chạy thoát cùng bốn năm người với hai khẩu súng... Cao Điền, trú ẩn ở đất Bắc được một thời gian, Ông định đến với Hoàng Hoa Thám (thủ lĩnh khởi nghĩa Yên Thế), nhưng vừa tới Bắc Giang thì đã bị quân Pháp bắt được vào ngày</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			16 tháng 1 năm 1896. <i>Tên Ông được đặt tên cho đường, phố tại TP. Thanh Hóa</i>	
93.	Nguyễn Thị Định	Bến Tre	<p>Nguyễn Thị Định (1920-1992), còn gọi là Ba Định, bí danh Bích Vân, Ba Tấn, Ba Nhất và Ba Hận, quê xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, là nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.</p> <p>Bà tham gia Cách mạng từ nhỏ, năm 1938, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong cuộc đời hoạt động Cách mạng của Bà, Bà có nhiều đóng góp cho giai đoạn Đấu tranh giành độc lập như: Tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Bến Tre, Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Bà một trong những người lãnh đạo Đồng khởi Bến Tre và là người chỉ đạo trực tiếp cuộc Đồng khởi đợt I (17/1/1960) ở ba 3 xã điểm: Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp (thuộc huyện Mỏ Cày Nam hiện nay) thắng lợi, mở đầu cho phong trào Đồng khởi trong tỉnh và toàn miền Nam sau này; giai đoạn kháng chiến chống Mỹ và giai Nhà nước thống nhất sau năm 1975, Bà giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước như: Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, V, VI; Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa VI, VII, VIII; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Từ 1987 đến 1992, Bà giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,... với công lao và đóng góp to lớn của mình, Bà được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bà được nhận Giải thưởng Hòa bình Lê Nin của Liên Xô trao tặng.</p> <p><i>Tên Bà đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
94.	Trương Định	Quảng Ngãi	<p>Trương Định (1820-1864), quê huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, ngụ ở Gia Định, là võ quan nhà Nguyễn, và là thủ lĩnh chống Pháp giai đoạn 1859-1864, trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Năm 1850, hưởng ứng chính sách khẩn hoang của tướng Nguyễn Tri Phương, Trương Định xuất tiền ra chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền ở Gia Thuận (Gò</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Công), vì thế, Ông được nhà Nguyễn bổ làm Quản cơ, hàm chánh lục phẩm.</p> <p>Tháng 2 năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định. Sau đó, Trương Định đem quân đồn điền của mình lên đóng ở Thuận Kiều (Gia Định), và từng đánh thắng đối phương ở Cây Mai, Thị Nghè... Đầu năm 1861, Pháp tấn công Gia Định lần thứ hai, Trương Định đem quân phối hợp với binh của tướng Nguyễn Tri Phương phòng giữ chiến tuyến Chí Hòa. Khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ, Ông lui về Gò Công chiêu binh ứng nghĩa, trấn giữ vùng Gia Định - Định Tường. Ngày 16 tháng 12 năm 1862, Trương Định đã ra lệnh tấn công các vị trí của quân Pháp ở cả ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, đẩy Pháp vào tình thế lúng túng, bị động. Ngày 26 tháng 2 năm 1863, Pháp đánh chiếm thành trì, Ông thoát khỏi vòng vây và kéo quân về Biên Hòa. Ngày 19 tháng 8 năm 1864, Huỳnh Công Tấn phản bội dẫn đường cho quân Pháp bắt ngờ bao vây đánh úp.</p> <p>Bản doanh <i>Đám lá tối trời</i> thất thủ, Trương Định bị trọng thương (gãy xương sống). Để bảo toàn khí tiết, Ông đã rút gươm tự sát tại Ao Dinh (Gò Công) vào rạng sáng ngày 20 tháng 8 năm 1864, khi ấy, Ông 44 tuổi.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, huyện Hà Trung.</i></p>	
95.	Bùi Bằng Đoàn	Hà Nội	<p>Bùi Bằng Đoàn (1889-1995), quê xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội), là <i>Thượng thư bộ Hình triều Nguyễn (1933-1945), Trưởng ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trưởng ban Thường trực Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa 1.</i></p> <p>Bùi Bằng Đoàn đỗ Cử nhân khoa thi Hương năm 1906 tại trường thi Nam Định, sau chuyển sang Tây học, tốt nghiệp trường Hậu bổ, ra làm quan. Khi làm quan Ông nổi tiếng là vị quan đức độ, thanh liêm, chính trực, chăm dân. Lúc làm Tri phủ Xuân Trường</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>(Nam Định) Ông đã đề xuất và thực hiện việc đắp đê Bạch Long ngăn nước mặn, tạo lập được một vùng lúa, dâu rộng lớn. Ghi công đức Ông, dân địa phương đã làm lễ tế sông vị "phụ mẫu chi dân" trẻ tuổi ngay nơi nhậm chức. Năm 1925, mặc dù đang làm tri phủ Nghĩa Hưng (tỉnh Nam định) nhưng Ông vẫn được mời lên Hà Nội làm thông ngôn cho phiên tòa đại hình xử vụ án cụ Phan Bội Châu. Với tính cách cương trực, bênh vực lẽ phải, Bùi Bằng Đoàn đã thông dịch rõ ràng, trung thực những lời nói, lý lẽ đanh thép của cụ Phan Bội Châu để rồi sau đó tòa án đã không khép được cụ Phan vào án chung thân mà giảm xuống hình thức "an trí ở Huế".</p> <p>Đầu năm 1933 Ông được bổ nhiệm làm Tuần phủ tỉnh Ninh Bình, không lâu sau đó khi Phạm Quỳnh tổ chức Nội các Ông được bổ nhiệm làm Thượng thư bộ Hình. Trong mười hai năm ở kinh đô Huế Ông trông nom việc xử kiện tại tất cả các tỉnh Trung Kỳ, chỉ đạo việc soạn thảo các luật cho Trung Kỳ đều bằng tiếng Pháp, tiếng Việt và dịch ra chữ Hán.</p>	
96.	Cao Đình Độ	Thanh Hóa	<p>Cao Đình Độ (1744- 1810), quê ở xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Tổ nghề kim hoàn ở Việt Nam</i>.</p> <p>Ông xuất thân trong một gia đình Nho học, dưới thời vua Quang Trung, danh tiếng Cao Đình Độ được lan truyền đến triều đình. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi thành lập triều Nguyễn. Tất cả mọi thành tựu văn hóa dưới triều vua Quang Trung đều bị phá hủy, chỉ duy nhất Cơ vệ ngân tượng được bảo tồn. Hai cha con Cao Đình Độ và Cao Đình Hương cùng nhón thợ làng Kế Môn vẫn được vua Gia Long trọng dụng, cấp bổng lộc và giữ nguyên tước cũ để tiếp tục nghề kim hoàn trong cung điện.</p> <p>Năm 1810, Cao Đình Độ qua đời. Triều đình thương tiếc truy phong tước hiệu "Đệ nhất tổ sư". Lăng mộ của Ông ở phường Trường An, thành phố Huế và nhà thờ ở phường Phú Cát, thành phố Huế, đã</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			được xếp hạng Di tích Lịch sử cấp Quốc gia.	
97.	Trần Thủ Độ	Thái Bình	<p>Trần Thủ Độ (1194-1264), quê huyện Hưng Hà, Thái Bình, là một nhà chính trị Đại Việt thời cuối Lý đầu Trần. Ông đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện, lập nên nhà Trần, thu phục các thế lực người Man làm phản loạn và trong cuộc chiến kháng quân Nguyên lần thứ nhất.</p> <p>Năm 1209, trong nước có loạn Quách Bốc, Lý Cao Tông phải chạy ra khỏi kinh sư, Lý Huệ Tông Lý Hạo Sâm - khai ấy đang là Thái tử - phải chạy đến nương nhờ Trần Lý. Họ Trần dẫn quân về triều dẹp loạn, rước vua về kinh sư, nhân đó mà khuynh loát triều đình. Với chức vụ <i>Điện tiền chỉ huy sứ</i>, Trần Thủ Độ đã sắp xếp cho con người anh họ của mình lấy Lý Chiêu Hoàng, lập nên triều Trần.</p> <p>Ông trở thành nhân vật trụ cột của triều đình, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất với câu nói “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo”; được truy tặng Thượng phụ Thái sư Trung vũ Đại vương.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
98.	Phạm Đốc	Thanh Hóa	<p>Phạm Đốc (1514 - 1559), quê ở Thọ Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là võ quan làm quan đến chức <i>Thượng thư</i> dưới thời Lê Trung hưng.</p> <p>Phạm Đốc là người có mưu lược nên đã lập được nhiều chiến công. Sử sách còn ghi lại một trận do Ông chỉ huy. Tháng 7/1557, Mạc Kính Điển kéo đại quân vào đánh Thanh Hóa và Phạm Quỳnh đánh vào Nghệ An. Thái sư Trịnh Kiểm dẫn quân ngầm theo chân núi Yên Mô (Ninh Bình) đánh vào hậu quân nhà Mạc. Quân Kính Điển thua to. Kính Điển nhảy xuống sông trốn trong ba ngày, may được người đánh cá cứu thoát, lên về được kinh đô (Người đánh cá được phong tước Phù Nghĩa hầu). Trịnh Kiểm liền dùng binh thuyền, cờ hiệu của Mạc, sai Phạm Đốc dẫn quân vào cửa biển Đan Nhai (huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh). Phạm Quỳnh đang đóng</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			quân ở cửa biển Đan Nhai (huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh), cùng tướng Mạc là Phạm Đức Trung đã theo Phạm Đốc về quy thuận nhà Lê. Ông đã từng được giữ chức Thượng thư Bộ binh, tước Quảng Quận công.	
99.	Lê Quý Đôn	Thái Bình	<p>Lê Quý Đôn (1726-1784), tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường quê ở làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam; nay là thôn Đồng Phú thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, là vị quan thời Lê Trung hưng, cũng là nhà thơ và được mệnh danh là "nhà bác học lớn của Việt Nam trong thời phong kiến".</p> <p>Đỗ bảng nhãn, vào làm ở Hàn lâm viện, được giao soạn quốc sử, đi sứ Trung Quốc, chúa Trịnh phong chức Bồi tụng, làm Hiệp trấn Nghệ An, rồi về triều giữ chức Công bộ Thượng thư. Ông là "nhà bác học, nhà văn hóa lớn, để lại nhiều tác phẩm có giá trị về văn, sử, triết, kinh tế, địa lý... như Phủ biên tạp lục, Vân đài loại ngữ, Kiến văn tiểu lục, Đại Việt thông sử... mang tính bách khoa toàn thư. Ông là người khảo cứu nhiều về Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường và công trình công cộng ở TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, CTCC
100.	Đặng Tiến Đông	Hà Nội	<p>Đặng Tiến Đông (1738-1803), quê ở làng Lương Xá, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, làm quan thời Lê-Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của lực lượng này.</p> <p>Năm 1763, Đặng Tiến Đông thi võ đỗ Tạo sĩ và ra làm quan. Đến giữa năm 1786 khi Nguyễn Huệ dẫn quân Tây Sơn tiến ra Bắc Hà, Đặng Tiến Đông đã lặn lội vào tận Quảng Nam, tìm đến quân doanh xin yết kiến Nguyễn Huệ, Ông "được đón tiếp và đãi ngộ riêng, rồi được tin yêu ban cho ấn kiếm, giao cho thống lĩnh việc quân.", sau đó Đô đốc Đặng Tiến Đông được giao làm Trấn thủ xứ Thanh Hoa, ngày đêm lo hỗ trợ việc quân. Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (15 tháng 1 năm 1789), đại quân của vua Quang Trung (tức Nguyễn Huệ) đã ra đến</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Tam Điệp. Sau khi xem xét tình hình, nhà vua chia quân ra làm 5 đạo, giao cho Đô đốc Đông chỉ huy một đạo gồm quân voi và quân kỵ mã trở thành tướng Đông Lĩnh Hầu, tham gia cuộc tiến công đồn Khương Thượng của quân Thanh, góp phần lập nên chiến thắng Đống Đa, giải phóng Thăng Long Mùa Xuân năm Kỷ Dậu (1789).</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	
101.	Phạm Văn Đồng	Quảng Ngãi	<p>Phạm Văn Đồng (1906 -2000), quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, là Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 (từ năm 1981 gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho đến khi nghỉ hưu năm 1987.</p> <p>Ông là học trò, cộng sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông tham gia phong trào bãi khóa chống Pháp của học sinh, sinh viên năm 1925. Năm 1926, Ông sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện Cách mạng do Hồ Chí Minh tổ chức và gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đến năm 1929, Ông được cử vào Kỳ bộ Nam Kỳ, rồi vào Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Tháng 7 năm 1929, Ông bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù, đày đi Côn Đảo.</p> <p>Năm 1936, Ông ra tù, hoạt động ở Hà Nội. Năm 1940, Ông bí mật sang Trung Quốc gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ về nước xây dựng căn cứ địa ở biên giới Việt- Trung. Năm 1945, tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, Ông được bầu vào Ủy ban Thường trực thuộc Ủy ban Dân tộc giải phóng, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Ông giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa từ năm 1955 đến năm 1976 và Thủ tướng của nước Việt Nam thống nhất từ năm 1976 (từ năm 1981 gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho đến khi nghỉ hưu năm 1987. Ông là người Cộng sản chân chính được toàn Đảng,</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			toàn dân mến phục, bạn bè thế giới ca ngợi.	
102.	Kim Đông	Cao Bằng	<p>Kim Đông (1929-1943), tên thật là Nông Văn Dền dân tộc Nùng, quê ở bản Nà Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng gần hang Pắc Pó, là người đội trưởng đầu tiên của tổ chức <i>Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh</i>.</p> <p>Kim Đông đi theo Cách mạng làm liên lạc cho Việt Minh những năm tiền khởi nghĩa, được kết nạp vào đội Nhi đồng cứu quốc đầu tiên. Kim Đông đã cùng đồng đội làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón Việt Minh và chuyển thư từ. Trong một lần đi liên lạc, khi cán bộ đang có cuộc họp, anh phát hiện có quân Pháp đang tới nơi cư trú của cán bộ, Kim Đông đã đánh lạc hướng họ để các bạn của mình đưa bộ đội về căn cứ được an toàn. Kim Đông chạy qua suối, quân Pháp theo không kịp liền nổ súng vào anh. Kim Đông ngã xuống ngay bên bờ suối Lênin (Cao Bằng) ngày 15 tháng 2 năm 1943, khi vừa tròn 14 tuổi. Kim Đông là tấm gương tiêu biểu cho thiếu nhi Việt Nam.</p> <p><i>Tên anh đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	Đ
103.	Tự Đức	Thanh Hóa	<p>Tự Đức (1829 - 1883), tên thật là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Vua thứ tư của triều Nguyễn</i>.</p> <p>Nguyễn Phúc Hồng Nhậm là con thứ của vua Thiệu Trị. Tháng 10/1847, Hồng Nhậm chính thức lên ngôi vua ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Tự Đức. Nhìn chung trong những năm trị vì, Tự Đức chỉ lặp lại những biện pháp truyền thống theo lối trị nước của tiền nhân, không có dấu ấn gì lớn lao. Tự Đức được người đời ca tụng là một Ông vua có hiếu.</p>	
104.	Lê Ê	Thanh Hóa	<p>Lê Ê (? - 1460), quê ở làng Thái Lai, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), là <i>danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.</i></p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Ông là một vị tướng gan dạ, dũng cảm xông pha trận mạc, lập được nhiều chiến công. Năm 1429, khi định hạng công lao của khởi nghĩa Lam Sơn, Ông được xếp hạng nhất cùng 51 vị tướng có công lớn nhất. Ông cùng với Lê Phụ, Đỗ Bí có công lập Lê Tư Thành (Lê Thánh Tông) lên ngôi Hoàng đế.	
105.	Hoàng Minh Giám	Hà Nội	<p>Hoàng Minh Giám (1904-1995), quê tại xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay là quận Bắc Từ Liêm Thành phố Hà Nội, Ông là nhà ngoại giao của Việt Nam, người trực tiếp trợ giúp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán với nhà ngoại giao Sainteny của Chính phủ Pháp, dẫn đến việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946.</p> <p>Ông là con của chiến sỹ Đông Kinh Nghĩa Thục Hoàng Tăng Bí. Ông tham gia thành lập Trường tư thục Thăng Long ở Hà Nội và làm Hiệu trưởng. Cách mạng thành công, Ông được mời vào Chính phủ lâm thời, làm Đồng lý văn phòng, sau làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ trưởng Bộ Văn hóa. Ông là đại biểu Quốc hội liên tục từ khóa I đến khóa VII, là một trong những người sáng lập Đảng Xã hội Việt Nam và làm Tổng thư ký của Đảng, ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ
106.	Ninh Viết Giao	Thanh Hóa	<p>Ninh Viết Giao (1933-2014), quê xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà giáo, nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng và có nhiều đóng góp cho nền văn hóa nước nhà.</p> <p>Trong cuộc đời dạy học, nghiên cứu của mình Ông đã cho ra đời một khối lượng tác phẩm khổng lồ về văn hóa dân gian, đặc biệt là văn hóa dân gian xứ Nghệ mà bất kỳ nhà nghiên cứu nào cũng phải kính nể, như " Câu đố Việt Nam", "Hát phường vải", "Hát dặm Nghệ Tĩnh", "Địa chí Quỳnh Lưu", "Sơ thảo từ điển nhân vật Nghệ An", " Kho tàng về xứ Nghệ", "</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Từ điển địa danh Nghệ An"...Ông có trên 40 đầu sách báo bao quát gần như đủ hết các loại hình văn hóa xứ Nghệ. Là chủ biên công trình địa chí văn hóa Hoằng Hóa. Ông là người Thanh Hóa song đã gắn bó cả cuộc đời với văn hóa dân gian xứ Nghệ. Với đóng góp của mình, Ông được nhà nước tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật. Năm 2017, được giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.	
107.	Xuân Giao	Hưng Yên	<p>Xuân Giao (1932 - 2014), quê ở Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên, là nhạc sĩ nổi tiếng, có nhiều ca khúc nổi tiếng một thời.</p> <p>Xuân Giao đi bộ đội từ năm 1950, ở mười năm trong Đoàn Văn công Quân đội. Từ năm 1961, chuyển về Nhà xuất bản Âm nhạc làm cán bộ biên tập. Ông là một trong những nhạc sĩ có nhiều ca khúc nổi tiếng một thời, luôn bám sát thực tế, nhất là trong thời gian Kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ông đã khai thác chất liệu dân ca để tạo nên những tác phẩm phong phú, được mọi người yêu mến và gây ấn tượng sâu sắc: <i>Cô gái mở đường, Chào Sông Mã anh hùng, Giữ biển trời Quảng Bình - Vĩnh Linh, Hát về thành phố tương lai, Một vùng lúa quê em, Bình minh Hạ Long, Đất mỏ anh hùng, Suối đàn Côn Sơn...</i> Đặc biệt là một số bài hát thiếu nhi của Ông cũng có ấn tượng mạnh mẽ: <i>Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ, Cháu yêu Bà, Múa cho mẹ xem...</i> Ông đã được nhiều Giải thưởng âm nhạc của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Việt Nam, Bộ Điện - Than, Ủy ban Thiếu niên - Nhi đồng, UNESCO và Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em.</p> <p>Xuân Giao là tác giả sáng tác tác phẩm "<i>Chào sông Mã anh hùng</i>" là nhạc phẩm nổi tiếng. Tác phẩm là một bản anh hùng ca của nhân dân Thanh Hóa. Tác phẩm được Thanh Hóa chọn làm là nhạc hiệu của đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Thanh Hóa.</p>	
108.	Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013), quê Quảng Bình, là Đại tướng đầu tiên, Tổng tư lệnh của Quân đội	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>Nhân dân Việt Nam, cũng là người chỉ huy đầu tiên Quân đội Nhân dân Việt Nam.</i></p> <p>Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những người góp công thành lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là "người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh", là chỉ huy chính trong các chiến dịch và chiến thắng trong Chiến tranh Đông Dương (1946–1954) đánh bại Thực dân Pháp, Chiến tranh Việt Nam (1960–1975) chống Mỹ, thống nhất đất nước và Chiến tranh biên giới Việt -Trung (1979) chống quân Trung Quốc tấn công biên giới phía Bắc. Xuất thân là một giáo viên dạy lịch sử, Ông trở thành người được đánh giá là một trong những nhà lãnh đạo quân sự lỗi lạc trong lịch sử Việt Nam. Ông là một trong những vị tướng tài giỏi trên thế giới. Ông được tôn vinh là vị Đại tướng của nhân dân Việt Nam.</p>	
109.	Phan Đình Giót	Hà Tĩnh	<p>Phan Đình Giót (1922 -1954), quê quán làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ.</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám, Phan Đình Giót tham gia tự vệ chiến đấu. Đến năm 1950, Phan Đình Giót xung phong vào bộ đội chủ lực. Phan Đình Giót đã tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ.</p> <p>Chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, đơn vị của Ông nổ súng tiêu diệt Him Lam. Bộ đội đại đội 58 lao lên mở đường, đã liên tiếp đánh đến quả bộc phá thứ tám. Phan Đình Giót đánh quả thứ chín thì bị thương vào đùi nhưng vẫn xung phong đánh tiếp quả thứ mười. Quân Pháp tập trung hỏa lực trút đạn như mưa xuống trận địa. Bất ngờ, hỏa điểm lô cốt số 3 của lính Pháp bắn mạnh. Lực lượng xung kích Việt Nam bị ùn lại, Phan Đình Giót đến lô cốt số 3 với ý nghĩ là đập tắt ngay lô cốt này. Phan Đình Giót đã dùng sức (khi đã bị thương, mất máu) nâng tiểu liên bắn vào lỗ châu mai, miệng hô to: "<i>Quyết hy sinh... vì Đảng... vì dân</i>". Rồi</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>sau đó, Phan Đình Giót lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai. Hòa điểm của địch bị đập tắt, quân ta tiếp tục xung phong tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam vào ngày 13 tháng 3 năm 1954, giành thắng lợi trong trận đánh mở màn ở chiến dịch Điện Biên Phủ.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn và Huyện Hà Trung.</i></p>	
110.	Lê Giốc	Thanh Hóa	<p>Lê Giốc (? - 1377), quê ở tổng Cổ Định (nay là xã Tân Ninh), huyện Triệu sơn, tỉnh Thanh Hóa, là <i>An phủ sứ</i> thời Trần.</p> <p>Ông là con Lê Quát, thi đỗ Thái học sinh, làm quan trải đến chức Thượng thư Hữu bật nhập nội hành khiển (tương đương chức Thủ tướng ngày nay). Thời vua Trần Nghệ Tông, Lê Giốc làm Tuyên phủ sứ Nghệ An. Năm 1377, Triệu phê đế, giặc chiếm đánh Nghệ An, Ông bị bắt. Bọn giặc bắt Ông lay chúng để hạ nhục, Ông không ngớt miệng chửi: tao là trọng thần nước lớn, há phải lay mày, quân tiểu man à? Ông bị giặc giết. Triều đình ban tặng Ông tước “Ma tặc Trung vũ hầu”.</p>	
111.	Dương Quảng Hàm	Hung Yên	<p>Dương Quảng Hàm (1898-1946), quê làng Phú Thị, nay thuộc xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo dục Việt Nam. Tác phẩm Việt Nam văn học sử yếu, do Ông dày công biên soạn, được xem là cuốn văn học sử phổ thông bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam.</p> <p>Thuở nhỏ Ông học chữ Nho, sau ra Hà Nội học chữ Quốc ngữ. Năm 1920, tốt nghiệp thủ khoa trường cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Từ năm 1920 đến 1946, Ông làm giáo viên trường Bưởi (tức trường Trung học bảo hộ, tiền thân của trường Chu Văn An ngày nay). Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Ông được bổ nhiệm làm thanh tra Trung học vụ, rồi làm Hiệu trưởng của trường Bưởi.</p> <p>Trong hơn 20 năm (1920-1945), Ông đã làm việc không mệt mỏi, vừa giảng dạy, vừa viết sách giáo khoa văn học và sử học cho nhà trường từ bậc tiểu học</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>đến bậc Trung học, vừa bằng tiếng Pháp vừa bằng tiếng Việt. Hai cuốn sách có giá trị nghiên cứu nhất của Ông là <i>Việt Nam văn học sử yếu</i> (1941), <i>Việt Nam thi văn hợp tuyển</i> (1942). Riêng tác phẩm <i>Việt Nam văn học sử yếu</i> được Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam Cộng hòa chính thức dùng làm sách giáo khoa chương trình lớp Đệ Tam (tức là lớp 10) trong nhiều năm liền. Ông hy sinh trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ở Hà Nội (12/1946) và được truy tặng là liệt sĩ.</p>	
112.	Hoàng Xuân Hãn	Hà Tĩnh	<p>Hoàng Xuân Hãn (1908- 1996), quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, nay là xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà sử học, nhà ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, giáo dục Việt Nam đồng thời là một kỹ sư, nhà toán học. Ông là người soạn thảo và ban hành Chương trình Trung học Việt Nam đầu tiên.</p> <p>Năm 1926, Hoàng Xuân Hãn đậu bằng Thành Chung, rồi ra Hà Nội học Trung học ở trường Bưởi. Sau đó một năm, theo thiên hướng, Ông lại chuyển sang học chuyên Toán ở Lycée Albert Sarraut. Năm 1930- 1934, Hoàng Xuân Hãn đỗ và học trường Bách khoa Paris; Trường Cầu đường Paris. Học xong Ông trở về Việt Nam dạy học và xuất bản cuốn <i>Danh từ khoa học</i>; giáo trình <i>Eléments de trigonométrie</i> (Cơ bản của lượng giác học) là tập giáo trình Toán phương Tây đầu tiên được viết bởi người Việt; Năm 1945, Hoàng Xuân Hãn tham dự nội các Trần Trọng Kim với chức vụ Bộ trưởng Giáo dục - Mỹ thuật, Ông đã thiết lập và ban hành chương trình giáo dục bằng chữ Quốc ngữ ở các trường học. Áp dụng việc học và thi Tú Tài bằng tiếng Việt, dùng tiếng Việt trong những công văn chính thức. Trong sự nghiệp của mình Ông đã để lại nhiều công trình nghiên cứu, xuất bản nhiều sách khoa học có giá trị.</p>	
113.	Trần Nguyên Hãn	Phú Thọ	<p>Trần Nguyên Hãn (? -1429), quê ở tỉnh Phú Thọ, là võ tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là Khai quốc</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>công thần thời Lê,</i></p> <p>Ông thuộc dòng dõi nhà Trần, là người có nhiều đóng góp trong sự nghiệp đánh thắng quân Minh xâm lược, có công lớn trong khởi nghĩa Lam Sơn, tham gia đánh thắng trận Xương Giang, bắt sống tướng giặc Hoàng Phúc, Thôi Tụ được phong Tả tướng quốc (1428). Sau bị oan khuất 26 năm sau mới được Lê Nhân Tông minh oan.</p> <p><i>Tên Ông được đặt cho một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	
114.	Đỗ Hành	Thanh Hóa	<p>Đỗ Hành (Thế kỷ XIII), quê Hoằng Hóa, là võ tướng thời Trần, lập chiến công bắt Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Vương trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ ba (1287 - 1288).</p> <p>Là một tướng tài thời vua Trần Nhân Tông. Ông tham gia trận Bạch Đằng giang ngày 09/4/1288 và Ông được biết đến với chiến công lớn nhất là bắt sống tướng nhà Nguyên Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
115.	Từ Đạo Hạnh	Bắc Ninh	<p>Từ Đạo Hạnh (1072-1116), tục gọi là Đức thánh Láng, quê Bắc Ninh, , là một thiền sư nổi tiếng Việt Nam thời nhà Lý.</p> <p>Cuộc đời Ông được ghi lại dưới nhiều màu sắc huyền thoại. Dân chúng lập đền thờ Ông tại chùa Thiên Phúc (nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội), tục gọi là chùa Thầy và chùa Láng, chùa Nền ở Hà Nội. Hàng năm, lễ hội chùa Thầy được mở vào ngày 7 tháng 3 Âm lịch, tương truyền là ngày Ông viên tịch.</p> <p><i>Tên Ông đặt tại con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
116.	Vạn Hạnh	Bắc Ninh	<p>Vạn Hạnh (929-1018), quê thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là tên một vị thiền sư người Việt có nhiều đóng góp trong việc mở ra triều đại nhà Lý, một trong những triều đại nổi bật nhất trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Vạn Hạnh từ nhỏ đã thông minh, giỏi cả đạo Nho, Phật, Lão Ông được xem là cố vấn của vua Lê Đại</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Hành, đồng thời là người thầy của Lý Công Uẩn, đã hướng dẫn cho vị này một thời gian dài trước và sau khi triều Lý thành lập, được triều Lý phong làm Quốc sư. Ông cũng là một nhà tiên tri, giúp Lê Hoàn đánh giặc Tống xâm lược.	
117.	Nguyễn Hữu Hào	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hữu Hào (1646 – 1713), quê ở Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thống binh, Trấn thủ dưới thời chúa Nguyễn</i>.</p> <p>Nguyễn Hữu Hào là người có tài năng, tinh thần trách nhiệm cao, công minh bác ái rõ ràng. Trong khi cầm quân cũng như khi làm quan, Ông đều lo việc quân sự, chăm sóc đời sống nhân dân, không những được chúa yêu mà các tướng sĩ và nhân dân đều yêu mến trọng vọng. Nguyễn Hữu Hào làm quan ở trấn 11 năm, đến năm 1713, Ông bệnh rồi mất. Sau khi Ông mất chúa Nguyễn truy tặng là Đôn hậu công thân, ban tên thụy là Nhu Từ. Nguyễn Hữu Hào mất đi để lại cho người đời bộ sách, một Di sản văn học nổi tiếng, đó là tác phẩm “Song Tinh Bất Dạ”.</p>	
118.	Lê Ngọc Hân	Thanh Hóa	<p>Lê Ngọc Hân (1770-1799), còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu, dân gian còn lưu truyền tên gọi Bà là Bà Chúa Tiên, quê Thanh Hóa, là <i>công chúa nhà Hậu Lê và hoàng hậu nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ)</i>.</p> <p>Tháng 5 năm 1786, tướng nhà Tây Sơn là Nguyễn Huệ ra Bắc với chiêu bài "phù Lê diệt Trịnh" Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ tới yết kiến vua Hiến Tông. Do sự mai mối của tướng Bắc Hà vào hàng Tây Sơn là Nguyễn Hữu Chính, Ngọc Hân vâng mệnh vua cha kết duyên cùng Nguyễn Huệ. Khi đó Bà mới 16 tuổi, còn Nguyễn Huệ 33 tuổi.</p> <p>Vài ngày sau vua cha Hiến Tông qua đời, thọ 70 tuổi. Lê Ngọc Hân nghĩ anh thân hơn cháu nên ủng hộ anh là Lê Duy Cận lên ngôi, nhưng bị tông tộc nhà Lê phản đối vì muốn lập hoàng thái tôn Lê Duy Kỳ - con của thái tử Duy Vĩ bị chúa Trịnh Sâm giết hại - lên</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>ngôi. Do áp lực của tông tộc, Ngọc Hân phải nghe theo, Lê Duy Kỳ được lập, tức là vua Lê Chiêu Thống.</p> <p>Năm 1788, Nguyễn Huệ phong Ngọc Hân làm Hữu Cung Hoàng hậu, sau là "Bắc Cung Hoàng Hậu". Bà có hai con với Nguyễn Huệ là công chúa Nguyễn Ngọc Bảo và hoàng tử Nguyễn Quang Đức.</p> <p>Năm 1792, Quang Trung hoàng đế đột ngột băng hà. Bà viết bài <i>Tế vua Quang Trung</i> và <i>Ai Tư Văn</i> để bày tỏ nỗi đau khổ cùng cực cũng như nỗi tiếc thương vô hạn cho người chồng anh hùng vắn số.</p> <p><i>Tên Bà đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
119.	Lê Hiêm	Thanh Hóa	<p>Lê Hiêm (1392-1443), quê Thọ Xuân, Thanh Hóa, là <i>Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại Quan lang thời Lê sơ.</i></p> <p>Năm 1400, giặc Minh kéo quân sang xâm lược nước ta, Nhà Hồ thất bại, không chịu được cảnh nước mất, nhà tan, Hồng Quốc Công Lê Hiêm đã rời bỏ quê hương tìm người hào kiệt dựng cờ khởi nghĩa, Ông sớm gặp được Lê Lợi, cùng với Lê Lợi và những người thân tín tổ chức "Hội thề lũng nhai" kêu gọi nhân dân đứng lên chống ách đô hộ của giặc Minh.</p> <p>Cuộc kháng chiến chống quân minh thắng lợi Ông được vua Lê Lợi phong tặng "Thượng đẳng phúc thần đại vương"; Ông được xếp thứ 10 trong 35 vị khai quốc công thần triều Lê.</p>	
120.	Nguyễn Thượng Hiền	Hà Đông	<p>Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925), tự là Đình Nam, Đình Thân, tên hiệu: Mai Sơn, quê làng Liên Bạt, Hà Đông, <i>được gọi là Ông nghề Liên Bạt.</i></p> <p>Nguyễn Thượng Hiền là con Hoàng giáp Nguyễn Thượng Phiên, và là con rể quan Phụ chính Đại thần Tôn Thất Thuyết, Từ nhỏ Nguyễn Thượng Hiền đã nổi tiếng rất thông minh. Năm 1884, khi 17 tuổi, Ông đỗ Cử nhân ở khoa thi Hương ở Thanh Hóa. Năm 1885, Ông đỗ đầu kỳ thi Hội nhưng chưa kịp xướng danh thì kinh thành Huế thất thủ, Ông phải về ở ẩn tại núi Nưa, Thanh Hóa. Đến năm 1892, Ông ra thi Đình và đỗ Hoàng Giáp. Lúc đó 24 tuổi, Ông được bổ làm Toàn</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Tu ở Quốc Sử quán, thăng Đốc học ở Ninh Bình, rồi thuyên sang Nam Định nên Ông còn được gọi là Ông Đốc Nam. Ủng hộ phong trào Đông Du, Ông ra nước ngoài năm 1908, hoạt động trong Việt Nam Quang phục hội cùng với Phan Bội Châu; Sau khi các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội thất bại, Ông xuống tóc vào tu ở chùa Thường Tích Quang, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang và mất tại đây. Ông để lại một số tác phẩm thơ, văn bằng chữ Hán, Nôm. Thơ Ông chủ yếu ký thác những tâm sự của mình và lên án chính sách của người Pháp, khơi dậy lòng yêu nước, kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp.</p> <p><i>Tên Ông đặt cho một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
121.	Lê Thì Hiến	Thanh Hóa	<p>Lê Thì Hiến (1611– 1676), người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương phủ Thiệu Thiên (nay là thuộc xã Thọ Phú), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là vị tướng tài năng dưới thời Lê Trung hưng.</p> <p>Lê Thì Hiến mỗi khi xuất chinh, Ông đều lập được công, danh vọng đứng đầu các tướng. Đầu đời Thịnh Đức Ông làm thuộc tướng ở dinh trấn Kỳ Hoa.</p> <p>Trong trận Thạch Hà, Ông đã theo Trịnh Toàn cứu viện Quang Nhiêu đại thắng, Ông được thăng Đô đốc đồng tri, tước Hào quận công. Sau này Ông theo Phú quận công, được thăng Hữu đô đốc. Do có công cùng Quang Nhiêu đánh tan quân Nam ở làng Tuần Lễ (Hà Tĩnh), Ông được thăng Thiếu bảo (1659). Năm 1661, Ông được thăng phó tướng thiếu úy, mở dinh gọi là Tả Trung quân, ban cho ấn riêng. Năm 1664, thăng Tả đô đốc Tây quân, sau làm Thái phó. Sau khi Ông mất (1674) được truy tặng thái tể, tên thụy là Nghiêm Trí, phong làm phúc thần.</p>	
122.	Nguyễn Hiền	Nam Định	<p>Nguyễn Hiền (1234-1255), người làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Ông thi đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi, trở thành trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam.</p> <p>Năm 11 tuổi, Nguyễn Hiền đã nổi tiếng và được</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>mệnh danh là "thần đồng". Biết tài năng đối đáp của Nguyễn Hiền, Vua mời Nguyễn Hiền vào triều. Vua tuyển Ông vào học tiếp Tam giáo chủ khoa, tức đạo Lão, đạo Phật, đạo Khổng và bổ nhiệm làm quan đến chức "Thượng thư bộ Công". Những năm làm quan trong triều, Nguyễn Hiền có nhiều kế sách hay để phò vua giúp nước. Năm Át Hợi, nước ta lại bị giặc Chiêm Thành xâm lược, nhà vua rất lo bèn giao cho trạng nguyên Nguyễn Hiền đánh giặc giữ nước. Chỉ ít lâu sau, quân giặc thất bại, trạng Hiền thu quân về Vũ Minh Sơn mở tiệc khao quân và tâu lên vua. Nhà vua vô cùng vui mừng và phong cho Ông Trạng chức "Đệ nhất hiền quý quan". Về nông nghiệp, Ông cho đắp đê quai vạc sông Hồng, phát triển sản xuất mùa màng thắng lợi. Về quân sự, Ông cho mở mang võ đường để rèn quân luyện sĩ. Ngày 14 tháng 8 năm Bính Tý (1256), trạng nguyên Nguyễn Hiền lâm bệnh nặng và qua đời, thọ 21 tuổi. Nhà vua thương tiếc truy phong Ông là "Đại vương thành hoàng" và tôn làm thần ở 32 nơi, trong đó có đình Lại Đà ở xã Đông Hội - huyện Đông Anh, Hà Nội.</p> <p>Cuộc đời Ông tuy ngắn ngủi nhưng có nhiều giai thoại trong việc giúp Vua đối đáp với sứ Tàu, thể hiện trí thông minh tuyệt vời.</p>	
123.	Tống Phúc Hiệp	Thanh Hóa	<p>Tống Phúc Hiệp (?-1776), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa (nay là xã Hà Long), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Tiết chế dưới thời chúa Nguyễn, là danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Thuần trong lịch sử Việt Nam.</i></p> <p>Không rõ Tống Phúc Hiệp gia nhập quân đội của chúa Nguyễn khi nào, chỉ biết vào đời chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), Ông được cử làm Lưu thủ Long Hồ dinh (Vĩnh Long), và đã được tiếng là người tận tụy với chức vụ, mưu lợi cho dân chúng, việc trị an được tốt đẹp...<i> khiến người người đều thương mến</i>", Ông là người có công trong trận đánh quân Xiêm La, sử sách còn ghi: Lưu thủ Long</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Hồ dinh là Cai cơ Kính Thận hầu Tổng Phước Hiệp đem binh đánh tiếp ứng...vào Châu Đốc, đánh lui quân giặc, binh Tiêm (Xiêm La) bị quân ta theo kịp chém được hơn 300 thủ cấp. Chiêu Khao Liên (tướng Xiêm) bỏ thuyền lên bờ chạy về Hà Tiên. Dinh binh thâu 5 chiếc thuyền rồi để binh phòng thủ đạo Châu Đốc, còn đại binh trở về Tân Châu.</p> <p>Sau khi Ông mất, chúa Nguyễn truy tặng Tổng Phúc Hiệp tước Hữu phủ Quốc công, lập miếu thờ tại Long Hồ (nay thuộc thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Về sau vua Nguyễn phong Ông làm Phúc thần.</p>	
124.	Lê Hiêu	Thanh Hóa	<p>Lê Hiêu (1409-1490), quê huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Sinh ra trong bối cảnh nước mất, nhà tan, Lê Hiêu sớm có lòng yêu nước. Năm 13 tuổi, Ông đã tham gia nghĩa quân Lam Sơn, năm 17 tuổi, Ông được bổ sung vào lực lượng thủy quân. Sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi Ông cùng với cha (Lê Hiếm) được phong đệ nhất công thần, được phong tước cung quốc công, giữ chức thái phó tham dự triều chính. Được xếp thứ 29 trong số 35 vị khai quốc công thần triều Lê. Để ghi nhớ công ơn cha con, Ông cháu, nhân dân lập đền thờ tại làng Đại Bàng Tộc xã Tân phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đền thờ Ông được xếp hạng Di tích cấp Quốc gia.</p>	
125.	Lưu Hưng Hiếu	Thanh Hóa	<p>Lưu Hưng Hiếu (1456- ?), còn gọi là Lê Hưng Hiếu, quê ở xã Hà Lương (nay là xã Vĩnh Thành), huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, là <i>Thượng thư kiêm đồng các đại học sĩ dưới thời Lê sơ</i>.</p> <p>Ông đỗ bảng nhãn năm 1481, năm 1482 làm cấp sự trung hộ khoa. Năm 1491, được thăng làm Hàn lâm viện thị giảng, tham chương hàn lâm viện sự. Năm 1495, giữ chức hàn lâm viện thị độc, tham viện sự, khi vua Lê Thánh Tông mất, Lưu Hưng Hiếu cùng Thân Nhân Trung, Đàm Văn Lễ soạn văn bia để ghi nhớ sự nghiệp của Lê Thánh Tông. Ông còn là hội viên hội Tao đàn do Lê Thánh Tông làm nguyên súp. Ông đã để lại 10 bài thơ được chép trong "Toàn Việt</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thi lục". Lưu Hưng Hiếu cùng Trần Khát Chân được thờ làm thành hoàng làng Hà Lương.	
126.	Lê Phụng Hiếu	Thanh Hóa	<p>Lê Phụng Hiếu (Thế kỷ XI), quê ở làng Bãng Sơn (nay là Hoằng Sơn), huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Đô thống Thượng tướng quân thời Lý</i>.</p> <p>Lê Phụng Hiếu là một danh tướng của vua Lý Thái Tổ. Khi nhà vua mất, ba người con tranh ngôi của thái tử Phật Mã, nổi dậy bao vây kinh thành. Ông đã chỉ huy quân dẹp yên "loạn tam vương", đưa thái tử Phật Mã lên ngôi là Lý Thái Tông (1028-1054). Năm 1044, làm tiên phong theo Thái Tông đánh Chiêm Thành, đánh thắng giặc, được ban thưởng, Ông không xin tước, xin cho đứng trên núi Bãng Sơn ném đao lớn đi xa, đao rơi chỗ nào trong đất công thì xin ban cho làm sản nghiệp.</p> <p>Vua cho Ông ném xa đến 10 dặm, vua bèn lấy ruộng ấy ban cho. Người Ái Châu sau gọi ruộng thưởng ấy là "ruộng ném đao".</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
127.	Nguyễn Hiếu	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hiếu (1674-1735), quê làng Lan Khê, huyện Nông Cống, (nay là thôn Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng</i>.</p> <p>Năm 1619, Ông được thăng làm Thượng thư bộ Binh, ít lâu sau Ông vào Phủ chúa Trịnh làm Tham tụng, sau thăng lên Thiếu phó. Khi mất được truy tặng làm Thái bảo, Diển quận công, thụy là Hòa Nghĩa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa</i></p>	P
128.	Nguyễn Duy Hiếu	Quảng Nam	<p>Nguyễn Duy Hiếu (1847- 1887), quê làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc (nay là xã Cẩm Hà, thị xã Hội An), tỉnh Quảng Nam, là <i>một chí sĩ và là một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương tại Quảng Nam trong lịch sử Việt Nam</i>.</p> <p>Năm Bính Tý (1876), Ông thi đỗ Cử nhân. Năm Kỷ Mão (1879), Ông thi đỗ Phó bảng lúc 32 tuổi, được</p>	Đ

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>triều đình Tự Đức bổ nhiệm làm quan phụ đạo tại kinh thành Huế, được phong Hồng lô tự khanh nên người đời gọi là Huỳnh Hiệu.</p> <p>Huỳnh ứng lời kêu gọi cứu nước của vua, Nguyễn Duy Hiệu cùng Trần Văn Dư, Phan Bá Phiên thành lập Nghĩa hội Quảng Nam, sau đó làm Hội chủ mới của Nghĩa hội, Ông đã tổ chức đi đánh nhiều trận, gây cho đối phương nhiều thiệt hại, như trận tập kích đơn vị công binh Pháp đang mở con đường qua đèo Hải Vân (tiêu diệt trọn đội công tác này), trận Bãi Chài (phá đội ca nô ở vàm Vân Ly trên sông Thu Bồn), trận phục kích quân Pháp và quân triều đình ở Cẩm Muồng.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
129.	Tô Hiệu	Hung yên	<p>Tô Hiệu (1912-1944), quê thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là một nhà Cách mạng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Ông sớm tham gia vào các phong trào yêu nước của học sinh như bãi khoá truy điệu Phan Chu Trinh, tham gia phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu. Năm 1930, bị bắt và bị đày ra Côn Đảo; năm 1934 ra tù, hoạt động Mặt trận Dân chủ ở Hà Nội. Tháng 12-1939, Ông lại bị Pháp bắt, giam tại nhà tù Sơn La. Do bị tra tấn, tù đày gian khổ, Ông lâm bệnh nặng, qua đời. Đến nay tại Di tích - nhà tù này vẫn còn cây đào do Ông trồng.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TX. Bìn Sơn, huyện Hà Trung</i></p>	Đ, P
130.	Hoàng Thiêu Hoa		<p>Hoàng Thiêu Hoa (TK I), nữ tướng đời Trung vương, không rõ năm sinh, năm mất.</p> <p>Khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, Bà nhiệt thành đóng góp công lao, tận tụy phụng sự dân tộc. Chính Bà và Bà Lê Chân nhận nhiệm vụ huấn luyện đoàn Nương tử quân và thường tổ chức môn thể thao “Đánh phết” còn lưu truyền đến nay. Trung vương phong Bà là Đông cung tướng quân. Khi được phong tặng Bà khiêm tốn: “Tôi là người con gái cô đơn có cần chức tước làm chi.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Quý hồ làm hết phận sự mình đối với đất nước là đủ vui rồi". Tại làng Hiếu Quan, huyện Tam Nông, còn có đền thờ Bà, hàng năm ngày 12-13 tháng Giêng là ngày hội giỗ long trọng tưởng nhớ Bà.	
131.	Nguyễn Công Hoan	Bắc Ninh	<p>Nguyễn Công Hoan (1903 -1977), quê ở làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là một nhà văn, nhà báo, thành viên Hội nhà văn Việt Nam.</p> <p>Nguyễn Công Hoan viết văn từ sớm, tác phẩm đầu tay <i>Kiếp hồng nhan</i> (viết năm 1920, được <i>Tản Đà thư điểm</i> xuất bản năm 1923) là một đóng góp cho nền văn xuôi Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám, Ông giữ chức Giám đốc kiểm duyệt báo chí Bắc Bộ, kiêm Giám đốc Sở Tuyên truyền Bắc Bộ. Sau đó, làm biên tập viên báo <i>Vệ quốc quân</i>, chủ nhiệm và biên tập tờ <i>Quân nhân học báo</i>. Năm 1951 Ông làm việc ở Trại tu thư của ngành giáo dục, biên soạn sách giáo khoa và sách <i>Sử Việt Nam hiện đại từ Pháp thuộc đến năm 1950</i> dùng cho lớp 7 hệ 9 năm. Ông cũng viết bài cho báo <i>Giáo dục nhân dân</i>. Từ sau năm 1954, Ông trở lại nghề văn với cương vị Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam (khóa đầu tiên 1957-1958), chủ nhiệm tuần báo <i>Văn</i> (tiền thân của báo <i>Văn nghệ</i>). Trong cuộc đời sáng tác của Ông, Ông để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng: <i>Bước đường cùng</i>, <i>Tắt lửa lòng</i>, <i>Lá ngọc cành vàng</i>... từ trước Cách mạng. Tác phẩm giai đoạn sau có: <i>Hồn canh hỗn cư</i>, <i>Đống rác cũ</i>, <i>Đời viết văn của tôi</i>. Năm 1996 được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.</p>	
132.	Lê Hoàn - Lê Đại Hành	Thanh Hóa	<p>Lê Hoàn - Lê Đại Hành (941- 1005), quê Xuân Lập, Thọ Xuân, là <i>Vua đầu tiên của nhà Tiền Lê</i>.</p> <p>Lê Hoàn mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được Lê Đột nhận làm con nuôi. Lớn lên gia nhập nghĩa quân của Đinh Liễn. Ông có công lớn trong việc dẹp loạn 12 sứ quân, được giữ chức Thập đạo tướng quân, tổng chỉ huy quân đội Quốc gia Đại Cồ Việt. Tháng 10/979, Đinh</p>	Đ, P, CTC C

STT	Tên danh	Quê quán	Tên sách lịch	Đặt
			<p>Tiên Hoàng bị hãm hại, Ông cùng các tướng đón Vệ vương Toàn 6 tuổi (con Thái hậu Dương Vân Nga) lên ngôi. Giặc Tống lợi dụng cơ hội, lấn le đánh Đại Việt, Ông giữ chức Phụ vương nhiếp chính, được các tướng ủng hộ lên ngôi chống giặc. Tháng 7/980, Thái hậu sai lấy Long Bào khoác cho Lê Hoàn, mời lên ngôi Hoàng Đế, đổi Niên hiệu là Thiên Phúc. Mùa Xuân năm 981, Vua chỉ huy đánh tan quân Tống, năm 982 đánh Chiêm Thành. Lê Đại Hành hoàng đế ban hành một loạt chính sách tiên bộ, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, như cày ruộng tịch điền, đào kênh nối các sông Mã, sông Chu tới Nghệ An. Đến nay hệ thống sông đào nhà Lê vẫn còn phát huy tác dụng.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt tên đường ở TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn và huyện Thường Xuân. Được đặt tên phố ở huyện Ngọc Lặc</i></p>	
133.	Nguyễn Hoàn	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hoàn (1713- 1792), quê ở làng Phương Khê, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Ông không chỉ là nhà giáo dục, nhà chính trị nổi tiếng mà còn là một nhà văn hóa, nhà sử học. Ông từng giữ chức Đông Các đại học sỹ, Hàn Lâm hiệu thảo phụ trách Quốc Tử Giám, Ông luôn chú ý đến việc tu sửa, mở rộng nhà Thái học.</p> <p>Năm 1775, Nguyễn Hoàn được cử làm Tổng tài (người phụ trách cao nhất), Ông còn có công sưu tầm và hiệu đính bộ “Đại Việt lịch triều đăng khoa học”; về văn học, Nguyễn Hoàn soạn tác phẩm “Cổ Lễ nhạc chương thi văn tập” và các tác phẩm khác trong đó có 87 bài thơ. Khi Trịnh Sâm mất, Ông là một trong bảy đại thần phụ chính phò giúp Trịnh Cán lên ngôi chúa.</p>	
134.	Trần Quốc Hoàn	Nghệ An	<p>Trần Quốc Hoàn (1916-1986), tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, quê ở xóm 8 xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là <i>Bộ trưởng Công an đầu tiên của Việt Nam.</i></p> <p>Ông được coi là người đặt nền móng đầu tiên cho công tác xây dựng lực lượng và nghiệp vụ của ngành Công an. Tháng 3 năm 1934, Ông gia nhập Đảng Cộng</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>sản Đông Dương.</p> <p>Sau đó, Ông đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Xứ uỷ Bắc Kỳ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, Bí thư các Liên khu uỷ khu II, Khu X. Ông từng bị tù ở nhà tù Sơn La và là Bí thư chi bộ nhà tù Sơn La từ năm 1943 đến năm 1945. Ông từng làm Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng Ban Dân vận Trung ương cho đến khi qua đời năm 1986.</p>	
135.	Trần Hoàn	Quảng Trị	<p>Trần Hoàn (1928-2003), tên thật là Nguyễn Tăng Hích, quê Hải Lăng, Quảng Trị, là nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam.</p> <p>Ông là tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng như <i>Son nữ ca (1948)</i>, <i>Tìm em</i>, <i>Lời người ra đi (1950)</i>, <i>Lời Bác dặn trước lúc đi xa (1998)</i>, <i>Thăm Bến nhà rồng (1990)</i>, <i>Kể chuyện người Cộng sản</i>, <i>Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm...</i> Ông từng là Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Việt Nam.</p>	
136.	Nguyễn Hoàng	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hoàng (1525-1613), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, là Chúa đầu tiên của dòng họ Nguyễn.</p> <p>Ông là con trai của Nguyễn Kim, vì sợ bị Trịnh Kiểm hãm hại, Ông đã nhờ chị là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho mình vào trấn thủ đất Thuận Quảng. Truyền thuyết và sử sách đều nói, sự quyết định đi vào Đàng Trong của Nguyễn Hoàng là do ở lời chỉ dẫn kín đáo của Nguyễn Bình Khiêm “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân”.</p> <p>Ông có tầm nhìn chiến lược, không phải đi tìm đất dung thân mà là để mở mang cơ nghiệp. Ông thấy được Thuận Quảng và cả các vùng miền trong rộng lớn nữa, là nơi dựng võ, hơn nữa là nơi dựng nghiệp. Trước Ông, các vua nhà Lý, nhà Hồ, nhà Lê, đều đã đi vào Nam, nhưng chỉ là đi chính phạt, lập võ công, và tiêu diệt ý đồ gây hấn. Có được đất đai, nhưng chưa hề có ý định xây dựng và phát triển.</p> <p>Trong 56 năm làm Trấn thủ Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã làm tròn nhiệm vụ của một “phiên</p>	Đ

STT	Tên nhân vật	Quê quán	Tên công lý lịch	STT
			<p>thần” coi giữ đất đai nộp thuế đầy đủ, giúp triều Lê - Trịnh một phần quan trọng về mặt quân lương trong cuộc đối đầu với nhà Mạc.</p> <p>Ông trở thành vị chúa đầu tiên khai sáng của nhà Nguyễn, là người đặt nền móng cho việc gây dựng cơ nghiệp của nhà Nguyễn kéo dài gần 400 năm với 9 đời chúa 13 đời vua. Sau khi Ông mất được vua Lê ban tước, đời vua Gia Long truy tôn là Gia Dự hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
137.	Đinh Tiên Hoàng	Ninh Bình	<p>Đinh Tiên Hoàng (924- 979), tức Đinh Bộ Lĩnh quê Ninh Bình, là vị hoàng đế sáng lập triều đại nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam, người có công xây nền móng độc lập, tự chủ cho đất nước ở thế kỷ X.</p> <p>Ông là người có công đánh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn, năm 968 lên làm vua, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập kinh đô ở Hoa Lư, Ông trở thành hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc. Đại Cồ Việt là nhà nước mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ, xây dựng chế độ quân chủ tập quyền ở Việt Nam. Đinh Bộ Lĩnh mở nước, lập đô, lấy niên hiệu với tư cách người đứng đầu một vương triều bê thế: Thời kỳ phục quốc của Việt Nam, từ họ Khúc chỉ xưng làm Tiết độ sứ, tới Ngô Quyền xưng vương và tới vua Đinh xưng làm hoàng đế. Sau một số vị vua xưng Đế từ trước và giữa thời Bắc thuộc rồi bị thất bại trước họa ngoại xâm, đến thời nhà Đinh, người cầm quyền Việt Nam mới thực sự vươn tới đỉnh cao ngôi vị và danh hiệu, khẳng định vị thế vững chắc của Quốc gia độc lập, thống nhất qua các triều đại Đinh- Lê- Lý- Trần và buộc các điển lễ, sách phong của cường quyền phương Bắc phải công nhận là một nước độc lập.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ
138.	Nguyễn Thái Học	Vĩnh Phúc	<p>Nguyễn Thái Học (1904-1930), người làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Yên (nay là Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), là thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng thành lập năm 1927.</p> <p>Tháng 02-1930 Ông tổ chức khởi nghĩa Yên Bái, bị thất bại, sau sa vào tay địch ở Chí Linh (Hải Dương). Ngày 17/6/1930, Pháp xử chém Ông ở Yên Bái. Hy sinh bất khuất lúc mới 26 tuổi, với lời bất hủ: "Không thành công cũng thành nhân", Ông để lại gương sáng cho lớp thanh niên yêu nước, Cách mạng Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, huyện Hà Trung.</i></p>	
139.	Nguyễn Hồng	Nam Định	<p>Nguyễn Hồng (1918-1982), quê phố Hàng Cau, Nam Định, sống làm việc ở Hải Phòng, là nhà văn Việt Nam tham gia đoàn Thanh niên dân chủ, Ông là nhà văn lớn trong dòng văn học hiện đại phê phán có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn chương Cách mạng Việt Nam.</p> <p>Ông bắt đầu viết văn từ năm 1936, với truyện ngắn "Linh Hồn" đăng trên Tiểu thuyết thứ 7. Đến năm 1937, Ông thực sự gây được tiếng vang trên văn đàn với tiểu thuyết "Bỉ Vô". Ông tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ (1936-1939) ở Hải Phòng, sau bị Pháp bắt giam ở trại Bắc Mê (1939-1942). Ra tù, tham gia Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến ở Hội Văn nghệ Việt Nam, làm tạp chí Văn nghệ, Ông sáng tác cho đến khi mất. Trong cuộc đời sáng tác của Ông, Ông để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng: Bảy Hựu (1941), Miếng Bánh (1945), Bỉ Vô (1963), Những Ngày Thơ Ấu (1983) Sau hòa bình, Ông viết bộ Cửa Biển, tiểu thuyết trường thiên giá trị gồm 04 cuốn: Sóng Ngầm, Con Bão Đã Đến, Thời kỳ đen Tối, Khi đứa con ra đời. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học Nghệ thuật.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
140.	Nguyễn Hữu Huân	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Hữu Huân (? – 1677), quê Làng Lưu Hiền, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, Ông là người có công đánh Mạc.</p>	

STT	Tên nhân vật	Quê quán	Tên đầy đủ	Đạt
			<p>Mùa Xuân năm Vĩnh Thụy thứ 2 (1677), Trịnh Tạc sai Nguyễn Hữu Huân đem quân đi đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng. Mạc Kính Vũ thua chạy sang Trung Quốc. Đây là trận trị Mạc cuối cùng, nhà Mạc hoàn toàn chấm dứt, đất Cao Bằng đặt lại dưới sự cai quản của chính quyền Trung ương. Trong trận chiến đấu này, Nguyễn Hữu Huân đã hy sinh. Triều đình đưa thi hài Ông về an táng tại quê nhà ở thôn Lưu Hiền, xã Quảng Lưu, hàng năm cử quan quân về tế giỗ. Ông được nhà vua ghi công “Dực vận phù Quốc” và truy tặng “Tuần Lương Đại Vương”.</p>	
141.	Hà Tông Huân	Thanh Hóa	<p>Hà Tông Huân (1697- 1766), quê làng Vàng, nay là xã Yên Thịnh, huyện Yên Định, là võ tướng <i>Thượng thư</i> thời Lê Trung hưng.</p> <p>Hà Tông Huân nổi tiếng là thông minh từ nhỏ, Ông đỗ Bảng nhãn (1724) làm quan cả hai ban văn võ đến chức Tham tụng. Ông có tài chính sự, đã làm Đốc đồng Sơn Nam, Đốc trấn An Bang, phòng sát sứ Tây đạo, Nam đạo. Đã giữ chức Đại tướng, dẹp loạn ở biên trấn Thanh Hóa, lại về phụ trách các bộ Hộ, bộ Binh, kiêm coi việc ở Quốc tử giám. Ông còn nổi tiếng về đức độ, là người có “bụng dạ thân nhiên, rộng rãi, không câu nệ việc nhỏ nhặt”. Năm 65 tuổi (1760), về hưu, dạy học trò đỗ đạt rất nhiều. Cuối đời, Ông lại được chúa Trịnh mời ra, đặt vào bậc Ngũ lão trong nước. Khi mất, tặng hàm Thái phó. Học trò Ông có người nổi tiếng như Thám hoa Phan Kính.</p> <p><i>Tên Ông được dùng để đặt tên ngôi trường PTHH của huyện Yên Định.</i></p>	CTC C
142.	Phạm Hùng	Vĩnh Long	<p>Phạm Hùng (1912-1988), tên thật là Phạm Văn Thiện, quê Vĩnh Long, là một chính khách Việt Nam. Ông là Thủ tướng (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) thứ hai của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1987 đến năm 1988. Ông từng bị chính quyền thực dân Pháp tuyên 2 án tử hình và là một trong những lãnh đạo chủ chốt của những người Cộng sản tại miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ.</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Năm 1930, vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, bị Pháp bắt và kết án tử hình, sau rút xuống tù chung thân, đày đi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, Ông về Nam Bộ làm Bí thư Xứ ủy, năm 1951 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban kháng chiến - hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1954, là Trưởng đoàn quân sự Việt Nam trong Ban Liên hiệp Đình chiến tại Nam Bộ.</p> <p>Ông là Ủy viên Trung ương Đảng từ năm 1956-1988, tham gia Bộ Chính trị, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VIII, lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam, Chính ủy Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, Ông từng giữ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của nước Việt Nam thống nhất, từ năm 1987 đến năm 1988.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
143.	Lê Thiết Hùng	Nghệ An	<p>Lê Thiết Hùng (1908 – 1986), quê huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng, được xem là vị tướng được phong quân hàm đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.</p> <p>Ông tham gia Việt Minh, là một trong những cán bộ quân sự chủ chốt đầu tiên của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 11/1946, Ông được cử giữ chức Chủ tịch của Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam. Khi quân Pháp tái chiếm Đông Dương, Ông giữ chức Khu trưởng Chiến khu IV.</p> <p>Tháng 7/1947, Ông về tham gia xây dựng Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam. Tháng 1/1948, Ông giữ chức Tổng Thanh tra quân đội kiêm chức Hiệu trưởng Trường Lục quân Việt Nam (1948-1954). Ông từng là Chỉ huy trưởng mặt trận Bắc Cạn và Tuyên Quang, lãnh đạo quân đội chống lại cuộc tấn công đầu tiên của Pháp vào căn cứ Việt Bắc. Ông được</p>	P

STT	Tên người	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Sầm Sơn.</i></p>	
144.	Nguyễn Ngọc Huyền	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Ngọc Huyền (1685 – 1743), quê xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.</i></p> <p>Năm 1702, đỗ Hương cống, Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Tân Sửu Bảo Thái thứ 2 (1721) triều Lê Dụ Tôn, lúc 37 tuổi. Năm 1742 được triệu về Kinh thành Thăng Long giữ chức Hữu Thị lang Bộ Hộ, vào phủ Chúa giữ chức Bồi Tụng, sau đó thăng lên Tả lang Bộ công, giữ chức Tham Tụng. Là người có công lớn trong việc giữ gìn trật tự trị an ở vùng biên giới. Sau khi mất được triều đình truy phong Công bộ Thượng thư.</p>	
145.	Nguyễn Văn Huyền	Hà Nội	<p>Nguyễn Văn Huyền (1908-1975), hiệu Huy Vân quê thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội); là <i>một Giáo sư, Tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Ông cũng là người giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam.</i></p> <p>Năm 18 tuổi, Ông và người em trai là Nguyễn Văn Hưởng được gia đình cho đi Pháp du học. Ông học tú tài rồi Cử nhân Văn khoa năm 1929, là người Việt Nam đầu tiên đỗ Tiến sĩ khoa văn trường đại học Xoócbon (Pháp), Cử nhân Luật năm 1931 tại Đại học Sorbonne. Trong thời gian nghiên cứu Tiến sĩ ở Pháp, Ông dạy học tại Trường Ngôn ngữ Đông phương. Năm 1934 Ông là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ văn khoa tại Đại học Sorbonne, Paris với luận án chính "<i>Hát đối đáp nam nữ thanh niên ở An Nam</i>" và luận án phụ "<i>Nhập môn nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á</i>". Hai bản luận án này được xếp loại xuất sắc, được in thành sách và xuất bản ở Pháp với sự hoan nghênh của giới chuyên môn Pháp, Đức, Hà Lan..., Ông từng làm Giám đốc trường Viễn Đông Bác Cổ (1945), Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1946-1975); Phó chủ tịch Hội Khoa học lịch sử</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Việt Nam; sáng lập Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam; Ông đã để lại nhiều tác phẩm nghiên cứu văn, sử.	
146.	Phùng Hưng	Hà Nội	<p>Phùng Hưng (? – 789), người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc xã Đường lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội), là lãnh tụ một cuộc nổi dậy chống lại sự đô hộ của nhà Đường thời Bắc thuộc lần thứ ba (602 - 905) trong lịch sử Việt Nam,</p> <p>Phùng Hưng nổi tiếng khỏe mạnh, từng là đô vật, làm quan lang, khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của nhà Đường khoảng đời Đại Lịch (776-779), chiếm được thành Tống Bình (Hà Nội), quan đô hộ Cao Chính Bình sợ mà chết. Ông lên làm vua năm 782 được dân tôn xưng là Bồ Cái Đại Vương. Lăng mộ Ông còn ở đầu phố Giảng Võ.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ
147.	Bùi Quốc Hưng	Thái Bình	<p>Bùi Quốc Hưng (1354 - 1437), quê ở làng Tri Lai, huyện Vũ Tiên (nay là xã Phú Xuân, tỉnh Thái Bình).</p> <p>Ông đỗ Tam trường và làm quan dưới thời Trần Dụ Tông (1375- 1377) sau về giúp Lê Lợi đánh đuổi quân Minh. Trong danh sách 18 người dự Hội thề Lũng Nhai, Ông được xếp hàng thứ 9, hàng văn thân Ông xếp thứ 2 sau Lê Văn Linh. Trong 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, Bùi Quốc Hưng là văn thần luôn được Lê Lợi tin dùng, được phong là Nhập nội thiếu úy ban biên ngạch công thần “Hương Thượng Hầu”. Ông còn là một trong những người được vua Lê Thái Tổ giao mang kim sách lập Lương Quận Công Nguyễn Long làm Thái tử.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ
148.	Hồ Xuân Hương	Nghệ An	<p>Hồ Xuân Hương (1772 - 1822), quê Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX.</p> <p>Bà được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”, giỏi thơ Nôm và có tài trào lộng, châm biếm, mang phong cách riêng biệt khác người, nhiều bài thơ Nôm được truyền tụng rộng rãi trong dân gian. Hồ</p>	Đ, P

	Họ và tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đại
			<p>Xuân Hương được coi là một trong những nhà thơ tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam và là một nhà thơ phá cách: nhà thơ nữ viết về phụ nữ thời phong kiến. Một số tác phẩm nổi tiếng của Bà như: Bánh trôi nước, Tự tình II...</p> <p><i>Tên Bà đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bìn Sơn, Tp. Sầm Sơn.</i></p>	
149.	Lê Văn Hưu	Thanh Hóa	<p>Lê Văn Hưu (1230 -1322), quê làng Thần Hậu (tục gọi Kê Ry), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thượng thư kiêm Chương quan tu sử ký thời nhà Trần và là tác giả của bộ Đại Việt sử ký - bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam.</i></p> <p>Là nhà sử học đời Trần, tác giả bộ Đại Việt sử ký, bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam. Bộ sách này hiện không còn nhưng nhờ nó mà sử gia Ngô Sĩ Liên đã dựa vào để soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Đỗ Bạng Nhân năm 1247 khi mới 17 tuổi, được giữ chức Học sĩ viện Hàn lâm, kiêm Giám tu quốc sử viện. Cuối đời thăng Thượng thư bộ Binh, tước Nhân uyên hầu. Trong thời gian làm việc ở Quốc sử Viện, theo lệnh vua Trần Thái Tông, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu Lê Văn Hưu đã hoàn thành việc biên soạn Đại Việt sử ký - bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam - ghi lại những sự việc quan trọng chủ yếu trong một thời gian lịch sử dài gần 15 thế kỷ. Đại Việt sử ký gồm 30 quyển, hoàn thành năm 1272 và được Trần Thánh Tông xuống chiếu ban khen. Ông là nhà sử học uyên bác, được tôn là Đại thủ bút thời Trần, là Ông tổ của nền sử học Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn và ngôi trường THPT huyện Thiệu Hóa.</i></p>	Đ, P, CTC C
150.	Tố Hữu	Thừa Thiên Huế	<p>Tố Hữu (1920- 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê làng Phú Lai (nay thuộc xã Quảng Thọ), huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, <i>từng là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i></p> <p>Năm 1936, Ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản và trở thành người lãnh đạo phong trào</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>thanh niên dân chủ ở Huế. Đầu năm 1938, bị thực dân Pháp bắt, trong thời gian ở tù, Ông đã sáng tác được rất nhiều thơ ca Cách mạng giàu tính chiến đấu (mà sau này được tập hợp để in thành tập thơ "Từ ấy" mà các thế hệ thanh niên, học sinh từ 1946 đến nay ai cũng đều thuộc, nhớ.</p> <p>Tháng 3/1942, Ông vượt ngục Đăk Glây, rồi về Thanh Hóa để hoạt động tiếp tục. Về Thanh Hóa, được sự phân công của Tỉnh ủy lâm thời, Ông trực tiếp viết bài và biên tập cho tờ báo "Đuổi giặc nước". Giữa năm 1943 đến năm 1944, Ông đã cùng với các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời tích cực củng cố, mở rộng tổ chức và phong trào Cách mạng ở nhiều địa phương trong tỉnh.</p> <p>Từ tháng 3/1944, Ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do Ông đứng đầu, phong trào Việt Minh và việc gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa ở trong tỉnh phát triển ngày càng rộng khắp và vững chắc. Đây cũng là thời gian Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh ra đời để làm hậu thuẫn cho Tổng khởi nghĩa sau đó. Và tờ báo "Đuổi giặc nước" được Ông quyết định cho đổi tên thành tờ báo "Khởi nghĩa".</p> <p>Cách mạng tháng Tám năm 1945 sắp diễn ra thì Ông được Trung ương điều về làm Chủ tịch ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên Huế và tiếp đến là Bí thư xứ ủy Trung Kỳ. Tháng 12/1946, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Ông lại được điều động ra Thanh Hóa làm Bí thư Tỉnh ủy.</p> <p>Tháng 5/1947, Ông được Trung ương điều động lên công tác tại Chiến khu Việt Bắc, rồi lần lượt trải qua các vị trí công tác như Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam (1948), Giám đốc Nha tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Phủ Thủ tướng (1952), Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền (1954), Bí thư Trung ương Đảng (1960), Bí thư ban chấp hành Trung ương Đảng... Năm 1981 được bổ nhiệm giữ chức Phó Chủ tịch, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng (tức phó Thủ tướng).</p>	

STT	Tên làng	Tên họ quán	Tóm tắt lý lịch	đại
			<p>Ngoài sự nghiệp Chính trị, sự nghiệp văn hóa - văn nghệ của Ông cũng để lại những dấu ấn đậm nét. Tổ Hữu đã để lại cho chúng ta nhiều tập thơ rất có giá trị từng được lưu hành rất rộng rãi như "Từ Ấy" (1946), "Việt Bắc" (1954), "Gió Lộng" (1961), "Ra Trận" (1962 - 1971), "Máu và Hoa" (1977), "Một Tiếng Đờn" (1992), "Ta với ta" (1997)...</p> <p>Trong quá trình sáng tác và xuất bản các tập thơ, Ông đã từng được nhận giải nhất về văn học nghệ thuật cho tập thơ Việt Bắc, giải thưởng văn học ASEAN của Thái Lan (1966) cho tập thơ "Một tiếng đờn", và đặc biệt là giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).</p>	
151.	Thôi Hữu	Thanh Hóa	<p>Thôi Hữu(1919-1950), có tên Nguyễn Đắc Giới, quê huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa.</p> <p>Nhà thơ, bút danh là Thôi Hữu. Ông cũng có tên riêng là Trần Văn Tấn với bút hiệu Tân Sắc, Ông học tại trường Kỹ nghệ thực hành Huế. Từ năm 1939, Ông bắt đầu sáng tác văn chương, có thơ đăng ở báo Bạn Đường (Thanh Hóa). Giác ngộ Cách mạng Ông bỏ học từ năm 1940 làm nghề thợ điện, tích cực hoạt động trong đoàn Thanh niên Dân chủ. Năm 1943, tham gia các tổ chức bí mật hoạt động ở Hà Nội, năm sau Ông bị bắt, rồi vượt ngục, tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc. Sau Cách mạng tháng Tám Ông cộng tác các báo Sự Thật, Thủ Đô của Liên khu I, Vệ Quốc quân của Quân đội Nhân dân. Ngày 16-12-1950,</p> <p>Ông hi sinh trên đường đi công tác trong vụ oanh tạc của máy bay Pháp, hưởng dương 31 tuổi.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa</i></p>	P
152.	Lê Hy	Thanh Hóa	<p>Lê Hy (1642 – 1702), quê xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, là <i>Thượng thư kiêm Chương lục bộ, Tham tụng, Tổng tài Quốc sử</i> thời Lê Trung hưng.</p> <p>Ông là nhà chính trị tài năng đồng thời là nhà sử học có tên tuổi cuối thế kỷ XVII dưới thời vua Lê Hy Tông. Dưới thời chúa Trịnh Căn, Ông được giao làm</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Tả Thị lang Bộ Binh, Bộ Lễ rồi Bộ Lại và làm Bồi tụng trong phủ chúa, được ban tước Lai sơn bá, Tả thị lang Bộ Lại, đến chức Tham tụng (hàm tương đương Tể tướng). Không chỉ là nhà chính trị nổi tiếng Lê Hy còn là nhà hoạt động văn hóa, nhà sử học có nhiều đóng góp đáng kể. Ông có công khôi phục thể văn thời Hồng Đức để chấn hưng nền giáo dục dưới thời Lê Hy Tông (1676 - 1705).</p> <p>Những đóng góp lớn nhất của Ông là trong sử học. Bộ sách Đại Việt sử ký toàn thư là một bộ sử lớn nhất nước ta thời Lê, được biên soạn qua nhiều đời gắn liền với tên tuổi nhiều nhà sử học trong đó có Lê Hy. Sau khi Ông mất triều đình truy tặng chức Lại bộ Thượng thư.</p>	
153.	Phan Huy Ích	Hà Tĩnh	<p>Phan Huy Ích (1750-1822), hiệu Dụ Am người làng Thu Hoạch, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, cư trú ở làng Thày (Quốc Oai, Hà Nội), là <i>quan đại thân trái ba triều đại Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn</i>.</p> <p>Thuở nhỏ, Ông sống và học tập tại làng Thu Hoạch, đến năm 20 tuổi, năm 1771, Ông thi đỗ Giải nguyên tại trường thi Nghệ An. Sau khi đỗ Giải nguyên, Ông được triều đình thu dụng và bổ nhiệm một chức quan là Hiến sát tại trấn Sơn Nam, Thanh Hóa, trông coi việc xét xử và luật pháp.</p> <p>Tháng 5 năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc, xuống chiếu cầu hiền. Phan Huy Ích ra hợp tác với Tây Sơn. Phan Huy Ích được phong làm Tả Thị lang Bộ Hộ. Sau cuộc hành quân phá quân Thanh, Mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789, Ông phụ trách công việc ngoại giao. Cuối tháng 2 năm 1790, Phan Huy Ích cùng với đại tư mã Ngô Văn Sở được cử trong phái đoàn do Phạm Công Trĩ đóng giả vua Quang Trung dẫn đầu sang Trung Quốc mừng vua Càn Long 80 tuổi. Năm 1792, về nước, được thăng Thị trung ngự sử ở tòa Nội các rồi Thượng thư bộ Lễ</p> <p>Năm 1814, Ông về lại quê dạy học, hoàn chỉnh bản dịch <i>Chinh phụ ngâm</i> và sáng tác , Ông là tác giả</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	đặt
			<p>nhiều sách văn, sử và thơ ca như: <i>Dụ Am thi văn tập, Dụ Am ngâm lục...</i></p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
154.	Nguyễn Khiêm Ích	Hà Nội	<p>Nguyễn Khiêm Ích (1679 - 1740), tên hiệu là Kính Trai, quê gốc xã Kim Sơn, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), là đại thần nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam .</p> <p>Ông là người trong 39 người phò tá có công lao tài được thời Lê Trung hưng được ghi chép trong "<i>Lịch triều hiến chương loại chí</i>" của Phan Huy Chú.</p> <p>Năm 1710 đời Lê Dụ Tông, Ông thi đỗ Giải nguyên rồi đỗ Thám hoa đình nguyên khi 37 tuổi. Năm 1720, Ông được thăng làm Tả thị lang bộ Hình, rồi Hữu thị lang bộ Lại, tước Thuật Phương hầu, vào phủ chúa Trịnh làm Bồi tụng. Năm 1723, được phong Tả Thị lang Bộ Hộ, Thuật quận công; sau đó đổi sang làm Tả thị lang bộ Lại. Năm 1728, Ông được kiêm chức Đại học sĩ Đông các. Thời Lê Đế Duy Phường, Nguyễn Khiêm Ích được thăng làm Đô ngự sử, vẫn làm việc ở bộ Lại. Năm 1732, đời Lê Thuần Tông, Ông được thăng làm Thượng thư bộ Binh, gia thăng Thiếu bảo và vào phủ chúa làm Tham tụng. Năm 1739, Ông ra làm Đốc phủ Thanh Hóa. Sau đó Ông được thăng làm Thái tử.</p> <p>Hành trạng, sự nghiệp của Nguyễn Khiêm Ích được ghi chép khá đầy đủ trong bộ sử như Đại việt sử ký tục biên (1676 - 1789) của Sử thần triều Lê...Ngoài ra, tên của Nguyễn Khiêm Ích còn được khắc trên bia Tiên sĩ tại Văn miếu - Quốc Tử Giám (thành phố Hà Nội), bia Văn miếu Bắc Ninh (tỉnh Bắc Ninh)...</p>	
155.	Bùi Công Kế	Thanh Hóa	<p>Bùi Công Kế (?-?) , hay có tên là Nguyễn Kế, quê huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung) Thanh Hóa.</p> <p>Ông là võ tướng đời Nguyễn Phúc Thuần (1753-1777), tướng mạo khôi ngô, có sức mạnh, giỏi võ nghệ, làm cai đội, dần dần thăng đến chức Chương cơ, lãnh Trấn thủ Bình Khang. Năm Ất Tỵ (1775), Tây Sơn dấy</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			binh, Ông vâng mạng tiết chế Tổng Phúc Hiệp đem binh chống cự, bại trận bị bắt và bị giết chết. Ông được triều Nguyễn truy tặng Chương dinh, liệt thờ vào hai miếu Hiền Trung và Trung Tiết công thần của nhà Nguyễn.	
156.	Hoàng Lệ Kha	Thanh Hóa	<p>Hoàng Lệ Kha (1917- 1960), tên thật là Hoàng Lệ Cẩn, bí danh Nguyễn Văn Tông, quê thôn Trang Các, tổng Ngọ Xá (nay là xã Hà Phong), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, <i>từng là Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh.</i></p> <p>Ông là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa. Hoàng Lệ Kha học và tốt nghiệp Primerire tại Hà Trung, 1933 trúng tuyển vào trường Bách Nghệ Hà Đông, 1936 được chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động bí mật trong nhà trường kết nạp vào Đảng. Năm 1939, được tổ chức Đảng bí mật chuyển vào hoạt động ở Nam Bộ và hoạt động trong các tổ chức sinh viên học sinh và Đoàn Thanh niên Cứu quốc Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, giữ chức vụ Tỉnh đội trưởng dân quân, trưởng ty Thông tin, trưởng ty Canh nông, Tỉnh ủy viên tỉnh Gia Định. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ Ông tiếp tục ở lại miền Nam giữ chức vụ Ủy viên Ủy ban kháng chiến tỉnh Gia Định, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh. Hoàng Lệ Kha là một người Cộng sản kiên cường, bất khuất, một lòng vì nước, vì dân.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường và ngôi trường THPT ở huyện Hà Trung.</i></p>	Đ, CTC C
157.	Dương Tam Kha	Thanh Hóa	<p>Dương Tam Kha (?-?), quê làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, <i>là người có công lớn trong đánh nhà Hán, là vị tướng giỏi thứ hai sau Dương Đình Nghệ, là một vị vua Việt Nam, trị vì 6 năm, từ 944 đến 950, xen giữa nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.</i></p> <p>Dương Tam Kha là con Dương Đình Nghệ, anh Dương Hậu (vợ Ngô Vương Quyền) là cha đẻ hoàng hậu Dương Vân Nga (TK X). Ông là người cùng với Dương Đình Nghệ tham gia đánh Hán giải phóng thành Đại La năm 931; Ông là người trực tiếp tham gia đánh trận trên sông Bạch Đằng, trực tiếp chặt đầu</p>	

STT	Tên nhân vật	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>Hoàng Thao. Năm Giáp Thìn (944), Ngô Vương Quyền mất, Ông được Ngô Vương ủy thác phụ dục con lớn là Ngô Xương Ngập. Ngô Xương Ngập trốn sang Nam Sách, thuộc tỉnh Hải Dương, được Phạm Linh Công ở Trà Hương huyện Kim Thành nuôi giấu. Không tìm được Xương Ngập, Dương Tam Kha lập em Xương Ngập là Xương Văn làm con nuôi.</p> <p>Với công trạng to lớn của Ông, nhiều nơi lập đền thờ ở Đông Anh, Hà Nội; Bắc Ninh, Thiệu Long, Thiệu Hóa.</p>	
158.	Trịnh Khả	Thanh Hóa	<p>Trịnh Khả (1399 -1451), người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh phủ Thanh Hóa (nay thuộc thôn Giang Đông, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là <i>Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đô Thái giám thời Lê sơ.</i></p> <p>Ông là Công thần khai quốc nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam. Trong số 18 người cùng Lê Lợi tham gia hội thề Lũng Nhai. Ông có nhiều công lớn trong dẹp giặc Minh được phong Kim tá Vinh lộc đại phu tá Lâm hủ Vệ tướng quân. Năm 1429, Ông được phong công thần tước Liệt hầu, giữ chức Đô thái giám bốn đạo, coi quản mọi việc trong ngoài kiêm án phủ sứ ở Tuyên Quang, sau đó Ông được gia phong chức hành quân Tổng quản xa kỵ quân sự đồng Tổng quản, lĩnh các đội thiết đột. Năm 1434, Ông được cử làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn coi việc quân dân, sau được thăng chức Thiếu bảo, Tham tri chính sự rồi Thái úy.</p> <p>Năm 1443, Ông được phong làm Nhập nội Suy trung Tá lý Dương vũ công thần, kiêm Lỗ Giang trấn phủ quân Thượng tướng quân, cai quản việc quân các vệ ở Tây đạo, Quận thượng hầu. Sau được trao chức Suy trung Tán trị Dương vũ Tĩnh nạn công thần, Thái Nguyên trấn Phiêu kỵ Thượng tướng quân, đặc tiến Khai phủ nghi đồng Tam ty, Nhập nội Thiếu úy, bình chương Quân quốc trọng sự, Thượng trụ quốc, ban túi kim ngư trang kim phù, tước Quốc thượng hầu. Sau khi mất, năm 1484, Ông được truy tặng Thiếu phó Liệt</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>quận công, về sau Ông còn được truy phong là Hiền khánh vương.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
159.	Nguyễn Thị Minh Khai	Nghệ An	<p>Nguyễn Thị Minh Khai (1910 -1941), tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, quê xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, <i>một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940.</i></p> <p>Năm 1930, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách vận động vùng Trường Thi - Bến Thủy rồi sang công tác ở Quốc tế Cộng sản tại Hương Cảng, bị chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam (1931 - 1934). Năm 1936 về nước, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo khởi nghĩa Nam Kỳ và bị bắt tháng 7-1940. Pháp xử bắn Bà tại Hóc Môn ngày 28/8/1941.</p> <p><i>Tên Bà đã được đặt tên một con đường, phố tại TX. Bim Sơn, Tp Thanh Hóa và huyện Hà Trung</i></p>	Đ, P
160.	Trần Quang Khải	Nam Định	<p>Trần Quang Khải (1241 -1294), quê gốc ở tỉnh Nam Định, <i>là một thân vương quý tộc nhà Trần, làm đến chức Tể tướng đời Trần Thánh Tông, coi cả mọi việc trong nước.</i></p> <p>Trần Quang Khải là con thứ hai Trần Thánh Tông, Ông có nhiều công lớn trong việc giúp vua trị nước, làm tới chức Thượng tướng, Thái sư. Trong kháng chiến chống Nguyên- Mông, Ông đảm nhận việc ngoại giao, là tướng chỉ huy lập nên chiến thắng Chương Dương (1285); tác giả tập thơ Lạc đạo để cho đời, trong đó có bài Tụng giá hoàn kinh sư nổi tiếng.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn</i></p>	Đ
161.	Ngô Gia Khảm	Bắc Ninh	<p>Ngô Gia Khảm (1912-1990), quê xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh, <i>là một trong những người được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động đầu tiên năm 1952, còn gọi là người "Anh hùng Lao động" số 1.</i></p> <p>Tham gia Cách mạng từ sớm. 16 tuổi làm thợ nguội Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. Năm 1941, bị Pháp</p>	Đ

STT	Họ và tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đ. P
			<p>bắt đày đi Sơn La. Ra khỏi ngục, năm 1944 tham gia chế tạo vũ khí cho Việt Minh. Ông là một trong những người lập xưởng quân khí, làm ra quả lựu đạn đầu tiên. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp Ông lập xưởng hóa chất đầu tiên ở Việt Bắc, chế tạo hạt nổ, ba lần chế thử bị thương nặng vẫn không nản. 1952 được tuyên dương Anh hùng Lao động đợt đầu tiên. 1954 về tiếp quản làm giám đốc Nhà máy Xe lửa Gia Lâm, rồi làm Cục trưởng Cục đầu máy- Toa xe, Tổng cục Đường sắt, Trưởng ban Thanh tra Bộ Giao thông vận tải.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
162.	Huỳnh Thúc Kháng	Quảng Nam	<p>Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, quê làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam, là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng Việt Nam.</p> <p>Ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1946-1947) và Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (giai đoạn từ 31 tháng 5 đến 21 tháng 9 năm 1946), trước đó Ông từng giữ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ thời thuộc Pháp.</p> <p>Nổi tiếng với tài năng, đức độ và lòng yêu nước, nhà chí sĩ, nhà văn, người dân Việt Nam thường nhắc đến Ông với một tên gọi gần gũi: cụ Huỳnh. Ông đỗ hoàng giáp không ra làm quan, đứng đầu phong trào Duy Tân ở Trung kỳ đầu thế kỷ XX. Phong trào chống sưu thuế nổ ra, Ông bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo 13 năm, trở về là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, làm báo Tiếng Dân. Tác giả các sách Thi tu tùng thoại, Thi tu thảo, Trung Kỳ cụ sưu ký.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Sầm Sơn, tên đường ở thị xã Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
163.	Lương Hữu Khánh	Thanh Hóa	<p>Lương Hữu Khánh (thế kỷ XVI), quê làng xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thái bảo, Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc thời</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>Lê Trung hưng.</i></p> <p>Năm 1538 niên hiệu Đại Chính thứ 9, nhà Mạc tổ chức thi lớn, Hữu Khánh được xếp thứ nhất. Ông là danh thần đời Lê Trung hưng, làm quan đến Thượng thư bộ binh kiêm Phó tổng tài Quốc sử quán tước Thái tử Đạt quận công.</p> <p>Ông được nhà sử học Phan Huy Chú “xếp vào một trong 39 người phò tá có công lao tài đức” thời Lê Trung hưng.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
164.	Nguyễn Bình Khiêm	Hải Dương	<p>Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) hay còn gọi là Trạng Trình, quê làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng), là <i>Nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI.</i></p> <p>Năm 45 tuổi, Ông đỗ Trạng Nguyên làm quan dưới triều Mạc từ Tả Thị lang đến Thượng thư Bộ Lại, tước Trình Tuyên hầu, khi mất được phong Quốc công. Ông về hưu năm 70 tuổi và mở trường dạy học, viết sách, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ, để lại nhiều thơ Hán - Nôm trong tập “Bạch Vân thi tập”, “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt cho một đường ở thị xã Bim Sơn, tên phố ở TP. Thanh Hóa và TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ, P
165.	Ông Ích Khiêm	Đà Nẵng	<p>Ông Ích Khiêm (1832-1884), hiệu Mục Chi, người làng Phong Lệ, huyện Diên Phước (nay là huyện Hòa Vang), thành phố Đà Nẵng, là <i>danh tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.</i></p> <p>Là người văn võ song toàn, là người chính trực, là một vị tướng khảng khái, mưu lược và biết thương yêu quân sĩ. Đỗ Cử nhân năm 1848, từ quan văn chuyển sang quan võ; được triều đình cử đi tiểu phi ở biên giới phía Bắc. Pháp đánh cửa Thuận An (1883), Ông thuộc phe chủ chiến, chống lại việc đầu hàng nên bị Nguyễn Văn Tường đem đày vào Bình Thuận và mất ở đó.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt cho một đường phố của Thanh Hóa.</i></p>	Đ

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặc
166.	Nguyễn Khoái	Hải Dương	<p>Nguyễn Khoái (1240 -?), quê Hồng Châu Hải Dương, là một tướng lĩnh thời Trần, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.</p> <p>Tương truyền Nguyễn Khoái có sức khỏe hơn người, Ông tòng quân, làm đến chức chỉ huy đội quân Thánh Dực chuyên bảo vệ vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông. Năm 1285, quân Nguyên xâm lược, Nguyễn Khoái theo Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, Chiêu Thành Vương Trần Thông, Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đem 5 vạn quân đánh Toa Đô ở cửa Hàm Tử, truy đuổi đến Tây Kết, lập được công lớn. Năm 1287, quân Nguyên sang lần thứ 3, Nguyễn Khoái tham gia trận chiến Bạch Đằng, đội quân do Nguyễn Khoái chỉ huy được Hưng Đạo Vương giao nhiệm vụ tấn công, chia cắt đội hình giặc. Chiến tuyến của quân Thánh Dực khiến kẻ địch hốt hoảng, vừa cố sức chống đỡ vừa tìm đường tháo chạy và vướng vào bãi cọc đã được chuẩn bị công phu từ trước.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
167.	Phùng Khắc Khoan	Hà Nội	<p>Phùng Khắc Khoan (1528-1613), người làng Bùng (Phùng Xá), huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội, là quan nhà Lê Trung hưng và là nhà thơ Việt Nam.</p> <p>Ông nổi tiếng thông minh từ nhỏ, học trò Nguyễn Bình Khiêm, quen gọi là Trang Bùng. Năm 1550 vào Thanh phủ Lê, diệt Mạc. Đỗ hoàng giáp (1580), làm quan Thượng thư Bộ Hộ, Bộ Công triều Lê; đi sứ sang nhà Minh (1597), lý lẽ cứng cỏi. Ông còn là nhà thơ, các tác phẩm như: Nông sự tiện lâm (những điều cần biết về nghề nông); Nghị trai thi tập... Tương truyền, Ông đem nghề dệt lụa về cho dân vùng Phùng Xá. Có công xây dựng khu kinh đô kháng chiến Yên Trường thời Lê Trung hưng.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bìn Sơn.</i></p>	Đ
168	Nguyễn Phúc Khoát	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Phúc Khoát (1714- 1765), quê gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Chúa thứ</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>tám của dòng họ Nguyễn.</i></p> <p>Ông là chúa Nguyễn đời thứ 08, hiệu là Võ vương, cầm quyền từ 1738, xưng vương năm 1744. Ông lộ rõ ý thức và khả năng xây dựng một vương triều độc lập, có quy mô.</p> <p>Chia đất nước Đàng Trong thành 12 dinh, đặt các chức Trấn thủ, các họ, ký lục. Ông cũng định lại phép thi (1740), đặt các học vị Nhiều học và Hương cống; đặt triều nghi và chính thức định đô ở Phú Xuân. Dưới thời Ông, Mạc Thiên Tứ đã mở mang đất Hà Tiên, nhận quyền chỉ huy của chúa Nguyễn. Các vùng đất Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc cũng thuộc bản đồ Việt Nam vào lúc này.</p>	
169.	Nguyễn Xuân Khoát	Hà Nội	<p>Nguyễn Xuân Khoát (1910-1993), quê Hà Nội, là nhạc sĩ và là Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ông được coi là Người anh cả, là Cánh chim đầu đàn của nền âm nhạc mới Việt Nam.</p> <p>Nguyễn Xuân Khoát học đại hồ cầm tại Conservatoire de Musique Française d'Extrême-Orient (Viễn Đông Nhạc viện). Ông có thể chơi thành thạo violin, piano và nhất là contrebass. Sáng tác đầu tay của Ông, bài <i>Bình minh</i> (thơ của Thế Lữ) được in trên tờ "Ngày Nay" năm 1938. Năm 1942, Ông tham gia nhóm Xuân Thu Nhã Tập và đã phổ nhạc một cách độc đáo bài thơ <i>Màu thời gian</i> của Đoàn Phú Tứ, tham gia biểu diễn trong những ngày đầu sau Cách mạng tháng 8 thành công. Trong thời kỳ đi kháng chiến, Ông có nhiều bài hát nổi tiếng như <i>Tiếng chuông nhà thờ</i>, <i>Uất hận</i>, <i>Con voi</i> (cùng Nguyễn Đình Thi), <i>Hát mừng bộ đội chiến thắng</i>... Hòa bình lập lại tại miền Bắc, Ông có các sáng tác hợp xướng <i>Ta đã lớn</i>, <i>Hồ kiến thiết</i> và <i>Lúa thu</i>; <i>Tay súng sẵn sàng</i>, <i>tay lúa vẫy vàng</i>, <i>Theo lời Bác gọi</i> (phỏng thơ Lê Kỳ Văn)...- một ca khúc thiếu nhi khá độc đáo về đề tài thống nhất đất nước. Nguyễn Xuân Khoát là người kiên trì bảo vệ và phát huy tính dân tộc trong âm nhạc, các ca khúc của Ông mang đậm chất liệu âm nhạc dân gian. Bên cạnh</p>	P

STT	Tên dòng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	đặt
			<p>nhiều khảo cứu, tiêu luận nêu cao giá trị dân tộc. <i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa</i></p>	
170.	Lê Khôi	Thanh Hóa	<p>Lê Khôi (?- 1447), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng xuất sắc trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy, Tư không dưới thời Lê sơ.</p> <p>Lê Khôi là cháu ruột của Lê Lợi, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ đầu và lập được rất nhiều công lao trong các trận đánh ở Khả Lưu, Xương Giang.</p> <p>Suốt ba triều vua, đi đánh dẹp từ Thái Nguyên đến Đồ Bàn đều khái hoàn rực rỡ. Ông còn là một nhà chính trị có tài. Năm 1430, được cử vào trấn ở Châu Hóa, bãi trạm gác, bỏ sự nghiêm ngặt, chiêu mộ dân lưu tán, khuyến bảo làm ruộng, trồng dâu. Năm 1443, làm Đốc trấn Nghệ An, dân chúng đều mừng xem việc Ông đến là trời giáng phúc cho dân. Năm 1447, vào đánh Đồ Bàn, khi tiến đến cửa Thi Nại, quân Chiêm hỏi: “Có phải Ông Tư Mã đây chăng?”. Ông tiến ra, cất mũ cho tướng Chiêm nhìn rõ mặt, thì tất cả tướng tá và binh sĩ đối phương đều hạ khí giới đầu hàng. Dựa vào uy tín của mình, Ông đã thu được thắng lợi, bắt được vua Chiêm là Bí Cai. Sau trận này, Ông rút quân về đến cửa biển Nam Giới thì bị bệnh mất ở chân núi Long Ngâm (Hà Tĩnh). Nhân dân dân và tướng sĩ tôn kính lập đền thờ Ông ở chân núi.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên cho một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
171.	Minh Không	Ninh Bình	<p>Minh Không (1066 – 1141), tên hiệu Nguyễn Minh Không, còn có tên gọi là Lý Quốc Sư, quê làng Đàm Xá, phủ Trảng An (nay là làng Điền Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình), là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử, được xem là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Nam và được tôn vinh là Ông tổ nghề đúc đồng.</p> <p>Nhờ giỏi nghề thuốc Ông có nhiều công lớn chữa</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>bệnh cho vua Lý Thần Tông và nhân dân mà Ông cùng với Trần Hưng Đạo, sau này được người Việt tôn sùng là <i>đức thánh Nguyễn, đức thánh Trần</i>. Một số ghi chép xưa xếp Ông là vị thánh trong tứ bất tử, được triều đình phong là Quốc sư.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên con đường tại TP. Thanh Hóa</i></p>	
172.	Đoàn Khuê	Quảng Trị	<p>Đoàn Khuê (1923–1998), bí danh Võ Tiến Trình, quê thôn Gia Đăng, xã Triệu Tân, huyện Triệu Phong, (nay là xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), là <i>Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.</i></p> <p>Đoàn Khuê là Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1945 (trước Cách mạng Tháng Tám), tham gia thành lập Tỉnh ủy Lâm thời tỉnh Quảng Bình trong kháng chiến chống Pháp.</p> <p>Ông đã giữ các chức vụ Chính trị viên Trường Lục quân ở Quảng Ngãi, Chính ủy Sư đoàn 351 Pháo binh, Tư lệnh Quân khu V, rồi Tư lệnh Quân tỉnh nguyện Việt Nam tại Campuchia. Ông được phong hàm Đại tướng năm 1990, là Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ủy viên Trung ương Đảng từ khóa IV đến khóa VII, Ủy viên Bộ Chính trị các khóa VII, VIII, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX. Ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân huy chương cao quý khác.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TX. Bim Sơn.</i></p>	P
173.	Nguyễn Khuyến	Nam Định	<p>Nguyễn Khuyến (1835-1909), quê làng Văn Khê, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam Ninh nay là huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, là <i>nhà thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng.</i></p> <p>Ông đỗ đầu ba trường nên được gọi Tam Nguyên Yên Đổ. Làm quan tới chức Học sĩ sung Quốc sử quán Toàn tu. Triều Nguyễn đầu hàng Pháp, Ông cáo quan</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đ. liệt
			<p>về quê, sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như: Quế Sơn thi tập, Yên Đổ thi tập, Bách Liêu thi văn tập, Cảm Ngữ, cùng nhiều bài ca, hát ả đào, văn tế, câu đối truyền miệng.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	
174.	Đỗ Khuyển	Thanh Hóa	<p>Đỗ Khuyển (1399 – 1459), tên húy của Ông là Đỗ Đại, còn gọi là Lê Khuyển, quê ở làng Đa Mỹ huyện Cổ Lôi (nay là thôn Thịnh Mỹ, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), là danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.</p> <p>Năm 1418, Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, được giao chỉ huy hai đạo quân ở Lương Giang và Lôi Giang. Năm 1425, cùng Trịnh Khả chỉ huy đánh thắng Tam Giang, Tuyên Quang buộc giặc phải xin hàng.</p> <p>Năm 1428, được phong tước Kim tử quang lộc đại phu, tước hầu, tước thượng tướng quân. Năm 1429, khi ban biển ngạch công thần, Đỗ Khuyển được xếp vào hàng huyện Thượng hầu. Suốt 40 năm gắn bó với sự nghiệp giải phóng và dựng xây trải qua 3 triều vua Lê, Ông xứng đáng là bậc nguyên lão, công thần khai quốc.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại Tp. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
175.	Trịnh Kiểm	Thanh Hóa	<p>Trịnh Kiểm (1503 -1570) tức Thế Tổ Minh Khang Thái Vương, quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng Thái quốc công thời Lê Trung hưng và cũng là người mở đầu sự nghiệp nắm quyền của họ Trịnh.</p> <p>Trịnh Kiểm là người mở đầu sự nghiệp nắm quyền của họ Trịnh. Được coi là vị chúa đầu tiên của hơn 200 năm cơ nghiệp dòng họ Trịnh, nhưng đương thời khi cầm quyền, Ông không xưng là chúa nhưng được đời sau truy tôn là Thái Vương. Ông là người nắm quyền chỉ huy quân đội trong triều các vua Lê thời Nam Bắc triều từ năm 1545 tới khi mất.</p> <p>Năm 1565, Trịnh Kiểm tự lĩnh 6 vạn quân tiến</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đánh Mạc, chiếm được các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Kinh-Bắc, Lạng Sơn và một số huyện của tỉnh Hải Dương. Nhà Lê nhờ có sự phò giúp của Trịnh Kiểm nên mới Trung hưng và lập nên nghiệp chúa nổi tiếng trong lịch sử dân tộc gần 280 năm. Năm 1569, với những đóng góp to lớn Trịnh Kiểm được vua Lê Anh Tông gia phong làm Thượng tướng Thái Quốc công đồng thời tôn làm Thượng phụ.	
176.	Phùng Chí Kiên	Nghệ An	<p>Phùng Chí Kiên (1901-1941), tên khai sinh là Nguyễn Vĩ, còn có tên khác là Mạnh Văn Liễu, quê làng Mỹ Quan, tổng Vạn Phần (nay là xã Diễn Yên), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động Cách mạng và quân sự Việt Nam, đồng thời là vị tướng đầu tiên của lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.</p> <p>Tháng 10 năm 1926, Phùng Chí Kiên cùng một số Hội viên được giới thiệu sang Quảng Châu, dự lớp huấn luyện đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc tổ chức rồi vào học Trường Quân sự Hoàng Phố, gia nhập quân Cách mạng Trung Quốc, khởi nghĩa Quảng Châu (12/1927) do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Năm 1935 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách công tác Đảng ở nước ngoài. Năm 1936 vận động thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh hội ở Trung Quốc. Năm 1941 cùng với cụ Hồ Chí Minh về Pắc Bó, chỉ đạo căn cứ Bắc Sơn (Cao Bằng), chỉ huy trung đội cứu quốc quân số 1. Ông bị Pháp bắt và giết hại ở Ngân Sơn tháng 8/1941.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Sầm Sơn, tên một con đường ở TX. Bìn Sơn.</i></p>	Đ, P
177.	Lê Đình Kiên	Thanh Hóa	<p>Lê Đình Kiên (1622 - 1704), quê làng Bái Trại (nay thuộc xã Định Tường), huyện Yên Định, là <i>Tổng trấn</i> thời Lê Trung hưng.</p> <p>Lê Đình Kiên xuất thân trong một gia đình nề nếp, gia giáo nhưng do cha mất sớm, Ông sống với mẹ, sau được vị quan ở Tĩnh Gia nhận làm con nuôi cho học văn võ, binh pháp. 1664, Lê Đình Kiên được triều đình cử giữ chức Tổng trấn xứ Sơn Nam. Bằng tài năng và</p>	CTC C

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Hình ảnh
			<p>đức độ của mình, sau 4 năm trấn trị, Lê Đình Kiên đã biến xứ Sơn Nam từ một vùng đầy giặc giã, cướp bóc trở thành một miền đất trù phú, ổn định và phát triển, không những vậy Ông còn xây dựng và cai quản đô thị nổi tiếng của Đại Việt vào thế kỷ XVII - Phố Hiến - người đương thời ngợi ca: "Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến"; Ông là người lập ra thương cảng Vạn Lai Triều - thương cảng lớn đóng vai trò là một trong những đầu mối trao đổi, buôn bán quan trọng của nước ta với các tàu buôn ngoại quốc.</p> <p>Ông là một viên quan Tổng trấn có danh tiếng, là một nhà văn hoá kiệt xuất, ít người sánh kịp. Năm 1704 Lê Đình Kiên mất, triều đình truy tặng Ông hàm Thái bảo, nhân dân trong vùng lập đền thờ Ông tại xã Định Tường, Yên Định.</p> <p><i>Tên Ông được dùng để đặt tên một ngôi trường THCS của huyện Yên Định.</i></p>	
178.	Trần Quý Kiên	Hà Nội	<p>Trần Quý Kiên (1911-1965), tên thật là Đinh Xuân Nhạ, quê làng Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là Thành phố Hà Nội), là nhà Cách mạng và chính khách Việt Nam có công với nền độc lập dân tộc.</p> <p>Ông thuộc lớp lãnh đạo rất sớm của ĐCSVN. Ông tham gia Cách mạng từ năm 1929, vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1930. Ông bị bắt khi đang treo cờ đỏ và diễn thuyết trước cửa trường Bách Nghệ và bị giam ở Hòa Lò tháng 10/1930. Cuối năm 1935, được ân xá, Ông được cử vào Thành ủy Hải Phòng, Hà Nội. Đầu năm 1938, Ông làm Bí thư Thành ủy Hà Nội và tham gia Xứ ủy Bắc kỳ. Năm 1940, Ông bị bắt và đưa đi đày ở Sơn La. Sau Nhật đảo chính Pháp, Ông vượt ngục Nghĩa Lộ về làm Bí thư khu Quang Trung (Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa, Sơn La, Lai Châu). Cách mạng tháng Tám thành công, Ông giữ nhiều chức vụ: Phó văn phòng phủ Thủ tướng, Bí thư Đảng ủy Dân chính Đảng Trung ương, Phó Ban Tổ chức Trung ương, Thứ trưởng - Bí thư Đảng đoàn bộ Thủy lợi. Ông được tặng thưởng nhiều huân</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			chương cao quý, trong đó có Huân chương Hồ Chí Minh.	
179.	Võ Văn Kiệt	Vĩnh Long	<p>Võ Văn Kiệt (1922-2008), tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, Chín Dũng, quê ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, là một nhà chính trị Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và sau đó là Thủ tướng thứ năm của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Tham gia Cách mạng từ năm 16 tuổi trong phong trào Thanh niên phản đế (1938), Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1939. Trong thời gian Khởi nghĩa Nam Kỳ Ông tham gia giữ nhiều chức vụ lãnh đạo trong đó có thời gian làm Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Sau Hiệp định Genève, năm 1955, Võ Văn Kiệt được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ và Phó Bí thư liên Tỉnh ủy Hậu Giang, sau được giao trọng trách là Bí thư Khu ủy T.4, tức khu Sài Gòn - Gia Định, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam.</p> <p>Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Ông được phân công giữ chức Bí thư Đảng uỷ đặc biệt trong Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông được nhiều báo chí đánh giá là người đã đẩy mạnh công cuộc đổi mới và cải cách chính sách ở Việt Nam kể từ năm 1986, là "tổng công trình sư" nhiều dự án táo bạo.</p> <p>Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá VIII (tháng 8 năm 1991), Võ Văn Kiệt được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (thay Đỗ Mười). Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá IX (1992-1997), Ông được bầu làm Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh.</p>	
180.	Lý Thường Kiệt	Hà Nội	<p>Lý Thường Kiệt (1019 -1105), quê ở Hà Nội, là người nổi tiếng tài giỏi, từng làm quan dưới ba triều Lý: Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông, trực tiếp cai quản Châu Ái (Thanh Hóa) 20 năm (1081- 1101), được ban 1 quân ở Thanh Hóa làm phong ấp (1082).</p>	Đ, P, CTCC

STT	Tên người	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Loại
			<p>Khi giặc Tống có mưu đồ xâm lược, Ông đề xuất chủ động đánh trước, tiêu diệt căn cứ xuất phát của địch ở ba châu: Ung, Khâm, Liêm (1075) giành thắng lợi lớn rồi rút quân về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu) chặn giặc, đánh tan quân Tống (1077). Tương truyền Ông là tác giả bài Nam Quốc Sơn Hà, được coi như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, huyện Hà Trung, một ngôi trường PTTH tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
181.	Yết Kiêu	Nam Định	<p>Yết Kiêu (1242-1301), quê gốc ở tỉnh Nam Định, là anh hùng chống giặc ngoại xâm vào đời nhà Trần, người có công giúp Nhà Trần chống giặc Nguyên Mông vào thế kỷ XIII với biệt tài thủy chiến.</p> <p>Yết Kiêu là gia tướng thân cận của Trần Hưng Đạo, là người có sức khỏe và dũng cảm lạ thường, với tài bơi lặn giỏi, đã sử dụng tài của mình để đục thuyền của quân xâm lược Nguyên Mông. Ông cùng với Dã Tượng thành một cặp tướng bên nhau lập nhiều chiến công trong kháng chiến chống quân Nguyên - Mông từ 1285 đến 1288.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	P
182.	Lê Hữu Kiêu	Thanh Hóa	<p>Lê Hữu Kiêu (1915 - 1989), bí danh là Nam Mộc quê ở xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nam Kỳ.</p> <p>Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Ông tốt nghiệp trường Quốc học Quy Nhơn và dạy học tại các trường Trung học ở Thanh Hóa, Huế, Hà Nội và Sài Gòn. Sau năm 1945, Ông được phân công làm Giám đốc Nhà xuất bản Sự thật, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (1948 - 1957). Bên cạnh những hoạt động chính trị, Ông còn là một nhà phê bình văn học và nhà báo. Khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Ông hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực lý luận, phê bình văn học.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Ông còn là một dịch giả của nhiều tác phẩm văn học Nga, được công chúng đánh giá cao qua việc dịch các tiểu thuyết: "Người mẹ", "Sông Đông êm đềm"...</p> <p>Với những công trình khoa học của mình, Ông được phong học hàm Phó Giáo sư Văn học năm 1980.</p>	
183.	Nguyễn Kim	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Kim (1468- 1545), quê ở Gia Miêu, uyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là <i>An Thành hầu thời Lê sơ, Ông Tổ dòng họ Nguyễn, người có công khôi phục Nhà Lê.</i></p> <p>Nguyễn Kim là con của Trùng quốc công Nguyễn Văn Lưu, cuối thời Lê sơ, Nguyễn Kim được phong tước An Thành hầu. Năm 1527, nhà Lê sơ bị Mạc Đăng Dung chiếm ngôi, con cháu nhà Lê chạy trốn, hầu hết các cựu thần nhà Lê ngã về họ Mạc hoặc bỏ đi nơi khác. Trong bối cảnh đó, năm 1533, Nguyễn Kim thu thập hào kiệt bốn phương lánh lên vùng đất phía Tây Thanh Hóa để tính kế lâu dài, cùng các cựu thần nhà Lê tìm được con út của Lê Chiêu Tông là Duy Ninh lập nên ngôi vua đó là Lê Trang Tông, mở đầu thời kỳ Trung hưng nhà Lê. Ông được phong Thượng phụ quốc, Thái sư Hưng quốc công.</p> <p>Năm 1540, Nguyễn Kim từng bước đánh chiếm một số huyện ở Thanh Hóa, sau đó Ông cho xây dựng hành điện ở xã Vạn Lại - Yên Trường, huyện Thọ Xuân. Cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều bùng nổ, lúc này quyền lực của Nam Triều trên thực tế hoàn toàn nằm trong tay Nguyễn Kim, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Kim, thế lực của Nam Triều ngày càng lớn mạnh, vùng đất cai quản của Nam Triều mở rộng từ Thanh Hóa đến Nghệ An. Trong lúc sự nghiệp phủ Lê diệt Mạc đang lên, năm 1545, Nguyễn Kim bị đầu độc chết, Vua Lê Trang Tông truy tặng Ông tước Chiêu Huân Tĩnh Vương.</p>	
184.	Ngô Kinh	Thanh Hóa	<p>Ngô Kinh (1350 – 1433), quê ở ấp Động Bàng, tổng Đông Lý, huyện Yên Định (nay thuộc xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Là danh</p>	

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đạt
			<p><i>tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được phong là Thái phó Hưng quốc công thời Lê sơ.</i></p> <p>Ngô Kinh do cha mẹ mất sớm, phải tự lập nuôi thân, sau đó được Lê Đào giới thiệu đã tìm đến Khả Lam làm giúp việc, khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra, Ngô Kinh cùng con trai là Ngô Từ tham gia cuộc khởi nghĩa, nhận nhiệm vụ vận chuyển lương thực, vũ khí, thu nhận nghĩa quân đúng như lệnh của Lê Lợi.</p> <p>Năm 1423, Lê Lợi phong cho Ông tước Kiến Tường hầu. Năm 1428, cuộc kháng chiến thắng lợi, Lê Lợi đã triệu tập đại hội các tướng sĩ và quan văn võ để định công ban thưởng, xét công lao cao thấp mà định thứ bậc. Lê Lợi đã ban quốc tính họ Lê cho Ngô Kinh và phong cho Ông Thái phó Hưng Quốc công. Năm 1433, Ông mất được tặng tên thụy là Dụ Khê Thượng sĩ và cho dân xã Động Bàn lập đền thờ, gọi là Phúc Quang từ đường ở xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.</p>	
185.	Khánh Ký	Hà Nội	<p>Khánh Ký (1874-1945), tên thật là Nguyễn Đình Khánh, quê ở thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, <i>là một trong những người Việt Nam đầu tiên làm nghề ảnh.</i></p> <p>Năm 1905 Ông mở cửa hàng ảnh mang tên Khánh Ký ở Hà Nội, tham gia phong trào Đông kinh nghĩa thực. Năm 1911 bị lộ, Ông trốn sang Pháp. Ở Pháp, Ông mở cửa hàng ăn và cửa hàng ảnh, là nơi những người Việt Nam yêu nước hoạt động bí mật ở nước ngoài như Nguyễn Ái Quốc, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường thường đi lại hội họp. Ông đã đào tạo hàng trăm thợ ảnh, góp phần thúc đẩy ngành nhiếp ảnh Việt Nam phát triển. Ông làm Hội trưởng Hội Bắc kỳ ái hữu, đấu tranh cho quyền lợi những người nghèo khổ đi làm phu cao su ở miền Nam. Đồng thời cửa hàng ảnh của Ông là nơi đi lại hội họp của những người yêu nước từ Pháp về và một số nhà Cách mạng trong nước. Ông còn mở thêm cửa hàng ảnh ở phố Tràng Thi (Hà Nội) để làm nơi liên lạc giữa hai miền</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Nam - Bắc.	
186.	Lê Lai	Thanh Hóa	<p>Lê Lai (? - 1419), người thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang (nay là làng Tép, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc), Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng là Thiếu úy dưới thời Lê sơ.</p> <p>Lê Lai cùng anh và các con tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu. Ông là tấm gương trung liệt về việc dám hi sinh thân mình để cứu chúa. Năm 1419, Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn bị quân Minh vây đánh, Lê Lợi phải chạy về đóng ở Trịnh Cao một nơi hẻo lánh không có dân. Tướng Minh chia quân chặn các chỗ hiểm yếu, đòi bắt sống Lê Lợi, tình thế vô cùng khẩn cấp. Lê Lai đã đóng giả Lê Lợi, mang 2 voi và 500 quân xông ra phá vòng vây, hy sinh để Lê Lợi và nghĩa quân được giải thoát.</p> <p>Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, truy tặng Ông là "Sùng trung Đồng đức hiệp mưu bảo chính Lũng Nhai công thần", hàm Thiếu úy, thụ Toàn Nghĩa. Năm 1443 dưới triều Lê Nhân Tông ban tặng là Bình chương quân quốc trọng sự, tước Huyện thượng hầu. Năm 1470, triều Lê Thánh Tông truy tặng là Diên phúc hầu. Năm 1484, truy tặng Thái úy Phúc quốc công, sau gia phong là Trung Túc Vương. Khi Lê Lợi mất ngày 22/8/1433 Âm lịch, trước khi mất, Ông dặn lại đời sau phải làm giỗ Lê Lai trước một ngày. Từ đó dân gian có câu "Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi".</p> <p>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn, TP. Sầm Sơn và ngôi trường THPT huyện Ngọc Lặc.</p>	Đ, P, CTC C
187.	Nguyễn Nhữ Lãm	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Nhữ Lãm (1378- 1437), quê ở xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là Thượng thu lệnh, Hữu Bộc xạ, tước Kiểm giáo Thái bảo Đình thượng hầu thời Lê sơ.</p> <p>Nguyễn Nhữ Lãm là người có chí đánh giặc từ nhỏ, khi biết vùng đất Lam Sơn có bậc hào kiệt là Lê Lợi, Ông đã bí mật đem cả gia quyến rời quê đến dựng nhà mở trại tại huyện Cổ Lôi, tham gia khởi nghĩa.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đại
			<p>Ông được Lê Lợi tin tưởng giao nhiệm vụ hậu cần, tích chứa lương binh, Ông đã làm tốt vai trò tếp té gạo muối cho đội quân của Lê Lợi. Năm 1429, sau khi đánh thắng quân Minh, lập ra vương triều Lê sơ, vua Lê Thái Tổ đã cho ban biển gạch khắc tên các công thần khai quốc, Nguyễn Nhữ Lãm có tên trong danh sách 14 người được phong tước Định thượng hầu. Năm 1431, Nguyễn Nhữ Lãm được vua Lê Thái Tổ cử sang làm Chánh sứ sang nhà Minh để đàm phán. Trong chuyến đi này, nhờ tài hùng biện khôn khéo, tạo được tình hòa hiếu, vua Minh Tuyên Tông đã bỏ ý định khôi phục nhà Trần, công nhận vương triều nhà Lê, phong cho Lê Lợi làm Quyền thư An Nam quốc sự. Sau khi về nước Ông được thăng chức Hữu Bộ xạ. Năm 1343, Ông được vua Lê Thái Tông giao cho thiết kế xây dựng lăng thái miếu thời Thái hậu. Nguyễn Nhữ Lãm mất năm 1437, triều đình thương tiếc ban sắc truy tặng Ông tước Nhập nội Thái bảo, thụy là Trung tĩn.</p>	
188.	Cù Chính Lan	Nghệ An	<p>Cù Chính Lan (1930-1952), quê xã Quỳnh Lôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.</p> <p>Với lập trường ủng hộ dân nghèo, Cù Chính Lan đã tham gia cướp chính quyền và tham gia đội du kích xã của Việt Minh năm 1945. Năm 1946, xung phong tình nguyện nhập ngũ, trở thành chiến sĩ liên lạc, lên dần đến chức vụ tiểu đội trưởng bộ binh, được bạn đồng đội nhận xét là một người dũng cảm, táo bạo, mưu trí trong chiến đấu. Anh từng nổi tiếng với thành tích với 1 lưỡi dao cùn bắt sống được một binh sĩ Pháp và cướp được một khẩu tiểu liên, được tặng Huân chương Chiến công vì thành tích "tay không bắt giặc" này.</p> <p>Tại Chiến dịch Hòa Bình, trong một trận phục kích trên đường số 6 Cù Chính Lan là người đi sau cùng, dùng súng máy bắn kiềm chế đối phương cho đơn vị rút, rồi quay lại tìm người bị thương, đưa được ba đồng đội trở về đơn vị an toàn. Ngày 13 tháng 12 năm 1951, trong trận tấn công cứ điểm Giang Mỗ, anh đã một</p>	Đ,P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>mình đuổi xe tăng Pháp, nhảy lên thành xe, ném lựu đạn vào buồng lái để tiêu diệt xe. Năm 1952, anh tham gia đánh đồn Côtô, bị cụt hai tay và một chân vẫn anh dũng chỉ huy đến hơi thở cuối cùng. Được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p><i>Tên anh đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn, huyện Hà Trung và ngôi trường THCS tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
189.	Đình Lan	Thanh Hóa	<p>Đình Lan (?-?), người làng Thúy Côi, xã Minh Tiên, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa, là danh tướng thời Lê.</p> <p>Ông là một trong số 19 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên cho đường tại thị trấn Thường Xuân.</i></p>	Đ
190.	Nguyễn Phúc Lan	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Phúc Lan (1601- 1648), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay là Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị chúa thứ ba của dòng họ Nguyễn.</p> <p>Nguyễn Phúc Lan là con trai thứ ba của Nguyễn Phúc Nguyên và Mạc Thị Giai. Năm 1635, Nguyễn Phúc Nguyên qua đời, Nguyễn Phúc Lan lúc này 35 tuổi, được các quan theo di chúc tôn làm Tiết chế Thủy bộ Chư dinh kiêm Tổng Bình chương Quân quốc Trọng sự, Thái bảo Nhân Quận công. Sau khi lên ngôi chúa, năm 1636, Nguyễn Phúc Lan cho ra đời phủ từ làng Phước yển đến làng Kim Long. Trong thời kỳ Nguyễn Phúc Lan nắm quyền, quân Trịnh tiếp tục đem quân vào đánh.</p> <p>Năm 1648, Trịnh Tráng sai Lê Văn Hiếu khởi binh Nam tiến lần thứ tư, dẫn bộ binh đánh Nam Bố Chính, còn thủy quân đánh cửa Nhật Lệ. Nguyễn Phúc Lan tự cầm quân đối phó, được một thời gian ngắn, Ông thấy trong người không được khỏe nên trao binh quyền cho Nguyễn Phúc Tần và tướng Nguyễn Hữu Dật chỉ huy, còn mình thì rút về. Đến phá Tam Giang thì chúa mất, thọ 49 tuổi, ở ngôi chúa 13 năm. Nhà Nguyễn về sau truy tôn Nguyễn Phúc Lan tôn miếu</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đ
			hiệu là Thần Tông, thụy hiệu là Thừa cơ toàn thống Quân minh hùng Nghị uy đoán Anh Vũ hiệu Chiêu hoàng đế.	
191.	Ý Lan	Hà Nội	<p>Ý Lan (1044-1117), quê huyện Gia Lâm, Hà Nội, là phi tần của hoàng đế Lý Thánh Tông, mẹ ruột của hoàng đế Lý Nhân Tông trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Nguyên phi của vua Lý Thánh Tông; khi vua mất, thái tử còn nhỏ, Bà đã hai lần dâng đàn nghiếp chính, khiến đất nước dưới triều Lý được hưng thịnh, những đóng góp cho hoàng triều Lý nhất là về Phật giáo, khuyến khích thi cử học hành và tài năng trị nước của Bà đều được sử gia khen ngợi và tán dương.</p> <p><i>Tên Bà đã được lấy đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
192.	Ngô Cao Lãng	Thanh Hóa	<p>Ngô Cao Lãng (thế kỷ XIX), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, làm quan ở Quốc sử quán và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn.</p> <p>Năm 1807, Ông thi đỗ Hương cống, được bổ dụng làm quan đến chức Tri phủ Hoài Đức, sau chuyển vào Huế làm ở Quốc sử quán. Bên cạnh là một quan cai trị, Ngô Cao Lãng còn là nhà Nho học rộng, hiểu nhiều, đặc biệt uyên thâm trên lĩnh vực văn sử. Ngoài những đóng góp theo nội hàm chức quan của Ông, Ông còn để lại cho đời sau nhiều tác phẩm lịch sử vô giá, như Lịch triều tạp ký; Lê triều lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký; Bắc kỳ tạp biên... Với những đóng góp của mình, Ngô Cao Lãng xứng đáng là một nhà văn hóa lớn của Việt Nam thế kỷ XIX.</p>	
193.	Phạm Ngũ Lão	Hưng Yên	<p>Phạm Ngũ Lão (1255 -1320), người làng Phú Ứng, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Ân Thi), tỉnh Hưng Yên, là danh tướng nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông là người góp công rất lớn trong cả hai cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1288 . Đương thời, danh tiếng của Ông chỉ xếp sau Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn- người được xem như vị tướng</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>vĩ đại nhất lịch sử quân sự Việt Nam.</i></p> <p>Là một nông dân, ham học, có ý chí, tình nguyện tham gia quân đội đánh giặc ngoại xâm, chỉ huy quân cấm vệ của Trần Hưng Đạo, lập nhiều chiến công trong hai lần chống Nguyên - Mông (1285-1288), sau còn đi dẹp loạn quấy phá biên giới Lão Qua và Chiêm Thành ở phía Nam, trở thành danh tướng đời Trần, được phong tước Quan nội hầu.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
194.	Bùi Sỹ Lâm	Thanh Hóa	<p>Bùi Sỹ Lâm (1551– 1643), quê làng Đắc Thọ, xã Lưu Vệ, tổng Tổng Lưu Vệ, nay là xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Tổng Thái giám, Trung quân Đô đốc</i> thời Lê Trung hưng.</p> <p>Năm 1593, Bùi Sỹ Lâm có công đập tan cuộc phản loạn của Phạm Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga và được phong chức Tả Tư mã. Năm 1621, Ông có công lớn trong việc quét sạch quân Mạc, được phong chức Tổng Thái giám kiêm Giám ty Trung Quân Đô đốc phủ.</p> <p>Năm 1623, do có công đập tan âm mưu của Trịnh Xuân và phá tan quân Mạc ở Long Thái, Ông được phong Thái Bảo Tổng Thái giám Trung Quân Đô đốc phủ và được lập phủ riêng. Năm 1631, Ông được cử làm Tổng trấn Thanh Hóa. Năm 1672, Ông được phong tới chức Thái tử. Bùi Sỹ Lâm là nhà chính trị, quân sự ở thế kỷ 17. Đóng vai trò lớn trong công cuộc phục hưng nhà Lê (Lê Trung hưng).</p>	
195.	Lê Lâm	Thanh Hóa	<p>Lê Lâm (1428 -1433), quê Thanh Hóa, là <i>con Trung Túc vương Lê Lai</i>, ông từng lập nhiều công lớn nên được xếp vào hạng thứ ba trong số các vị Khai Quốc Công thần.</p> <p>Lê Lâm là võ tướng đời Lê Thái Tổ, Ông có nhiều công lao trong việc kháng Minh cứu nước, được phong là Trung Lang Đại phu Câu Lưu Vệ tướng quân, tước Thượng Trí Tự, hiệu Suy trung đồng Đức hiệp mưu bảo chính Công thần.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt, liệt	Đã đặt
			<p>Năm Canh Tuất 1430, Ông làm tiên phong đi đánh Ai Lao, thắng được nhiều trận. Nhưng khi tiến binh đến động Hồng Di, Ông bị trúng tên thuốc độc mà chết. Lê Thái Tổ thương tiếc, truy tặng Ông là Thiếu úy. Đến đời Lê Thánh Tông (1460–1497), vì con Ông là Lê Niệm (có sách chép là Nậm) có công truất Lê Nghi Dân mà lập Thánh Tông, nên Ông được truy tặng Đô đốc, sau được gia tăng tước Trung Lữ Hầu rồi truy phong Thái úy Trung Quốc Công, ban tên thụy là Uy Võ.</p>	
196.	Lê Hữu Lập	Thanh Hóa	<p>Lê Hữu Lập (1893 – 1934), người làng ở thôn Hữu Nghĩa, Tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc, nay thuộc xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng Đồng Chi hội, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa.</i></p> <p>Là một thanh niên sớm có nhận thức tiến bộ yêu nước. Năm 1922, đã tìm đến nhà yêu nước Đinh Chương Dương để xin tham gia hoạt động Cách mạng. Giữa năm 1924, Lê Hữu Lập được đồng chí Đinh Chương Dương đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) tham gia vào tổ chức Cách mạng “Tâm tâm xã” do Lê Hồng Sơn, Hà Tùng Mậu thành lập. Tháng 7/1926, Ông đã đưa được đoàn thanh niên đầu tiên sang Trung Quốc. Tháng 4 năm 1927, trong Hội nghị cán bộ Thanh niên cơ sở nhằm thống nhất lực lượng toàn tỉnh, Lê Hữu Lập được bầu vào Ban Chấp hành, giữ chức Bí thư Tỉnh bộ lâm thời; tháng 4/1928, Ông được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Thanh Hóa và được cử sang Thái Lan hoạt động. Năm 1928, khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trở thành tổ chức Cộng sản, Lê Hữu Lập trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản và là một trong những người Đảng viên Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa. Cuộc đời hoạt động Cách mạng của đồng chí Lê Hữu Lập tuy ngắn ngủi nhưng đã đặt nền móng đầu tiên cho phong trào Cách mạng và sự trưởng thành của tổ chức Đảng Cộng sản ở Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa và TP. Sầm Sơn và được đặt tên một con</i></p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<i>đường ở TX. Bim Sơn.</i>	
197.	Đinh Lễ	Thanh Hóa	<p>Đinh Lễ (? – 1427), quê làng Thủy Cối (nay thuộc xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Tư không dưới thời Lê sơ.</p> <p>Đinh Lễ là cháu gọi Lê Lợi bằng cậu. Ông là dòng dõi của Nam Việt Vương Đinh Liễn con vua Đinh Tiên Hoàng. Ông là người dũng cảm, nhiều mưu lược, võ nghệ hơn người, khi còn trẻ thường làm cận vệ cho Lê Lợi. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ buổi ban đầu, lập nhiều công lao, với chiến tích ở trận Tốt Động, Chúc Động. Năm 1428, khi Lê Lợi lên ngôi truy tặng Ông làm Nhập vận hiệu tư đồ. Năm 1484, Lê Thánh Tông gia phong làm Thái sư Bản quốc công, về sau tấn phong Hiến Khánh Vương.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
198.	Châu Văn Liêm	Cần Thơ	<p>Châu Văn Liêm (1902-1930), quê ở xã Thới Thạch, quận Ô Môn, Cần Thơ, là nhà Cách mạng Việt Nam, và là một trong sáu người tham gia hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Là một thầy giáo trẻ mới 19 tuổi đã bước vào nghề dạy, Ông chững chạc và đã sớm gây được cảm tình với học sinh và nhân dân địa phương qua những giờ học nhiệt tình, cần trọng.</p> <p>Ông đã vận động địa phương Long Xuyên làm lễ tổ chức truy điệu cụ Phan Chu Trinh (1926). Nhà cầm quyền bắt đầu theo dõi Ông từ đó, tìm cách hạn chế những cố gắng của Ông ngay trong phạm vi nhà trường.</p> <p>Năm 1927, Ông được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau đó Ông được cử vào ban thường vụ ki bộ Việt Nam Cách mạng Đồng chí Hội Nam Kỳ. Ông thôi dạy học và chuyên tâm làm Cách mạng. Tháng 6 năm 1929, Ông được cử làm đại biểu của Nam Kỳ, bí mật sang dự hội nghị Hương Cảng. Về nước, Ông trở thành một trong những người đầu tiên thành lập An Nam Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ. Sau</p>	

STT	Tên ông	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			đó vào đầu năm 1930, Ông được là đại biểu dự hội nghị thống nhất Đảng, dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc... Ông đã hy sinh cùng một số đồng chí khác, khi mới 28 tuổi.	
199.	Ngô Sĩ Liên	Hà Nội	<p>Ngô Sĩ Liên (Thế kỷ XV), người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay là xã Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, là một nhà sử học thời Lê sơ, sống vào thế kỷ XV. Ông là người đã tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và có công lớn trong việc biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư - bộ quốc sử chính thống cũ nhất của Việt Nam mà còn được lưu truyền tới ngày nay.</p> <p>Ngô Sĩ Liên tham gia khởi nghĩa Lam Sơn khá sớm, cùng với Nguyễn Nhữ Soạn (em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Trãi) giữ chức vụ thư ký trong nghĩa quân, nhiều lần được Lê Lợi cử đi giao thiệp với quân nhà Minh trong những thời kỳ đôi bên tạm hòa hoãn để củng cố lực lượng.</p> <p>Năm 1442, thi đậu Tiến sĩ, sau khi thi đỗ, Ngô Sĩ Liên đã từng giữ các chức Phó Đô ngự sử dưới triều Lê Nhân Tông, Lê Nghi Dân và Lê Thánh Tông, Lễ bộ, Thị lang, Triều liệt đại phu kiêm Quốc Tử Giám Tư nghiệp kiêm Sử quan tu soạn dưới triều Lê Thánh Tông. Năm 1480, thời Hồng Đức, theo lệnh của Lê Thánh Tông, Ông biên soạn bộ “Đại Việt sử ký toàn thư” và “Thực lục”, trở thành nhà sử học nổi tiếng ở nước ta.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng đặt cho một con phố tại tp Thanh Hóa</i></p>	P
200.	Đinh Liệt	Thanh Hóa	<p>Đinh Liệt (?-1471), người vùng Lam Sơn, huyện Thọ Xuân Thanh Hóa, là công thần khai quốc nhà Lê, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.</p> <p>Đinh Liệt là em của Đinh Lễ, cháu bên ngoại của Lê Lợi. Ngay từ Hội thề Lũng Nhai (1426), Ông đã có tên trong số 18 người. Tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu, Ông lập nhiều công lớn trong chống</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>quân Minh và quân Chiêm nhất là trận Chi Lăng - Xương Giang. Năm 1428, sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Ông được xếp hàng đầu trong số những người có công, được phong là Suy trung Tán trị Hiệp mưu Bảo chính công thân Vĩnh Lộc đại phu Tả kim Ngô Đại tướng quân, tước Thượng trí trị. Năm 1429, khi luận công Ông được phong Đĩnh Thượng hầu, năm 1432 tiên phong Nhập nội Tư mã và tham dự triều chính. Tháng 5/1434, Chiêm Thành quấy phá ở biên giới, Ông được lệnh đem quân vào Thuận Hóa để dẹp yên. Trong loạn Nghi Dân, Ông cùng Lý Lăng, Nguyễn Xí đã xướng nghĩa giết bọn phản loạn và rước vua Lê Thánh Tông lên ngôi. Từ năm 1465, Ông đảm nhiệm chức Tể tướng, điều hành những việc lớn của Quốc gia, tạo nên giai đoạn cực hưng thịnh của triều Lê.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
201.	Lê Liễu	Thanh Hóa	<p>Lê Liễu (?-?), quê huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Ông là danh tướng thời Lê tham gia hội thề Lũng Nhai.</p> <p>Ông vốn họ Võ theo Lê Lợi từ những ngày đầu còn “giấu mình ở đất Khả Lam làm nghề cày cấy”. Ông cùng các bạn như Lê Lộ, Lê Thận... thực hiện ý đồ của Lê Lợi trong việc tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ Lam Sơn và địa bàn hoạt động để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa và trở thành một trong những mưu sĩ tin cậy của Lê Lợi. Trong quá trình hoạt động, Ông lập nhiều công tích góp phần cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng.</p> <p>Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, Ông vinh dự đứng trong số 221 vị được ban thưởng “Bình Ngô khai quốc công thân”, phong làm Quý Thái Hậu.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên cho đường tại huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ
202.	Trần Huy Liệu	Nam Định	<p>Trần Huy Liệu (1901-1969), quê huyện Vụ Bản, Nam Định, là một nhà văn, nhà hoạt động Cách mạng, nhà sử học, nhà báo Việt Nam.</p> <p>Năm 1928, Ông thành lập <i>Cường học thư xã</i> chuyên xuất bản sách cổ võ tinh thần yêu nước,</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đ, P, CTC
			<p>nâng cao dân trí. Cũng trong năm này, Ông tham gia nhập tổ chức đảng bộ trong Nam giữ cương vị Bí thư kỳ Nam bộ, tháng 8 năm 1928, bị bắt và bị kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Từ năm 1936, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, tích cực hoạt động cho đảng. Tháng 10 năm 1939 lại bị bắt vượt ngục trở về Hà Nội làm công tác Cách mạng. Tháng 8 năm 1945, Ông dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào và được bầu làm Phó chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng (có vai trò như Chính phủ Cách mạng lâm thời lúc đó). Ông là người soạn Quân lệnh số 1 phát lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc dẫn đến Cách mạng Tháng Tám thắng lợi rồi làm Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền trong Chính phủ lâm thời, Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Hội Văn hóa Cứu quốc, Đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Sử học... Ông để lại 290 công trình nghiên cứu và các bản hồi ký là một di sản đồ sộ, Ông đã có những công hiến xuất sắc cho nền sử học đất nước, trong đó cuốn sách "<i>Lịch sử 80 năm chống Pháp</i>" đã đem lại vinh quang cho Ông, tác phẩm được đưa vào làm sách giáo khoa trong các trường Đại học. Trần Huy Liệu được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt đầu tiên.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
203.	Lê Văn Linh	Thanh Hóa	<p>Lê Văn Linh (1376-1448), còn có tên là Trần Văn Linh, hiệu là Mai Trai, quê làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương nay thuộc xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thái phó dưới thời Lê sơ.</p> <p>Khi quân Minh đô hộ nước ta, Lê Văn Linh mai danh ẩn tích là một Ông đồ dạy học ở nông thôn. Khi Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, Ông thuộc hàng những mưu sỹ tham gia đầu tiên. Trong suốt 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, Ông cùng với Nguyễn Trãi, là mưu sỹ đặc lực của Lê Lợi. Tất cả các chiến dịch lớn đều có Ông tham gia. Năm 1435, Ông cùng Lê Bôi cầm quân đi đánh Chăm Quý ở Châu Ngọc Ma bắt được Chăm Quý đóng</p>	Đ, P, CTC C

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>cưỡi đem về kinh sư. Ông được phong chức Nhập nội thừa phái, tước Khanh Thượng hầu, được ban họ Lê.</p> <p>Lê Văn Linh là người cứng cỏi, thẳng thắn làm quan ba đời vua Lê Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông đều được mọi người kính trọng. Khi mất Ông được triều đình truy tặng hàm Khai Phủ và ban tên thụy là Trung Hiếu.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa, ngôi trường THPT của huyện Thọ Xuân.</i></p>	
204.	Nguyễn Văn Linh	Hung Yên	<p>Nguyễn Văn Linh (1915 -1998), tên thật là Nguyễn Văn Cúc, còn gọi là Mười Cúc, quê thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, là <i>Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến 1991).</i></p> <p>Ông xuất thân trong một gia đình công chức. Ông tham gia Cách mạng từ năm 1929. Ngày 1 tháng 5 năm 1930, Nguyễn Văn Linh bị thực dân Pháp bắt, do tuyên truyền chống lại Pháp. Ông bị kết án tù chung thân và đày đi Côn Đảo. Năm 1936, Mặt trận Bình dân Pháp lên nắm quyền Ông được trả tự do. Năm 1936, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động ở Hải Phòng, Hà Nội, sau chuyển vào hoạt động tại Sài Gòn, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Sài Gòn, giữ chức Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định và giữ nhiều cương vị quan trọng khác. Tháng 12-1986 được bầu làm Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, Ông tham gia thiết kế và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; được tặng thưởng Huân chương sao Vàng.</p>	
205.	Hữu Loan	Thanh Hóa	<p>Hữu Loan (1916- 2010), tên thật là Nguyễn Hữu Loan, quê huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, là <i>nhà văn Việt Nam, đạt giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật.</i></p> <p>Ông học Thành chung ở Thanh Hóa, đậu Tú tài năm 1938, sau đó đi dạy học và tham gia Mặt trận Bình dân năm 1936, tham gia Việt Minh ở thị xã Thanh Hóa. Năm 1943, Ông về gây dựng phong trào Việt Minh ở quê và khi cuộc Cách mạng tháng Tám nổ</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>ra, Ông làm Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa huyện Nga Sơn. Sau năm 1945, Ông được cử làm Ủy viên Văn hóa trong Ủy ban hành chính lâm thời tỉnh Thanh Hóa. Kháng chiến chống Pháp Ông phục vụ trong Đại đoàn 304. Năm 1956 đến 1957 làm việc tại báo văn nghệ, tham gia phong trào Nhân Văn - Giai phẩm do nhà văn Phan Khôi chủ trương. Ông là nhà thơ nổi tiếng, tác phẩm nổi tiếng nhất là Bài thơ “Màu tím hoa sim” được sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và được lưu hành rộng rãi trong vùng kháng chiến, gây sự xúc động, đồng cảm trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Trong cuộc đời sáng tác của mình Ông đã để lại trên 60 tác phẩm thơ được nhiều độc giả tìm đọc. Ghi nhận đóng góp của Ông cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, nhà nước truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.</p>	
206.	Lê Lô	Thanh Hóa	<p>Lê Lô (?-?), quê huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Trong hàng ngũ nghĩa quân Lam Sơn có nhiều chiến sĩ là người quanh vùng Lam Sơn và các địa phương khác ở Thanh Hóa, nhiều người sau này trở thành những tướng lĩnh xuất sắc, sử sách còn ghi, nhân dân còn nhớ. Gia đình phụ đạo Lê Lai ở thôn Dựng Tú (xã Kiên Thọ, Ngọc Lặc) gồm năm cha con: Lê Lai, Lê Lãm, Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lãm đều quên mình vì nước. Lê Lai đã nêu tấm gương sáng ngợi cứu Lê Lợi và nghĩa quân thoát khỏi vòng vây của giặc ở căn cứ Chí Linh năm 1418. Lê Lô cũng đã hy sinh anh dũng trong khởi nghĩa Lam Sơn.</p>	
207.	Lê Lộ	Thanh Hóa	<p>Lê Lộ (?-?), quê Ngọc Lặc, Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Ông là con thứ hai của Lê Lai. Lê Lộ từng chỉ huy nhiều trận đánh của nghĩa quân Lam Sơn, tiêu biểu là chiến dịch ở sách Ba Lãm, ải Kinh Lộng. Những đóng góp của Lê Lộ trong chiến dịch giải phóng Nghệ An đã được Lê Lợi ghi nhận và phong thưởng xứng đáng - Lê Lộ được phong hàm Thái Bảo tháng 10 năm 1424. Lê Lộ bị trúng tên lạc và hy sinh</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			tại trận địa. Sau này khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã truy tặng Lê Lộ chức Thái úy, đến đời vua Lê Thánh Tông, Lê Lộ được truy tặng tước Chiêu quận công.	
208.	Cao Lỗ	Bắc Ninh	<p>Cao Lỗ (?-179 TCN), còn gọi là Đại Than Đô Lỗ Thạch Thân, quê làng Đại Than, huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh, là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương).</p> <p>Tương truyền thuở nhỏ nhờ chăm chỉ luyện tập nên Ông rất giỏi võ nghệ, Ông có sức khoẻ tốt, đấu vật luôn giành giải nhất trong vùng nên người địa phương còn gọi Ông là “Đô Lỗ”. Ông là người chế ra nỏ “Liên Châu”, người đời thường gọi là “Nỏ thần” và được An Dương Vương giao nhiệm vụ thiết kế và chỉ huy công trình xây thành Cổ Loa. Ông là người có công đứng ra và xây dựng thành Ốc, một kỳ công về kỹ thuật xây dựng đã giúp vua An Dương Vương đúc các loại mũi tên bằng đồng chống quân xâm lược Triệu Đà.</p>	
209.	Nguyễn Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Vĩnh Lộc (thế kỷ XV), quê gốc ở Cổ Sách (nay thuộc huyện Cẩm Thủy), Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Hành khiển Lê sơ.</p> <p>Đầu thế kỷ XV, Nguyễn Vĩnh Lộc dẫn một số Bà con vào khai thác miền Tây huyện Yên Thành (Nghệ An), lập nên hai làng Tiên Nông và Trang Niên, Ông là người có mưu cơ, có tài chỉ huy, được dân hai làng suy tôn là Tôn trưởng. Khi Lê Lợi kéo binh Lam Sơn từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Nguyễn Vĩnh Lộc đã đưa đội dân binh của mình tham gia nghĩa quân, là người có công tuyển mộ dân binh, tập luyện võ nghệ, sắm khí giới, tích trữ lương thực, ràng làng thành một căn cứ đối phó với quân Minh. Ông cùng người trong thôn chống giặc bảo vệ xóm làng, uy tín lan rộng khắp Nghệ An và có công lớn trong trận Bồ Ải. Cuối năm 1424, nghĩa quân Lam Sơn vào miền Tây Nghệ An, Ông theo Lê Lợi góp nhiều mưu kế giúp Lê Lợi giải phóng Nghệ An. Khởi nghĩa thành công, Ông được giao nhiệm vụ quản lĩnh quân ở Nghệ An, tiếp tục tổ</p>	

STT	Tên dòng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đầu
			chức khai hoang, lập thêm nhiều làng mới. Năm 1428, bàn xét công trạng, Ông được phong chức Nhập nội Hành khiển, coi việc sổ hộ quân lính nhân đinh và hộ khẩu ở Nghệ An.	
210.	Hà Thọ Lộc	Thanh Hóa	<p>Hà Thọ Lộc (? – 1599), người sách Cổ Lũng (nay thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa), là <i>phó tướng, Tư mã hàm Thái bảo</i> thời Lê Trung hưng.</p> <p>Ông cùng cha là Hà Nhân Chính theo Trịnh Kiểm chống nhà Mạc, được phong Lân quận Công. Ông cùng Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu chống Mạc, giữ vững Vạn Lại - Yên Trường, được phong phó tướng quân Dinh Hữu Hậu. Năm 1581 đánh Nguyễn Quyện (tướng nhà Mạc) ở Đường Nang (vùng đất Quảng Cát ngày nay) được phong lên chức Tư Mã. Dẹp xong Mạc, vua về kinh Ông được cử Trấn Thủ Thanh Hóa, phong Thiếu Úy. Khi mất, được truy tặng Thái Úy.</p>	
211.	Lê Lôi	Thanh Hóa	<p>Lê Lôi (? – 1442), quê ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống (nay là xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là <i>danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Xa kỵ Đồng Tổng quản kiêm Đô Tổng quản</i> dưới thời Lê sơ.</p> <p>Ngày đầu, cả ba anh em Lê Lôi đều đi gánh gạo tiếp tế cho nghĩa quân Nguyễn Chích ở căn cứ Hoàng Nghiêu, chẳng may bị sa vào tay giặc Minh, ba anh em đã lập mưu bỏ trốn đến trại Khả Lam của Lê Lợi và xin làm tôi tớ trong nhà. Biết Lê Lôi là người có dũng khí khác thường, dám mưu nghiệp lớn nên Lê Lợi cho theo sát bên mình để cùng bàn mưu tính kế.</p> <p>Ngày 2 tháng Giêng năm 1418, Lê Lôi đã có mặt trong hàng ngũ tướng lĩnh đầu tiên tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Suốt 10 năm nằm gai nếm mật cùng Lê Lợi, Lê Lôi đã tỏ ra là một tướng tài, dũng cảm, xông pha nhiều trận lớn, nhỏ. Lập được nhiều chiến công trong các trận đánh ở Mường Chính, Lạc Thủy, Tốt Động, Chúc Động... Cuộc kháng chiến chống Minh xâm lược thắng lợi, Ông được phong Ngăn</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thanh quang lộc đại phu Tả Xa Kỵ Đại Tướng quân, Quan nội hầu giữ chức Tuyên phủ sứ Thái Nguyên, Năm 1442, Lê Lôi được phong làm Xa kỵ đồng Tổng quản kiêm đô Tổng quản các phủ lộ Thanh Hóa, được ban cấp đất lộc điền ở Hoàng Sơn. Sau khi mất được vua Lê Thánh Tông phong tặng An Châu Bá, nhân dân lập đền thờ ghi nhớ công lao công lao của ông.	
212.	Trương Lôi	Thanh Hóa	<p>Trương Lôi (? – 1462), người thôn Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn</p> <p>Ông được ban quốc tính họ vua, tham gia nhiều trận đánh lớn đặc biệt là trận Tốt Động - Chúc Động, mai phục ở Chi Lăng.... Sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi, Trương Lôi được xếp thứ 11 trong hạng công thần đệ nhất từng có mặt từ hội thề Lũng Nhai, được ban hàm Suy Trung tán, Hiệp mưu bảo chính công thần, Thái phó tham triều hầu được phong tước Huyện hầu. Khi mất được phong tặng Thái phó mục quận công.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường ở huyện Thường Xuân.</i></p>	Đ
213.	Lê Lộng	Thanh Hóa	<p>Lê Lộng (1396 – 1485), quê ở làng Phú Lâm xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đô đốc Bình chương sự, Dụ kỵ Phó tướng quân dưới thời Lê sơ.</p> <p>Lê Lộng tham gia vào khởi nghĩa Lam Sơn từ những buổi đầu. Ông là võ tướng mưu trí, gan dạ, biết quyền biến trong chiến trận. Trong suốt 10 năm nếm mật nằm gai cùng nghĩa quân Lam Sơn. Lê Lộng đã tỏ rõ là vị tướng tài dũng cảm, tiên phong trong các trận đánh quan trọng và lập nhiều công lớn như trận Lạc Thủy, Mùng Thôi, Bồ Thị Lang, Đèo Ông, Tốt Động, Ninh Kiều. Sau thắng lợi, Ông được ban tước Khang vũ hầu Kiệt tiết tuyên lực công thần, Ngân thanh vinh lộc đại phu, Tả xa kỵ vệ Đại tướng quân, Khai nội phủ đô đốc. Dưới thời vua Lê Thái Tông Ông giữ chức</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			Tuyên úy sứ Lạng Sơn, thời vua Thánh Tông Ông được tấn phong lên chức Đô Đốc Bình chương sự. Khi mất Ông được truy tặng Thái úy Khang quốc công, ban phong Thượng đẳng phúc thần.	
214.	Lê Lợi - Lê Thái Tổ	Thanh Hóa	<p>Lê Lợi - Lê Thái Tổ (1385 -1433), quê ở Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Anh hùng dân tộc, vua sáng lập ra nhà Hậu Lê.</p> <p>Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 người bạn thân tín nhất, cùng tâm huyết và chí hướng, làm lễ kết nghĩa anh em, nguyện sống chết "<i>Chung sức đồng lòng chống giữ địa phương để trông coi được yên</i>". Đó là hội thề Lũng Nhai, đặt cơ sở cho sự hình thành một tổ chức lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</p> <p>Đầu năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Lam Sơn, Ông là người lãnh đạo cao nhất, là chủ soái của quân khởi nghĩa Lam Sơn. Với tài nghệ của mình, Lê Lợi đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trải qua 10 năm chiến đấu gian khổ, khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trên quy mô cả nước và đi đến toàn thắng vào cuối năm 1427. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, mở đầu cho một triều đại trên 300 năm của nhà Hậu Lê.</p> <p>Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Lê Lợi đã có những cố gắng không nhỏ về nội trị, ngoại giao, nhằm phục hồi, củng cố, phát triển đất nước, Ông đặc biệt chú ý tới việc phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo nhân tài, tăng cường củng cố, giữ vững nền độc lập, thống nhất đất nước.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố và ngôi trường THCS ở TP. Thanh Hóa, ngôi trường THPT của huyện Thọ Xuân.</i></p>	Đ, P, CTCC
215.	Lưu Trọng Lư	Quảng Bình	<p>Lưu Trọng Lư (1912- 1991), quê huyện Quảng Bình, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam, Tổng thư ký Hội nghệ sỹ sân khấu Việt Nam.</p> <p>Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại xuất thân Nho học. Thuở nhỏ, Ông học trường tỉnh, rồi học</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>ở Huế (đến năm thứ ba tại trường Quốc học Huế) và Hà Nội. Sau đó, Ông bỏ học đi dạy tư, làm văn và làm báo để kiếm sống. Năm 1932, Ông là một trong những nhà thơ khởi xướng và tích cực cổ vũ cho Phong trào Thơ mới. Năm 1941, Ông và thơ Ông được Hoài Thanh và Hoài Chân giới thiệu trong quyển <i>Thi nhân Việt Nam</i>. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), Ông tham gia Văn hóa cứu quốc ở Huế. Những năm kháng chiến chống Pháp, Ông tham gia hoạt động tuyên truyền, văn nghệ ở Bình Trị Thiên và Liên khu IV. Sau 1954, Ông công tác ở Bộ Văn hóa và làm Tổng Thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Năm 1957, Ông là hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Năm 1991, Lưu Trọng Lư mất tại Hà Nội. Ông đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.</p>	
216.	Thế Lữ	Hà Nội	<p>Thế Lữ (1907- 1989), tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê Hà Nội, là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu Việt Nam.</p> <p>Thế Lữ nổi danh trên văn đàn vào những năm 1930, với những tác phẩm Thơ mới, đặc biệt là bài Nhớ rừng, cùng những tác phẩm văn xuôi, tiêu biểu là tập truyện Vàng và máu (1934). Trở thành thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn kể từ khi mới thành lập (1934), Ông hầu hết hoạt động sáng tác văn chương trong thời gian là thành viên của nhóm, đồng thời cũng đảm nhận vai trò một nhà báo, nhà phê bình, biên tập viên mẫn cán của các tờ báo Phong hóa và Ngày nay.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
217.	Trịnh Thị Ngọc Lữ	Thanh Hóa	<p>Trịnh Thị Ngọc Lữ (?-?), quê xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Là vợ của Lê Lợi, được phong là Thần phi, giúp Lê Lợi trong việc lo toan chuẩn bị hậu cần, tiếp đãi tân khách, tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dưới ngọn cờ khởi nghĩa do Lê Lợi khởi xướng. Bà đã bị giặc Minh bắt cùng người con gái đưa về Tây Đô và bị hành hình.</p> <p><i>Tên Bà đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P

STT	Tên ông	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
218.	Chu Văn Lương	Thanh Hóa	<p>Chu Văn Lương (1233 - 1293), quê Ông ở phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có công trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần hai (1285) và lần ba (1287 - 1288), được phong chức Liệt hầu Đồng binh chương sự thời Trần.</p> <p>Ông từng tham gia Hội nghị Diên Hồng do Thượng Hoàng Trần Thánh Tông triệu tập tháng 12 năm Giáp Thân (1284). Ông tập hợp trai tướng khỏe mạnh, thạo sông nước, luyện tập, lên đường ra Bắc phối hợp quân đội nhà Trần đánh giặc.</p> <p>Năm 1285, Ông chỉ huy nhiều trận đánh giặc Nguyên - Mông xâm lược, Ông có mặt và lập nhiều chiến công trong cả 2 lần kháng chiến chống Nguyên - Mông lần hai (1285) và lần ba (1287 - 1288). Khi về già, Ông trở về Nam Ngạn tiếp tục dạy học rồi mất năm 1293. Sau khi Ông mất, vua Trần Nhân Tông phong sắc có nội dung: <i>Thượng đẳng phúc thần, gia phong Thượng thượng đẳng thành hoàng làng Nam Ngạn.</i></p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
219.	Lê Lương	Thanh Hóa	<p>Lê Lương (?-?), người Kẻ Rị, tức Giáp Bồi Lý thời Lý Trần, nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Trần quốc Bộc xạ tướng công</i> dưới thời Đinh - Tiền Lê.</p> <p>Lê Lương là một hào phú nổi tiếng bảo trợ cho cả làng Kẻ Rị xưa. Ông được thừa hưởng gia sản lớn của tổ tiên lại là người chăm chỉ nên gia thế họ Lê ở đất Bồi Lý ngày một cường thịnh. Năm 968 Đinh Tiên Hoàng đã xuống chiếu mời Lê Lương về kinh, phong tước Kim tử Quang Lộc Đại phu cho làm Đô dịch sứ quận Cửu Chân - Châu Ái sắc phong cho Ông được cai quản vùng đất rộng lớn. Dưới triều Tiền Lê, Ông giúp vua mở mang tạo dựng làng mạc ruộng đồng vùng châu quận, đóng góp vào sự nghiệp chống Tống, Ông được phong làm Trần Quốc Bộc xạ Tướng công trông coi việc quân lương triều đình. Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Ông còn bỏ tiền ra thuê</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			thợ xây dựng 3 ngôi chùa lớn ở Kẻ Rỵ: Chùa Hương Nghiêm, Trinh Nghiêm, Minh Nghiêm nhằm mở mang phát triển Phật giáo. Hiện nay, Ông được thờ trong nhà thờ Lê Văn Hưu (xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	
220.	Ngô Chân Lưu	Thanh Hóa	<p>Ngô Chân Lưu (933- 1011), còn có tên gọi khác là Khuông Việt đại sư, quê huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, là <i>Khuông Việt đại sư, giữ chức Tăng thống thời nhà Đinh - Tiền Lê.</i></p> <p>Lúc nhỏ học chữ Nho, lớn lên đi tu, là học trò của Vân Phong ở chùa Khai Quốc (Đại La) thuộc thế hệ thứ tư dòng thiền Quang Bích. Thiền sư còn giỏi việc đời, Ông nổi tiếng tinh thông. Năm 971, được vua Đinh Tiên Hoàng ban cho tước hiệu Khuông Việt đại sư (vị sư Khuông phò nước Việt), coi trọng như Quốc sư. Năm 968, Ông và sư Pháp Thuận được vua cử đi giao thiệp vì sứ Tống là Lý Giác. Ông mất ngày 15/2 năm Tân Hợi (1011), thọ 78 tuổi. Ông là nhà tu hành đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam gắn liền Đạo với đời. Đặt nền móng cho Phật giáo, trở thành Quốc giáo ở Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại huyện Tĩnh Gia.</i></p>	Đ
221.	Phan Đăng Lưu	Nghệ An	<p>Phan Đăng Lưu (1901-1941), quê xã Trảng Thành (nay là Hoa Thành), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động Cách mạng nổi tiếng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1937); Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1938).</p> <p>Ông nổi tiếng là người học giỏi thông minh, cuối năm 1926, Ông được các Ông Trần Văn Cung, Võ Mai, thành viên vừa dự lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu về nước, liên lạc tuyên truyền Cách mạng và phát triển tổ chức, được bầu làm Ủy viên thường vụ, phụ trách tuyên huấn (1928) rồi sang Quảng Châu liên lạc với Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội để bàn việc hợp nhất.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đạt
			<p>Năm 1930, bị bắt ở Hải Phòng, Pháp kết án 3 năm khổ sai đày đi Buôn Ma Thuật, ở tù làm binh vãn. Năm 1936, bị quản thúc tại Huế vẫn tham gia phong trào Đông Dương đại hội, lãnh đạo các báo Sông Hương, Dân, viết sách lý luận chính trị. Năm 1939 được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 11/1940, Ông vào Nam Kỳ truyền đạt chỉ thị hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ nhưng không kịp và bị Pháp bắt, kết án tử hình. Ông hy sinh cùng các đồng chí lãnh đạo Nam Kỳ khởi nghĩa tại Bà Điểm (Gia Định) ngày 26/8/1941.</p>	
222.	Trần Lựu	Thanh Hóa	<p>Trần Lựu (?-?), quê ở làng Đàm Thi, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tổng tri Bắc đạo dưới thời Lê sơ.</p> <p>Ông chỉ huy quân Thiết đột hoạt động ở Nghệ An, nổi tiếng trong nhiều trận đánh lớn nên được ban theo họ vua gọi là Lê Lựu.</p> <p>Đặc biệt là trận ở ải Chi Lăng, Ông chỉ huy đội quân Thiết đột giết được tướng giặc và tiêu diệt gần một vạn tên địch. Sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Ông được cử làm Tổng tri bắc đạo (Lạng Sơn – Bắc Giang- Thái Nguyên), Trần Lựu thật xứng đáng là khai quốc công thần, phong là Trần Viễn Đại Tướng Quân. Khi mất, Ông được truy phong Trung Dũng Hầu.</p>	
223.	Hò Quý Ly	Thanh Hóa	<p>Hò Quý Ly (1336 - 1407), quê huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua đầu tiên của nhà Hồ.</p> <p>Tổ tiên là Hò Hung Dật ở Diễn Châu, Nghệ An, cháu đời thứ 11 của Hung Dật, là trại chủ, có quan hệ với Tuyên úy Lê Huấn ở Hương Đại Lại (Hà Trung), do đó, cho con trai là Hò Liêm ra làm con nuôi Lê Huấn, đổi ra họ Lê. Quý Ly là cháu 4 đời của Lê Liêm, Ông là người văn võ toàn tài, do có hai người cô ruột lấy vua Trần, Ông dần trở thành người có thế lực trong Triều. Năm 1370 làm khu mật viện đại sứ, năm 1375 giữ chức tham mưu quân sự, lãnh ấn "Nguyên nhung Hải Tây</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>thông chế", năm 1395 Nghệ Tông băng hà, Trần Thuận Tông (con rể Hồ Quý Ly) lên ngôi, cho Ông làm nhập nội phụ chính thái sư, bình chương quân quốc trọng sự đương toàn quyền tổ chức, chỉ đạo chính quyền. Do vậy, nhà Trần chỉ còn trên danh nghĩa.</p> <p>Ông tiến hành một loạt cải cách tiến bộ về kinh tế, giáo dục thi cử. Ông cho xây Thành Nhà Hồ. Ngày 28/2/1400, lên ngôi Vua, đặt niên hiệu Thánh Nguyên, Quốc hiệu là Đại Ngu, đổi họ thành họ Hồ.</p> <p><i>Tên Ông được dùng đặt tên một con đường tại Thị xã Bim Sơn.</i></p>	
224.	Lê Lý	Thanh Hóa	<p>Lê Lý (? - 1443), hay còn gọi là Nguyễn Lý, là người thôn Dao Xá, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Kiểm hiệu Tư mã dưới thời Lê sơ.</p> <p>Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ ngày đầu. Năm 1416, Ông tham dự Hội thề Lũng Nhai. Tháng 5 năm 1418, Lê Lợi phải lui toàn quân về Lạc Thủy. Tướng Minh là Mã Kỳ mang quân đuổi đánh. Ông cùng Lê Thạch, Đinh Bồ, Lê Ngân được lệnh mang quân mai phục đánh địch. Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư, trận đó Ông chém 3000 quân địch và thu được nhiều quân khí. Năm 1420, Ông cùng các tướng Lam Sơn chống lại một đợt tấn công mạnh của quân Minh vào Mường Thôi. Ông cùng Lý Triện, Phạm Vấn được lệnh mang quân mai phục ở xứ Bồ Mộng, đánh cho quân Minh bị tổn thất nhiều. Sau đó trong các trận đánh ở Khả Lưu, Nghệ An, Ông đều tham gia lập công và được Lê Lợi phong làm Thái úy.</p> <p>Tháng 8 năm 1427, Ông cùng Trần Nguyên Hãn trở lại công phá Xương Giang và đến tháng 9 Âm lịch thì phá được thành. Cũng trong tháng 9 năm 1427, Lê Sát đã chém được Liễu Thăng ở Chi Lăng nhưng quân Minh vẫn đông và mạnh. Nguyễn Lý được lệnh cùng Lê Văn An mang 3 vạn quân lên tiếp ứng cho Lê Sát, giết được tướng Minh là Lương Minh. Tháng 10 Âm lịch, Ông</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tên trong lịch sử	Đã xếp
			<p>cùng các tướng Lam Sơn tổng tấn công giết và bắt sống toàn bộ số quân Minh còn lại của đạo viện binh dưới quyền Thôi Tự. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở huyện Thường Xuân.</i></p>	
225.	Minh Mạng	Thanh Hóa	<p>Minh Mạng (1791 - 1840), tên húy là Nguyễn Phúc Đảm, quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Giang, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị vua thứ hai của triều Nguyễn, là nhà cải cách vĩ đại của triều Nguyễn.</p> <p>Minh Mạng là con thứ của vua Gia Long và Bà Trần Thị Dương. Năm 1820, vua Gia Long mất, Hoàng tử Đảm lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Minh Mạng. Vua Minh Mạng có tư chất thông minh, hiểu học và quyết đoán.</p> <p>Trong suốt 21 năm trị vì, vua Minh Mạng đã đề xuất hàng loạt các cải cách từ nội trị đến ngoại giao. Bên cạnh là nhà chính trị giỏi, vua Minh Mạng cũng từng sáng tác thơ, soạn sách văn học...</p> <p>Năm 1840, vua Minh Mạng mất, ở ngôi 21 năm, miếu hiệu là Thánh tổ Hoàng đế.</p>	
226.	Phạm Sư Mạnh	Hải Dương	<p>Phạm Sư Mạnh (Thế kỷ XIV), tên thật là Phạm Độ, tự Nghĩa Phu, hiệu Úy Trai, biệt hiệu Hiệp Thạch, quê làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn (nay là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương), là danh sĩ và là quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) đời vua Trần Minh Tông, được vua đổi tên là Phạm Sư Mạnh. Năm 1323, Ông bắt đầu làm quan cho nhà Trần. Năm 1323, Ông bắt đầu làm quan cho nhà Trần, trải ba triều vua Trần là: Minh Tông, Hiến Tông và Dụ Tông. Đến năm 1345 đời Trần Dụ Tông, có sứ nhà Nguyên sang hỏi về việc "đồng trụ" (cột đồng) thời Hai Bà Trưng; Ông được cử đi sứ sang đây để biện luận. Về nước, Ông lần lượt được cử làm: Chương bạ thư kiêm khu mật tham chính (1346). Nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự (1358), Hành khiển tả tư lang trung</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>(1359), Tri khu mật viện sự (1362), rồi thăng lên chức Nhập nội nạp ngôn...</p> <p>Phạm Sư Mạnh là học trò giỏi của nhà giáo Chu Văn An, nổi tiếng ngang với Lê Quát, ngoài việc làm quan Ông còn sáng tác, Ông để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị như <i>Hiệp Thạch tập (Tập thơ Hiệp Thạch)</i>, viết bằng chữ Hán, bài <i>Sùng Hưng tự Vân Lỗi sơn Đại Bi nham ký</i> và 33 bài được chép rải rác trong <i>Toàn Việt thi lục, Việt âm thi tập, Tinh tuyển chư gia luật thi, Trích Diễm thi tập.</i></p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	
227.	Hà Văn Mao	Thanh Hóa	<p>Hà Văn Mao (?- 1887), quê ở xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Cái tổng thời nhà Nguyễn, lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.</i></p> <p>Tùng giữ chức Cai tổng Điền Lư. Năm 1885 khi thực dân Pháp mở rộng chiến trường ra Thanh Hóa. Ông đã kêu gọi tập hợp nghĩa binh và trở thành thủ lĩnh khởi nghĩa.</p> <p>Đến năm 1886, đáp lời kêu gọi “Phụng chiếu Cần Vương đánh Pháp” Ông tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động trong đợt gặp Tôn Thất Thuyết (nhà lãnh đạo phe kháng chiến trong triều đình Huế) và những người cầm đầu phong trào ở Thanh Hóa, Ông được phong chức “Tán lý quân vụ” phụ trách phong trào ở miền núi. Do tài cầm quân, Hà Văn Mao luôn phối hợp với các đội nghĩa binh trong tỉnh, phối hợp với các lãnh tụ của phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa và góp phần đưa Thanh Hóa trở thành một ngọn cờ, một địa phương có phong trào chống Pháp khá mạnh trong cả nước. Góp phần quan trọng làm lung lay nền thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa và TP. Sầm Sơn, tên con đường TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
228.	Đặng Thai Mai	Nghệ An	<p>Đặng Thai Mai (1902-1984), còn có tên là Đặng Thái Mai và những bút danh Thanh Tuyền, Thanh Bình, quê tại làng Lương Điền (nay là Thanh Xuân),</p>	P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Chức vụ
			<p>huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, là <i>Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa</i>.</p> <p>Ông là giáo sư, nhà giáo, nhà văn, nhà phê bình văn học Việt Nam. Trước dạy ở trường Quốc Học (Huế), sau ra Hà Nội mở trường Thăng Long, lập Hội truyền bá quốc ngữ, viết báo công khai của Đảng. Sau Cách mạng tháng Tám, Ông làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục, đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Văn học, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Ông là nhà nghiên cứu văn học, sử học, triết học. Ông là Chủ tịch UB kháng chiến đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa năm 1947. ... Cuộc đời công tác của ông đã để lại nhiều tác phẩm giá trị, Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa; đặt tên ngôi trường PTTN của huyện Quảng Xương.</i></p>	
229.	Tào Mạt	Hà Nội	<p>NSND Tào Mạt (1930-1993), quê xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc tp Hà Nội), <i>được mệnh danh là “vua chèo đất Bắc”, nhà soạn kịch hiện đại Việt Nam.</i></p> <p>Ông tham gia các hoạt động Cách mạng do Việt Minh tổ chức từ 1942, khi còn rất ít tuổi, tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở Hà Tây và là Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1946, khi mới 16 tuổi. Tào Mạt đặc biệt yêu thích văn học Hán-Nôm và chủ yếu tự học để nghiên cứu. Ông là sỹ quân Quân đội Nhân dân Việt Nam, mang quân hàm Đại tá.</p> <p>Tào Mạt sáng tác nhiều, những lời thoại, lời hát chèo của Ông chân quê, mộc mạc, hóm hỉnh. Nhân vật của Tào Mạt cũng đậm chất nông dân, chất lính. Tào Mạt đặc biệt yêu thích văn học Hán - Nôm và tự học để nghiên cứu. Cuộc đời của Ông đã gắn bó với nghệ thuật chèo. Ông tâm huyết với nền nghệ thuật dân gian truyền thống của dân tộc và thổi hồn thời đại vào trong từng vở diễn. Các tác phẩm của Ông kết hợp nhuần</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>nhuyễn giữa phương pháp hiện thực với yếu tố dân gian. Trên cơ sở các làn điệu chèo truyền thống, Ông sáng tạo ra những làn điệu mới để chuyển tải một cách hiện đại hơn nội dung tư tưởng. Ông cũng là người góp phần đào tạo đội ngũ nghệ nhân chèo. Trong cuộc đời sáng tác của Ông, Ông để lại khoảng 20 kịch bản chủ yếu là chèo, ngoài ra còn sáng tác thơ chữ Hán. Tào Mạt được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 (năm 1996) văn nghệ thuật sân khấu.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
230.	Lê Duy Mật	Thanh Hóa	<p>Lê Duy Mật (1738- 1770), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa nông dân (khởi nghĩa Lê Duy Mật) chống lại chúa Trịnh vào giữa thế kỷ XVIII.</p> <p>Căn cứ đầu tiên của Lê Duy Mật ở Thanh Hóa là huyện Thạch Thành ngày nay. Tại đây, Lê Duy Mật đã cho xây dựng dinh lũy tại xã Ngọc Lặc. Ông xưng là Thiên Nam Đế Tử. Một guồng máy chỉ huy khởi nghĩa nhanh chóng được tổ chức. Tháng 9/1761 Ông cho quân tấn công ra bắc lần thứ hai, đánh đến tận Hưng Hóa và Sơn Tây. Khoảng giữa năm 1762, Lê Duy Mật bất ngờ đưa quân tiến ra Lôi Dương (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), đánh bại quân đội của chúa Trịnh đóng ở Bái Thượng. Năm 1769, sau nhiều trận đánh, Lê Duy Mật biến toàn bộ những vùng đất mới chiếm được ở Nghệ An thành căn cứ mới của mình. Thanh thế Duy Mật lên cao, khối đoàn kết chống tập đoàn họ Trịnh ngày càng được mở rộng. Sau khi bị con rể, cũng là tướng tâm phúc là Lại Thế Thiều làm phản ngầm sai đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành cho quân Trịnh tràn vào. Lê Duy Mật biết rõ biến loạn đã bắt đầu ngay từ trong nhà mình, vì thế Ông tụ tập tất cả vợ con lại rồi phóng hỏa tự thiêu. Năm đó là năm 1770.</p>	
231.	Hồ Tùng Mậu	Nghệ An	<p>Hồ Tùng Mậu (1896-1951), tên thật là Hồ Bá Cự, quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ</p>	Đ

STT	Tên danh	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>An, là một nhà hoạt động Cách mạng và chính khách Việt Nam. Ông từng Đảng viên của cả Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Thanh tra Ban Thanh tra Chính phủ.</p> <p>Ông tham gia Cách mạng từ sớm, hoạt động ở Lào, Thái Lan, Trung Quốc. Năm 1926 vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia khởi nghĩa Quảng Châu, bị bắt ba lần, năm 1930 tham gia Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản. Năm 1931 bị bắt giải về nước giam ở Tây Nguyên. Ông vượt trại về hoạt động ở miền Trung là một nhà hoạt động Cách mạng và chính khách Việt Nam.</p> <p>Ông từng là Đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, Ông đã giữ các chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính và Bí thư liên khu ủy Liên khu IV, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II. Ông hy sinh trên đường đi công tác ở Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
232.	Lê Văn Miến	Nghệ An	<p>Lê Văn Miến (1873 – 1943) còn có tên gọi là Lê Huy Miến quê làng Kim Khê, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là người Việt Nam đầu tiên sáng tác tranh sơn dầu, Ông là Ông tổ nghệ tranh sơn dầu Việt Nam.</p> <p>Ông học tại Pháp (1888), cùng với các Ông Hoàng Trọng Phu, Thân Trọng Huề. Học xong, các bạn Ông về nước làm quan, Ông vẫn ở lại Pháp, chuyển sang học trường Mỹ thuật Paris từ 1891 đến 1895. Ông đã tiếp nhận được những kiến thức hội họa hiện đại, tiếp cận được với các trào lưu cổ điển, hiện thực, ấn tượng, lãng mạn v.v... Nhưng riêng Ông vẫn có ý thức riêng về nghệ thuật hội họa truyền thống. Cũng như tiếp thu được văn hoá văn minh Pháp, Ông càng khẳng định thêm lập trường dân tộc, chống thực dân của mình.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Tác phẩm của Ông còn lại một số bức như Chân dung cụ Tú Mèn (1897) và Bình văn (1898) lưu ở Viện Bảo tàng Mỹ thuật. Bức Chân dung Đào Tấn được lưu ở nhà kỷ niệm Đào Tấn tại Bình Định.	
233.	Lưu Miễn	Thanh Hóa	<p>Lưu Miễn (Thế kỉ XIII), quê ở xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người đỗ đệ nhất giáp kỳ thi Thái học sinh năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 8.</p> <p>Ông đỗ đệ nhất giáp kỳ thi Thái học sinh năm 1239, đời Trần Thái Tông. Là người có nhiều công lao và kinh nghiệm trị thủy, tài năng tổ chức, đốc thúc công việc khai khẩn điền địa và phòng hộ đê điều. Năm 1255 được vua sai bồi đắp các sông xứ Thanh Hóa do có nhiều công trạng, Ông được thăng đến chức Tả tư Mã.</p>	
234.	- Hồ Chí Minh - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Sinh Cung	Nghệ An	<p>Hồ Chí Minh (1890 -1969), tên là Nguyễn Sinh Cung, còn có tên là Nguyễn Tất Thành và nhiều tên gọi khác, quê làng Kim Liên, nay là xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là người sáng lập ĐCSVN, khai sinh nước VNDCCH, Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất”</p> <p>Nguyễn Tất Thành là con trai thứ hai của cụ Nguyễn Sinh Sắc và Bà Hoàng Thị Loan, sớm giác ngộ Cách mạng, Ông tham gia Cách mạng từ rất trẻ, Ông là nhà Cách mạng lớn và trở thành người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một trong những người đặt nền móng và lãnh đạo công cuộc đấu tranh giành độc lập, toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam trong thế kỷ XX, một chiến sĩ Cộng sản quốc tế.</p> <p>Ông là người viết và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong thời gian 1945- 1969, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong thời gian 1951- 1969. Hồ Chí Minh là hiện thân cho sự đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, đồng thời</p>	

STT	Tên Jung	Quê quán	Sự nghiệp lý lịch	Đặc
			<p>cũng là hiện thân của sự đoàn kết các dân tộc bị áp bức trên thế giới.</p> <p>Hồ Chí Minh là nhà chính trị, ngoại giao xuất sắc, là nhà văn hóa lớn, được UNESCO tôn vinh là Danh nhân văn hóa Thế giới, Vĩ nhân của Thế giới.</p>	
235.	Đào Cam Mộc	Thanh Hóa	<p>Đào Cam Mộc (?-1015), quê xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Đại thần của nhà Tiền Lê, công thần khai quốc nhà Lý, được phong tước Nghĩa Tín hầu.</i></p> <p>Đào Cam Mộc là Danh nhân sống vào cuối thời nhà Tiền Lê, đầu nhà Lý. Ông là người thông minh, có sức khỏe hơn người lại có chí lớn. Làm quan Chi hậu nhà Tiền Lê. Khi vua Lê Ngọa Triều mất, Ông và thiền sư Vạn Hạnh cùng với các quan Trần Cảo, Đào Thạc Phụ suy tôn và nhất tề đưa quan Thân vệ Lý Công Uẩn lên ngôi báu, lập ra nhà Lý. Ông không chỉ có công đầu đưa Lý Công Uẩn lên làm vua mà còn là người chỉ đạo cuộc dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Ông được vua Lý Thái Tổ gả con gái đầu là công chúa An Quốc và phong tước Nghĩa Tín Hầu. Ông mất tại Cổ Loa, được vua Lý truy tặng chức Thái sư Á vương.</p>	
236.	Tú Mỡ	Hà Nội	<p>Tú Mỡ (1900-1976), tên thật là Hồ Trọng Hiếu, quê phố hàng Hòm, Hà Nội, là <i>một nhà thơ trào phúng Việt Nam.</i></p> <p>Năm 14 tuổi (1914), Ông đỗ đầu bằng sơ học Pháp - Việt, nên năm sau được vào học tại trường Bưởi, chung với Hoàng Ngọc Phách. Năm 16 tuổi (1916), Ông bắt đầu làm thơ. Trong <i>Hồi ký</i>, Ông kể lại: "... tôi quyết tâm học làm thơ. Năm 1926, Ông bắt đầu có thơ đăng trên <i>Việt Nam thanh niên tạp chí, Tứ dân tạp chí</i>. Sau khi gặp gỡ Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), được nhà văn này phát hiện năng khiếu làm thơ trào phúng của Ông, năm 1932, Tú Mỡ tham gia Tự Lực văn đoàn, rồi được cử phụ trách mục <i>Giòng nước ngược</i> trên tờ <i>Phong Hóa</i>, một tờ báo chuyên về văn chương, hài hước và trào phúng của bút nhóm này. Tháng 12 năm 1946, chiến tranh Việt-Pháp bùng</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>nỗ, Tú Mỡ lên chiến khu, tham gia kháng chiến bằng ngòi bút trào phúng sở trường quen thuộc, sau 1954 Ông tiếp tục sáng tác phục vụ cuộc đấu tranh trong giai đoạn mới Trong cuộc đời sáng tác của mình, Ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị như: Nụ cười kháng chiến, Dòng nước ngược, Tấm Cám (chèo), Anh hùng vô tân, Thơ Tú Mỡ...</p> <p>Với gần nửa thế kỷ cầm bút bền bỉ, Ông đã có những đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của thơ ca, đặc biệt về mặt thơ trào phúng ... Năm 2000, Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt II.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
237.	Dương Vân Nga	Thanh Hóa	<p>Dương Vân Nga (952-1000), quê Thanh Hóa, là Hoàng hậu của nhà Đinh và nhà Tiền Lê, có công cùng cố triều chính, phát triển đất nước.</p> <p>Đại Thắng Minh Hoàng hậu là con gái Dương Tam Kha, đã sử gọi Dương Vân Nga là Hoàng hậu của 2 vị Hoàng đế thời kỳ đầu lập quốc trong Lịch sử Việt Nam là Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Bà đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chuyển giao quyền lực từ nhà Đinh sang nhà Tiền Lê. Khi người con trai của Bà với Đinh Tiên Hoàng tên Đinh Toàn lên kế vị còn nhỏ tuổi, Bà trở thành Hoàng Thái hậu nhiếp chính. Trong tình thế khó khăn của Hoàng đế con trai mình, Bà đã chủ động nhường ngôi Hoàng đế cho Phó vương Thập Đạo tướng quân Lê Hoàn, lập nhà Tiền Lê. Sau khi lên ngôi, Đại Hành Hoàng đế lập Dương Vân Nga làm 1 trong các Hoàng hậu của Ông, tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng hậu.</p> <p><i>Tên Bà đã đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
238.	Dương Đình Nghệ	Thanh Hóa	<p>Dương Đình Nghệ (?-937), quê ở làng Giàng, Thiệu Dương, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất (931), giành quyền tự chủ cho đất nước, rồi tự xưng là Tiết độ sứ.</p> <p>Tháng 3 năm 931, Dương Đình Nghệ ra quân từ</p>	Đ

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lịch	Đ
			<p>Ái châu, đánh đuổi thứ sử Lý Tiên của nước Nam Hán. Lý Tiên bỏ chạy, Lý Khắc Chính giữ thành bị giết, Dương Đình Nghệ giải phóng thành Đại La. Lưu Cung sai Trần Bảo mang quân sang tiếp viện. Dương Đình Nghệ chủ động mở cửa thành nghênh đón địch, tiêu diệt viện binh Nam Hán, chém chết Trần Bảo. Sau đó Ông tự xưng làm Tiết độ sứ. Tháng 4 năm 937, Ông bị Kiều Công Tiễn, hào trưởng Phong Châu, một tướng dưới quyền Ông, giết hại để cướp quyền.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn</i></p>	
239.	Hàm Nghi	Thanh Hóa	<p>Hàm Nghi (1871-1943), quê Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua thứ 8 của Triều Nguyễn.</p> <p>Chính tên là Ưng Lịch, lên ngôi vua triều Nguyễn lúc 13 tuổi. Ông là vị vua yêu nước chống Pháp, có khí tiết và trọng danh dự dân tộc. Ông theo phe kháng chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu, tấn công các căn cứ của Pháp ở Huế nhưng thất bại. Nhà vua rời kinh thành ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương phát động toàn dân chiến đấu. Sau khi bị bắt, bị đày sang An-giê-ri thuộc Pháp, Ông sống ở An-giê-ri 47 năm với nỗi đau của vị vua mất nước. Nhà yêu nước lớn, Ông đã gia chiếu Cần Vương ở Thanh Hóa "Nếu được giải phóng sẽ đóng đô ở Thanh Hóa".</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ
240.	Nguyễn Văn Nghi	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Văn Nghi (1526- 1595), quê xã Đông hành, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Năm 20 tuổi đỗ Tiến sỹ đệ nhất giáp năm 1554 đời Lê Trung Tông "Ông là bậc danh nho đỗ cao, được ba vua trị ngộ, đức nghiệp và tiếng tăm hơn cả các nho thần đầu đời Trung hưng..." (Phan Huy Chú). Đền thờ Ông được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử Văn hóa Quốc gia.</p>	
241.	Lê Thanh Nghi	Hải Dương	<p>Lê Thanh Nghi (1911-1989), tên thật là Nguyễn Khắc Xứng, hay Nguyễn Văn Xứng, quê ở làng Thượng</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Cốc, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, là một chính khách Việt Nam, Phó Thủ tướng của Việt Nam từ năm 1960 đến 1980, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước (1982-1986).</p> <p>Năm 1928, Ông bắt đầu tham gia hoạt động Cách mạng, năm 1929 gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1930, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 5 năm 1930, Ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam tại nhà tù Hải Phòng, sau đó bị tuyên án tù chung thân và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ra tù, được cử vào Thành ủy Hà Nội công tác ở Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1940 lại bị bắt đày đi Sơn La. Đầu năm 1945 Ông ra tù, tiếp tục hoạt động và tham gia Thường vụ Xứ ủy, Ủy ban quân sự Cách mạng Bắc Kỳ, chỉ đạo chiến khu II. Sau Ông đảm nhận chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VI.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
242.	Nguyễn Chế Nghĩa	Hải Dương	<p>Nguyễn Chế Nghĩa (?-?), quê ở xã Cối Xuyên, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là thôn Hội Xuyên, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương), là một tướng lĩnh thời nhà Trần.</p> <p>Ông là người có sức khỏe lạ thường, thiên văn, binh pháp đều tinh thông, lại thích ngâm vịnh và làm thơ. Thời còn trẻ Ông đầu quân dưới trướng Phạm Ngũ Lão, tham gia đánh thắng quân nhà Nguyên ở ải Chi Lăng. Ra trận, Ông "cưỡi ngựa, cầm giáo xông vào giữa đám quân giặc, đánh đâu thắng đấy. Chẳng ai địch nổi; chúng sợ gọi Ông là thần tướng. Khi giặc dẹp xong, Ông được cử làm Khổng Bắc đại tướng quân, tước Nghĩa Xuyên công, ở lại trấn thủ Lạng Sơn sáu năm, lập được nhiều công, danh tiếng ngang với Phạm Ngũ Lão".</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP.</i></p>	P

STT	Tên long	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã
			<i>Thanh Hóa.</i>	
243.	Trần Đại Nghĩa	Vĩnh Long	<p>Trần Đại Nghĩa (1913–1997), tên thật Phạm Quang Lễ, quê xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, là một kỹ sư quân sự, một nhà khoa học lớn, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, cha đẻ của ngành Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.</p> <p>Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa học ở Pháp, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, tình nguyện về nước tham gia kháng chiến, được phong Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Quân giới, sáng chế ra súng không giật SKZ, Badoca; là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh. Có thời gian Ông tham gia trại chế tạo vũ khí tại Bến En, Như Thanh, Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP Thanh Hóa và TX. Bìn Sơn.</i></p>	Đ
244.	Đoàn Trần Nghiệp	Hà Nội	<p>Đoàn Trần Nghiệp (1908-1931), tức Ký Con, quê ở làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, Hà Nội, là nhà Cách mạng Việt Nam, một trong những lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng.</p> <p>Năm 1928, Đoàn Trần Nghiệp gia nhập Việt Nam Quốc dân đảng và được giao việc trông coi sổ sách cho khách sạn Việt Nam- một cơ sở do Việt Nam Quốc Dân Đảng mở ở số nhà 38 Hàng Bông (Hà Nội), năm 1929 Ông bị bắt nhưng sau không có chứng cứ nên được thả; Sau đó, Ông được lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng là Nguyễn Thái Học tin tưởng cử vào Ban ám sát (chuyên trừng trị những tay thực dân, Việt gian, những kẻ phản bội tổ chức do Hoàng Văn Tùng là Trưởng ban).</p> <p>Ngày 6 tháng 9 năm 1929, Đoàn Trần Nghiệp được giao nhiệm vụ ám sát Nguyễn Văn Kinh - một tên phản bội tổ chức, gây nhiều thiệt hại cho Đảng. Ông đi xe đạp, đón đường, rút súng bắn vào đầu Nguyễn Văn Kinh, thản nhiên để vào ví kẻ phản bội bốn chữ "không giữ lời thề" rồi ung dung đạp xe đi.</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Năm 1930, Việt Nam Quốc dân đảng quyết định tiến hành cuộc Tổng Khởi nghĩa đồng loạt ở một số tỉnh Bắc Kỳ vào đêm 10 tháng 2 năm 1930, Đoàn Trần Nghiệp chỉ huy khu vực Hà Nội. Được phân công phụ trách ném bom ở Hà Nội, Đoàn Trần Nghiệp tổ chức đội cảm tử ném bom tại năm điểm ở Hà Nội, trong đó có nhà Chánh mật thám Arnoux hai trái, Hỏa Lò tám trái, sở Sen đầm hai trái, Cảnh sát Quận 1 hai trái; cảnh sát Quận 2 hai trái. Tuy bom nổ nhưng không có ai thiệt mạng. Đoàn Trần Nghiệp bị truy nã khắp nơi, đầu Ông được treo giá 5000 đồng.</p> <p>Ngày 5 tháng 8 năm 1930, Đoàn Trần Nghiệp bị kết án tử hình. Cuối tháng 12 năm 1930, Đoàn Trần Nghiệp bình thân cùng 6 đồng chí bước lên máy chém tại cổng trước nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
245.	Nguyễn Bá Ngọc	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Bá Ngọc (1952-1965), quê xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng lực lượng vũ trang.</p> <p>Năm 1965, khi Nguyễn Bá Ngọc đang học lớp 4B trường PTCS Quảng Trung. Cũng năm đó giặc Mĩ mở rộng chiến tranh và cho máy bay đánh phá các tỉnh miền Bắc nước ta, chúng ném bom cả trường học, bệnh viện... Sáng ngày 4 tháng 4 năm 1965, đế quốc Mĩ cho máy bay bắn phá vào xã Quảng Trung, quê hương của Nguyễn Bá Ngọc. Bố mẹ đi làm đồng, Ngọc một mình đưa các em nhỏ xuống hầm tránh bom. Trong lúc bom đạn đang gầm rú, Ngọc bỗng nghe tiếng khóc bên nhà bạn Khương.</p> <p>Không quản nguy hiểm Ngọc ra khỏi hầm và băng mình sang nhà Khương. Bạn Khương đã bị thương nặng, hai em của Khương đang sợ hãi gào khóc. Ngọc vội lấy thân mình che chở cho hai em và dìu các em xuống hầm. Cứu được hai em nhỏ an toàn, nhưng Ngọc bị trúng bom bi của giặc.</p> <p>Mặc dù đã được các bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng</p>	Đ, P, CTC C

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Chức vụ
			<p>do vết thương quá nặng Nguyễn Bá Ngọc đã anh dũng hy sinh vào lúc 2 giờ sáng ngày 5-4-1965, khi ấy Ngọc mới bước sang tuổi 14.</p> <p><i>Tên anh đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn và ngôi trường Tiểu học tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
246.	Hồng Nguyên	Thanh Hóa	<p>Nhà thơ Hồng Nguyên (1924 -1951), tên khai sinh là Nguyễn Văn Vượng ,quê xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở nhiều thể loại khác nhau.</p> <p>Ông tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc từ trước Cách mạng Tháng Tám, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên Ban Chấp hành Hội Văn hoá Cứu quốc Liên khu IV, từng viết bài cho các báo Dân mới, Sáng tạo, Thép mới... Ông là Trưởng ty Thông tin Tuyên truyền đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Ông là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở nhiều thể loại khác nhau, trong đó tiêu biểu là thơ và tiểu luận văn học. Trong các tác phẩm Hồng Nguyên để lại (Hòn thơ Việt Nam; Đời anh nông dân vô Nam; Nhớ; Những khẩu hiệu trong đêm), bài thơ “Nhớ” là một bài thơ tiêu biểu trong các bài thơ viết về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. “Nhớ” cũng là bài thơ ghi dấu ấn phong cách sáng tác thơ Hồng Nguyên.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
247.	Nguyễn Phúc Nguyên	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), người làng Gia Miêu Ngoại Trang nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Chúa thứ hai của dòng họ Nguyễn.</p> <p>Nguyễn Phúc Nguyên là con thứ 6 của Nguyễn Hoàng. Trong thời gian trị vì đất nước, Ông tiến hành cải cách đổi mới như: sửa đắp thành lũy, đặt quan ải, trong ngoài đều vui phục, bấy giờ người ta gọi là Phúc Nguyên là chúa Phật. Kể từ Nguyễn Phúc Nguyên, họ Nguyễn ở Đàng Trong xưng quốc tính là Nguyễn Phúc.</p>	
248.	Độc Ngữ	Hà Nội	Độc Ngữ (1844-1892), tên thật Nguyễn Đức Ngữ,	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>nguyên gốc họ Khuất quê xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là Hà Nội.</p> <p>Khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873), Ông có mặt trong đội quân của triều đình Huế đóng ở Sơn Tây. Do chiến đấu dũng cảm, lập được nhiều chiến công, Ông được thăng chức Đốc binh, từ đó có tên gọi là Đốc Ngữ. Khi xảy ra Trận Cầu Giấy lần hai (1883), Ông đã là một trong những người có đóng góp lớn cho trận đánh. Sau đó, Ông lui về Sơn Tây. Tháng 12 tháng 1883, khi Pháp chiếm thành Sơn Tây, Ông mang quân của mình đến tham gia chiến đấu dưới quyền Chánh sứ Sơn phòng kiêm Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích và Bó chánh Nguyễn Văn Giáp.</p> <p>Đến 1890, sau khi Nguyễn Quang Bích mất, Đốc Ngữ đem quân đến vùng Thanh Sơn (Phú Thọ) lập căn cứ riêng, rồi lần lượt mở rộng hoạt động suốt dọc hai bờ sông Hồng và sông Đà. Trong cuộc chiến đấu, Ông còn liên kết với Tổng Duy Tân ở Thanh Hóa và Đề Kiêu ở Rừng Già (Cẩm Khê, Phú Thọ). Nghĩa quân đã đánh nhiều trận oanh liệt, nhất là trận Chợ Bờ (tỉnh lỵ Hòa Bình). Quân Pháp giết Ông ngày 7 tháng 8 năm 1892, trong một trận chiến không cân sức ở Thanh Sơn (Phú Thọ).</p>	
249.	Ngô Thì Nhậm	Hà Nội	<p>Ngô Thì Nhậm (1746-1803), còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, là danh sĩ, nhà văn đời Hậu Lê- Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh.</p> <p>Ngô Thì Nhậm xuất thân gia đình vọng tộc chôn Bắc Hà, là con Ngô Thì Sĩ, là người thông minh, học giỏi, sớm có những công trình về lịch sử.</p> <p>Ông thi đỗ giải nguyên năm 1768, rồi Tiên sĩ Tam giáp năm 1775. Sau khi đỗ đạt, Ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê-Trịnh, được chúa Trịnh Sâm rất quý mến. Sau đó Ông ra làm quan cho nhà Tây Sơn, giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh.</p>	Đ, P

STT	Tên danh sĩ	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Chức vụ
			<p>Năm 1790, vua Quang Trung đã giao cho Ngô Thì Nhậm giữ chức Binh bộ Thượng thư. Tuy làm ở bộ Binh, nhưng Thì Nhậm chính là người chủ trì về các chính sách và giao dịch ngoại giao với Trung Hoa. Ông là người đứng đầu một trong những sứ bộ ngoại giao sang Trung Hoa. Ngoài làm quan, Ông còn tham gia sáng tác, sau để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, ngoại giao. Bang giao hảo thoại (văn); Bang giao tập (văn); Kim mã hành dư (văn); Doãn thi văn tập (văn, thơ); Yên đài thu vịnh (thơ); Hy Doãn thi văn tập...</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	
250.	Bùi Khắc Nhất	Thanh Hóa	<p>Bùi Khắc Nhất (1533-1609), người làng Bội Thái, huyện Hoằng Hóa, nay là Bội Thái, xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là võ quan Thượng thư thời Lê Trung hưng.</p> <p>Bùi Khắc Nhất là người văn võ song toàn. Năm 25 tuổi đậu Tam Trường, 32 tuổi đậu Hương cống, 33 tuổi (1567) đậu Tiến sĩ, làm quan 3 đời vua Lê Trung hưng: Vua Lê Anh Tông (1565 - 1573), đời vua Lê Thế Tông (1573 - 1599), vua Lê Kính Tông (1599 - 1659). Bùi Khắc Nhất có nhiều công lớn trong việc dẹp giặc cướp bóc ở Nghệ An, xây dựng chiến lũy " Núi Mộng" (Mộng Sơn), Càng Nga, Càng Trường... để đề phòng nơi quan yếu vững chắc. Năm 1581, Ông cùng Trịnh Tùng (con rể) đi dẹp giặc vùng Tây Nam. Năm 1592, Ông cùng Đô tướng Tiết Thái Tôn Vương phù Lê thu phục kinh thành. Năm 1593, Ông được phong Tả Thị lang bộ công võ kỳ chính lục. Năm 1594, được cử làm Thừa Chánh sứ xứ Nghệ An. Năm 1598, được thăng chức Tả thị lang bộ hình. Năm 1599, được thăng hộ bộ Thượng thư, sau đổi thành Thượng thư Bộ binh. Ông mất năm 1609.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
251.	Nguyễn Quán Nho	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Quán Nho (1638- 1708), quê thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư,</p>	CTC C

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>Tham tụng thời Lê Trung hưng.</i></p> <p>Đỗ Tiến sĩ (1667) làm quan thời Lê Trịnh, trải các chức Ngự sử, Thị lang rồi đến chức Tham tụng (Tể tướng). Khi mất, tặng tước Quận công. Ông nổi tiếng là người giản dị, khoan hoà đức độ, được nhân dân quý mến. Nên đã có câu: “Tể tướng Vạn Hà, thiên hạ âu ca”. Dân gian cũng đồn đại câu hát: “Chàng về Vạn, Vạc chàng ơi. Con chàng bỏ đói, ai nuôi cho chàng” là chỉ vào lòng ái mộ của dân chúng đối với Ông, khi Ông từ nơi trị nhậm trở về nghỉ ở quê nhà.</p> <p><i>Tên Ông được dùng để đặt tên ngôi trường PTHH của huyện Thiệu Hóa.</i></p>	
252.	Nguyễn Khắc Nhu	Bắc Giang	<p>Nguyễn Khắc Nhu (1882-1930), sinh ra tại làng Song Khê, huyện Yên Dũng (nay là xã Song Khê, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang, là một chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những cột trụ của Việt Nam Quốc dân đảng thời kỳ trước 1930.</p> <p>Xuất thân trong một gia đình Nho học, năm 1912 đi thi Hương đứng đầu cả xứ Bắc Kỳ. Năm 1903, Ông từng dẫn đường cho Phan Bội Châu lên đồn Phồn Xương gặp Đê Thám, sau Ông về quê dạy học và tham gia phong trào Đông Du, lập Hội quốc dân dục tài theo kiểu phong trào Đông Kinh nghĩa thực, thực hiện một số cải cách tại quê nhà,</p> <p>Từ năm 1908 đến năm 1922 Nguyễn Khắc Nhu làm tổng sứ ở Thịnh Liệt, sau đó là Lạc Gián. Trong thời gian này Nguyễn Khắc Nhu luôn quan tâm tìm đồng chí để làm Cách mạng. Năm 1929, tham gia bạo động đánh đồn Hưng Hóa, Lâm Thao; Tháng 02/1930 khởi nghĩa Yên Bái thất bại, Ông bị Pháp bắt, đã đập đầu vào sàn nhà lao Hưng Hóa tự vẫn. Năm 1961 Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký tặng Bằng Tổ quốc ghi công và công nhận là liệt sĩ Cách mạng.</p>	
253.	Đỗ Nhuận	Hải Dương	<p>Đỗ Nhuận (1922 - 1991), quê ở thôn Hoạch Trạch xã Thái Học, huyện Cẩm Bình, Hải Dương, là một nhạc sĩ Việt Nam.</p>	

STT	Tên dùng	Qu- quán	Đóng góp tài lý lịch	Đ
			<p>Ông là Tổng Thư ký đầu tiên của Hội nhạc sĩ Việt Nam khóa I và II từ 1958 đến 1983, một trong những nhạc sĩ tiên phong của âm nhạc Cách mạng. Đỗ Nhuận còn là nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên viết opera với vở <i>Cô Sao</i>, cũng là tác giả của bản "Du kích sông Thao" nổi tiếng. Người có nhiều đóng góp trong viết nhạc kịch cho Thanh Hóa, tiêu biểu như " Quả dưa Đỏ - Mai An Tiêm", Lửa hang treo - Chiến khu Ngọc Trạo, tác phẩm " Các cụ già bắn rơi máy bay"...</p>	
254.	Lê Niệm	Thanh Hóa	<p>Lê Niệm (? - 1486), quê làng Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), Ông là <i>Võ quan, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc, Đồng bình Chương sự, Tri Đông Đạo chư Vệ quân dưới thời Lê sơ.</i></p> <p>Lê Niệm là con trai của Lê Lâm, cháu nội của Lê Lai, do chân âm tử được làm việc trong triều, dần dần đảm đương nhiều việc lớn. Năm 1449, làm an phủ phó sứ An Bang, giữ gìn biên trấn vững vàng. Ông cũng có công, đánh Chiêm Thành, bắt được Trà Toàn ở Đồ Bàn, Trà Toại ở Quảng Nam. Năm 1480, lại đi đánh Bồn Man, đuổi Chăm Công, thanh thế lẫy lừng. Ông có công lật đổ Nghi Dân, tôn Lê Thánh Tông lên ngôi, rồi được làm quan đến Bình chương quân quốc trọng sự (1468). Lê Niệm có trình độ học vấn uyên bác, thường xướng họa thơ với Lê Thánh Tông. Năm 1463, phụ trách trường Quốc Tử Giám; năm 1464, là đề điệu (Chánh chủ khảo) kỳ thi Hội.</p> <p>Sách Lịch triều hiến chương đánh giá Ông trong đời Quang Thuận, Hồng Đức: "Kể đến người văn võ đều giỏi, công danh toàn vẹn thì không ai bằng Lê Niệm".</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
255.	Lê Ninh	Thanh Hóa	<p>Lê Ninh(?-?), quê Thọ Xuân, Thanh Hóa</p> <p>Ông là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, có nhiều công lớn trong phò tá Lê Lợi đánh thắng quân Minh xâm lược.</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<i>Tên Ông được đặt tên một con đường ở huyện Thường Xuân.</i>	
256.	Trần Đăng Ninh	Hà Nội	<p>Trần Đăng Ninh (1910-1955), tên thật Nguyễn Tuấn Đáng, quê thôn Quảng nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội).</p> <p>Ông là nhà hoạt động Cách mạng và quân sự, Chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Chủ nhiệm đầu tiên của Tổng cục Cung cấp (sau là Tổng cục Hậu cần, Quân đội Nhân dân Việt Nam) giai đoạn 1950-1955; Trong Đại hội Đảng lần thứ II, Ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Ông cũng chính là người xây dựng hệ thống dân công tiếp tế, một yếu tố dẫn đến thắng lợi cho Chiến dịch Điện Biên Phủ.</p>	
257.	Trần Mai Ninh	Thanh Hóa	<p>Trần Mai Ninh (1917 – 1947), quê Thanh Hóa, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng.</p> <p>Trần Mai Ninh tham gia phong trào yêu nước Mặt trận dân chủ (1936-1939) của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông làm phóng viên, biên tập viên cho các báo <i>Bạn dân</i>, <i>Thời thế</i> (1937), <i>Tin tức</i>, <i>Thế giới</i>, <i>Người mới</i> (1938), <i>Bạn đường</i> (1939)... và đã có nhiều tác phẩm, những trang văn “Ngơ ngác”, làm người đọc phải ngạc nhiên. Trần Mai Ninh đã đưa đến một cách nói mới cho thơ, cả về tư tưởng và ngôn ngữ qua các tác phẩm "Đâu đây bạn mới muôn người, Tương tư chi nữa!" "Hãy cười cho duyên. Năng hường tô đậm mái hiên", <i>Nào trăm xứ bạn, đứng lên động rừng</i> ...</p> <p>Trần Mai Ninh còn là cán bộ Cách mạng. Khi Mặt trận dân chủ bị chính quyền thuộc địa đàn áp, Trần Mai Ninh về quê hoạt động ở chiến khu Ngọc Trạo. Ông bị nhà cầm quyền bắt giam nhưng sau đó vượt ngục và tham gia giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám ở Nam Trung bộ. Sau đó Trần Mai Ninh tham gia kháng chiến ở Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố và</i></p>	P, CTC C

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<i>ngôi trường THCS tại TP. Thanh Hóa</i>	
258.	Doãn Nỗ	Thanh Hóa	<p>Doãn Nỗ (1393- 1439), quê xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Thượng tướng quân thời Lê sơ.</i></p> <p>Từ lúc niên thiếu đã tham gia khởi nghĩa ở căn cứ Hoàng Nghiêu. Sau tham gia nghĩa quân Lam Sơn và lập nhiều công lớn, được vua ban Quốc tính và phong làm “Thụ trung lương đại phu” tả Bổng thần vệ tướng quân, tước Trí tự. Đến thời vua Lê Nhân Tông được phong làm quan nội hầu. Đời vua Lê Thánh Tông được ban ruộng lộc điền.</p>	
259.	Hà Duy Phiên	Thanh Hóa	<p>Hà Duy Phiên (1791- 1852) , có tên là Hà Nguyễn Phiên, tên tự là Đức Ninh, quê làng Hoàng Nghĩa (nay thuộc xã Hoàng Lộc), Hoàng Hóa, Thanh Hóa, là <i>Thượng thư thời Nguyễn.</i></p> <p>Thân sinh Hà Duy Phiên là Hà Nguyễn Huân, tự Thanh Nhã, đỗ Hương cống khoa Canh Tý, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41 (1780), từng giữ chức Tri huyện Đường An. Khoa Kỷ Mão, niên hiệu Gia Long 18 (1819), Hà Duy Phiên đỗ Hương cống. Khoảng đầu năm Minh Mệnh, Hà Duy Phiên được bổ làm Tri phủ Hoàng An, sau dần thăng lên chức Tham hiệp Quảng Trị. Ông từng có 10 năm làm quan trị nhậm ở địa phương. Đến năm 1828, Ông được điều về kinh, tham dự triều chính. Hà Duy Phiên là người thẳng thắn, cương trực hết lòng vì việc công; là một quan lại cao cấp, một học giả uyên thâm có thực tài.</p> <p>Những chức vụ Hà Duy Phiên từng nắm giữ: Tham hiệp Quảng Trị; Hữu thị lang Hình bộ quyền; Hữu thị lang Hình bộ quyền; Tả thị lang Hình bộ kiêm Đại lý Tự khanh; Tri công cử khoa thi Hội; Hữu Thị lang Bộ Hộ; Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát; Toàn tu biên soạn bộ <i>Liệt thánh thực lục</i> (tức Đại Nam thực lục tiền biên); Hữu tham tri bộ Lại; Thượng thư bộ Hộ; quyền Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ kiêm coi công việc bộ Công; Hiệp biện đại học sĩ, Thượng thư bộ Hộ, sung đại thân viện Cơ mật..</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Khi mất được tặng Thái Bảo, đầu đời vua Tự Đức liệt thờ ở đền Hiền Lương..	
260.	Trương Phóng	Thanh Hóa	<p>Trương Phóng (Thế kỷ XIII - XIV), húy là Trương Tích Đãng, quê ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>hiệu thư quyền miện sung làm Nghị tư thời Trần</i></p> <p>Ông đỗ Bảng nhãn năm 1304, được ban chức Hiệu thư quyền miện sung làm Nghị tư, giữ việc chỉnh đốn thư tịch dưới thời Trần, có nhiều cải cách, đóng góp trong quản lý, chỉnh đốn thư tịch thời Trần.</p>	
261.	Khuong Công Phụ	Thanh Hóa	<p>Khuong Công Phụ (731-805), người làng Sơn Ôi, xã Cổ Hiến, nay là làng Tường Vân, xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Gián nghị Đại phu, Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự đời Đường</i>.</p> <p>Là danh sĩ người Việt thời Bắc thuộc lần 3, đã đỗ đạt và làm tới chức Tể tướng cho nhà Đường tại triều đình Trung ương phương Bắc. Thời thuộc Đường, cùng em là Công Phục sang kinh đô Trường An nhà Đường tu nghiệp, thi đậu Trạng nguyên, Công Phục đỗ Tiến sỹ chế khoa Hiền Lương Phương Chính năm Canh Thân niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (780) đời Đường Đức Tông. Năm 784, được bổ chức Hiệu Thư Lang. Vua Đường lại xét Công Phụ có bài chế sách hay hơn người khác nên được thăng chức Hữu Thập di Hàn lâm học sỹ, kiêm chức Kinh triệu hộ tào tham quân. Ông được làm tới chức Tể tướng, kiêm gián nghị đại phu, từng can gián Đường Đức Tông, bị cách chức, sau lại được phục chức. Công Phục làm tới chức Lang Trung bộ lễ (nhà Đường), hai anh em Ông là trí thức đầu tiên ở Việt Nam đỗ đạt cao ở nước ngoài.</p>	
262.	Trịnh Khắc Phục	Thanh Hóa	<p>Trịnh Khắc Phục (?-1451), quê ở làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Đặc Tiến nhập nội tư khấu, đồng binh chương sự dưới thời Lê sơ</i>.</p> <p>Ông gọi Lê Lợi là cậu ruột và tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu. Ông là tướng chỉ huy trận đánh Kinh Lông năm 1421. Năm 1426, Ông cùng Lưu Nhân Chú bày trận ở Chi Lăng, chém được Liễu</p>	

STT	Tên dùng	Quê quan	Tóm tắt lý lịch	A ₅ 1
			<p>Thăng, góp phần tạo nên hội thê Đông quan. Năm 1443, Ông được phong làm nhập nội thiếu phó. Năm 1446, cùng Trịnh Khả, Lê Thục đánh thành Chà Bàn, bên sông cua Chiêm, được phong làm nhập nội tư khấu.</p> <p>Năm 1448, được giao chủ trì lễ tiếp sứ Chiêm mang đồ sang tiến cống. Cũng năm này, Trịnh Khắc Phục bị vu tội kết bè đảng làm phản bị giết. Năm 1553, Ông được vua Lê Nhân Tông minh oan, phục chức cho con cháu và cấp cho 100 mẫu quan điền làm ruộng hương hỏa. Năm 1486, vua Lê Thánh Tông truy phong cho Trịnh Khắc phục tước Thái bảo ngọc quận công. Các đời vua đều ban sắc cho Ông với những mỹ tự cao quý.</p>	
263.	Lê Quát	Thanh Hóa	<p>Lê Quát (thế kỷ XIV), tên thật là Bá Đạt hiệu Mai Phong, biệt hiệu Lương Giang, quê ở hương Phú Lý, huyện Đông Sơn, trấn Thanh Hoa (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa) tự là <i>Thượng thư, Nhập nội Hành khiển thời nhà Trần</i>.</p> <p>Ông thuộc dòng dõi Thái sư Lê Văn Thịnh, và cùng đồng môn Phạm Sư Mạnh là học trò giỏi của nhà giáo Chu Văn An. Sau khi thi đỗ Thái học sinh (Tiên sĩ), Lê Quát được cử giữ một số chức quan dưới triều vua Trần Minh Tông. Đến 1358 đời vua Trần Dụ Tông, Ông được cử làm Tả tư lang kiêm Hàn lâm viện phụng chỉ, kế đó thăng làm Thượng thư hữu bộc xạ. Năm 1366, nhà vua cử Ông đi duyệt định sổ trưởng tịch (tức sổ hộ tịch) ở trấn Thanh Hoa; về thăng Ông làm Thượng thư hữu bật, nhập nội hành khiển (tương đương chức Thủ tướng ngày nay).</p> <p>Ông nổi tiếng cả về văn chương và đạo đức, sách Bản xã Tiên Hiền ghi Ông đỗ đệ nhất giáp Tiên sĩ đệ nhất danh. Ở địa phương cũng truyền tụng Ông là Trạng Quát (có giai thoại rất lý thú về chuyện này). Đương thời, Lê Quát có sáng tác thơ văn, nhưng nay chỉ còn 7 bài thơ trong Tinh tuyển chư gia luật thi và Toàn Việt thi lục. Ngoài ra tại chùa Thiệu Phúc (Bắc Giang) còn có bài bia ký của Ông có tên là Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký (Bài ký bia chùa</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Thiệu Phúc thôn Bái Bắc Giang). Tất cả đều bằng chữ Hán. Lê Quát mất năm nào không rõ. <i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i>	
264.	Nguyễn Quỳnh	Thanh Hóa	Nguyễn Quỳnh (1677- 1748), quê ở xã Bột Thượng, xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Viên ngoại lang thời Lê Trung hưng và giỏi văn chương thơ phú.</i> Là người nổi tiếng về văn chương, về lĩnh vực chính trị công hiến của Ông rất mờ nhạt. Chức quan cao nhất mà Ông từng đảm nhiệm là tri phủ. Trên lĩnh vực trước tác, Ông có những đóng góp đáng kể, đặc biệt có hai bài phú được chép trong “ Lịch triều danh phú” là bài Kim bạch tài vật phú và Tần cung phụ nữ. Ngoài ra Ông còn nhiều áng thơ văn ghi lại công ơn sinh thành của cha mẹ. Với tài năng đức độ của mình Ông được người đương thời đánh giá cao. <i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i>	P
265.	Ngô Quyền	Hà Nội	Ngô Quyền (898 – 944), quê ở Đường Lâm, Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội, là <i>vị vua đầu tiên của nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam.</i> Ông là con rể Dương Đình Nghệ tham gia khởi nghĩa đánh Thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931), Ông được giao cai quản Thanh Hóa từ 931 – 938. Tháng 4/937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết, rước giặc Nam Hán sang xâm lược. Năm 938, Ông là người lãnh đạo nhân dân đánh bại quân Nam Hán trong trận Bạch Đằng nổi tiếng, chính thức kết thúc gần một thiên niên kỉ Bắc thuộc, mở ra một thời kì độc lập lâu dài của Việt Nam. Thắng giặc ngoại xâm năm 939, Ngô Quyền xưng Vương, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta, chấm dứt ngàn năm đô hộ phương Bắc, mở ra kỷ nguyên độc lập lâu dài và phát triển đất nước. Ông lên ngôi vua, trị vì từ năm 939 đến năm 944. Ngô Quyền nằm trong danh sách 14 anh hùng dân tộc tiêu	Đ, P

STT	Tên dùng	Quan	Nội dung lý lịch	Đã đọc
			<p>biểu của Việt Nam, là vị "vua đứng đầu các vua" là vị Tổ Trung hưng của Việt Nam.</p> <p>Tên Ông đặt tên một con đường tại TX. Bìn Sơn, TP. Sầm Sơn. Tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</p>	
266.	Trần Văn Ôn	Bến Tre	<p>Trần Văn Ôn (1931 – 1950), quê tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, là một học sinh trường Pétrus Ký đã bị chính quyền Pháp nổ súng bắn chết trong phong trào biểu tình của học sinh sinh viên Sài Gòn đầu năm 1950.</p> <p>Năm 1947, anh tham gia vào phong trào học sinh yêu nước của trường, tham gia Hội học sinh sinh viên Việt Nam - Nam Bộ. Anh là hội viên mật của Đoàn học sinh kháng chiến nội thành, đồng thời nhận nhiệm vụ tuyên truyền, vận động học sinh trong trường tham gia vào các hoạt động chống thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp.</p> <p>Trước ngày kỉ niệm 9 năm khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940 - 23/11/1949), chính quyền Pháp đã bắt cóc một số học sinh của trường Pétrus Ký, sau sự kiện này đã nổ ra cuộc bãi khóa của học sinh của 10 trường ở Sài Gòn vào ngày 23 tháng 11 năm 1949. Lúc này, Trần Văn Ôn, đứng đầu nhóm học sinh của trường Pétrus Ký đi biểu tình.</p> <p>Ngày 9 tháng 1 năm 1950, ở Sài Gòn đã nổ ra một cuộc biểu tình lớn của hơn 6000 học sinh-sinh viên và giáo viên các trường, yêu cầu Thủ tướng Trần Văn Hữu thả ngay những học sinh, sinh viên bị bắt. 13 giờ ngày hôm đó, Chính phủ của thủ hiến Trần Văn Hữu đã huy động một lực lượng lớn cảnh sát để đàn áp phong trào biểu tình. Trần Văn Ôn cùng một số bạn bè hiên ngang tiến về phía trước lớn tiếng tố cáo tội ác của chúng, đồng thời che chở cho các em nhỏ ở phía sau, anh đã bị bắn trúng đạn vào bụng và qua đời khi anh 19 tuổi.</p> <p>Cái chết của anh đã gây tiếng vang lớn, có tác động rộng khắp trong phong trào đấu tranh của dân chúng Sài Gòn sau đó. Sau này, ngày 9 tháng một, ngày mất</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			của anh được lấy làm Ngày sinh viên Việt Nam.	
267.	Hải Thượng Lãn Ông	Hung Yên	<p>Hải Thượng Lãn Ông (1720-1791), tên thật là Lê Hữu Trác, quê thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), là người tinh thông y học, dịch lý, văn chương.</p> <p>Năm 20 tuổi, Ông rời kinh thành về quê nhà chăm chỉ đèn sách, nối nghiệp gia đình, Ông bắt đầu nghiên cứu thêm binh thư và võ nghệ, "nghiên cứu trong vài năm cũng biết được đại khái, mới đeo gươm tòng quân để thí nghiệm sức học của mình" nhưng Ông không tham gia quân đội mà về quê nghiên cứu chữa bệnh. Vốn là người học rộng, nổi tiếng là danh y nên Ông từng được chúa Trịnh mời ra Thăng Long chữa bệnh cho thế tử.</p> <p>Sau mấy chục năm tận tụy với nghề nghiệp, Hải Thượng Lãn Ông đã nghiên cứu rất sâu lý luận Trung y qua các sách kinh điển: Nội kinh, Nam kinh, Thương hàn, Kim quỹ; tìm hiểu nền y học cổ truyền của dân tộc; kết hợp với thực tế chữa bệnh phong phú của mình, Ông hệ thống hóa tinh hoa của lý luận Đông y cùng với những sáng tạo đặc biệt qua việc áp dụng lý luận cổ điển vào điều kiện Việt Nam, đúc kết nền y học cổ truyền của dân tộc. Sau hơn chục năm viết nên bộ "Y tôn tâm lĩnh" gồm 28 tập, 66 quyển bao gồm đủ các mặt về y học: Y đức, Y lý, Y thuật, Dược, Di dưỡng. Phần quan trọng nữa của bộ sách phản ánh sự nghiệp văn học và tư tưởng của Hải Thượng Lãn Ông.</p> <p><i>Tên Ông đặt cho đường tại thành phố Thanh Hóa.</i></p>	Đ
268.	Hoàng Ngọc Phách	Hà Tĩnh	<p>Hoàng Ngọc Phách (1896-1973), tên huý là Tước, bút hiệu Song An, quê ở làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là tác giả tiểu thuyết <i>Tổ tâm</i>, được đánh giá là một trong những tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam, tác phẩm đã được giáo sư Michele Sullivan và Emmanuel Lê Ốc Mạch dịch sang tiếng Pháp.</p> <p>Thuở nhỏ, Ông theo học chữ Hán rồi học trường</p>	

STT	Tên dung	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>Pháp Việt. Sau khi tốt nghiệp Trường Cao đẳng Tiểu học ở Vinh, Ông ra học Trường Bưởi, Hà Nội. Năm 1916 khi mới học xong năm thứ hai trường Bưởi, Hoàng Ngọc Phách đã trúng giải 8 trong 20 giải của cuộc thi thơ, Ông tham gia và chỉ đạo các phong trào bãi khóa, thành lập Hội Học sinh tương tế chống bọn giám thị khinh rẻ, bạc đãi học sinh nghèo.</p> <p>Năm 1919, Hoàng Ngọc Phách đỗ cả hai bằng Cao đẳng tiểu học Pháp và bằng Thành Chung. Năm cuối khóa học ở đây, Hoàng Ngọc Phách hoàn thành tiểu thuyết <i>Tố Tâm</i>. Với tác phẩm này, Ông là người mở đầu cho nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Nhiều ý kiến còn cho rằng <i>Tố Tâm</i> là cuốn tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam.</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1959, Hoàng Ngọc Phách giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục. Năm 1959 Ông chuyển sang Viện văn học làm công tác nghiên cứu cho đến năm lúc nghỉ hưu.</p>	
269.	Vũ Ngọc Phan	Bắc Ninh	<p>Vũ Ngọc Phan (1902-1987), quê huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, là nhà văn, nhà phê bình, dịch thuật, Tổng Thư kí đầu tiên của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.</p> <p>Xuất thân từ một gia đình nhà Nho nghèo, thuở nhỏ, Ông theo cha đến Hưng Yên và theo học chữ Hán. Từ năm 1920 đến năm 1929, Vũ Ngọc Phan chuyển sang học tiếng Pháp tại Hà Nội, đỗ tú tài Pháp ở tuổi 27. Từ năm 1929 đến nửa đầu những năm 1940, Vũ Ngọc Phan cộng tác với nhiều tờ báo, tạp chí đương thời như các tờ: <i>Pháp-Việt</i>, <i>Văn học</i>, <i>Nhật Tân</i>, <i>Phổ thông bán nguyệt san</i>, <i>Trung Bắc tân văn</i>, <i>Sông Hương</i>.... Ngoài ra, Ông còn từng là Chủ bút tờ <i>Tuần báo Hà Nội tân văn</i>, và là người chủ trương lập Nhà xuất bản Hà Nội.</p> <p>Năm 1945, Ông tham gia Tổng khởi nghĩa. Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, Vũ Ngọc Phan cộng tác với tạp chí <i>Tiên phong</i> của Hội Văn hóa cứu quốc. Lần lượt giữ nhiều chức vụ Tổng Thư ký Ủy ban</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>vận động Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Ủy viên thường trực Đoàn văn hóa kháng chiến liên khu IV... Sau kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Vũ Ngọc Phan tiếp tục công tác ở Ban Văn Sử Địa. Trong cuộc đời sáng tác của Ông, Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị như: Truyện cổ Việt Nam, Tục ngữ và dân ca Việt Nam, Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam, Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật</p>	
270.	Huỳnh Tấn Phát	Bến Tre	<p>Huỳnh Tấn Phát (1913-1989), quê xã Châu Hưng huyện Bình Đại, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Bến Tre), là <i>Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969-1976), Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</i></p> <p>Ông học chuyên ngành kiến trúc sư, năm 1940, Ông là kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên mở văn phòng kiến trúc tư ở Sài Gòn. Năm 1941, Ông đoạt giải nhất cuộc thi thiết kế khu Trung tâm hội chợ triển lãm Đông Dương do Toàn quyền Đông Dương Jean Decoux tổ chức.</p> <p>Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Ông là chủ nhiệm báo <i>Thanh Niên</i>, hoạt động trong phong trào Thanh niên Tiền Phong, truyền bá quốc ngữ, cứu tế nạn đói ở Nam Bộ. Ông được bí mật kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 5 tháng 3 năm 1945. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Ông cùng một số trí thức Nam Bộ tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn- Chợ Lớn.</p> <p>Chiến tranh Đông Dương bùng nổ, Ông công tác bí mật ở Sài Gòn, bị Pháp bắt giam ở Khám lớn Sài Gòn. Năm 1949, Ông ra chiến khu, giữ chức Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Sau Hiệp định Genève, Ông ở lại Sài Gòn, tham gia các phong trào đòi hòa bình, tự do, dân chủ, thống nhất đất nước, đòi thi hành Hiệp định Genève. Năm 1960, Ông bí mật thoát ly khỏi Sài Gòn, tham</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt ty lịch	Đã đặt
			<p>gia Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Sài Gòn-Gia Định. Tháng 6 năm 1969, Ông được Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam bầu làm Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và giữ chức vụ này cho đến ngày Việt Nam thống nhất.</p>	
271.	Thái Phiên	Đà Nẵng	<p>Thái Phiên (1882-1916), quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khối Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng), là một nhà hoạt động yêu nước, người đã cùng với vua Duy Tân chống Pháp.</p> <p>Thời trẻ Ông đi tu tại chùa Cổ Lâm (miền núi Quảng Nam). Một thời gian sau, Ông vào Bình Định làm nghề dạy học và hoạt động yêu nước, tham gia khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1904, Ông tham gia phong trào Đông Du; năm 1908, Ông tham gia Duy Tân cùng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ năm 1913, Ông là một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quang Phục Hội miền Nam Trung Kỳ; tham gia phong trào Đông Du, làm kinh tài cho Duy Tân hội, sau hoạt động trong Việt Nam Quang phục hội. Tháng 5/1916, Ông cùng Trần Cao Vân tổ chức bạo động khởi nghĩa ở Huế, nhưng bại lộ, bị Pháp bắt và xử chém ngày 17/5/1916 tại cửa An Hòa (Huế).</p>	
272.	Tôn Quang Phiệt	Nghệ An	<p>Tôn Quang Phiệt (1900- 1973), quê xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động chính trị, nhà sử học, nhà thơ, nhà giáo Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Ngày 23/8/1945, Ông tham gia giành chính quyền ở thành phố Huế rồi làm chủ tịch ủy ban thành phố Huế. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ông được điều động về Thanh Hóa giữ chức Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hóa (từ tháng 1/1949 - 6/1950).</p> <p>Ông tham gia vào Ủy ban dự thảo Hiến pháp Việt Nam năm 1946. Ông là Đại biểu Quốc hội khóa I-IV</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>đã từng đảm nhận nhiều chức vụ trong Quốc hội như Phó trưởng ban Thường trực Quốc hội khóa I, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Tổng Thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khóa III đến khóa IV. Từ năm 1954, Ông tập trung nghiên cứu về lịch sử và văn học, tham gia vào Ban nghiên cứu Sử, Địa, Văn. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị như: <i>Lịch sử Việt Nam dưới thời Pháp thuộc (1948)</i>, <i>Trên đường tranh đấu của nhân dân Việt Nam (1950)</i>, <i>Phan Bội Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1958)</i>... Ông còn là một nhà thơ, nhà văn với các tác phẩm như Thanh khí tượng cầu (thơ lục bát), truyện thơ Khách không nhà, tiểu phẩm Bẻ nạng chống trời, Duyên nợ bên hồ, Một ngày ngàn thu (Nhà in Đắc Lập, Huế, 1937)...</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
273.	Lê Hồng Phong	Nghệ An	<p>Lê Hồng Phong (1902 -1942), tên thật là Lê Văn Dục, quê xóm Đông Cửa, thôn Đông Thông, tổng Thông Lạng, nay là xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1935 đến năm 1936.</p> <p>Ông tham gia Cách mạng từ 1924, tốt nghiệp sĩ quan lục quân, sang Liên Xô học trường Không quân Leningorát, Đại học Phương Đông, Tại Đại hội I Đảng Cộng sản Đông Dương (Ông là Tổng Bí thư thứ 2 của Đảng Cộng sản Việt Nam) Ông được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1935 - 1936). Về Sài Gòn lãnh đạo phong trào, bị địch bắt (1938), Ông bị đày ra Côn Đảo và mất tại đó ngày 6/9/1942.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa, ngôi trường THPT Lê Hồng Phong tại TX Bim Sơn.</i></p>	Đ,P, CTCC
274.	Trần Phú	Hà Tĩnh	<p>Trần Phú (1904- 1931), nguyên quán Ông ở làng Tùng Sinh, nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ,</p>	Đ, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lịch	Đã liệt
			<p>tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà Cách mạng Việt Nam, Ông là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam khi mới 26 tuổi.</p> <p>Năm 1925, Ông cùng một số bạn bè trẻ tuổi thành lập Hội Phục Việt, sau đổi là Hội Hưng Nam, rồi lại đổi ra Việt Nam Cách mạng Đảng.</p> <p>Năm 1926, với bí danh Lý Quý, Ông đại diện Việt Nam Cách mạng Đảng sang Quảng Châu (Trung Quốc) bàn việc hợp nhất với Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tháng 12 năm 1926, Ông về đến Vinh, tham gia cải tổ Việt Nam Cách mạng Đảng theo đường lối và tổ chức của Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội.</p> <p>Do những hoạt động tích cực của mình, một thời gian sau, Ông bị lộ, được tổ chức bố trí sang Quảng Châu để hoạt động với bí danh Lý Viết Hoa. Tháng 4 năm 1930, Ông về nước và được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời của Đảng (tháng 7). Ông được giao soạn thảo <i>Luận cương Chính trị về vấn đề Cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương</i>. Tháng 10 năm 1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Hương Cảng (Trung Quốc) đã thông qua bản <i>Luận cương Chính trị</i> và bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức, Ông được bầu Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt cho nhiều con đường và trường học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</i></p>	
275.	Nguyễn Phục	Hải Dương	<p>Nguyễn Phục(?-?), quê xã Đoàn Tùng (sau đổi là Đoàn Lâm), huyện Trường Tân, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay là Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương quê ở tỉnh Hải Dương, là một vị quan thời Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông đỗ tiến sỹ năm Quý Dậu hiệu Thái Hòa (1453) làm quan 3 triều dưới thời nhà Hậu Lê, là một vị quan thời Lê sơ trong lịch sử Việt Nam; có nhiều đóng góp cho triều đình phong kiến nhà Hậu Lê trong việc mở cõi về phương Nam. Khi vua Lê Thánh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, Nguyễn Phục</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>giữ chức Đô Chi huy sứ đốc vận chuyên quân nhu.</p> <p>Khi xuất phát đi tiếp tế quân lương gặp bão lớn ở cửa Lạch Trào (cửa Hới), Thanh Hóa, Ông quyết định chờ tan bão mới đi, thuyền quân lương bị chậm vài ngày. Quân luật khép Ông vào tội Bất tuân quân lệnh, xử tội chém vào ngày 20 tháng 10 năm Canh Dần (1470). Ông được mai táng tại Đường Nang, nay thuộc TP Sầm Sơn, Thanh Hóa. Vì bị Vua hiểu nhầm nên bị xử tội chết, về sau Vua thấy hối hận nên đã phong sắc cho nhân dân khắp nơi phụng thờ.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	
276.	Triệu Quang Phục	Hà Nội	<p>Triệu Quang Phục (? – 571), hay Triệu Việt Vương, người huyện Chu Diên thuộc vùng đất phía Đông Hà Nội giáp ranh các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, là vua Việt Nam cai trị từ năm 548 đến năm 571.</p> <p>Triệu Quang Phục là con của Thái phó Triệu Túc, người huyện Chu Diên. Ông được sử sách mô tả là người uy tráng dũng liệt. Ông cùng cha theo Lý Nam Đế khởi nghĩa từ ngày đầu (541), có công lao đánh đuổi quân Lương về nước, được trao chức Tả tướng quân nước Vạn Xuân. Lên ngôi từ năm 548 đến năm 571. Ông có công kế tục Lý Nam Đế đánh đuổi quân xâm lược nhà Lương, giữ nền độc lập cho nước Vạn Xuân..Ông có công kế tục Lý Nam Đế đánh đuổi quân xâm lược nhà Lương, giữ nền độc lập cho nước Vạn Xuân.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
277.	Phan Đình Phùng	Hà Tĩnh	<p>Phan Đình Phùng (1847 -1895), hiệu Châu Phong, quê làng Đông Thái, huyện La Sơn (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh, là nhà thơ, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).</p> <p>Năm 1876, Phan Đình Phùng đỗ Cử nhân. Năm sau (1877), Ông thi đậu Đình nguyên, được bổ làm tri huyện Yên Khánh (tỉnh Ninh Bình).</p> <p>Năm 1885, vua Hàm Nghi mưu việc kháng Pháp</p>	Đ, P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>không thành phải chạy ra Tân Sở (Quảng Trị) lần tránh. Phan Đình Phùng đã quên nỗi hiềm khích riêng, để cùng với Tôn Thất Thuyết chống Pháp. Hưởng ứng phong trào " Chiếu Cần Vương " của vua, dù đang cư tang mẹ, Phan Đình Phùng vẫn đứng ra chiêu tập lực lượng từ khắp các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, để chống ngoại xâm kéo dài từ năm 1885 đến năm 1896 dưới ngọn cờ Cần Vương. Ông bị bệnh mất tại căn cứ Núi Quạt, trong dãy Trường Sơn.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn, tên một con phố tại TP. Sầm Sơn, tên một công trình công cộng tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
278.	Vũ Trọng Phụng	Hung Yên	<p>Vũ Trọng Phụng (1912 -1939), quê ở làng Hào (nay là thị trấn Bản Yên Nhân), huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, là một nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.</p> <p>Tuy thời gian cầm bút rất ngắn ngủi, với tác phẩm đầu tiên là truyện ngắn <i>Chống nạng lên đường</i> đăng trên Ngọ báo vào năm 1930, Ông đã để lại một kho tác phẩm đáng kinh ngạc: hơn 30 truyện ngắn, 9 tập tiểu thuyết, 9 tập phóng sự, 7 vở kịch, cùng 1 bản dịch vở kịch từ tiếng Pháp, một số bài viết phê bình, tranh luận văn học và hàng trăm bài báo viết về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa. Một số trích đoạn tác phẩm của Ông trong các tác phẩm <i>Số đỏ</i> và <i>Giông Tố</i> đã được đưa vào sách giáo khoa môn Ngữ văn của Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
279.	Lưu Hữu Phước	Cần Thơ	<p>Lưu Hữu Phước (1921-1989), còn có những bút danh khác: Huỳnh Minh Siêng, Long Hưng, Anh Lưu, Hồng Chí, quê Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc thành phố Cần Thơ), là Giáo sư, Viện sĩ, Nhà lý luận âm nhạc là một nhạc sĩ, tác giả của những bản hùng ca, giải phóng.</p> <p>Sau khi đỗ tú tài, Lưu Hữu Phước ra Hà Nội học trường Y- Dược, thuộc Viện Đại học Đông Dương (1940-1944).</p> <p>Lưu Hữu Phước nhanh chóng trở thành một trong</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>những Thủ lĩnh của phong trào, và có dịp tiếp xúc với một số thành viên của Việt Minh. Trong những đợt tổ chức các hoạt động về nguồn của sinh viên, Lưu Hữu Phước đã sáng tác được nhiều ca khúc nổi tiếng, như: "Non sông gấm vóc", "Bạch Đằng Giang", "Ái Chi Lăng", "Hát giang trường hận" (sau đổi tên là <i>Hòn tử sĩ</i>), "Hòn sông Gianh", "Người xưa đâu tá" và "Hội nghị Diên Hồng", được xem là đỉnh cao của thể loại bài hát về đề tài lịch sử của Việt Nam, nhằm hun đúc tình thần dân tộc cho thanh niên Việt Nam. Năm 1944, Lưu Hữu Phước được Mặt trận Việt Minh giao nhiệm vụ vào Nam tham gia vận động Cách mạng, nhóm Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ và Đặng Ngọc Tốt trong một đêm đã tập trung soạn ba bài hát: "Xếp bút nghiên", "Mau về Nam" và "Gieo ánh sáng" để kịp thời cổ vũ cho phong trào này. Lưu Hữu Phước được xem là một trong những nhạc sĩ đầu đàn của giới nhạc sĩ Việt Nam, đại diện cho phái âm nhạc Nam Bộ trong thời điểm khởi đầu của nền tân nhạc.</p> <p>Ông là một tên tuổi lớn trong nền âm nhạc Cách mạng Việt Nam, một Danh nhân văn hóa Việt Nam Tác phẩm của Ông luôn gắn với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Ngoài sáng tác Ông còn giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Bộ trưởng Bộ Thông tin Văn hóa, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
280.	Nguyễn Tri Phương	Thừa Thiên Huế	<p>Nguyễn Tri Phương (1800-1873), người làng Chi Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một đại danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn.</p> <p>Ông là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại quân Pháp xâm lược lần lượt ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873). Ông bị trọng thương và bị bắt, đã cự tuyệt mọi sự cứu chữa cho đến lúc hi sinh. Tượng Ông nay được đặt ở thành Cửa Bắc.</p>	Đ

STT	Tên đơn vị	Địa phương	Tóm tắt lý lịch	Loại
			<i>Tên Ông đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i>	
281.	Bà Huyện Thanh Quan	Hà Nội	<p>Bà Huyện Thanh Quan (1805- 1848), tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người làng Nghi Tàm, huyện Hoàn Long, nay thuộc Hà Nội, là một nhà thơ nữ trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam.</p> <p>Bà Huyện Thanh Quan là trường hợp khá đặc biệt trong văn học. Tác phẩm rất ít, chỉ còn lại mấy bài thơ nôm, nhưng lại có vị trí cao trong văn học, và có ảnh hưởng rộng.</p> <p>Thơ của Bà dài các, du dương, mang một niềm hoài cổ man mác, đáp ứng được tâm trạng cô đơn của những người ôm mối sầu vi cảnh tang thương.</p> <p><i>Tên Bà đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
282.	Đặng Quang	Nghệ An	<p>Đặng Quang (? - ?), tương truyền, Thân Đặng Quang quê ở La Sơn, trấn Nghệ An, giòng dõi công thần, là con thứ của tướng quân Đặng Tất;</p> <p>Đặng Quang có phong thái lịch duyệt, tướng mạo khôi ngô, chí khí hiên ngang thường đi nhiều nơi kết giao bạn bè, nuôi chí báo đền nợ nước. Đến thời Trần Giản Đế; quân Minh xâm lược nước ta, chúng xây dựng Lam Thành ở trấn Nghệ An. Năm 40 tuổi Ngài đến vùng đất Cẩm La, huyện Tống Sơn, Ngài thấy ở đây núi non hiểm trở, sông suối bao bọc quanh trang ấp, nhân dân thuần hậu, Ngài dựng một ngôi nhà bằng tre nửa lợp cỏ tranh xưng gọi là “Viên Long Xá”.</p> <p>Nhân dân địa phương rất kính trọng, yêu mến đức tài của Ngài; từ đó Ngài chiêu tập nhân tài, nghĩa dũng được hơn trăm người, lấy danh hiệu là Tây Việt, danh tiếng vang động đến Lam Thành; Ngài đã từng mang quân cư chiến với giặc Minh ở Lam Thành bất phân thắng bại; rồi mang quân sĩ từ Cẩm La hội quân cùng cha là Đặng Tất, anh trai là Đặng Dung cùng tướng sĩ của Vua Giản Định Đế tiến đánh thắng lớn quân Minh ở trận Bồ Cô (Nam Định) và trận thành Cổ Lộng (Hung Yên), chém được tướng Lữ Nghị, truy đuổi Tướng Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh phải rút</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			chạy về Thành Đông Đô. <i>Tên Ông đặt tên một con đường ở thị xã Bim Sơn.</i>	
283.	Cao Bá Quát	Hà Nội	<p>Cao Bá Quát (1808-1855), tự Chu Thần, quê xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, tp. Hà Nội, sống ở Thăng Long, Hà Nội, là quốc sư, tổ chức cuộc nổi dậy Mỹ Lương và là một nhà thơ nổi danh ở giữa thế kỷ XIX trong lịch sử văn học Việt Nam.</p> <p>Năm 1841 đời vua Thiệu Trị, được quan tỉnh Bắc Ninh tiến cử, Cao Bá Quát được triệu vào kinh đô Huế bổ làm Hành tẩu ở bộ Lễ. Tháng 8 (Âm lịch) năm đó, Ông được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên. Thấy một số bài thi hay nhưng có chỗ phạm trường quy, Ông bàn với bạn đồng sự là Phan Nhạ lấy son hòa với muội đèn chữa lại. Việc bị phát giác, Ông bị bắt giam vào ngục Trấn Phủ (ngày 7 tháng 9 Âm lịch), rồi chuyển đến ngục Thừa Thiên (21 tháng 1 Âm lịch năm Nhâm Dần, 1842). Suốt thời gian dài bị giam cầm, Ông thường bị nhục hình tra tấn. Nhưng khi án đưa lên, vua Thiệu Trị đã giảm cho Ông từ tội "trảm quyết" xuống tội "giảo giam hậu", tức được giam lại đợi lệnh. Ngoài tham gia quan trường, và tham gia khởi nghĩa, Ông còn tham gia sáng tác, Ông để lại hơn 1300 bài thơ và Ông còn là nhà thư pháp, được người đời tôn Ông là "Thánh Quát".</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
284.	Lạc Long Quân		<p>Lạc Long Quân (khoảng thế kỷ 8-7 TCN), là nhân vật truyền thuyết Việt Nam.</p> <p>Lạc Long Quân là con trai của Kinh Dương Vương, Ông được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước Văn Lang.</p> <p>Lạc Long Quân và Âu Cơ được xem là thủy tổ sinh ra dân tộc Việt Nam theo truyền thuyết "bọc trăm trứng". Lạc Long Quân có thể là danh hiệu truyền lại trong dã sử của một tù trưởng đã có công trong việc đi đến thống nhất các bộ tộc người Lạc Việt. Con trai Ông là tù trưởng bộ lạc Văn Lang đã thống nhất thành công 15 bộ lạc, thành lập nhà nước Văn Lang, xưng</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>hiệu Hùng Vương đời thứ nhất.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
285.	Lương Ngọc Quyến	Hà Nội	<p>Lương Ngọc Quyến (1885-1917), tên hiệu Lương Lập Nham, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, là một chí sĩ Việt Nam thời cận đại. Sinh thời, Ông sớm chịu ảnh hưởng tư tưởng canh tân của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu (Trung Quốc) rồi theo đuổi áp dụng ở Việt Nam.</p> <p>Ông hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật theo Phan Bội Châu, lập Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc, bị bắt giải về Việt Nam, giam ở nhà lao Thái Nguyên, Ông liên lạc với Đội Cấn, làm cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30/8/1917. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Ông hi sinh trong cuộc chiến.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
286.	Nguyễn Quyền	Bắc Ninh	<p>Nguyễn Quyền (1869-1941), hiệu là Đông Đường, quê tại làng Thượng Trì (tục gọi là làng Đìa), Thượng Mão, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, là một chí sĩ yêu nước Việt Nam thời cận đại. Ông là một trong những sáng lập viên của phong trào Đông Kinh nghĩa thực.</p> <p>Năm 1907, Ông từ quan rồi cùng với Lương Văn Can lập trường Đông kinh Nghĩa thực ở Hà Nội cổ động canh tân, học chữ Quốc ngữ. Lương Văn Can đứng tên làm hiệu trưởng trường còn Ông làm Giám học của trường này. Sau 9 tháng trường đã bị đóng cửa. Ngoài trường Đông Kinh, Nguyễn Quyền cũng là người đứng ra lập hãng Hồng Tân Hưng bán hàng công nghệ nội hoá với mục đích tự cường kinh tế và cạnh tranh với các hãng buôn ngoại quốc. Cái tên "Hồng Tân Hưng" là dịch ý "Hồng Lạc dấy lên" mà Ông áp ử. Năm 1908 nhân xảy ra vụ Hà Thành đầu độc thực dân Pháp lấy cớ đó bắt đóng cửa trường Đông Kinh và Ông bị bắt giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), kết án khổ sai chung thân rồi đem đày ra Côn Đảo.</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Ông là một trong những sáng lập viên của phong trào Đông Kinh nghĩa thực...Do Ông từng đỗ Tú tài khoa Tân Mão năm 1891, được bổ làm Huấn đạo tỉnh Lạng Sơn, nên người đương thời thường gọi Ông là Huấn Quyền.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
287.	Thi Sách	Hà Nội	<p>Thi Sách (?-39, thế kỷ I), là người huyện Chu Diên, quận Giao Chỉ thuộc phía Đông Hà Nội, nay thuộc vùng giáp ranh giữa các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên.</p> <p>Thi Sách là chồng Bà Trưng Trắc. Ông là người chống lại sự đô hộ tàn bạo của nhà Đông Hán, bị Thái thú Tô Định giết hại. Hai chị em Bà Trưng đã tiếp tục sự nghiệp cứu nước sau khi Ông mất.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn</i></p>	Đ
288.	Lê Sao	Thanh Hóa	<p>Lê Sao (? – 1452), quê ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thiếu bảo dưới thời Lê sơ.</p> <p>Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị cho đến khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Ông luôn sát cánh cùng Lê Lợi chăm lo mọi việc. Lê Sao còn tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ và thu được nhiều thắng lợi. Sau khi lên ngôi hoàng đế Lê Lợi xét công phong thưởng “Lê Sao được cử làm Ninh Dương hầu và phong tước Vinh Quận công”. Năm 1428, Ông được vua Lê Thái Tổ cử giữ chức Đại tri phủ Hóa Châu, trấn khải tướng quân ở cửa biển Tư Dung, Ông được nhà vua tin tưởng tuyệt đối, đồng thời thấy được vai trò quan trọng của Ông đối với vương triều Hậu Lê.</p>	
289.	Lê Sát	Thanh Hóa	<p>Lê Sát (? – 1437), quê ở làng Bi Ngũ (Lam Sơn), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.</p>	

STT	Tên danh	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Lê Sát tham gia khởi nghĩa ngay từ những ngày đầu. Năm 1420 chỉ huy đánh quân Minh ở Quan Du, chém hơn 1000 địch. Năm 1424 cùng Đinh Lễ, Phạm Vấn đánh trận Khả Lưu, chém tướng địch là Hoàng Thành, bắt sống Chu Kiệt. Năm 1427, cùng Lưu Nhân Chú chém Liễu Thăng ở ải Chi Lăng.</p> <p>Năm 1428, Lê Sát được phong Kiểm hiệu tư khấu. Năm 1429, ban biên ngạch công thần được xếp hàng thứ 2, tước huyện thượng hầu. Năm 1443, được phong hàm đại tư đồ. Năm 1434 được giữ tể tướng, đứng đầu triều Lê Thái Tông. Năm 1484, Lê Thánh Tông truy tặng Lê Sát chức Thái Bảo Cảnh quốc công.</p>	
290.	Võ Thị Sáu	Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Võ Thị Sáu (1933 -1952), quê tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, <i>là một nữ du kích trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, người nhiều lần thực hiện các cuộc mưu sát nhắm vào các sĩ quan Pháp và những người Việt cộng tác đặc lực với chính quyền thực dân Pháp tại miền Nam Việt Nam.</i></p> <p>Mười bốn tuổi đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1950, bị sa vào tay địch, suốt gần ba năm chị bị giam cầm, tra tấn dã man, dụ dỗ ngon ngọt, bị đày ra Côn Đảo nhưng thực dân Pháp vẫn không moi được một lời khai, chị đã bị xử bắn tại Côn Đảo ngày 23/1/1952. Chị được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p><i>Tên chị đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn, TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ, P
291.	Nhữ Bá Sĩ	Thanh Hóa	<p>Nhữ Bá Sĩ (1788 – 1867), quê ở làng Cát, xã Cát Xuyên, nay là Hoàng Cát, Hoàng Hóa, Thanh Hóa, <i>là lang trung, giáo thụ, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, sĩ phu yêu nước thời Nguyễn.</i></p> <p>Năm 1821, đỗ Hương cống, năm sau (1822) thi Hội, trúng Tam Trường; đã từng làm tri huyện Tiên Lữ (1827) rồi được bổ hàm Hình bộ viên ngoại lang. Năm 1883, đi sứ bộ sang Quảng Đông (Trung Quốc), rồi về nước làm ở Viện Đô Sát và lần lượt làm các chức</p>	P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Huân đạo An Lão (1834), Giáo thụ Hoài Đức (1836). Khi về quê (Thanh Hóa) dâng sớ "Tây bất khả hòa dương tam sách" lên triều đình nhưng không được chấp nhận.</p> <p>Ông chính là một học giả Nho học lớn ở nước ta về nhiều lĩnh vực văn, sử, địa, triết học với nhiều tác phẩm nổi tiếng như: Thanh Hóa tỉnh chí (3 tập); Đại học đồ thuyết; Thái cực đồ thuyết; Dịch học giải thuyết, Việt hành tạp thảo; Nghi am biệt lục; Đạm Trai thi tập; Phi điều nguyên âm, Nghi An hàm tương; Nghi Am học thức; Việt sử tam bách vinh; Vĩnh Tự bát pháp; Hà phòng ngũ thuyết và Văn bia Ngọ Xá (viết về Lý Thường Kiệt ở đền Lý Thường Kiệt, nay là xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung)...</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
292.	Ngô Thì Sĩ	Hà Nội	<p>Ngô Thì Sĩ (1726-1780), tự Thế Lộc, hiệu Ngô Phong, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ, sinh tại làng Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ XVIII tại Việt Nam.</p> <p>Năm 1756, nhân đỗ đầu một kỳ thi tuyển người, Ngô Thì Sĩ trở thành một thành viên trong Văn ban của phủ chúa Trịnh, được giao trách nhiệm soạn thảo giấy tờ, và làm Tùỳ giảng cho con chúa là Thế tử Trịnh Sâm. Năm 1761, Ông được sai làm "bạn tiếp" tiếp sứ nhà Thanh sang sắc phong và điều tang Lê Ý Tông. Năm 1763, Ông được cử làm Cấp sự trung công khoa. Năm 1764, Ông làm Giám sát ngự sử đạo Sơn Tây, rồi Đốc đồng Thái Nguyên (1765). Năm Bình Tuất (1766), đời Cảnh Hưng, Ông thi đỗ Hoàng giáp, năm sau (1767), được thăng Đông các hiệu thư rồi đổi làm Hiến sát sứ Thanh Hoa (tức Thanh Hóa). Khi ở đây, Ông khai thác núi Bàn A dựng chòi xem sóng biển và lập hội <i>Quan lan sào</i>, tự mình làm hội trưởng. Năm 1769, Ông được về triều; năm sau (1770), làm Tham chính Nghệ An. Ông được Phan Huy Chú đánh</p>	Đ

STT	Tên chương	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
			<p>giá là người có "học vấn sâu rộng, văn chương hùng vĩ, làm rạng rỡ cho tông phái Nho gia, là một đại gia ở Nam Châu".</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
293.	Trương Hán Siêu	Ninh Bình	<p>Trương Hán Siêu (?-1355), quê huyện Yên Ninh (nay là Tp Ninh Bình), tỉnh Ninh Bình, là một vị quan, một Danh nhân văn hóa đời Trần.</p> <p>Kiệt tác văn chương nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của Ông là bài <i>Bạch Đằng giang phú</i> - một áng thiên cổ hùng văn rất được lưu truyền...</p> <p>Trương Hán Siêu được Trần Hưng Đạo nuôi dưỡng và tiến cử, sau làm tới chức Hành khiển, Tả Tham tri Chính sự; trở thành nhà văn, nhà chính trị nổi tiếng thời Trần, là tác giả Hoàng Triều đại điển, Bạch Đằng Giang Phú ...</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa và TX Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
294.	Nguyễn Văn Siêu	Hà Nội	<p>Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), Người làng Kim Lũ nay là xã Đại Kim, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Đại Kim quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội), là nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở thế kỷ XIX.</p> <p>Nguyễn Siêu, làm án sát sứ Hưng Yên, rồi về dạy học, lập trường Phương Đình. Ông giỏi văn chương, học rộng, được người đời gọi là Thần Siêu, cùng với Thánh Quát (Cao Bá Quát) là bạn, nổi tiếng thời ấy. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị và có công tạo đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút, ở đây còn nhiều những câu đối và đại tự do Ông viết.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
295.	Nguyễn Nhữ Soạn	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Nhữ Soạn (1391- 1448), tên húy là Soạn, tên tự là Thủy Trung, tên hiệu là Huyền Đức, quê huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nam đạo Hành khiển dưới thời Lê sơ.</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Nguyễn Nhữ Soạn đi theo nghĩa quân của nhóm Đinh Lễ, Lý Sát được cử cùng Ngô Sĩ Liên vào ban thư ký chuyên soạn thảo công văn cho nhóm khởi nghĩa. Năm 1418, khi nhóm Đinh Lễ, Lý Sát gia nhập nhóm khởi nghĩa Lam Sơn, đứng dưới cờ Lê Lợi, Nguyễn Nhữ Soạn và Ngô Sĩ Liên tiếp tục làm nhiệm vụ thư ký. Về sau Ông chuyển sang Võ quan, lập nhiều công lớn được ban tặng quốc tính của vua, được phong Á hầu, không bị giết lây trong vụ án Lê Chi Viên và khi mất được nhà Lê truy tặng tước Quận công.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
296.	Trần Xuân Soạn	Thanh Hóa	<p>Trần Xuân Soạn (1849- 1923), người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, là <i>Đề đốc thời Nguyễn, lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.</i></p> <p>Đầu tháng 4 năm 1885, thời vua Hàm Nghi, Ông cùng Tôn Thất Thuyết đánh Pháp đóng ở đồn Mang Cá trong trận Kinh thành Huế.</p> <p>Sau khi thất bại, Ông lãnh nhiệm vụ tổ chức phong trào Cần Vương kháng Pháp ở Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn, một ngôi trường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P, CTC C
297.	Ngô Văn Sở	Hà Tĩnh	<p>Ngô Văn Sở (?-1794), quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là <i>một danh tướng của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.</i></p> <p>Năm 1787 ra Thăng Long diệt Trịnh, được Nguyễn Huệ giao trấn giữ Bắc Hà. Năm 1788, Ông cùng Ngô Thị Nhậm thực hiện kế hoạch lui quân về Tam Điệp - Biện Sơn lập phòng tuyến để giải phóng Thăng Long năm 1789. Ông từng đi sứ sang triều Thanh trong đoàn phái bộ Quang Trung “giả” năm 1790. Vì gièm pha, Ông bị chìm chết dưới sông Hương thời vua Quang Toản.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ,P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tên tắt lý lịch	Đã đặt
298.	Lê Hồng Sơn	Nghệ An	<p>Lê Hồng Sơn (1899 - 1933), tên thật Lê Văn Phan, quê làng Xuân Hồ, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà Cách mạng chống Pháp,</p> <p>Lê Hồng Sơn là người hỗ trợ cho Phạm Hồng Thái trong kế hoạch mưu sát toàn quyền Đông dương Merlin. Năm 1920, Ông tham gia vào Việt Nam Quang phục Hội và được Phan Bội Châu cử sang Nhật gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Năm 1923 Lê Hồng Sơn cùng với một số đồng chí như Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lâm Đức Thụ... thành lập Tâm Tâm Xã. Năm 1924, Ông là người hỗ trợ cho Phạm Hồng Thái ám sát toàn quyền Pháp Merlin ở khách sạn Victoria, Sa Diện, Quảng Châu, nhưng mưu sát không thành.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
299.	Nguyễn Sơn	Hà Nội	<p>Nguyễn Sơn (1908-1956), tên thật là Vũ Nguyên Bác, quê tại làng Kiều Kỵ, huyện Gia Lâm, Hà Nội, là một trong những người được phong quân hàm tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam đợt đầu tiên vào năm 1948.</p> <p>Năm 1925, Ông theo Nguyễn Công Thu đến Quảng Châu. Ông được nhập vào gia đình họ Lý của Lý Thụy (tức Hồ Chí Minh), gồm Lý Tổng (Phạm Văn Đồng), Lý Tự Trọng, Lý Quý (Trần Phú), Lý Trí Phương (Nguyễn Thị Minh Khai) và một số người khác. Ông được Hồ Chí Minh đặt tên cho là Lý Anh Tự và được học lớp chính trị khóa hai cùng Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan. Tại đây, Vũ Nguyên Bác gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đầu năm 1926, Ông được cử đi học Trường Sĩ quan Hoàng Phố cùng với Lê Hồng Phong, Phùng Chí Kiên, Lê Thiết Hùng. Trong thời gian học, Ông gia nhập Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Ông cũng được Trung Quốc phong quân hàm tướng vào năm 1955 nên còn được gọi là Lương quốc tướng quân (<i>Tướng quân hai nước</i>).</p> <p><i>Tên của Ông đặt cho một con đường tại TP Thanh</i></p>	Đ, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<i>Hóa và ngôi trường THPT huyện Nông Cống.</i>	
300.	Lý Quốc Sư	Ninh Bình	<p>Lý Quốc Sư (1065-1141), tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê xã Đàm Xá, phủ Trảng An (nay là làng Diên Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình, Ông là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử,</p> <p>Lý Quốc Sư được xem là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Nam và được tôn vinh là Ông tổ nghề đúc đồng. Vì có nhiều công lớn chữa bệnh cho vua và nhân dân mà Ông cùng với Trần Hưng Đạo là những nhân vật lịch sử có thật, sau này được người Việt tôn sùng là đức thánh Nguyễn, đức thánh Trần. Một số ghi chép xưa xếp Ông là vị thánh trong Tứ bất tử.</p>	
301.	Nguyễn Mậu Tài	Hà Nội	<p>Nguyễn Mậu Tài (1616 – 1688), quê ở Hà Nội.</p> <p>Năm 31 tuổi (1646), Ông đỗ đồng Tiến sĩ đời Lê Chân Tông. Trong niên hiệu Dương Đức (1672-1673) đời Lê Gia Tông, Ông làm Đô ngự sử, lĩnh tước An Lĩnh nam. Ông được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc cống nhà Minh, khi về được thăng làm Thượng thư bộ Hình, lên tước tử, sau đó sang làm Thượng thư bộ Binh.</p> <p>Năm 1676 đời Lê Hy Tông, Ông cùng Thượng thư bộ Công là Hồ Sĩ Dương vào làm Tham tụng trong phủ chúa. Ít lâu sau Ông sang làm Thượng thư bộ Lễ, giữ chức Tế tướng trong 6 năm, được mọi người khen là không có lầm lỗi. Năm 1682, Ông làm tham chính ở Thanh Hóa, bị Nguyễn Văn Đương (là thông gia và cùng cánh với Hồ Sĩ Dương) tố cáo là kết bè cánh nên bị cách chức Tế tướng, giáng làm Tả Thị lang Bộ Hộ.</p> <p>Năm 1685, Ông lên làm Thượng thư bộ Công, sau đó lại vào phủ chúa làm Tham tụng, tước An Lĩnh bá. Lúc đó vì tuổi cao, Nguyễn Mậu Tài xin nghỉ hưu. Chúa Trịnh Căn có ban cho Ông 5 chữ "Kỳ cựu trấn nhĩ tục", nghĩa là "Tuổi già làm quan lâu, làm gương cho người nhĩ, kẻ tục" và cố giữ Ông lại không cho về. Năm 1688, Ông mất, Triều đình truy tặng Ông là Thượng thư bộ Lễ, hàm Thiếu bảo.</p>	

STT	Tên tiếng	Quốc quan	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
302.	Lê Văn Tám		<p>Lê Văn Tám (?-?), là tên của một Thiếu niên anh hùng trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương của Pháp ở Việt Nam.</p> <p>Lê Văn Tám mang bên mình chiến tích nổi bật là đã cầm tử châm lửa để phá hủy một kho đạn của quân Pháp. Sau chiến tranh, hình ảnh Lê Văn Tám được coi là một biểu tượng anh hùng Cách mạng, được nhắc tới cho đến tận ngày nay trong sách giáo khoa để các em thiếu nhi học tập tấm gương của một thiếu niên anh hùng dân tộc, đã xả thân vì nghiệp lớn giải phóng dân tộc.</p> <p><i>Tên anh hùng Lê Văn Tám đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn, tên một con phố ở Tp. Sầm Sơn và ngôi trường Tiểu học tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ, P, CTCC
303.	Duy Tân	Thanh Hóa	<p>Duy Tân (1900-1945), tên thật là Nguyễn Phúc Vĩnh San, quê Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Hoàng đế thứ 11 của nhà Nguyễn, ở ngôi từ năm 1907 đến năm 1916), sau vua Thành Thái.</p> <p>Khi vua cha bị thực dân Pháp lưu đày, Ông được người Pháp đưa lên ngôi khi còn thơ ấu. Tuy nhiên, Ông dần dần khẳng định thái độ bất hợp tác với Pháp. Năm 1916, lúc ở Âu châu có cuộc Đại chiến, Ông bí mật liên lạc với các lãnh tụ Việt Nam Quang Phục Hội như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Ông dự định khởi nghĩa. Dự định thất bại và Duy Tân bị bắt ngày 6 tháng 5 và đến ngày 3 tháng 11 năm 1916 Ông bị đem an trí trên đảo Réunion ở Ấn Độ Dương. Trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) Ông gia nhập quân Đồng Minh chống phát xít Đức. Ngày 26 tháng 12 năm 1945, Ông mất vì tai nạn máy bay ở Cộng hoà Trung Phi, hưởng dương 45 tuổi.</p> <p>Ngày 24 tháng 4 năm 1987, thi hài Ông được đưa từ đảo Réunion về Việt Nam, rồi đưa về an táng tại Lăng Dục Đức, Huế cạnh lăng mộ vua cha Thành Thái. Ông không có miếu hiệu.</p>	
304.	Tổng Duy Tân	Thanh Hóa	<p>Tổng Duy Tân (1837-1892), người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Lộc, nay là thôn Bồng Trung (cũng gọi là Đông Biện), xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh</p>	Đ, P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Hóa, là Tri phủ, Thừa biện bộ Hình thời nhà Nguyễn và lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) trong phong trào Cần Vương.</p> <p>Ông đỗ Cử nhân năm 35 tuổi, khoa Canh Ngọ, niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1870), tại trường thi Thanh Hóa. Năm 39 tuổi, Ông đỗ đồng Tiến sĩ khoa Ất Hợi, niên hiệu Tự Đức thứ 28 (1875). Ban đầu nhận chức Tri phủ Vĩnh Tường, sau làm Đốc học Thanh Hóa, Ông chuyển sang chức Thượng biện tỉnh vụ, Chánh sứ sơn phòng Thanh Hóa.</p> <p>Ông là lãnh tụ của phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa, bị giặc Pháp hành hình.</p> <p>Tên Ông được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, Tp. Sầm Sơn, huyện Hà Trung; đặt tên ngôi trường PTTH của huyện Vĩnh Lộc.</p>	
305.	Đào Tấn	Bình Định	<p>Đào Tấn (1845-1907), tên thật là Đào Đăng Tấn, quê thôn Vinh Thạnh, tổng Thời Tú, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay thuộc thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) thuộc dòng dõi Đào Duy Từ, là nhà soạn Tuồng nổi tiếng ở Việt Nam.</p> <p>Ông là vị quan thanh liêm thời nhà Nguyễn, năm 1874, Ông được bổ nhiệm tri phủ Quảng Trạch sau thăng chức lên Phủ doãn Thừa Thiên. Làm quan suốt 3 triều, từ Tự Đức đến Thành Thái (1871 - 1904), Ông kinh qua các chức vụ Tham biện, Tổng đốc An Tĩnh, Tổng đốc Nam Ngãi, Thượng thư Bộ Hình, Thượng thư Bộ Binh, Thượng thư Bộ Công, quan hàm nhất phẩm, được phong Hiệp biện Đại học sĩ, tước Vinh Quang tử. Năm 1904 vì chống đối với đại thần Nguyễn Thân, Ông bị cách chức rồi lui về quê nhà ở ẩn.</p> <p>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</p>	Đ, P
306.	Lê Trọng Tấn	Hà Nội	<p>Lê Trọng Tấn (1914-1986), quê ở xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức, nay thuộc quận Hà Đông, Hà Nội, Ông là đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam</p> <p>Ông tham gia khởi nghĩa ở Hà Đông. Trong kháng</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đ
			<p>chiến chống Pháp từng chỉ huy Khu 14, Liên khu 10, giải phóng Đông Khê, Biên giới, Điện Biên Phủ. Hiệu trưởng trường Sĩ quan Lục quân, Thiếu tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng. Năm 1974, vào Nam là Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang miền Nam, tham gia chỉ huy giải phóng Huế - Đà Nẵng, Tư lệnh cánh quân phía Đông giải phóng Sài Gòn. Năm 1984 là Đại tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng, Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TX. Bim Sơn.</i></p>	
307.	Lý Tử Tấn	Hà Nội	<p>Lý Tử Tấn (1378-1457), quê làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (nay thuộc xã Tân Minh, huyện Thường Tín, Hà Nội), là nhà thơ, làm quan thời Lê sơ, đến Học sĩ viện Hàn lâm các, trải 3 đời vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông</p> <p>Năm 1400, Ông thi đỗ Thái học sinh lúc 32 tuổi, cùng khoa với Nguyễn Trãi, thời Hồ Quý Ly, nhưng không làm quan cho nhà Hồ. Vào khoảng cuối cuộc kháng chiến chống Minh của nghĩa quân Lam Sơn, Ông đến yết kiến nơi hành tại, được khen là người học nhiều, sai giữ chức Văn cáo tức là làm nhiệm vụ thảo công văn, giấy tờ, thư tín... Sau đó, Ông tiếp tục làm quan dưới triều nhà Lê, trải qua ba đời vua: Lê Thái Tổ (1428- 1433), Lê Thái Tông (1434-1442), Lê Nhân Tông (1443-1459), qua các chức: Thông phụng đại phu, Hành khiển Bắc đạo, Thừa chỉ viện Hàn lâm, vào hầu giảng ở tòa Kinh Diên. Trong 5 bài phú Ông sáng tác, nổi tiếng nhất là bài Phú Xương Giang, ca ngợi chiến thắng Xương Giang ngày 3/11/1427 của nghĩa quân Lam Sơn: tiêu diệt 7 vạn quân Minh và bắt sống các tướng nhà Minh là Thôi Tụ, Hoàng Phúc... Ngoài ra, Ông cũng có làm lời thông luận cho bộ “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi; hiệu chỉnh và phê điểm trong bộ “Việt âm thi tập”.</p>	
308.	Hà Huy Tập	Hà Tĩnh	<p>Hà Huy Tập (1906 -1941), quê làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà cách mạng Việt Nam. Ông được ghi nhận là Tổng Bí thư thứ ba của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Ông là con thứ hai trong gia đình 5 anh em. Tham gia Cách mạng từ năm 1927, Ủy viên Trung ương Đảng rồi Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương từ tháng 7/1936 (Ông là Tổng Bí thư thứ 3 của Đảng Cộng sản Việt Nam).</p> <p>Tháng 3/1938, Ông bị Pháp bắt giam. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại (11/1940), Ông bị Pháp bắt lần thứ hai, buộc tội âm mưu khởi nghĩa, chúng xử bắn Ông và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng như Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... ngày 28/8/1941 tại Bà Điểm.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn, Tp. Sầm Sơn.</i></p>	
309.	Đặng Tất	Hà Tĩnh	<p>Đặng Tất (?-1409), quê ở Hà Tĩnh, là một trong những vị quan được Hồ Quý Ly tin cậy, phong tới chức Đại tri châu Hóa.</p> <p>Sau khi nhà Hồ bị quân Minh lật đổ, vùng đất do Đặng Tất trấn giữ một mặt phải lo đối phó với quân Minh, mặt khác phải lo đánh lại quân Chiêm Thành thừa cơ “đục nước, béo cò” muốn đánh chiếm. Bị kẹp giữa hai kẻ địch, Đặng Tất quyết định hàng quân Minh để ngăn quân Chiêm Bắc tiến, được Trương Phụ cho giữ chức Đại tri châu Hoá châu như cũ. Đặng Tất dồn sức chống Chiêm Thành phía Nam. Quân Chiêm không đánh nổi phải rút về. Sau đó, nghe tin có Trần Ngỗi là tôn thất nhà Trần xưng đế ở Mộ Độ (nay thuộc Yên Mô, Ninh Bình), lấy hiệu là Giản Định Đế, lập ra nhà Hậu Trần, khởi binh đánh lại giặc Minh, Đặng Tất bèn giết hết quan lại nhà Minh ở châu Hóa, di chuyển quân lương ra Nghệ An để phò giúp Giản Định Đế trong công cuộc chống Minh.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con phố ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
310.	Lê Thạch	Thanh Hóa	<p>Lê Thạch (? – 1421), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là xã Xuân Lam và</p>	P

STT	Tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đại
			<p>thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, là Thiết Kỵ vệ Thứ thủ thời Lê sơ.</i></p> <p>Khi Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa, Lê Thạch cùng người trong gia đình, dòng họ đã hưởng ứng, chiêu mộ anh hùng hào kiệt về Lam Sơn tụ nghĩa. Ông được cử làm tướng chỉ huy quân tiên phong cùng các tướng xông ra trận.</p> <p>Là vị tướng tài giỏi, sẵn sàng xả thân vì nước, trận nào Ông cũng xông vào giặc lập được nhiều công lớn. Năm 1428, kết thúc chiến tranh, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, truy phong Ông là Nhập nội Kiểm hiệu Thái úy Bình chương quân quốc trọng sự, tước Trung Vũ đại vương, xếp vào hạng công thần bậc nhất được thờ tại nhà tâm miếu.</p> <p>Năm 1440, đời vua Thái Tông tặng là Lương quận Trung Vũ vương. Năm 1454, đời vua Nhân Tông gia tặng là Quận công trung dũng Anh nghị Chân Hiến đại vương. Năm Hồng Đức thứ 18 (1487) tặng là Lương quốc công, gia thụy Chân Hiến túc vương.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
311.	Nguyễn Cơ Thạch	Nam Định	<p>Nguyễn Cơ Thạch (1921-1998), tên thật là Phạm Văn Cương, quê xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là <i>nhà chính trị, nhà ngoại giao. Ông nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ), nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của CHXHCN Việt Nam.</i></p> <p>Năm 17 tuổi, Ông đã tham gia Thanh niên dân chủ và thanh niên phản đế. Năm 1940 bị Pháp bắt giam ở nhà lao Nam Định, Sơn La, Hòa Bình. Năm 1943, trong nhà tù Sơn La, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cách mạng tháng Tám năm 1945 tham gia cướp chính quyền ở phủ Nghĩa Hưng và huyện Vụ Bản rồi làm Bí thư cho đồng chí Võ Nguyên Giáp ở Bộ quốc phòng. Trong kháng chiến chống Pháp làm Bí thư Đảng ủy các cơ quan bộ quốc phòng.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Từ năm 1954, Ông chuyển sang làm công tác ngoại giao, làm Chánh văn phòng Bộ Ngoại giao. Từ năm 1986, là Ủy viên Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, được tặng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh.	
312.	Phạm Ngọc Thạch	Bình Thuận	<p>Phạm Ngọc Thạch (1909-1968), người Phan Thiết (Bình Thuận), là bác sĩ, giáo sư, Anh hùng Lao động; tốt nghiệp trường Đại học y khoa ở Pháp (1934).</p> <p>Năm 1936, Ông là hội viên duy nhất ở Đông Dương của Hội nghiên cứu về bệnh lao của Pháp. Đầu năm 1941, chủ động liên hệ với Đảng Cộng sản và sôi nổi tham gia phong trào Cách mạng; tham gia phong trào Mặt trận Bình dân, khởi nghĩa tháng Tám được cử vào Ủy ban nhân dân Cách mạng Sài Gòn.</p> <p>Sau năm 1954 ra Bắc, làm Bộ trưởng Y tế (1958), Viện trưởng Viện chống lao, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Tác giả của vắc-xin BCG nổi tiếng. Để có thực tế phục vụ chiến trường, năm 1968, Ông trở về Nam và mất trong vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ vì bệnh sốt rét ác tính ngày 07/11/1968. Phạm Ngọc Thạch có nhiều công trình nghiên cứu chuyên môn có giá trị về bệnh lao. Các luận văn viết bằng tiếng nước ngoài của Ông đã được đăng trên nhiều kỷ yếu ở Bucarest (1961), New Delhi (1957), Moscou (1958) và Paris (1968).</p> <p><i>Tên Ông đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
313.	Thành Thái	Thanh Hóa	<p>Thành Thái (1879- 1954), quê gốc tại Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Vua thứ mười của triều Nguyễn.</p> <p>Ngày 2 tháng 2 năm 1889 Bửu Lân lên ngôi lấy hiệu là Thành Thái. Khi đó Bửu Lân mới 10 tuổi. Triều Thành Thái khác các triều trước ở chỗ lễ đăng quang không có Truyền quốc bửu tỷ ấn ngọc</p> <p>Thành Thái được đánh giá là người cầu tiến, yêu nước và chống Pháp. Khác với những vị vua trước đây, Ông học chữ Nho, học tiếng Pháp và cũng cho cả con cái của mình cùng theo học chữ Pháp. Không nói</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Sự nghiệp	Đã liệt
			<p>ra, nhưng rõ ràng ý định của Ông là học chữ Pháp để có thể giao tiếp với những người này với tinh thần chống Pháp. Thành Thái dần dần bộc lộ tinh thần dân tộc rất cao. Do chống Pháp nên Ông, cùng với các vua Hàm Nghi và Duy Tân, là 3 vị vua yêu nước trong lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc bị đi đày tại ngoại quốc. Ông không có miếu hiệu.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
314.	Phạm Hồng Thái	Nghệ An	<p>Phạm Hồng Thái (1884-1924), tên thật là Phạm Thành Tích hoặc Phạm Đài, người làng Do Nha, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là một nhà hoạt động trong Phong trào Đông Du và là người đặt bom ám sát toàn quyền Đông Dương Martial Merlin vào năm 1924.</p> <p>Ông từng làm thợ nhà máy xe lửa Tràng Thi và nhà máy Diêm Bến Thủy. Ông cùng với một nhóm thanh niên có tâm huyết theo Vương Thúc Oánh (thành viên Việt Nam Quang phục Hội) vượt biên qua Xiêm (Thái Lan) rồi sang Quảng Châu (Trung Quốc) khoảng cuối năm 1918. Tháng 4 năm 1924, Ông gia nhập Tâm Tâm Xã do Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn thành lập. Nhóm này chủ trương bạo động. Ông tham gia ám sát toàn quyền Đông Dương Martial Henri Merlin khi đến thăm Quảng Châu và bị bắt nên nhảy xuống dòng Châu Giang và hy sinh khi chỉ mới 28 tuổi. Sự kiện này được nêu tên gọi "Tiếng bom Sa Diện" (đôi khi nhầm lẫn thành Sa Điện), đã làm chấn động thời sự trong vùng. Mộ Ông chôn ở Hoàng Hoa Cương cùng với các chiến sĩ Trung Hoa hy sinh trong Cách mạng Tân Hợi (1911).</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn.</i></p>	Đ, P
315.	Hoàng Hoa Thám	Hưng Yên	<p>Hoàng Hoa Thám (1845-1913), thường gọi là Đê Thám, tên thật là Trương Nghĩa, quê Tiên Lữ, Hưng Yên nhưng sinh tại Sơn Tây, là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp (1885-1913).</p>	Đ, P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế năm 1887, lập căn cứ ở Bắc Giang, chống Pháp dai dẳng 26 năm. Pháp không diệt nổi phải đình chiến thương lượng mấy lần, sau bị sát hại ở vùng rừng Yên Thế. Ông là một anh hùng nông dân yêu nước, có tinh thần bất khuất, kiên cường trong lịch sử cận đại. Cụ Phan Bội Châu tôn Ông là Chân tướng quân (Tướng quân chân chính). Đề Thám đã trở thành thần tượng một thời trong lòng mến mộ của nhân dân.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn, TP. Sầm Sơn, tên con phố ở huyện Hà Trung và tên công trình công cộng ở tp. Thanh Hóa.</i></p>	
316.	Cao Thắng	Hà Tĩnh	<p>Cao Thắng (1864-1893), quê ở làng Yên Đức, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, là một trợ thủ đắc lực của Phan Đình Phùng, và là một chỉ huy xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong lịch sử Việt Nam ở cuối thế kỷ 19.</p> <p>Ông tham gia khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng chỉ huy năm 1885; Ông hy sinh trong một trận đánh đồn Pháp ở Thanh Chương (Nghệ An). Ông được cụ Phan Đình Phùng tin cậy giao trách nhiệm chỉ huy quân sự. Nhờ có Cao Thắng, nghĩa quân trưởng thành nhanh chóng, mở rộng địa bàn, thanh thế vang dội ở 4 tỉnh miền Trung. Đặc biệt, Cao Thắng đã tìm mọi cách chế tạo được súng trường để trang bị cho nghĩa quân. Súng của Cao Thắng chế tạo làm cho các sĩ quan Pháp và kỹ sư Âu châu phải kinh ngạc, vì nó chỉ là kết quả của sự mày mò, bắt chước của những người thợ rèn Nghệ Tĩnh, không có máy móc và tri thức khoa học hiện đại.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn, huyện Hà Trung.</i></p>	Đ, P
317.	Tôn Đức Thắng	An Giang	<p>Tôn Đức Thắng (1888 -1980), còn có bí danh Thoại Sơn, thường gọi là Bác Tôn, quê Cù lao Ông Hổ, làng Mỹ Hoà Hưng, tổng Định Thành, hạt Long Xuyên (nay thuộc xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang), là một nhà Cách mạng, chính</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quan	Tóm tắt lý lịch	Đ
			<p><i>khách của Việt Nam.</i></p> <p>Sau khi kế nhiệm Hồ Chí Minh, Ông trở thành Chủ tịch nước thứ 2 và cuối cùng của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời là Chủ tịch nước đầu tiên của chính thể Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Trưởng ban Thường trực Quốc hội Việt Nam (1955-1960) - tương đương với Chủ tịch Quốc hội bây giờ. Ông đã được nhận Giải thưởng Hoà Bình quốc tế, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Lênin.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bim Sơn.</i></p>	
318.	Nguyễn Chí Thanh	Thừa Thiên Huế	<p>Nguyễn Chí Thanh (1914-1967), tên thật là Nguyễn Vịnh quê ở làng Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, <i>là một tướng lĩnh Quân đội Nhân dân Việt Nam.</i></p> <p>Ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1937, từng làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, đại biểu dự Hội nghị Tân Trào (1945), được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy Bình - Trị - Thiên, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Phó Bí thư Tổng Quân ủy, Ủy viên Bộ chính trị. Năm 1959, được phong Đại tướng, từ 1960 là Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng, phụ trách Ban Nông nghiệp của Đảng. Chống Mỹ, Ông trở lại quân đội, làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Ông là một tướng lĩnh có nhiều công lao trong xây dựng quân đội. Ông từng công tác ở nhiều lĩnh vực chính trị khác nhau và đều có khả năng phát triển lĩnh vực đó nên còn được gọi là "vị tướng phong trào". Ông cũng là người đề ra chiến thuật đánh áp sát của Quân Giải phóng miền Nam với phương châm "Nắm thắt lưng địch mà đánh. Ông có thời gian chỉ đạo hoạt động phong trào Cách mạng ở Thanh Hóa thời kỳ chống Pháp, Mỹ.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
319.	Lê Thành	Thanh Hóa	<p>Lê Thành (? - 1426), người làng Đình Hương, xã Đông Khê, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (nay là xã</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>Đông Cương, thành phố Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Thái úy thời Lê sơ.</p> <p>Ông là một trong những người hăng hái tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ buổi đầu, được Lê Lợi tin dùng giao nhiều trọng trách và trở thành một trong những vị tướng tiên phong trong các trận chiến đấu chống quân Minh xâm lược. Năm 1418, khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, Ông đã cùng với các tướng sĩ, quân lính đánh tan đội quân Minh do Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ chỉ huy tấn công nghĩa quân ở Trịnh Cao, Chí Linh (nay thuộc xã Giao An, Trí Nang, huyện Lang Chánh), với chiến thắng này Ông được Lê Lợi phong “Trung nghị đại phu Thiêm tước bá”. Năm 1422 sau khi đập tan quân Minh khi chúng đánh vào sách Quan Du (Quan Hóa ngày nay), Ông được phong “Câu kiểm vệ tướng quân”. Với nhiều công lớn sau này, Ông được phong là “Câu kiểm Tổng quản, Thượng tướng quân.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
320.	Hoàng Đạo Thành	Hà Nội	<p>Hoàng Đạo Thành (?-1908), tên thật là Cung Đạo Thành, hiệu Cúc Lữ quê ở làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay là quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, là một sử gia Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và là một chí sĩ hoạt động trong Phong trào Duy Tân.</p> <p>Ông là cha của nhà văn hóa Hoàng Đạo Thúy. Ông đỗ Cử nhân, ra làm giáo thụ ở các huyện rồi làm tri huyện, tri phủ và thượng tá tỉnh Bắc Ninh. Ông tham gia phong trào Duy Tân, viết nhiều sách lịch sử và Danh nhân: Đại Nam hành nghĩa liệt nữ truyện, Việt sử tứ tự.</p> <p>Tác phẩm nổi bật nhất của Ông là bộ Việt sử Tân ước Toàn biên (2 quyển) do Ông biên soạn là một bộ lược sử Việt Nam, soạn cho các học sinh tiểu học. Việt sử tân ước toàn biên chép theo niên kỷ từ đời nọ đến đời kia, chỉ chép các sự việc lớn, gọn và rõ. Sách chép từ Hùng vương đến hết triều Lê</p>	

STT	Họ tên	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặt
321.	Lý Đạo Thành	Bắc Ninh	<p>Lý Đạo Thành (?-1081), quê làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), là quan <i>Tể tướng, đại thần phụ chính</i> dưới hai triều vua nhà Lý là Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông.</p> <p>Ông là Thái sư triều Lý Thánh Tông (1054-1072) tính tình cương trực, có tài tổ chức, góp phần giúp Lý Thường Kiệt đánh thắng quân Tống xâm lược. Ông nổi tiếng trung thực vì dân vì nước.</p> <p><i>Tên Ông đã được lấy đặt tên một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
322.	Ngọ Tư Thành	Thanh Hóa	<p>Ngọ Tư Thành (Thế kỷ XI), quê ở trang Chân Lữ, huyện An Định, phủ Thiệu Thiên (nay thuộc làng Tân Ngũ, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Nội giám</i> thời Lý.</p> <p>Năm 18 tuổi, Ngọ Tư Thành nổi tiếng là người thông minh, am hiểu thời thế, tiếng đồn lan tới tận kinh đô nhà Lý. Khi vua Lý Thánh Tông lên ngôi năm 1204, vì nghe tiếng nên đã cho triệu Ông vào triều báii yết. Nhà vua tỏ ra rất hài lòng trước dung nhan, tướng mạo và sự đối đáp trôi chảy, thông minh đúng như đồn đại nên đã giao cho Ông trọng trách làm chức quan Nội giám ở trong triều.</p> <p>Ông làm quan hai triều vua Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông và Trong 30 năm làm quan, Ngọ Tư Thành hết lòng phụng sự nhà Lý, góp phần làm ổn định triều chính. Về già, Ông xin vua được về quê sinh sống. Được vua ban cho đất lộc rất hậu, Ông đã hiến phần lớn cho nhân dân Chân Lữ làm đất canh tác, còn lại mới dành vào việc xây dựng nhà ở, từ đường và trang trại. Khi Ông mất, dân Chân Lữ đã đem táng Ông ở khu đất hình con rùa ở trang trại và dựng ngôi miếu thờ ngay nơi ở cũ của Ông để hương khói ngày đêm. Từ đó về sau, Ông được suy tôn là Thành hoàng làng Chân Lữ.</p>	
323.	Tô Hiến Thành	Hà Nội	<p>Tô Hiến Thành (?-1179), quê quán làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (nay thuộc TP. Hà Nội), là <i>quan đại thần phụ chính</i> nhà Lý, <i>phụng sự</i> hai triều vua: Lý Anh</p>	Đ, P, CTCC

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p><i>Tông và Lý Cao Tông. Ông là viên quan văn võ song toàn, nổi tiếng là công minh chính trực, được vua phong tước vương mặc dù không phải tôn thất nhà Lý.</i></p> <p>Ông được phong Thái úy năm 1159, Ông giỏi cả văn, võ, từng chỉ huy quân dẹp loạn và bôn xâm lấn ở biên giới phía Tây, phía Nam. Ông là người trung trực, thanh liêm nổi tiếng, có công khai phá vùng Tống Sơn - Nga Sơn (Thanh Hóa). Ông là người sùng mộ Nho học, chú trọng văn hóa, cương trực, biết dùng người. Tô Hiến Thành được đề cập lần đầu trong sử sách do vai trò của Ông trong việc bình định nổi loạn Thân Lợi.^[4] Năm 1140, Thân Lợi tự xưng là con trai Lý Nhân Tông và nổi loạn chống vua Lý Anh Tông ở khu vực phía Bắc (nay là Thái Nguyên). Sự nghiệp làm tướng võ của Tô Hiến Thành chủ yếu là dưới thời trị vì của vua Lý Anh Tông. Tiếp nối gương của Thái úy Lý Thường Kiệt, Thái úy Tô Hiến Thành đã cùng vua Lý Anh Tông đi dẹp loạn các nơi, mở mang bờ cõi thêm về phía Tây bắc.</p> <p>Sự nghiệp làm quan văn của Ông cũng hiển hách không kém, nhưng phần lớn công lao lại tập trung ở giai đoạn cuối đời, khi Ông trở thành đại thần phụ chính tài năng và đức độ cuối cùng của nhà Lý. Ở giai đoạn trước đó, công lao lớn nhất của Ông là việc Ông tổ chức khai hoang lấn biển các vùng ven biển thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hóa và Hà Tĩnh ngày nay. Cuối đời Ông làm đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái Phó bình Chương quân Quốc trọng sự (tể tướng). Sau khi Ông mất, Thanh Hóa có 72 nơi thờ tự Ông.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt cho một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn và trường PTHH tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	
324.	Lê Thân	Thanh Hóa	<p>Lê Thân (1253– 1340), quê huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh hóa, là Đại hành khiển, tước Luật quân công thời Trần.</p> <p>Lê Thân sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống về học hành khoa bảng. Từ bé Ông đã nổi tiếng là thần đồng, học đâu biết đấy, đọc một hiểu mười.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đặc biệt
			<p>Đến tuổi 18, Ông tham gia kỳ thi Hương và đậu Cử nhân, năm 1299, Lê Thân thi đậu Bảng nhãn, với chức quan ở hàng Tứ phẩm. Lê Thân nổi tiếng là vị quan thanh liêm chính trực. Dưới triều vua Trần Dụ Tông, Lê Thân được triệu về kinh đô nhậm chức Hàn lâm viện biên tu hình luật. Khi trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi mất, Lê Thân được thăng chức Đại hành khiển. Ông cùng với các bậc đại thần khác bắt đầu biên soạn bộ Hình luật cho triều đình, được vua Trần đánh giá cao, ban cho Ông tước Luật quân công và cấp cho lộc điền, lụa là, gấm vóc. Khi già, thấy sức khỏe không thể gánh vác được trọng trách, Ông xin về quê an dưỡng tại quê nhà được nhân dân kính trọng gọi là "Quan già Luật". Khi mất, vua Trần cho quan về làm lễ quốc tế và phong Ông làm phúc thần của làng Vĩnh Duyên, nhân dân quanh vùng Cổ Định đã quyên góp tiền xây dựng miếu thờ Ông.</p>	
325.	Lê Thận	Thanh Hóa	<p>Lê Thận (? – 1448), hay còn gọi là Nguyễn Thận, quê ở Mục Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tư mã dưới thời Lê sơ.</p> <p>Nguyễn Thận kết bạn với Lê Lợi từ trẻ, cùng chung chí hướng, trong danh sách Hội thề Lũng Nhai, Nguyễn Thận đứng thứ ba. Trong khởi nghĩa Lam Sơn, Ông giữ chức Thứ thủ kỵ binh trong quân Thiết đột. Ông là người luôn đi sát bảo vệ Lê Lợi. Khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, xét thành tích của công thần, Ông được xếp hạng thứ hai, phong là Á hầu. Đời vua Lê Thái Tông, Ông giữ chức Nhập nội Thiếu úy, sau đổi sang Tham tri Bắc đạo. Khi Lê Sát bị tội, Ông được cử làm Tư mã, sau coi việc từ tụng (xét xử việc kiện cáo). Năm 1446, vua Lê Nhân Tông sai Nguyễn Thận cùng Nguyễn Xí đi đánh Chiêm Thành. Năm 1448, vua về Lam Kinh, Ông ở lại Kinh sư coi sóc mọi việc. Tháng 7 năm 1448 Ông mất, được ban tước Huyện thượng hầu. Đời Hồng Đức, được truy tặng Thái Phó, tước Hoàng Quận Công.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
326.	Nguyễn Thị Thập	Tiền Giang	<p>Nguyễn Thị Thập (1908-1996), quê xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang), là một nhà Cách mạng nữ Việt Nam.</p> <p>Từ năm 20 tuổi, Bà đã giác ngộ lý tưởng cách mạng, tham gia tổ chức Nông hội ở quê nhà. Năm 1931, Bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau đó thoát ly hoạt động phong trào, xây dựng cơ sở ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Sài Gòn.</p> <p>Tháng 4 năm 1935, Bà được bầu vào Xứ ủy Nam Kỳ. Tháng 5 năm 1935, Bà bị Pháp bắt, bị kết án tù. Hết hạn tù, Bà về quê bí mật tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1940, bà ở trong Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại tỉnh Mỹ Tho. Năm 1945, Bà tham gia lãnh đạo giành chính quyền tại tỉnh Mỹ Tho. Năm 1946, bà được bầu là Đại biểu Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.</p> <p>Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, Bà được chỉ định là Bí thư Đảng đoàn phụ nữ Nam Bộ, là Hội trưởng Phụ nữ Nam Bộ. Sau khi tập kết ra miền Bắc (1954), Bà được bầu là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974). Năm 1955, Bà được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu (năm 1980).</p> <p>Bà cũng là phụ nữ đầu tiên được nhà nước Việt Nam trao tặng Huân chương Sao Vàng vào năm 1985.</p> <p><i>Tên Bà đặt một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
327.	Lê Văn Thiêm	Hà Tĩnh	<p>Lê Văn Thiêm (1918-1991), sinh tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là người Việt đầu tiên đỗ Tiến sĩ toán ở Pháp và làm giáo sư toán ở Đại học Zurich, Thụy Sĩ.</p> <p>Ông về nước tham gia kháng chiến ở Việt Bắc lập trường Khoa học cơ bản, trường Sư phạm cao cấp và là Hiệu trưởng hai trường này. Từ 1957 - 1970, Ông là Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, kiêm chủ nhiệm khoa Toán. Viện trưởng Viện Toán học. Ông là tác giả của trên 30 công trình khoa học về toán lý được trong nước và quốc tế công nhận, Ông</p>	

STT	Tên di tích	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>còn là đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Khoa học Nhà nước, Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.</p>	
328.	Nguyễn Thiện	Nghệ An	<p>Nguyễn Thiện (?-?), quê ở Trang Nguyên Xá, Huyện Thiên Phúc, Trấn Nghệ An (nay là xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An).</p> <p>Ông có tư chất thông minh, văn võ toàn tài, làm quan đến chức Huyện lệnh huyện Yên Mô, Ninh Bình. Vào năm Hồng Đức Nguyên niên (tức vào năm 1470), giặc Chiêm xâm lược Vua Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh dẹp; Ông theo Vua đi đánh giặc, bắt sống được nhiều tướng sĩ của quân Chiêm Thành.</p> <p>Sau chiến thắng, Ông được nhà Vua phong chức “Bình Di Đại Tướng Quân, Ấn Trưởng Ngũ Đạo Quân”. Sau Ông được phong đất ở Cửa Đồi chiêu nạp dân binh. Khi Ông mất, dân làng Cửa Đồi tôn Thần là Thành Hoàng làng (Người có công lập làng) hàng năm thờ cúng.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt một con đường tại thị xã Bim Sơn.</i></p>	Đ
329.	Lương Khánh Thiện	Hà Nam	<p>Lương Khánh Thiện (1903-1941), quê ở làng Mễ Tràng, xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, là nhà hoạt động chính trị, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Ông hoạt động trong phong trào công nhân nhà máy sợi Nam Định, cảng Hải Phòng, vào Đảng Cộng sản, bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Trở về Hà Nội tiếp tục hoạt động, chỉ đạo cuộc bãi công ở Nhà Máy Xe lửa Gia Lâm (1938), được cử vào Xứ ủy Bắc Kỳ, Bí thư Thành ủy Hải Phòng và phụ trách các tỉnh ven biển, vùng mỏ, sau bị địch bắt, kết án tử hình và hành quyết tại Kiến An.</p>	
330.	Nguyễn Thiếp	Hà Tĩnh	<p>Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở Cương Gián (Nghi Xuân, Hà Tĩnh), là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Năm 1743, Ông thi đỗ và được bổ làm quan huân đạo, tri phủ. Tuy nhiên, Ông chỉ làm quan được ít lâu</p>	Đ, P

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>rồi cáo quan về ở ẩn tại núi Thiên Nhẫn. Trong thời gian ở ẩn, Ông chuyên tâm nghiên cứu lý học và nổi tiếng là một người có trình độ uyên bác. Khi Quang Trung lên ngôi sai người đến mời Ông ra phò tá. Chính Ông là người đã vạch ra cho Quang Trung chiến lược Bắc tiến thần tốc tiêu diệt đại quân của nhà Thanh. Sau khi đất nước thống nhất, Ông được giao làm ở Viện Sùng Chính. Ông chủ trương cải cách nền giáo dục và nhấn mạnh việc giáo dục đạo đức. Sau khi vua Quang Trung mất Ông lại tiếp tục phò tá Cảnh Thịnh nhưng không ngăn cản được sự sụp đổ của nhà Tây Sơn. Vì vậy, Ông cáo quan về ở ẩn và từ đó không tham gia chốn quan trường mặc dù vua Gia Long đã nhiều lần mời gọi.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	
331.	Nguyễn Gia Thiều	Bắc Ninh	<p>Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), tức Ôn Như Hầu, quê làng Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), là một nhà thơ thời Lê Hiến Tông. Ông là tác giả Cung oán ngâm khúc, tác phẩm nổi tiếng của văn học Việt Nam.</p> <p>Ông sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, từ bé học trong phủ chúa Trịnh, thông minh, hiểu nhiều ngành nghệ thuật... 18 tuổi làm Hiệu úy rồi thăng Tổng binh, trấn thủ Hưng Hóa, được phong tước hầu. Tây Sơn thống nhất đất nước, Ông về làng ẩn dật rồi mất. Tác giả Cung oán ngâm khúc nổi tiếng.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bỉm Sơn.</i></p>	Đ, P
332.	Lê Đức Thọ	Nam Định	<p>Lê Đức Thọ (1911 - 1990), quê thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nay là xã Nam Vân (TP Nam Định), là chính khách trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông từng giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, phụ trách nhân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt một thời kỳ dài 1956-1982.</p> <p>Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Ông từng</p>	P

Số	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>được trao tặng giải Nobel Hòa Bình cùng Henry Kissinger vào năm 1973 nhưng Ông đã từ chối, với lý do hòa bình chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên cho một con phố tại thị xã Bim Sơn</i></p>	
333.	Nguyễn Hữu Thọ	Long An	<p>Nguyễn Hữu Thọ (1910-1996), quê huyện Bến Lức, tỉnh Long An, là một luật sư, chính khách trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Năm 1930, học luật ở Paris, 1948 tham gia Mặt trận Liên Việt, 1949 được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Những năm 1950, Ông hoạt động tích cực trong phong trào trí thức phản đối sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương, bị địch bắt giam 02 lần (1950-1952 và 1954). Được tự do, Ông hoạt động trong phong trào đòi hòa bình thống nhất đất nước. Năm 1960, Ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.</p> <p>Tổ quốc thống nhất, Ông là đại biểu Quốc hội, Phó chủ tịch Hội đồng nhà nước, Quyền Chủ tịch nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ là một trí thức lớn, giàu lòng yêu nước, hoạt động Cách mạng liên tục 50 năm.</p>	
334.	Thiều Thôn	Thanh Hóa	<p>Thiều Thôn (1326- 1380), người xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Thượng tướng quân, Thượng tể kiêm Trưởng Kim Ngô vệ thời Trần.</i></p> <p>Thiều Thôn là người có tư chất thông minh, đọc thông kinh sử hơn cả các nho sinh. Tuy tuổi thiếu niên mà lời nói đã anh hùng chí khí. Lớn lên, Ông theo đường "cung kiếm" dốc lòng giúp vua Trần Dụ Tông dẹp giặc, giữ yên bờ cõi, sau được bổ dụng làm quan, trong quá trình làm quan Ông nổi tiếng là thanh liêm, công danh trù thiên hạ, trung dũng khắp triều đình. Những năm cuối đời vua Trần Dụ Tông, dài biên</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>cương phía Bắc và phía Nam Đại Việt bị ngoại xâm lấn le xâm chiếm, hạn hán, lũ lụt mất mùa, bọ giặc nổi dậy như ong, Thiệu Thôn vâng mệnh vua, dẫn quan vào phía Nam, lên phía Bắc dẹp được nội loạn, đánh tan giặc xâm lấn ở biên thùy. Ông đã tỏ rõ là bậc dũng tướng, công lao trăm trận.</p> <p>Vua Trần Dụ Tông mến tài, phong cho Ông là Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng tể kiêm Trưởng Kim Ngô vệ và gả công chúa thứ hai là Trần Thị Ngọc Chiêu cho Ông. Năm 1365, Thiệu Thôn được cử làm Phòng ngự xứ Lạng Giang, thống lĩnh quân, đóng ở Đông Bình, thời gian này tình hình miền biên giới được yên ổn, ít bị trộm cướp. Ông làm quan ở miền biên giới cho đến khi mất, sau khi Ông mất, vua Trần ban sắc phong là "Thượng đẳng Phúc thần Đại vương", cho phép dân địa phương lập đền thờ, tế lễ theo "Điển phép nhà nước".</p>	
335.	Nguyễn Thông	Long An	<p>Nguyễn Thông (1827-1884), tự là Hi Phần, hiệu Kỳ Xuyên, biệt hiệu Đôn Am, sinh ở thôn Bình Thạnh, phủ Tân An, nay là xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, là <i>quan nhà Nguyễn và là danh sĩ Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ 19.</i></p> <p>Đỗ Cử nhân (năm 1849), bắt đầu giữ chức Huân đạo, huyện Phú Phong, trải qua nhiều lần thăng giáng, đến năm 1882, được thăng Hồng lô Tự khanh cho tới khi mất. Đối với ngành giáo dục, Nguyễn Thông đã có nhiều gấn bó. Ông đã làm Huân đạo, đốc học ở nhiều nơi, đã chủ trì việc dời mộ Võ Trường Toản ra khỏi vùng bị địch chiếm.</p>	
336.	Đào Đức Thông	Thanh Hóa	<p>Đào Đức Thông (1921 – 1947), quê Thanh Hóa, là kỹ sư nông học, Ủy viên BCH TW Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông là hiệu trưởng Trường Đào Đức Thông.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên cho một con phố tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	P
337.	Nguyễn Thu	Thanh Hóa	<p>Nguyễn Thu (1799-1855), quê ở Hương Khê (nay thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Bố chính và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn.</i></p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	T
			<p>Ông xuất thân từ một dòng họ khoa bảng nổi tiếng: tổ 4 đời là Nguyễn Hiệu, Tiến sĩ (1700), tước Nông quận công, Ông nội là Nguyễn Hoãn, Tiến sĩ (1743), tước Hoàn quận công. Hai cha con đều đỗ Hội nguyên, đều làm Tham tụng cấp Tể tướng. Ông viết: Việt thi lục biên (bổ sung công trình Toàn Việt thi lục của Lê Quý Đôn); Kinh môn phủ chí; Thanh Hà địa chí. Ông đã chủ trì việc lập đền thờ Chu Văn An và viết cuốn Phụng Sơn từ chí lược. Ông cũng là nhà sử học đã soạn các sách Sử cục loại biên (1833), Thiên Nam tiệp chú ngoại kí sử lược (1848) và cuốn Lê Quý kí sự. Ngoài ra, Ông còn có tập thơ Tinh Thiều tùy bút gồm 239 bài thơ.</p> <p>Ông là người soạn 17 bộ sách, viết cuốn "<i>Lê Quý Ký sự</i>". Ông đỗ Cử nhân năm 1821, giữ chức Biên tu ở Quốc sử quán, sau thăng thị giảng học sĩ, rồi làm Án sát Hải Dương. Năm 1848, Ông được cử làm Phó sứ sang Bắc Kinh, khi về được bổ Thị lang bộ lại, sau lần lượt làm Bố chính ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và mất khi đang tại chức năm 1855.</p>	
338.	Lê Thụ	Thanh Hóa	<p>Lê Thụ (?-1460), quê ở làng Lam Sơn, nay là thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ.</p> <p>Năm 1426, Lê Lợi thân đốc đại quân ra Đông Đô, sai các tướng chia quân đi đánh các thành của giặc Minh. Lê Thụ cùng Nguyễn Lý, Lý Triệu đánh thành Xương Giang. Năm 1427, Lê Thụ cùng Lưu Nhân Chú, Đinh Liệt...đánh ải Chi Lăng, chém tướng giặc là Liễu Thăng cùng hơn một vạn tên giặc. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua định hạng công cho các tướng chỉ huy và binh sĩ, gồm 221 người, trong đó Lê Thụ vào hàng thứ hai được ban quốc tính, làm Trung lượng đại phủ tả Bổng thân vệ tướng quân, tước Thượng trí tự. Năm 1429 được ban tước Huyện Hầu, năm 1435 được phong hàm Nhập nội thiếu úy Tổng quản Tiền dục thành quân.</p>	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			Năm 1442, sau khi Lê Thái Tông mất, Ông cùng Nguyễn Xí, Đinh Liệt tôn hoàng thái tử Bang Cơ mới 2 tuổi lên ngôi vua. Năm 1443 được tiên phong nhập nội đô đốc Bình chương sự. Năm 1446 đem quân đi đánh chiêm thành, hạ thành, Chà Bàn, bắt sống vua chiêm là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc, thu giữ ngựa voi, quân khí cùng các tướng sĩ đầu hàng. Sau sự kiện này, Lê Thụ được thăng hàm Thái úy.	
339.	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	<p>Hoàng Văn Thụ (1909-1944), quê xóm Phạc Lạng, xã Nhân Lý, châu Diêm He, huyện Văn Uyên (nay thuộc xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng) tỉnh Lạng Sơn, là nhà lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, người có đóng góp lớn vào phong trào Cách mạng Việt Nam và là nhà thơ Cách mạng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p> <p>Ông là người dân tộc Tày, là nhà lãnh đạo cao cấp của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, người có đóng góp lớn vào phong trào Cách mạng Việt Nam và là nhà thơ Cách mạng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p> <p>Tham gia Cách mạng từ năm 1927, đại biểu dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Thường vụ Trung ương Đảng, những hoạt động của Hoàng Văn Thụ rất đa dạng. Ông rất giàu kinh nghiệm đối với công tác tuyên truyền trong công nhân, binh sĩ. Ông là chủ bút các tờ báo bí mật như: Tranh Đấu, Lao Động nhằm phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng cho đồng bào miền núi. Năm 1943 Ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kiên cường bất khuất, bị chúng kết án tử hình. Ngày 24/5/1944, chúng xử bắn Ông tại trường bắn Tương Mai.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
340.	Trịnh Duy Thuân	Thanh Hóa	Trịnh Duy Thuân (?- 1548), quê ở Thủy Tú (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Thượng tướng quân thời Lê Trung hưng.	

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt tiểu sử	Đã đặt
			Là cháu công thân An Quốc công Trịnh Khắc Phục, được phong Ly Quốc công, trấn giữ Thanh Hóa (1522) khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527), Ông là người bảo vệ, che chở hoàng tử Lê Duy Ninh và cùng với chiêu huân công Nguyễn Kim sắm sửa binh lương, chiêu tập hào kiệt mở đầu cuộc Trung hưng nhà Lê, việc chưa thành, Ông mất năm 1548.	
341.	Nguyễn Đức Thuận	Nam Định	<p>Nguyễn Đức Thuận (1916-1985), tên thật là Bùi Phong Tư, quê làng Bản Ngũ, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là nhà Cách mạng Việt Nam.</p> <p>Ông nguyên là Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đại biểu Quốc hội Việt Nam từ khóa IV đến khóa VII. Ông là tác giả cuốn <i>Bát khuất</i>, một cuốn tự truyện từng gây tiếng vang ở miền Bắc về "sức chịu đựng kỳ diệu của một người chiến sĩ", suốt 8 năm bị tra tấn dã man vẫn không khuất phục..." Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang năm 2008.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt một con đường tại TP. Thanh Hóa.</i></p>	Đ
342.	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên	<p>Nguyễn Thiện Thuật (1844-1926), tên tự là Mạnh Hiếu, còn gọi là Tán, quê làng Xuân Dục huyện Đường Hào (nay là làng Xuân Đào xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX.</p> <p>Ông là con cả của một gia đình nhà nho nghèo, thuộc dòng họ hậu duệ của Nguyễn Trãi, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX.</p> <p><i>Tên Ông đã được đặt tên một con đường, phố tại TP. Thanh Hóa và TX. Bim Sơn.</i></p>	Đ, P
343.	Lê Viết Thuật	Nghệ An	<p>Lê Viết Thuật (1902 - ?), quê phố Đệ Thập (nay là phường Bến Thủy), thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.</p> <p>Năm 14 tuổi, Ông theo người lớn vào làm thợ trong Nhà máy Diêm. Hàng ngày chứng kiến cảnh lao</p>	Đ

STT	Tên dùng	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>động khổ cực và thân thể bị dày vò bởi đòn roi của chủ Nhà máy Diêm, anh vô cùng căm tức và anh bắt đầu giác ngộ được ý thức giai cấp và dân tộc. Sau khi Hội Phục Việt ra đời, Lê Viết Thuật được kết nạp vào Hội và là Hội viên của tổ chức Công hội.</p> <p><i>Tên Ông được đặt tên cho một con đường tại TP. Sầm Sơn.</i></p>	
344.	Xuân Thủy	Hà Nội	<p>Xuân Thủy (1912-1985), tên thật là Nguyễn Trọng Nhâm, quê ở thôn Hòa Thị, tổng Phương Canh, huyện Hoài Đức cũ, thuộc tỉnh Hà Đông cũ (nay là phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội), là một nhà hoạt động chính trị, một nhà ngoại giao, nhà thơ và nhà báo Việt Nam. Ông từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của CHXHCN Việt Nam.</p> <p>Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1932. Ông làm Chủ nhiệm tờ <i>Cứu Quốc</i> một thời gian dài (1944-1955). Ông từng là Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1968-1973) tại Hội nghị Paris.</p> <p>Ông vừa là một nhà hoạt động chính trị, một nhà ngoại giao, nhà thơ và nhà báo Việt Nam, từng giữ các chức vụ Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam tại Hội nghị Paris, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư kí Hội đồng Nhà nước, Phó Chủ tịch QH; Ông là nhà thơ, để lại các tác phẩm Đường xuân, Thơ Xuân Thủy... tác phẩm cuối cùng của Ông là tập hồi ký Những chặng đường báo Cứu quốc.</p>	
345.	Hàn Thuyên	Bắc Ninh	<p>Hàn Thuyên (1229-?), tên thật là Nguyễn Thuyên, quê Lai Hạ, huyện Thanh Lâm, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay là xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, làm tới chức Thượng thư Bộ Hình dưới thời Trần Nhân Tông.</p> <p>Ông đỗ Thái học sinh năm 1247, làm tới Thượng thư Bộ hình. Nổi tiếng nhờ bài Văn tế cá sấu thời Trần, viết bằng chữ Nôm. Hàn Thuyên giỏi thơ Nôm. Ông được xem là người phát triển, phổ biến chữ Nôm</p>	Đ, P

STT	Tên ông	Quê quán	Tóm tắt lý lịch	Đã đặt
			<p>của Việt Nam. Ông là người đầu tiên dùng luật thơ Đường vào thơ Nôm, nên đời sau gọi thơ Nôm theo Đường luật là Hàn luật.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường, phố ở TP. Thanh Hóa và TX. Bìn Sơn.</i></p>	
346.	Tôn Thất Thuyết	Huế	<p>Tôn Thất Thuyết (1839 – 1913), quê ở Huế, là quan phụ chính đại thần, nhiếp chính dưới triều Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Hàm Nghi của triều đại nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Ông là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương. Năm 1869, Ông giữ chức Án sát tỉnh Hải Dương. Tháng 7/1870, được sang làm biện lý Bộ Hộ và sau đó giữ chức Tán tương quân vụ giúp Tổng thống quân vụ đại thần Hoàng Tá Viêm "dẹp loạn" ở các tỉnh phía Bắc.</p> <p>Sau chiến dịch này, Tôn Thất Thuyết được phong chức "Quang lộc tự khanh" và làm Tán lý quân thứ Thái Nguyên. Tháng 12/1870, Ông chỉ huy đánh dẹp nhóm Đặng Chí Hùng ở Thái Nguyên, đánh tan quân Tàu Ô ở Hải Dương (1872); đánh thắng toán giặc khách ở Quảng Yên tháng 8/1872; tháng 12/1873 Ông cùng Hoàng Tá Viêm phục binh tại Cầu Giấy (Hà Nội) giết chết viên chỉ huy quân sự trong đợt thực dân Pháp tiến đánh miền Bắc lần thứ nhất là đại úy Francis Garnier. Ông từng giữ chức Tuần vũ tỉnh Sơn Tây kiêm Tham tán đại thần; Hiệp đốc quân vụ Đại thần; Thượng thư Bộ Binh. Năm 1883, Tôn Thất Thuyết được cử vào Cơ mật viện. Ngày 19/7/1883, trước khi băng hà, vua Tự Đức chọn Tôn Thất Thuyết làm Đệ tam phụ chính đại thần cùng với Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành để giúp Dục Đức kế vị ngôi vua. Ông có thời kỳ chỉ đạo phòng trào Cần Vương ở Thanh Hóa.</p> <p><i>Tên Ông đã được dùng để đặt tên một con đường ở TX. Bìn Sơn.</i></p>	Đ
347.	Phạm Phú Thứ	Quảng Nam	<p>Phạm Phú Thứ (1820-1883), còn gọi là Phú Thứ, quê làng Đông Bàn, huyện Diên Phước, nay thuộc xã</p>	P